GUSTAVE LE BON

TÂM LÍ HỌC ĐÁM ĐÔNG



NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

TÂM LÍ HỌC ĐÁM ĐÔNG

Nguyên tác: *La psychologie des foules* - Felix Alcan - Neuvième édition – 1905.

GUSTAVE LE BON

TÂM LÍ HỌC ĐÁM ĐÔNG

LA PSYCHOLOGIE DES FOULES - 1895

Nguyễn Xuân Khánh *dịch*

Bùi Văn Nam Sơn *hiệu đính*

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

Cuốn sách này được dịch và xuất bản
trong chương trình
Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới
với sự hỗ trợ về tài chính của
QUỸ DỊCH THUẬT VIỆT NAM
53 Nguyễn Du, Hà Nội
Tel: (84-4) 9454 662; Fax: (84-4) 9454 660

LỜI GIỚI THIỆU

Gustave Le Bon (1841 - 1931) là nhà tâm lí học xã hội nổi tiếng người Pháp với lí thuyết về đám đông. Ông viết về nhiều lĩnh vực và có ảnh hưởng rất lớn trong xã hội Pháp đương thời. Những tác phẩm nền tảng nhất của Le Bon là *Quy luật tâm lí về sự phát triển của các dân tộc* (Les Lois psychologiques de l'évolution des peuples, 1894), *Cách mạng Pháp và tâm lí học về các cuộc cách mạng* (La Révolution française et la psychologie des révolutions, 1912) và *Tâm lí học đám đông* (La Psychologie des foules, 1895). Các tác phẩm khác của Le Bon bao gồm: *Tâm lí học về chủ nghĩa xã hội* (Psychologie du socialisme, 1898), *Bài học tâm lí từ cuộc chiến tranh châu Âu* (Enseignements psychologiques de la guerre Européenne, 1915), *Tâm lí học thời đại mới* (La psychologie des temps nouveaux, 1920) và *Một thế giới mất cân bằng* (Le déséquilibre du monde, 1924)...

Le Bon tập trung nghiên cứu về tính cách và tinh thần của các dân tộc, những ưu thế và quá trình phát triển của các chủng tộc. Ông đặt lên hàng đầu khái niệm *vô thức tập thể* mà chính Freud đã thừa nhận vai trò của nó đối với các

nghiên cứu về phân tâm học của mình. Le Bon cho rằng con người được xác định bởi những nhân tố sinh học và tâm lí học. Trong những quy luật lớn thường xuyên chỉ đạo sự tiến triển chung của mỗi nền văn minh, "những cái phổ biến nhất, khó quy giản nhất sinh ra từ cấu tạo tinh thần của những chủng tộc" (*Quy luật tâm lí về sự phát triển của các dân tộc*). Thực ra, mỗi dân tộc "đều có một cấu tạo tinh thần cố định như tính chất giải phẫu học của nó" (*sách đã dẫn*), được biểu hiện trong "tâm hồn" nó. Tất cả các thể chế, niềm tin, mọi nghệ thuật của một dân tộc, chỉ là "mạng lưới hữu hình trong tâm hồn vô hình của nó". Chủng tộc cũng núp bóng trong mỗi cá nhân cấu thành một dân tộc; nó chi phối mọi hành động, mọi ham muốn, mọi xung năng của anh ta, nó tạo nên vô thức tập thể của anh ta.

Trong khi đó, thời đại của Le Bon đã chứng kiến bản chất di truyền của chủng tộc bị lung lay với sự lớn mạnh của đám đông và những bất ổn về chính trị, xã hội. Ông đã trải nghiệm qua Công xã Paris năm 1871 và nghiên cứu rất kỹ về cuộc Cách mạng Pháp năm 1789 và 1848. Những trải nghiệm ấy mang lại kinh nghiệm thực tiễn cho việc hình thành tư tưởng về đám đông của ông. Tư tưởng ấy được thể hiện rõ rệt nhất trong tác phẩm *Tâm lí học đám đông*.

Theo Le Bon, những đám đông luôn bị vô thức tác động, họ xử sự như người nguyên thuỷ, người dã man, không có khả năng suy nghĩ, suy luận, mà chỉ cảm nhận bằng hình ảnh, bằng sự liên kết các ý tưởng; họ không kiên định, thất thường, và đi từ trạng thái nhiệt tình cuồng loạn nhất đến ngây dại ngớ ngẩn nhất. Vả lại, do thể tạng của mình, những đám đông ấy cần có một thủ lĩnh, một người cầm đầu, kẻ có thể dẫn dắt họ và cho bản năng của họ một ý nghĩa. "Những người cầm đầu hiện nay càng có khuynh hướng thay thế quyền lực công thì quyền lực công càng bị chất vấn và suy yếu đi. Sự bạo ngược của những ông chủ mới này làm đám đông ngoan ngoãn vâng lời họ hơn cả khi họ đã từng vâng lời chính quyền" (*Tâm lí học đám đông*, tr.179). Vậy nên, thời hiện đại được định tính bằng sự lên ngôi của những đám đông được người cầm đầu dẫn dắt. Và trong thời đại hỗn loạn và lo âu ấy, bằng việc đánh mất lí tưởng của mình, chủng tộc đã đánh mất tâm hồn mình và lại trở thành đám đông. "Nền văn minh chẳng có sự cố định nào, bị phó mặc cho mọi ngẫu nhiên. Bọn tiện nhân thành bà hoàng và những kẻ dã man tiến lên" (*Tâm lí học đám đông*, tr.303).

Ngày nay, lí thuyết của Le Bon vẫn chịu một số chỉ trích. Ông được coi là người đặt nền móng cho chủ nghĩa quốc gia hiện đại. Nhưng dù thế

nào đi nữa thì Le Bon cũng chỉ là "con đẻ" của thời đại ông. Nỗi lo sợ về nạn bạo lực, sự hoành hành, chứng khủng bố của những đám đông thể hiện rất rõ trong lí thuyết của ông. Ông dường như đã quá phóng đại về nguy cơ bạo lực và sự vô lí của đám đông. Tuy vậy, cuốn sách này thực sự là tác phẩm quan trọng và có ảnh hưởng lớn tới tư tưởng thời đại của Le Bon nói chung cũng như tâm lí học hiện đại nói riêng. Dù tán thành hay phản đối, dù đôi chỗ Le Bon có phần cực đoan, và những quan điểm, luận thuyết của ông còn phải tranh luận, nhưng NXB Tri Thức cũng xin mạnh dạn giới thiệu tác phẩm của Le Bon với độc giả Việt Nam như một cái nhìn tham khảo. Hơn nữa, việc xem xét, tìm hiểu nhiều học thuyết trên thế giới, thậm chí trái ngược, mâu thuẫn với nhau thiết nghĩ là điều rất hữu ích cho các sinh hoạt tri thức của Việt Nam, làm đa dạng hoá và phong phú thêm tri thức của người Việt Nam. Trên tinh thần đó, chúng tôi sẽ tiếp tục cho ra mắt bản dịch cuốn *Trí tuệ đám đông* (The Wisdom of Crowds), một trong những cuốn sách bán chạy nhất năm 2005, mang một cái nhìn khác với cái nhìn của Le Bon về đám đông, để độc giả có thêm thông tin khách quan về chủ đề này.

Trong khi đọc cuốn sách này, xin độc giả lưu ý rằng cụm từ *chủ nghĩa xã hội* (socialisme) mà Le Bon nhắc đến ở đây có hàm ý là ***chủ nghĩa xã hội***

không tưởng đã tồn tại từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX ở Tây Âu, chứ không đồng nghĩa với khái niệm ***chủ nghĩa xã hội khoa học*** của Marx và Engels mà Lenin đã vận dụng để xây dựng nên Liên bang Xô viết và trở thành nền tảng tư tưởng của phe xã hội chủ nghĩa được hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

Tháng 6/2006
NXB TRI THỨC

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Trong cuốn sách trước[1], tôi đã dành để mô tả tâm hồn của chủng tộc. Bây giờ, tôi sẽ nghiên cứu tâm hồn những đám đông.

Toàn thể những tính cách chung mà sự di truyền áp đặt cho mọi cá nhân của một chủng tộc, tạo thành tâm hồn của chủng tộc đó. Nhưng khi một số cá nhân này họp nhau lại thành đám đông để hành động, thì những quan sát chứng minh rằng chính sự sáp lại gần nhau của các cá nhân sẽ sinh ra một số tính cách tâm lí mới, chúng chồng lên những tính cách của chủng tộc, và đôi khi chúng khác biệt sâu sắc so với tính cách chủng tộc.

Những đám đông được tổ chức luôn có một vai trò đáng kể trong đời sống các dân tộc, nhưng vai trò ấy chưa bao giờ quan trọng như

---

[1] Le Bon muốn nhắc tới cuốn *Quy luật tâm lí về sự phát triển của các dân tộc* (Les lois psychologiques de l'évolution des peuples), được ông viết năm 1894.

ngày hôm nay. Hành động vô thức của những đám đông thay thế cho hoạt động có ý thức của các cá nhân là một trong những đặc điểm chính của thời hiện tại.

Tôi thử tiếp cận vấn đề khó khăn về đám đông theo các phương cách thuần tuý khoa học, nghĩa là cố gắng có một phương pháp và gạt sang bên những ý kiến, những lí thuyết và những chủ nghĩa. Tôi nghĩ, đó là cách duy nhất để đi tới phát hiện ra được vài mảng nhỏ chân lí, nhất là như ở đây, khi đó là một vấn đề dễ kích động những ý kiến dị biệt. Nhà bác học tìm cách nhận biết một hiện tượng, không cần bận tâm tới các lợi ích mà những ghi nhận của mình có thể đụng chạm. Trong một bài viết mới đây, một nhà tư tưởng nổi tiếng, ông Goblet d'Alviela, nhận xét rằng tôi không thuộc về một trường phái hiện đại nào, đôi khi tôi còn đứng ở phía đối nghịch với một số kết luận của tất cả các truòng phái này. Tôi hi vọng rằng công trình mới này sẽ tiếp tục xứng đáng với nhận xét ấy. Thuộc về một trường phái có nghĩa là nhất thiết gắn bó với những thành kiến và những thiên kiến của trường phái ấy.

Tuy nhiên, tôi cần phải giải thích cho độc giả biết tại sao từ các nghiên cứu, tôi lại rút ra những kết luận khác với những kết luận mà thoạt đầu người ta có thể tưởng chúng hàm chứa; chẳng

hạn nhận thấy một não trạng cực kì thấp kém của những đám đông, kể cả các hội đồng toàn người ưu tú, và tuy vậy lại tuyên bố rằng, mặc dù sự thấp kém ấy, cũng sẽ nguy hiểm nếu động chạm tới tổ chức của chúng.

Đó là vì sự quan sát thật chăm chú các sự kiện lịch sử luôn chỉ cho tôi thấy rằng những tổ chức xã hội cũng phức tạp như tổ chức của mọi sinh vật, chúng ta không có khả năng làm chúng đột nhiên phải chịu những biến đổi sâu sắc. Tự nhiên đôi khi cũng cần đến những biện pháp triệt để, nhưng không bao giờ theo ý của chúng ta; và điều ấy giải thích tại sao không có gì nguy hại cho một dân tộc bằng sự say cuồng những cải cách vĩ đại, dù rằng những cải cách ấy có vẻ tuyệt vời về mặt lí thuyết. Chúng chỉ có ích nếu như ta có thể thay đổi ngay tức thời tâm hồn những quốc gia. Thế mà, chỉ duy nhất thời gian mới có khả năng như vậy. Cái ngự trị con người chính là tư tưởng, tình cảm và tập tục, những điều nằm trong bản thân chúng ta. Còn các thể chế và luật pháp lại là sự biểu hiện của tâm hồn chúng ta, là sự biểu hiện những nhu cầu của nó. Thoát thai từ tâm hồn, những thể chế và luật pháp ắt sẽ không thể thay đổi tâm hồn ấy được.

Nghiên cứu những hiện tượng xã hội không thể tách khỏi việc nghiên cứu các dân tộc, nơi sản

sinh ra chúng. Về mặt triết học, những hiện tượng này có thể có một giá trị tuyệt đối, nhưng về mặt thực hành, chúng chỉ có giá trị tương đối mà thôi.

Vậy, khi nghiên cứu một hiện tượng xã hội, cần phải xem xét nó lần lượt dưới hai mặt rất khác nhau. Lúc đó, ta thấy rằng những bài học của lí trí thuần tuý thường rất trái ngược với bài học của lí trí thực tiễn. Hiếm có một dữ kiện nào, kể cả dữ kiện vật lí, mà sự phân biệt này không áp dụng vào được. Đứng ở góc độ chân lí tuyệt đối, một hình lập phương, một hình tròn là những hình hình học bất biến, được xác định chặt chẽ bằng một số công thức. Song, đứng ở góc độ mắt thường, những hình hình học này có thể mang các hình dáng rất khác nhau. Phép phối cảnh có thể biến một hình lập phương thành hình tháp hay hình vuông, có thể biến hình tròn thành hình elip hay đường thẳng; và việc xem xét những hình thức ảo này lại quan trọng hơn rất nhiều so với những hình thức thực, bởi vì chúng là những hình thức duy nhất được mắt ta nhìn thấy và môn nhiếp ảnh lẫn hội hoạ có thể tái tạo được. Cái phi thực, trong một số trường hợp, lại thật hơn là cái thực. Hình dung các đối tượng bằng những hình dáng hình học chính xác của chúng lại làm biến dạng tự

nhiên và khiến nó trở nên không thể nhận ra được. Nếu chúng ta giả định một thế giới mà cư dân của nó chỉ có thể sao chép hoặc chụp ảnh sự vật, mà không có khả năng sờ mó vào các sự vật ấy, thì họ sẽ rất khó có được một ý niệm chính xác về hình dáng của chúng. Sự nhận thức về hình thức này chỉ một số ít các nhà bác học là có thể đạt được, vả chăng nó chỉ cho thấy một lợi ích rất ít ỏi mà thôi.

Nhà triết học nghiên cứu những hiện tượng xã hội phải luôn nhớ rằng bên cạnh giá trị lí thuyết, những hiện tượng này còn có một giá trị thực tiễn, và đứng về phương diện tiến hoá của các nền văn minh, thì chỉ riêng giá trị thực tiễn là có tầm quan trọng nào đó. Một ghi nhận như thế khiến nhà triết học phải rất thận trọng trong những kết luận mà ban đầu, quy luật hình như đã áp đặt cho ông ta.

Còn nhiều lí do khác đòi hỏi ông ta phải thận trọng. Các sự kiện xã hội phức tạp đến nỗi ta không thể bao quát tổng thể và không thể tiên đoán hậu quả của những ảnh hưởng tương hỗ giữa chúng. Hình như đằng sau các sự kiện có thể trông thấy được đôi khi còn ẩn giấu hàng nghìn nguyên nhân không thể trông thấy. Những hiện tượng xã hội có thể trông thấy được hình như là kết quả tổng hợp của một công việc

vô thức rộng lớn vốn nằm bên ngoài khả năng phân tích của chúng ta. Ta có thể ví chúng như những làn sóng biểu hiện lên trên bề mặt những đảo lộn dưới đáy sâu của đại dương mà ta không hề hay biết. Được xem xét trong phần lớn những hành vi, các đám đông thường cho thấy một não trạng thấp kém đến kì lạ, nhưng lại có những hành vi khác tỏ ra được hướng dẫn bởi nhiều lực lượng huyền bí mà người xưa gọi là số phận, tự nhiên, thiên định, còn chúng ta thì gọi là tiếng nói của người quá cố; sức mạnh của những tiếng nói ấy ta không thể bỏ qua, mặc dù ta không biết bản chất của chúng là gì. Đôi khi hình như trong lòng các quốc gia có những lực lượng ẩn ngầm hướng dẫn đám đông. Ví dụ, có gì phức tạp hơn, logic hơn, tuyệt vời hơn một ngôn ngữ? Và thử hỏi sản phẩm được tổ chức tốt đẹp và tinh tế như thế sinh ra từ đâu, nếu không phải từ tâm hồn vô thức của những đám đông? Những viện hàn lâm thông thái nhất, những nhà ngữ pháp học sáng giá nhất chỉ làm công việc nặng nhọc ghi lại các quy luật đã chi phối những ngôn ngữ này, và họ hoàn toàn không có khả năng sáng tạo ra chúng. Ngay cả những tư tưởng thiên tài của các vĩ nhân, liệu chúng ta có chắc chắn rằng những tư tưởng ấy có chuyên nhất là công trình của riêng họ không? Hẳn nhiên bao giờ chúng cũng được

sáng tạo bởi những con người đơn độc; nhưng hàng nghìn hạt bụi mới tạo thành phù sa và chính từ phù sa ấy, những tư tưởng mới nảy mầm. Phải chăng chính tâm hồn của những đám đông đã hun đúc nên chúng?

Chắc chắn đám đông bao giờ cũng vô thức, nhưng chính cái vô thức ấy có lẽ là một trong những bí ẩn của sức mạnh đám đông. Trong tự nhiên, sinh vật chỉ bị chi phối bởi bản năng, chúng thực hiện các hành động mà độ phức tạp kì diệu làm ta phải ngạc nhiên. Lí trí là cái mà nhân loại chỉ mới có được gần đây thôi và còn quá không hoàn hảo để có thể vén lộ cho chúng ta những quy luật của cái vô thức và nhất là thế chỗ cho cái vô thức. Trong mọi hành động của chúng ta, phần vô thức thì to lớn còn phần lí trí thì nhỏ bé. Cái vô thức tác động như một lực lượng hãy còn chưa được biết rõ.

Vậy, nếu chúng ta muốn đứng trong những giới hạn nhỏ hẹp nhưng chắc chắn của các sự vật mà khoa học có thể nhận thức, chứ không đi lang thang trong lãnh địa của phỏng đoán mơ hồ và giả thuyết hư ảo, thì chúng ta chỉ cần xem xét những hiện tượng mà chúng ta có thể hiểu được, và hạn chế chúng ta trong sự xem xét này. Mọi kết luận được rút ra từ quan sát của chúng ta thường chỉ là sơ bộ, bởi vì, đằng sau những hiện

tượng mà chúng ta nhìn rõ, còn có những hiện tượng khác chúng ta nhìn không rõ, và thậm chí đằng sau cả những hiện tượng cuối cùng này, lại còn những hiện tượng khác nữa mà chúng ta không trông thấy.

Dẫn luận

Thời đại của những đám đông

Sự tiến triển của thời hiện tại. - Những thay đổi lớn của văn minh là kết quả của những thay đổi trong tư tưởng của các dân tộc. - Niềm tin mới vào sức mạnh của đám đông. - Nó biến đổi chính trị truyền thống của những Nhà nước. - Sự lên ngôi của các tầng lớp bình dân xảy ra như thế nào và sức mạnh của tầng lớp ấy tác động ra sao. - Hậu quả tất yếu của sức mạnh những đám đông. - Chúng chỉ thực hiện chức năng của kẻ phá hoại. - Chính nhờ đám đông mà tiến trình tan rã của các nền văn minh già cỗi mới kết thúc được. - Sự thiếu hiểu biết chung về môn tâm lí học đám đông. - Tầm quan trọng của việc nghiên cứu đám đông đối với những nhà lập pháp và các chính khách.

Những đảo lộn to lớn xảy ra trước những thay đổi của các nền văn minh, như sự sụp đổ của Đế chế La Mã và việc thành lập Đế chế Ả Rập, mới thoạt nhìn, hình như được quyết định chủ yếu do những biến đổi chính trị to lớn: ngoại bang xâm lược, các triều đại bị sụp đổ. Nhưng một nghiên cứu chăm chú tỉ mỉ hơn về những biến cố này cho

thấy rằng đằng sau những nguyên nhân bề mặt, thường có nguyên nhân thực sự là sự biến đổi sâu sắc trong tư tưởng của các dân tộc. Những đảo lộn lịch sử thực sự không phải là những đảo lộn làm chúng ta ngạc nhiên vì mức độ lớn lao và bạo liệt của chúng. Chỉ những thay đổi quan trọng, nơi sinh ra sự đổi mới cho các nền văn minh mới là những gì diễn ra trong tư tưởng, quan niệm và niềm tin. Các biến cố đáng nhớ của lịch sử là hiệu quả có thể thấy được của nhiều thay đổi không thể nhìn thấy trong tư tưởng con người. Sở dĩ những biến cố lớn lao ấy rất hiếm khi biểu lộ, đó là vì ở một chủng tộc chẳng có gì bền vững hơn nền tảng di truyền trong tư tưởng của nó.

Thời hiện tại là một trong những thời điểm quyết định, vì đó là lúc tư tưởng con người đang trong tiến trình tự biến đổi.

Có hai nhân tố cơ bản làm nền tảng cho sự biến đổi này. Nhân tố thứ nhất là sự phá huỷ niềm tin tôn giáo, chính trị và xã hội, vốn là nguồn cội sinh ra mọi yếu tố của nền văn minh chúng ta. Nhân tố thứ hai là sự sáng tạo ra những điều kiện sinh tồn và suy tưởng hoàn toàn mới, kết quả của những phát kiến mới trong khoa học và công nghiệp hiện đại.

Những tư tưởng của quá khứ, dù đã bị phá huỷ phân nửa, vẫn còn rất mạnh, và những tư

tưởng phải thế chỗ cho chúng thì đang hình thành, nên thời hiện đại biểu thị một giai đoạn quá độ và vô chính phủ.

Từ giai đoạn này, dĩ nhiên có phần hỗn độn, thật không dễ để nói giờ đây cái gì có thể nảy sinh. Sẽ có các tư tưởng cơ bản nào để trên đó xây dựng những xã hội nối tiếp xã hội của chúng ta? Chúng ta vẫn chưa biết được. Nhưng, ngay từ lúc này, điều chúng ta đã thấy rõ, đó là để tổ chức chúng, cần phải tính tới một sức mạnh mới, tối cao của thời hiện đại: quyền lực của những đám đông. Trên đống đổ nát của biết bao tư tưởng, được coi là chân lí trước đây nhưng nay đã chết, của biết bao quyền lực mà các cuộc cách mạng đã liên tiếp đập tan, thì quyền lực của đám đông là cái độc nhất vượt lên, và nó hình như sớm được giao cho sứ mệnh hấp thu hết những quyền lực khác. Trong khi mọi niềm tin cổ xưa đều chao đảo và biến mất, những cột trụ già cỗi của xã hội lần lượt sụp đổ thì quyền lực của đám đông là lực lượng duy nhất chẳng gì đe doạ nổi và uy thế của nó ngày càng lớn lên. Thời đại mà chúng ta đang bước vào sẽ thực sự là THỜI ĐẠI CỦA NHỮNG ĐÁM ĐÔNG.

Chỉ mới một thế kỉ trước đây thôi, đường lối chính trị truyền thống của các Nhà nước và sự đối nghịch giữa các vua chúa vẫn là nhân tố chính của những biến cố. Ý kiến của những đám đông ít có

giá trị, và thậm chí thường chẳng có chút giá trị gì. Còn ngày nay, truyền thống chính trị, khuynh hướng cá nhân của các nhà cai trị, sự đối nghịch giữa họ lại không còn quan trọng nữa, trái lại, chính tiếng nói của đám đông đã trở nên có ưu thế hơn. Tiếng nói ấy áp đặt cho vua chúa cách hành xử, và vua chúa có nhiệm vụ phải nghe theo nó. Số phận của các quốc gia không còn được sắp đặt trong những hội đồng của các ông hoàng nữa, mà ở trong tâm hồn của những đám đông.

Sự lên ngôi của các giai cấp bình dân trong đời sống chính trị, nghĩa là, trên thực tế, họ đã dần dần biến đổi thành giai cấp lãnh đạo, là một trong những đặc điểm nổi bật của thời đại quá độ của chúng ta. Thực ra, việc phổ thông đầu phiếu, được thực hiện từ lâu nhưng ít có ảnh hưởng, không phải là đặc điểm đánh dấu sự lên ngôi của giai cấp bình dân như ta vẫn tưởng. Việc dần nảy sinh quyền lực đám đông thoạt tiên được bắt đầu bằng sự phổ biến một số tư tưởng từ từ du nhập vào tâm trí con người, rồi từng bước liên kết những cá nhân để dẫn tới việc hiện thực hoá các quan niệm lí thuyết. Chính thông qua liên kết mà những đám đông cuối cùng đã hình thành nên tư tưởng, nếu chưa thật xác đáng thì ít ra cũng dứt khoát về quyền lợi và có ý thức về sức mạnh của mình. Những đám đông thành lập các nghiệp đoàn mà mọi giới có thẩm quyền đều phải lần

lượt đầu hàng, các hiệp hội lao động nhằm điều tiết những điều kiện lao động và tiền công, bất chấp mọi quy luật kinh tế. Họ gửi vào các cơ quan chính phủ những đại biểu không giữ ý kiến riêng và sự độc lập cá nhân nữa mà thường chỉ còn là những người phát ngôn cho các uỷ ban đã lựa chọn mình.

Ngày nay những yêu sách của đám đông càng ngày càng rõ rệt và không dẫn đến điều gì khác hơn là phá huỷ toàn bộ xã hội hiện tại, để đưa nó về chủ nghĩa cộng sản nguyên thuỷ, trạng thái thông thường của mọi nhóm người trước buổi bình minh của văn minh. Hạn chế giờ lao động, trưng thu hầm mỏ, đường sắt, nhà máy và đất đai; chia đều sản phẩm, loại trừ mọi tầng lớp trên vì quyền lợi của các giai cấp bình dân v.v... Đó là các yêu sách.

Thiếu khả năng suy luận, ngược lại đám đông đủ khả năng hành động. Qua sự tổ chức hiện thời, sức mạnh của đám đông trở nên to lớn vô cùng. Những tín điều mà ta thấy đang nảy sinh chẳng mấy chốc sẽ có sức mạnh như những tín điều xưa cũ, nghĩa là sức mạnh chuyên chế và tối thượng không được phép bàn cãi. Luật thiêng của đám đông sẽ thay thế luật thiêng của vua chúa.

Các nhà văn ủng hộ tầng lớp tư sản hiện thời, những người đại diện tốt nhất cho tầng lớp này,

tầng lớp có tư tưởng chật hẹp, đầu óc thiển cận, chủ nghĩa hoài nghi hơi thô thiển, tính ích kỉ đôi khi hơi quá đáng, thì gần như điên lên trước cái quyền lực mới đang lớn mạnh. Và để đấu tranh chống lại sự hỗn loạn của tâm trí con người, các nhà văn này đã tuyệt vọng kêu gọi tới sức mạnh tinh thần của Nhà thờ mà xưa kia họ vốn coi thường. Họ nói với chúng ta rằng khoa học đã phá sản, và trở về từ La Mã với lòng sám hối, họ nhắc nhở chúng ta những bài học về chân lí đã được thần khải. Nhưng những kẻ quy đạo mới này quên là đã chậm quá mất rồi. Nếu thực sự ơn phước đã chạm tới họ, thì ơn phước cũng không có quyền năng như thế đối với những linh hồn chẳng mấy bận tâm đến bao lo lắng đang ám ảnh các tân tín đồ này. Ngày nay, những đám đông không còn thích các thần thánh mà ngày xưa chính họ cũng không thích và từng góp phần vào đập phá. Không có sức mạnh thần thánh hoặc con người nào có thể bắt những dòng sông chảy ngược về nguồn.

Khoa học không hề bị phá sản và không dính gì tới tình trạng vô chính phủ trong tinh thần con người hiện tại, cũng chẳng dính gì tới quyền lực mới đang lớn lên giữa tình trạng vô chính phủ này. Khoa học đã hứa hẹn cho chúng ta chân lí, hay ít nhất cho ta sự nhận thức về những quan hệ mà trí tuệ của chúng ta có thể nắm bắt; nó không

bao giờ hứa hẹn cho chúng ta hoà bình và hạnh phúc. Vô cùng thờ ơ với tình cảm của chúng ta, khoa học không nghe lời than vãn của chúng ta. Chính chúng ta phải cố gắng sống với khoa học, bởi vì chẳng gì có thể phục hồi những ảo tưởng đã bị nó phá huỷ.

Những triệu chứng phổ biến, thấy được ở mọi quốc gia chỉ cho ta thấy rõ sự tăng nhanh quyền lực của những đám đông, và không cho phép ta giả định rằng quyền lực này sắp phải ngừng lớn lên. Dù nó mang lại cho ta điều gì, ta cũng đành phải chịu.

Mọi biện luận chống lại quyền lực của đám đông chỉ là những ngôn từ vô ích. Hẳn có thể sự lên ngôi của đám đông đánh dấu một trong những chặng đường cuối cùng của các nền văn minh Tây phương, một sự quay hẳn về những thời kì vô chính phủ hỗn tạp, vốn hình như bao giờ cũng phải xảy ra trước khi khai sinh một xã hội mới. Nhưng chúng ta làm thế nào để ngăn cản nó?

Cho đến nay, vai trò rõ ràng nhất của đám đông là tạo ra những cuộc phá huỷ to lớn đối với các nền văn minh đã quá già cỗi. Thực thế, không phải chỉ ngày hôm nay, vai trò này mới xuất hiện trên thế giới. Lịch sử cho ta biết rằng khi những lực lượng tinh thần làm nền móng cho một nền văn minh đã mất hết ảnh hưởng, thì sự tan rã cuối

cùng sẽ được thực hiện bởi những đám đông vô thức và tàn nhẫn, được gọi khá chuẩn xác là những kẻ dã man. Cho đến nay, những nền văn minh chỉ được tạo ra và được dẫn dắt bởi một nhóm nhỏ quý tộc trí thức, chứ không bao giờ bởi những đám đông. Đám đông chỉ có sức mạnh để phá hoại. Sự thống trị của đám đông bao giờ cũng biểu thị một thời kì dã man. Một nền văn minh bao hàm những quy tắc cố định, kỉ luật, sự chuyển từ bản năng sang lí trí, có viễn kiến về tương lai, một trình độ cao về văn hoá, những điều kiện mà đám đông, phó mặc cho chính mình, luôn tỏ ra tuyệt nhiên không thể thực hiện nổi. Do sức mạnh duy nhất chỉ là phá hoại, đám đông tác động như loài vi trùng, đẩy nhanh sự tan rã của những cơ thể ốm yếu hay những thây ma. Khi toà lâu đài của một nền văn minh đã bị mục ruỗng, thì bao giờ cũng chính những đám đông sẽ đưa nó tới chỗ sụp đổ. Chính lúc đó xuất hiện vai trò chủ đạo của đám đông, và trong một khoảnh khắc, triết lí số đông hình như là thứ triết lí duy nhất của lịch sử.

Nền văn minh của chúng ta liệu có giống như thế không? Đó là điều chúng ta có thể lo sợ, nhưng đó cũng là điều mà chúng ta vẫn còn chưa thể biết rõ.

Dù sao chăng nữa, ta phải đành lòng chịu sự thống trị của đám đông, bởi vì có nhiều bàn tay

không biết lo xa đã lần lượt lật bỏ tất cả những rào cản có thể kìm giữ nó lại.

Những đám đông ấy bắt đầu được ta nói tới nhiều, nhưng ta hiểu về chúng còn quá ít. Các nhà tâm lí học chuyên nghiệp thì sống cách xa đám đông, luôn không biết về họ, và khi quan tâm tới họ thì lại chỉ quan tâm tới tội ác mà đám đông có thể phạm phải. Tất nhiên, đã có những đám đông tội phạm, nhưng cũng có những đám đông đức hạnh, những đám đông anh hùng, và nhiều loại đám đông khác nữa. Tội ác của đám đông chỉ là một trường hợp đặc biệt trong tâm lí học đám đông. Và ta không thể biết về cấu tạo tinh thần của đám đông bằng cách chỉ nghiên cứu tội ác của nó, cũng như ta sẽ không thể biết cấu tạo tinh thần của một cá nhân nếu chỉ đơn thuần mô tả những thói hư tật xấu của cá nhân ấy.

Tuy nhiên nói đúng ra, tất cả những chúa tể trên thế giới, tất cả những bậc sáng lập ra các tôn giáo hay các đế chế, những thánh tông đồ của mọi tín ngưỡng, những chính khách nổi tiếng, và trong một lĩnh vực khiêm tốn hơn, những người đứng đầu bình thường của các tập thể nho nhỏ, bao giờ cũng là những nhà tâm lí học không tự giác, họ có hiểu biết về tâm hồn đám đông, một hiểu biết bản năng nhưng thường rất chắc chắn; và chính vì thế nên họ mới dễ dàng trở thành

người lãnh đạo. Napoléon hiểu sâu sắc tâm lí những đám đông của đất nước mà ông thống trị, nhưng đôi khi ông lại không hiểu biết một cách đầy đủ tâm lí những đám đông thuộc các chủng tộc khác*1, và chính vì không hiểu biết nó, nên khi tiến hành các cuộc chiến tranh ở Tây Ban Nha và nhất là ở Nga, sức mạnh của ông vấp phải sự đối kháng sẽ sớm hạ gục ông.

Ngày nay, sự hiểu biết về tâm lí học đám đông là chỗ dựa cuối cùng của chính khách nào muốn hay không muốn cai trị đám đông - điều này đã trở nên rất khó khăn - nhưng ít ra không bị đám đông điều khiển quá nhiều.

Chỉ khi hiểu sâu một chút tâm lí học đám đông, ta mới hiểu luật pháp và thiết chế ít có tác động tới đám đông đến chừng nào; đám đông khó có được những ý kiến bất kì nào nằm bên ngoài những ý kiến đã áp đặt cho họ; không thể dẫn dắt đám đông bằng những quy tắc dựa trên sự công minh mang tính lí thuyết thuần tuý mà

---

*Những chú thích có thêm dấu * là chú thích của tác giả.*

*1 Vả chăng, những cố vấn tinh tế nhất của ông cũng chẳng hiểu biết về điều này nhiều nhặn gì hơn. Talleyrand viết cho ông: "Tây Ban Nha sẽ đón tiếp những người lính của bệ hạ như những người đến giải phóng..." Nhưng Tây Ban Nha lại đón tiếp họ như những con ác thú. Một nhà tâm lí học, hiểu biết về bản năng di truyền của các chủng tộc, sẽ có thể dễ dàng thấy trước sự đón tiếp này.

phải bằng việc tìm ra cái gì có thể gây ấn tượng và lôi cuốn họ. Ví dụ, nếu một nhà lập pháp muốn thiết lập một thứ thuế mới, liệu ông ta có phải chọn thứ thuế công bằng nhất về mặt lí thuyết hay không? Chắc không đời nào! Thứ thuế bất công nhất có thể là thứ thuế tốt nhất với đám đông xét về mặt thực tế. Nếu thứ thuế ấy kém minh bạch nhất, đồng thời bề ngoài lại ít nặng nề nhất, nó sẽ dễ dàng được chấp nhận nhất. Vì thế nên một thứ thuế gián thu, dù nó rất nặng, sẽ luôn được đám đông chấp nhận, bởi vì nó được trả hàng ngày vào đồ tiêu dùng bằng những phần nhỏ từng xu, nó không làm phiền đến những thói quen của đám đông, và nó không gây ấn tượng cho họ. Nếu thay nó bằng thuế luỹ tiến đánh vào đồng lương hay thu nhập khác, và phải trả ngay một lần, thì về mặt lí thuyết, dù thuế này nhẹ hơn mười lần so với thuế gián thu, nó vẫn gây ra sự nhất loạt phản đối. Thực vậy, những đồng xu không nhìn thấy hàng ngày được thay thế bằng một món tiền tương đối lớn, có vẻ như rất to vào cái ngày phải nộp, do đó nó rất ấn tượng. Thuế chỉ tỏ vẻ nhẹ nếu nó được để dành từng xu một; nhưng phương pháp tiết kiệm ấy biểu thị một mức độ biết nhìn xa trông rộng mà đám đông không thể có.

Ví dụ trên đây là đơn giản nhất, sự đúng đắn của nó dễ dàng nhận thấy. Nó đã không thoát

khỏi [con mắt] một nhà tâm lí học như Napoléon, nhưng các nhà lập pháp không hiểu tâm hồn đám đông sẽ không nhận thấy nó. Kinh nghiệm chưa dạy dỗ họ đến nơi đến chốn để hiểu rằng, con người không bao giờ cư xử theo những quy định của lí trí thuần tuý.

Tâm lí học đám đông có thể có nhiều ứng dụng khác. Hiểu biết nó có thể làm sáng tỏ phần lớn những hiện tượng lịch sử, kinh tế mà nếu thiếu nó sẽ hoàn toàn không thể hiểu nổi. Tôi sẽ có dịp chỉ ra rằng nếu như nhà sử học hiện đại xuất sắc nhất của chúng ta, ngài Taine[1], đôi khi đã hiểu không đầy đủ những biến cố của cuộc Đại cách mạng Pháp, đó là vì ông chưa bao giờ nghĩ tới việc nghiên cứu tâm hồn những đám đông. Trong việc nghiên cứu thời kì phức tạp ấy, ông đã dùng phương pháp mô tả của những nhà tự nhiên chủ nghĩa làm hướng đạo. Nhưng, trong những hiện tượng mà nhà tự nhiên chủ nghĩa nghiên cứu, những lực lượng tinh thần ít có mặt. Thực ra chính những lực lượng ấy mới là động lực chính của lịch sử.

---

[1] Hippolyte Taine (1828 - 1893): Nhà phê bình văn học, nhà triết học và nhà sử học Pháp, chịu ảnh hưởng lí luận của Condillac, J. S. Mill và A. Bain. Các tác phẩm chính: *Tiểu luận phê bình và lịch sử* (1858), *Lịch sử văn học Anh* (1864), *Triết học của nghệ thuật* (1882), *Nguồn gốc nước Pháp hiện đại* (1876 - 1896).

Do đó, chỉ đơn thuần xem xét về mặt thực tiễn, việc nghiên cứu tâm lí học đám đông là việc xứng đáng phải làm. Dù chỉ có một lợi ích đơn thuần là thoả trí tò mò, thì nó vẫn xứng đáng được nghiên cứu. Thật thú vị khi ta giải mã được động cơ những hành vi của con người, cũng như khi giải mã được một khoáng vật hay một thực vật.

Nghiên cứu của chúng tôi về tâm hồn đám đông sẽ chỉ có thể là một sự tổng hợp ngắn gọn, một tóm tắt đơn giản những nghiên cứu của chúng tôi. Chỉ nên đòi hỏi nó như một vài cái nhìn gợi ý. Những người khác sẽ đào sâu luống cày. Hôm nay, chúng tôi chỉ làm công việc vạch nó ra trên một mảnh đất hãy còn rất hoang sơ*[1].

---

*[1] Rất ít tác giả bận tâm nghiên cứu đám đông. Như tôi đã nói ở trên, họ chỉ nghiên cứu về mặt tội phạm. Trong cuốn sách này, tôi chỉ dành cho vấn đề ấy một chương ngắn. Về điểm đặc biệt này tôi dẫn độc giả tới những nghiên cứu của ông Tarde và cuốn sách nhỏ của ông Sighele: *Những đám đông phạm tội* (Les foules criminelles). Cuốn sau không chứa một ý tưởng riêng nào của tác giả, nhưng nó bao gồm việc tập hợp những sự kiện mà các nhà tâm lí học có thể sử dụng. Vả lại những kết luận của tôi về tính phạm tội và tính đạo đức của đám đông đều hoàn toàn trái ngược với những kết luận của hai nhà văn mà tôi vừa kể.

Người ta sẽ tìm thấy trong tác phẩm của tôi, *Tâm lí học về chủ nghĩa xã hội* (La psychologie du socialisme) một vài hệ quả của những quy luật chi phối tâm lí học đám đông. Ngoài ra những quy luật này còn được áp dụng trong nhiều đề tài rất khác nhau. Ông A. Gevaert Giám đốc Nhạc viện

---

hoàng gia Bruxelles vừa mới đây trong một công trình nghiên cứu về âm nhạc, đã cho ta thấy một sự áp dụng đáng chú ý những quy luật mà chúng tôi đã trình bày, được ông gọi rất đúng là "nghệ thuật của đám đông". Giáo sư viết cho tôi, và gửi cho tôi hồi kí của ông: "Chính hai tác phẩm của ông đã đem đến cho tôi cách giải quyết một vấn đề trước kia tôi cho là không có lời giải: khả năng kì lạ của mọi đám đông có thể cảm thụ được một tác phẩm âm nhạc mới hay cũ, trong nước hay ngoài nước, giản đơn hay phức tạp, miễn là nó được trình bày trong một buổi biểu diễn thú vị và do những nhạc công được một nhạc trưởng nhiệt tình điều khiển". Ông Gevaert chứng minh một cách tuyệt vời tại sao "một tác phẩm khó hiểu đối với các nhạc sĩ ưu tú khi đọc bản dàn bè trong căn phòng hoang vắng, đôi khi lại được một cử toạ xa lạ hoàn toàn với kiến thức chuyên môn hiểu ngay tức khắc". Ông cũng chứng minh rõ tại sao những ấn tượng thẩm mỹ này không để lại một dấu vết nào cả.

Quyển I

TÂM HỒN NHỮNG ĐÁM ĐÔNG

Chương I

ĐẶC ĐIỂM TỔNG QUÁT CỦA ĐÁM ĐÔNG: QUY LUẬT TÂM LÍ VỀ SỰ THỐNG NHẤT TINH THẦN CỦA ĐÁM ĐÔNG

Cái gì cấu thành một đám đông xét về quan điểm tâm lí học. - Một sự quần tụ nhiều cá nhân không đủ để hợp thành một đám đông. - Những đặc tính riêng biệt của đám đông tâm lí. - Khuynh hướng cố định về tư tưởng và tình cảm ở những cá nhân hợp thành đám đông và sự biến mất tính cách cá nhân. - Đám đông bao giờ cũng bị cái vô thức thống trị. - Sự biến mất của hoạt động não bộ và sự ưu trội của hoạt động tuỷ sống. - Sự giảm sút trí tuệ và biến đổi hoàn toàn những tình cảm. - Tình cảm được biến đổi có thể tốt hơn hay xấu hơn tình cảm của những cá nhân đã hợp thành đám đông. - Đám đông cũng dễ dàng là anh hùng hay tội phạm.

Theo nghĩa thông thường, từ *đám đông* biểu thị một sự hợp nhất những cá nhân bất kì, bất kể thuộc dân tộc, nghề nghiệp hay giới tính nào, và cũng bất kể sự ngẫu nhiên nào đã tập hợp họ lại.

Từ quan điểm tâm lí học, thuật ngữ *đám đông* có một ý nghĩa hoàn toàn khác. Trong một vài hoàn cảnh đã cho, và chỉ trong những hoàn cảnh này thôi, một quần tụ những con người sẽ có những tính cách mới rất khác những tính cách của những cá nhân họp thành quần tụ ấy. Cá tính có ý thức biến mất, những tình cảm và tư tưởng của tất cả các đơn vị đều hướng về cùng một hướng. Nó hình thành một tâm hồn tập thể, tuy chỉ nhất thời, nhưng có những tính cách rất rõ. Vì thiếu một từ ngữ hay hơn, nên tôi gọi cái tập thể ấy là một đám đông được tổ chức, hoặc, nếu muốn, còn gọi là một đám đông tâm lí. Đám đông này hình thành nên một thực thể duy nhất, phục tùng *quy luật thống nhất tinh thần của những đám đông.*

Rõ ràng là không phải chỉ vì có nhiều cá nhân ngẫu nhiên ở bên cạnh nhau mà họ có được những tính cách của một đám đông có tổ chức. Một ngàn cá nhân ngẫu nhiên tụ họp trên một quảng trường công cộng không có một mục đích xác định, thì không hề là một đám đông từ quan điểm tâm lí học. Để có được những tính cách đặc biệt, cần phải có ảnh hưởng của một vài tác nhân kích thích mà chúng ta sẽ xác định bản tính của chúng.

Sự biến mất cá tính có ý thức và việc định hướng những tình cảm và tư tưởng theo một

chiều nhất định, là những nét đầu tiên của đám đông đang tự tổ chức, không phải bao giờ cũng bao hàm sự hiện diện đồng thời nhiều cá nhân trên cùng một điểm. Hàng ngàn cá nhân tách riêng, ở một thời điểm nào đó, có thể chịu ảnh hưởng của một vài xúc cảm mãnh liệt, ví dụ một biến cố quốc gia to lớn, cũng có tính cách một đám đông tâm lí. Lúc ấy chỉ cần một ngẫu nhiên nào đó tập hợp họ lại thì những hành động của họ lập tức mang tính cách đặc biệt của hành vi đám đông. Ở một vài thời điểm, chỉ một nửa tá người cũng có thể cấu thành một đám đông tâm lí, trong khi hàng ngàn người tập hợp ngẫu nhiên lại không thể cấu thành đám đông tâm lí. Mặt khác, toàn thể một dân tộc, dẫu không có sự quần tụ rõ ràng, cũng có thể trở thành một đám đông dưới tác động của một số ảnh hưởng.

Khi một đám đông tâm lí được hình thành, nó liền có những tính cách chung tạm thời, nhưng có thể xác định được. Những tính cách chung này lại được cộng thêm tính cách riêng, khả biến, tuỳ theo những thành tố mà đám đông bao gồm và có thể làm biến thái cấu tạo tinh thần của đám đông.

Như thế, những đám đông tâm lí đều có thể phân loại và khi tới mục phân loại này, chúng ta sẽ thấy rằng một đám đông không thuần nhất,

nghĩa là gồm những phần tử không giống nhau, cũng sẽ có những tính cách chung với những đám đông thuần nhất, nghĩa là gồm những phần tử ít nhiều giống nhau (giáo phái, đẳng cấp, giai cấp), và bên cạnh những tính cách chung đó, còn có những đặc tính riêng cho phép ta phân biệt được hai loại đám đông ấy.

Nhưng trước khi xem xét các loại đám đông khác nhau, đầu tiên ta cần phải nghiên cứu những tính cách chung của tất cả các loại. Chúng ta tiến hành như nhà tự nhiên học, bắt đầu bằng việc mô tả những tính cách chung của mọi cá thể thuộc về một họ trước khi xét tới những tính cách riêng cho phép phân biệt những loài và những giống mà họ đó bao gồm.

Thật chẳng dễ gì mô tả chính xác tâm hồn đám đông, bởi vì tổ chức của nó biến đổi chẳng những tuỳ theo chủng tộc và thành phần của các tập thể, mà còn tuỳ theo bản tính và mức độ của các tác nhân kích thích lên những tập thể ấy. Nhưng khó khăn này cũng có trong việc nghiên cứu tâm lí một cá nhân bất kì. Chỉ trong tiểu thuyết ta mới thấy những cá nhân trải qua cuộc đời với một tính cách không thay đổi. Chỉ có sự đồng đều của môi trường mới tạo ra sự đồng đều bên ngoài của những tính cách. Vả lại, tôi đã chứng minh ở một tác phẩm khác rằng mọi cấu trúc tinh thần đều hàm chứa những khả năng về tính cách có thể

biểu hiện ngay khi môi trường đột ngột thay đổi. Chính vì vậy, những đại biểu dữ tợn nhất của Hội nghị Quốc ước[1] lại là các nhà tư sản hiền lành, trong hoàn cảnh bình thường, họ vốn là những công chứng viên hoà nhã hay quan chức hành chính đức hạnh. Giông bão đi qua, họ lại quay trở lại với tính cách bình thường của tầng lớp trung lưu ôn hoà. Napoléon đã tìm được trong tầng lớp này những nô bộc ngoan ngoãn nhất của mình.

Ta không thể nghiên cứu ở đây tất cả những mức độ hình thành đám đông, mà chỉ nghiên cứu trước hết những đám đông trong thời kì chúng đã trở thành tổ chức hoàn bị. Nghĩa là, chúng ta sẽ xem xét chúng có thể trở thành cái gì chứ không phải chúng luôn luôn đã là cái gì. Chỉ trong giai đoạn đã phát triển này của tổ chức thì một số đặc điểm mới mẻ và đặc biệt mới chồng lên trên tính cách bất biến và chủ đạo ấy của chủng tộc, và sẽ xảy ra chuyện tình cảm và tư tưởng của tập thể quay về cùng một hướng. Chỉ vào lúc đó mới biểu lộ cái mà ở trên tôi gọi là *Quy luật tâm lí về sự thống nhất tinh thần của đám đông.*

---

[1] Hội nghị Quốc ước: hội đồng lập hiến, được thành lập tại Pháp vào năm 1792, do 749 đại biểu được bầu thông qua phổ thông đầu phiếu, được phân chia thành cánh hữu, gồm những người Girondins, người theo phái Đồng Bằng và cánh tả, bao gồm những người theo phái Núi.

Trong những tính cách tâm lí của đám đông, có những tính cách mà đám đông có thể có chung với những cá nhân riêng lẻ, trái lại chúng còn bao hàm những tính cách rất riêng biệt, chỉ có ở tập thể. Chính những tính cách riêng biệt này là những gì ta cần phải nghiên cứu trước tiên để vạch rõ tầm quan trọng của chúng.

Sự kiện nổi bật nhất của đám đông tâm lí là điều sau đây: dù những cá nhân họp thành nó như thế nào, dù đời sống, nghề nghiệp, tính cách hay trí tuệ của những cá nhân ấy giống nhau hay khác nhau ra sao, thì chỉ riêng việc họ chuyển biến thành đám đông, họ đã có một thứ tâm hồn tập thể làm cho họ cảm nhận, suy nghĩ, và hành động theo một cách hoàn toàn khác với cách mà một cá nhân riêng lẻ vẫn cảm nhận, suy nghĩ và hành động. Có những tư tưởng, tình cảm chỉ nảy sinh hay chỉ biến thành hành động ở những cá nhân khi cá nhân ấy nằm trong đám đông. Đám đông tâm lí là một tồn tại tạm thời, hợp thành bởi những yếu tố dị loại chỉ gắn kết với nhau trong một thời đoạn, chúng giống hệt những tế bào cấu thành một cơ thể sống nhờ nối kết với nhau thành một sinh vật mới, biểu lộ những tính cách rất khác biệt với tính cách mà riêng từng tế bào đã có.

Trái ngược với một ý kiến làm ta ngạc nhiên vì đã được viết ra dưới ngòi bút của một nhà triết

học sâu sắc như Herbert Spencer[1], thật ra, trong một quần tụ họp thành một đám đông, không hề có tổng số và trung bình cộng của các thành tố [như H. Spencer quan niệm] mà chỉ có sự tổ hợp và sự tạo ra những tính cách mới. Giống như trong hoá học, một số yếu tố đối lập nhau, ví dụ bazơ hay axit, kết hợp với nhau để tạo thành một hợp chất mới có những đặc tính hoàn toàn khác các chất được dùng để làm ra nó.

Ta dễ dàng nhận thấy cá nhân nằm trong đám đông khác với cá nhân riêng lẻ đến mức nào nhưng thật chẳng dễ dàng để tìm ra những nguyên nhân của sự khác biệt ấy.

Chí ít, để đi tới chỗ hé nhìn thấy những nguyên nhân này, trước tiên ta phải nhớ lại điều nhận xét ấy trong tâm lí học hiện đại, để biết rằng không phải chỉ trong đời sống hữu cơ mà còn cả trong sự vận hành của trí tuệ, những hiện tượng vô thức đóng một vai trò hoàn toàn ưu trội. Đời sống ý thức của tâm trí chỉ biểu thị một phần rất kém bên cạnh đời sống vô thức. Nhà phân tích tinh tế nhất, nhà quan sát sâu sắc nhất hầu như chỉ phát hiện ra

---

[1] Herbert Spencer (1820 - 1903): nhà triết học Anh, tư tưởng của ông chịu ảnh hưởng bởi thuyết tiến hoá của Darwin. Ông dành một vị trí đặc biệt cho xã hội học. Các tác phẩm chính: *Nguyên lí tâm lí học* (1855), *Những nguyên lí đầu tiên* (1862), *Nguyên lí sinh học* (1864), *Nguyên lí xã hội học* (1877 - 1896).

một số rất ít những động cơ vô thức đã dẫn dắt nó. Những hành vi có ý thức của chúng ta là kết quả của một tầng nền vô thức chủ yếu được tạo ra do những ảnh hưởng di truyền. Tầng nền này bao chứa vô vàn những chất cặn của tổ tiên tạo nên tâm hồn của chủng tộc. Đằng sau những nguyên nhân được thừa nhận trong hành vi của chúng ta, chắc chắn có những nguyên nhân thầm kín mà ta không thú nhận, nhưng đằng sau những nguyên nhân thầm kín này còn có những nguyên nhân thầm kín hơn nữa, bởi vì chính chúng ta cũng không biết đến chúng. Phần lớn hành động hằng ngày của chúng ta chỉ là hậu quả của những động cơ ẩn giấu mà ta không nắm được.

Chính những yếu tố vô thức hình thành nên tâm hồn của một chủng tộc, là những yếu tố hàng đầu làm cho mọi cá nhân trong chủng tộc ấy giống nhau, còn chính những yếu tố ý thức - kết quả của giáo dục mà nhất là của sự di truyền đặc thù – là những yếu tố chính yếu làm cho các cá nhân ấy khác nhau. Những con người khác nhau nhất về trí thông minh, lại đều có những bản năng, những đam mê, những tình cảm rất giống nhau. Trong tất cả các lĩnh vực thuộc tình cảm tôn giáo, chính trị, tinh thần, thiện cảm, ác cảm v.v..., những con người kiệt xuất nhất cũng hiếm khi vượt qua được trình độ của những cá nhân bình thường nhất. Giữa một nhà toán học vĩ đại

với người thợ giày của ông ta, về mặt trí tuệ có thể tồn tại một vực thẳm, nhưng về mặt tính cách thì sự khác biệt thường không có hoặc rất nhỏ.

Thực vậy, chính những phẩm chất chung của tính cách bị cái vô thức khống chế mà đa số những cá nhân bình thường của một chủng tộc đều có ở mức độ ngang nhau - lại trở thành cái chung trong đám đông. Trong tâm hồn tập thể, những khả năng trí tuệ của cá nhân, và theo đó là tính cách cá thể, bị mờ nhạt đi. Cái dị loại chìm trong cái đồng nhất, và những tính chất vô thức chiếm ưu thế.

Đúng là việc đặt những tính chất bình thường thành "cái chung" đã giải thích tại sao đám đông không bao giờ có thể thực hiện được những hành động đòi hỏi trí tuệ cao. Những quyết định về lợi ích chung được đưa ra do một tập hợp những con người ưu tú, nhưng ở nhiều chuyên ngành khác nhau, rõ ràng không cao siêu hơn quyết định của một tập hợp những con người ngu đần. Thực vậy, họ chỉ cùng đưa ra được những tính chất tầm thường mà ai ai cũng có. Trong đám đông, chính sự ngu đần chứ không phải trí tuệ, đã được tích tụ. Như ta thường nói, không phải tất cả mọi người có trí tuệ nhiều hơn Voltaire[1],

---

[1] Voltaire (1694 - 1778): tên thật là François Marie Arouet, nhà văn Pháp, có ảnh hưởng lớn tới tư tưởng thế kỉ Ánh sáng, tác giả của truyện triết học *Candide*, bi kịch *Zaïre* và nhiều tác phẩm khác bằng văn xuôi hoặc thơ.

chắc chắn Voltaire có trí tuệ nhiều hơn tất cả mọi người, nếu như ta hiểu "tất cả mọi người" nghĩa là đám đông.

Nhưng nếu các cá nhân trong đám đông chỉ đặt chung nhau những tính chất bình thường mà mỗi người đều có phần của mình, thì đơn giản sẽ chỉ có cái trung bình cộng, chứ không phải như ta nói, sẽ tạo ra tính cách mới.

Vậy những tính cách mới được thiết lập thế nào? Đó là điều bây giờ chúng ta sẽ phải nghiên cứu.

Có nhiều nguyên nhân khác nhau quyết định sự xuất hiện những tính cách đặc thù của đám đông mà các cá nhân tách riêng không có. Nguyên nhân thứ nhất là cá nhân trong đám đông đã có được, chỉ nhờ số lượng đông, một ý thức về sức mạnh vô địch cho phép nó nương theo những bản năng, mà nếu chỉ một mình, cá nhân sẽ tất nhiên kìm nén. Cá nhân càng ít có xu hướng kìm nén chúng, nếu đám đông là vô danh, do đó là vô trách nhiệm; ý thức về trách nhiệm, điều luôn ngăn giữ những cá nhân, đã biến mất hoàn toàn.

Nguyên nhân thứ hai, sự lây nhiễm, cũng can thiệp để xác định sự biểu hiện những tính cách đặc thù của đám đông, đồng thời xác định cả định hướng của chúng. Sự lây nhiễm là hiện

tượng dễ nhận thấy, nhưng không được giải thích, và cần phải gắn nó với những hiện tượng thuộc lĩnh vực thôi miên mà lát nữa ta sẽ nghiên cứu. Trong một đám đông, mọi tình cảm, mọi hành động đều có tính lây nhiễm, và lây nhiễm đến mức cá nhân rất dễ dàng hy sinh quyền lợi riêng cho quyền lợi tập thể. Đó là một khả năng rất trái ngược với bản tính cá nhân, mà con người hầu như chỉ có thể làm được khi nó là bộ phận của một đám đông.

Nguyên nhân thứ ba, và là nguyên nhân quan trọng nhất, xác định những tính cách đặc biệt khi cá nhân ở trong đám đông; chúng đôi khi hoàn toàn trái ngược với tính cách của cá nhân lúc tách lẻ. Tôi muốn nói tới tính dễ bị gợi ý (suggestibilité) mà tính lây nhiễm nói trên thực ra chỉ là hệ quả của nó.

Muốn hiểu hiện tượng này, ta phải nhớ đến một số phát hiện mới đây của sinh lí học. Ngày nay, chúng ta biết rằng, bằng những cách khác nhau, một cá nhân có thể được đặt trong một trạng thái nào đó, và bị mất hoàn toàn nhân cách có ý thức, tuân theo mọi gợi ý của người làm thí nghiệm, người đã khiến cá nhân mất ý thức, và làm những hành động vô cùng trái ngược với những tính cách và thói quen của mình. Thực vậy, những quan sát kĩ lưỡng nhất chứng minh rằng cá nhân bị chìm đắm một thời gian trong

lòng một đám đông đang hành động, sẽ nhanh chóng rơi vào một tình trạng đặc biệt - do thứ điện từ đó phóng ra, hay từ nguyên nhân hoàn toàn khác mà ta không biết - rất giống trạng thái mê hồn khi người bị thôi miên ở trong tay nhà thôi miên. Đời sống não bộ bị tê liệt ở người bị thôi miên, người này trở thành nô lệ cho mọi hoạt động vô thức của tuỷ sống và nhà thôi miên điều khiển anh ta theo ý muốn. Nhân cách có ý thức của anh ta hoàn toàn biến mất, ý chí và óc phân biệt biến mất. Mọi tình cảm và tư tưởng đều bị nhà thôi miên hướng theo một chiều nhất định.

Điều đó rất gần với trạng thái của cá nhân khi thuộc về một đám đông tâm lí. Anh ta không còn ý thức về những hành động của mình nữa. Ở anh ta, cũng như ở người bị thôi miên, một số khả năng bị phá huỷ, đồng thời những khả năng khác có thể bị dẫn tới một mức độ hứng khởi cực đoan. Dưới ảnh hưởng của một gợi ý, cá nhân này sẽ lao vào thực hiện một vài hành vi nào đó với sự mãnh liệt không thể cưỡng nổi. Sự cuồng nhiệt ấy trong đám đông còn lôi cuốn mạnh hơn so với một chủ thể bị thôi miên, bởi vì sự gợi ý như nhau đối với mọi cá nhân sẽ được phóng đại lên khi trở thành tương hỗ. Trong đám đông, những cá nhân có cá tính khá mạnh để cưỡng lại sự gợi ý, thường có số lượng quá ít để đấu tranh chống lại trào lưu. Nhiều nhất thì những cá nhân

này cũng chỉ làm được việc đánh lạc mục tiêu bằng cách đưa ra một gợi ý khác. Chẳng hạn, chính nhờ vậy, mà một từ ngữ may mắn, một hình ảnh được gợi đúng lúc đôi khi đã làm đám đông chệch hướng, tránh được những hành động đẫm máu nhất.

Vậy, việc biến mất của nhân cách có ý thức, sự ưu trội của nhân cách vô thức, sự định hướng những tình cảm và tư tưởng theo cùng một chiều qua con đường gợi ý và lây nhiễm, khuynh hướng biến đổi ngay lập tức những ý tưởng gợi ý thành hành động, đó là những đặc tính chủ yếu của cá nhân nằm trong đám đông. Cá nhân không còn là bản thân mình nữa. Anh ta đã trở thành một thứ người máy không được ý chí chỉ đạo nữa.

Vậy nên, chỉ riêng việc biến mình thành bộ phận trong một đám đông có tổ chức, con người đã tụt xuống nhiều nấc trong thang bậc văn minh. Đứng tách riêng, có thể đó là một cá nhân có văn hoá; nằm trong đám đông, anh ta là một kẻ dã man, nghĩa là một kẻ bản năng. Anh ta có tính tự phát, thói bạo lực, tính hung dữ, và có cả lòng nhiệt tình, sự anh dũng của người nguyên thuỷ. Anh ta còn có khuynh hướng sáp gần những điều đó, vì anh ta dễ dàng để mình chịu ảnh hưởng bởi những từ ngữ, hình ảnh - những điều mà sẽ hoàn toàn không tác động tới cá nhân

họp thành đám đông nếu cá nhân đó đứng tách riêng - và vì anh ta đã để mình bị dẫn đến những hành vi trái ngược với quyền lợi hiển nhiên nhất và những thói quen thường có nhất của mình. Cá nhân nằm trong đám đông là một hạt cát giữa vô vàn hạt cát khác mà gió sẽ bốc lên tuỳ thích.

Chính vì vậy ta thấy những ban bồi thẩm đã đưa ra các bản án mà mỗi bồi thẩm viên sẽ không tán thành nếu đứng riêng lẻ; những nghị viện đã thông qua các đạo luật và các biện pháp mà mỗi thành viên trong nghị viện nếu đứng tách riêng sẽ phản đối. Nếu đứng riêng rẽ, các đại biểu trong Hội nghị Quốc ước là những trưởng giả sáng suốt, với thói quen ôn hoà. Khi họp thành đám đông, họ chẳng ngần ngại tán thành những đề nghị hung tàn nhất, đưa lên máy chém những cá nhân rõ ràng vô tội nhất; và trái ngược với mọi quyền lợi của mình, họ chấp nhận từ chối quyền bất khả xâm phạm, và chịu để chính mình bị tàn sát.

Và không phải chỉ do hành động mà cá nhân trong đám đông khác biệt một cách cơ bản với bản thân mình. Trước khi cá nhân mất hết sự độc lập, thì tư tưởng và tình cảm của anh ta đã được biến đổi, và sự biến đổi ấy sâu sắc đến nỗi làm cho kẻ hà tiện trở thành kẻ hoang phí, kẻ hoài nghi thành kẻ có niềm tin, người lương thiện

thành tội phạm, kẻ hèn nhát thành người anh hùng. Việc từ chối mọi đặc quyền trong một thời khắc nhiệt tình, mà tầng lớp quý tộc đã bỏ phiếu tán thành vào cái đêm trứ danh ngày 4 tháng Tám năm 1789, chắn chắn sẽ không bao giờ được bất cứ một cá nhân quý tộc nào chấp thuận, nếu họ tách riêng từng người một.

Ta hãy kết luận những điều nói trên, rằng đám đông bao giờ cũng thấp kém xét về mặt trí tuệ so với con người đứng riêng lẻ, nhưng cũng phải kết luận rằng, xét về mặt tình cảm và hành động mà tình cảm này gây ra, đám đông có thể tốt hơn hay xấu hơn tuỳ theo hoàn cảnh. Tất cả phụ thuộc vào cái cách đám đông được gợi ý. Đó là điều mà các nhà văn nghiên cứu về đám đông trên phương diện tội phạm tuyệt nhiên không biết đến. Chắc chắn đám đông thường phạm tội, nhưng đám đông cũng thường anh hùng. Đó chủ yếu là những đám đông bị người ta dẫn dắt đến chỗ hy sinh thân mình để giành chiến thắng cho một niềm tin hay một ý niệm, được người ta tạo cho nhiệt tình để giành vinh quang và danh dự, được huấn luyện - hầu như không bánh mì để ăn và tay không vũ khí - như ở thời đại những cuộc Thập tự chinh để giải thoát ngôi mộ Chúa Ki Tô khỏi tay những kẻ dị giáo, hoặc như vào năm 93, để bảo vệ đất đai của tổ quốc. Chắc chắn đó là

chủ nghĩa anh hùng vô thức, nhưng chính với chủ nghĩa anh hùng đó, lịch sử đã được tạo ra. Nếu chỉ dùng lí trí lạnh lùng để kích động các dân tộc thực hiện các hành động vĩ đại, thì những cuốn biên niên sử trên thế giới chắc sẽ ghi lại chẳng được bao nhiêu.

Chương II

TÌNH CẢM VÀ ĐẠO ĐỨC CỦA ĐÁM ĐÔNG

1 – Tính bốc đồng, tính dễ thay đổi, tính dễ bị kích động của đám đông. - *Đám đông là đồ chơi của mọi khích động bên ngoài và phản ánh điều đó qua những biến đổi không ngừng. - Những xung động mà nó phải tuân theo khẩn thiết đến nỗi quyền lợi cá nhân bị mờ nhạt đi. - Chẳng điều gì được mưu tính trước ở đám đông. – Tác động của chủng tộc.*

2 – Tính dễ bị gợi ý và tính nhẹ dạ của đám đông. – *Đám đông dễ tuân theo sự gợi ý. - Những hình ảnh được gợi lên trong tâm trí thì được đám đông coi là thực tế. - Tại sao những hình ảnh đó đối với mọi cá nhân hợp thành đám đông lại đều giống nhau. - Sự cào bằng giữa nhà bác học và kẻ ngu đần trong một đám đông. – Những ví dụ khác nhau về các ảo tưởng mà mọi cá nhân trong đám đông đều dễ mắc phải. – Không thể tin tưởng vào sự làm chứng của đám đông. - Sự nhất trí của nhiều chứng nhân là một trong những chứng cứ tồi tệ nhất mà ta có thể nêu lên để xác lập một sự kiện. – Giá trị yếu kém của sách lịch sử.*

3 - Sự phóng đại và giản đơn trong tình cảm của đám đông. – *Đám đông không biết tới sự nghi ngờ, cũng không biết tới sự chắc chắn và luôn đi tới cực đoan. – Tình cảm đám đông luôn quá khích.* 4 – Lòng bất khoan dung, tính chuyên chế và bảo thủ của đám đông. – *Nguyên cớ của những tình cảm này. – Thói nô lệ của đám đông trước một quyền lực mạnh. – Những bản năng cách mạng nhất thời của đám đông không ngăn cản chúng trở nên vô cùng bảo thủ. - Đám đông có bản năng thù nghịch với những thay đổi và tiến bộ.*

5 - Đạo đức của đám đông. - *Đạo đức của đám đông, tuỳ theo những gợi ý, có thể trở nên kém hơn nhiều hay cao hơn nhiều so với đạo đức những cá nhân cấu thành nó. – Lí giải và ví dụ. - Đám đông hiếm khi được quyền lợi dẫn đường, mà thông thường, quyền lợi là động cơ đặc biệt của cá nhân riêng lẻ. - Vai trò giáo hoá của đám đông.*

Sau khi đã nói một cách rất chung về những tính cách chính của đám đông, bây giờ chúng tôi sẽ đi sâu vào chi tiết của những tính cách này.

Ta nhận thấy rằng, trong những tính cách đặc thù của đám đông, có khá nhiều tính cách như thói bốc đồng, tính dễ bị kích động, sự thiếu khả năng suy luận, thiếu xét đoán và tinh thần phê phán, sự thổi phồng tình cảm và nhiều điều khác, mà ta đồng thời cũng nhận thấy ở những người thuộc về hình thái phát triển thấp, như phụ nữ,

người dã man và trẻ nhỏ, nhưng đó chỉ là một sự giống nhau mà tôi nhân tiện chỉ ra. Việc chứng minh điều ấy vượt ra ngoài khuôn khổ của cuốn sách này. Hơn nữa, việc đó sẽ vô ích đối với những người đã hiểu về tâm lí học người nguyên thuỷ, và luôn thiếu thuyết phục đối với những người không biết môn tâm lí ấy.

Bây giờ tôi xin tiếp cận lần lượt những tính cách khác nhau mà ta có thể quan sát thấy ở phần lớn các đám đông.

1 – Thói bốc đồng, tính hay thay đổi và tính dễ bị kích động ở đám đông.

Khi nghiên cứu những tính cách cơ bản của đám đông, chúng tôi đã nói rằng đám đông hầu như bị vô thức dẫn dắt. Những hành vi của nó chịu nhiều ảnh hưởng của tuỷ sống hơn là của não bộ. Ở điểm này, đám đông hoàn toàn giống với người nguyên thuỷ. Những hành vi được thực thi có thể hoàn hảo về mặt thực hiện, nhưng não bộ không điều khiển những hành vi ấy, cá nhân hành động tuỳ theo những ngẫu nhiên của các kích thích. Đám đông là đồ chơi của mọi kích thích bên ngoài và phản ánh những biến đổi không ngừng của chúng. Vậy, nó là nô lệ của những xung động mà nó tiếp nhận. Cá nhân riêng rẽ có thể chịu cùng những kích thích như con người trong đám đông; nhưng vì bộ não chỉ

ra cho nó những bất lợi khi nhượng bộ điều đó, nên nó không nhượng bộ. Về mặt sinh lí học, đó là điều mà người ta có thể biểu lộ khi nói rằng cá nhân tách riêng có khả năng làm chủ những phản xạ của mình, còn đám đông không có được điều đó.

Những xung động khác nhau mà đám đông phải tuân theo này, tuỳ theo các kích thích, có thể là độ lượng hay tàn ác, anh hùng hay nhát gan, nhưng các xung động ấy luôn luôn bức thiết đến nỗi quyền lợi cá nhân, quyền bảo toàn bản thân không thống trị con người nữa. Những tác nhân kích thích có thể tác động lên đám đông một cách đa dạng và đám đông luôn tuân theo chúng, do vậy đám đông cực kì dao động; và chính vì thế ta thấy đám đông trong phút chốc chuyển đổi từ thái độ hung bạo đẫm máu nhất sang đại lượng hay anh hùng tuyệt đối nhất. Đám đông rất dễ dàng trở thành đao phủ, nhưng trở thành kẻ tử vì đạo cũng chẳng kém dễ dàng. Chính từ trong lòng đám đông đã tuôn chảy những dòng thác máu mà chiến thắng của mỗi một niềm tin đòi hỏi. Chẳng cần phải quay trở về những thời đại anh hùng mới thấy được đám đông có khả năng đến thế nào ở điểm này. Trong một cuộc nổi dậy, đám đông không bao giờ mặc cả mạng sống của mình, và chỉ cách đây ít năm thôi, một vị tướng, đột nhiên nổi danh, dễ dàng tìm thấy ngay một trăm ngàn người sẵn sàng hi sinh đời mình cho

sự nghiệp của ông ta nếu ông ta đề nghị họ. Vậy chẳng điều gì có thể lường trước ở đám đông.

Đám đông có thể liên tiếp đi qua các sắc thái tình cảm rất trái ngược nhau, nhưng đám đông bao giờ cũng chịu ảnh hưởng của những kích thích tại thời điểm. Đám đông giống như những chiếc lá mà giông bão cuốn lên, tan tác mọi ngả, rồi tự rơi xuống. Bằng việc nghiên cứu ở chỗ khác một số đám đông cách mạng, chúng tôi sẽ chứng minh vài ví dụ về tính hay thay đổi trong tình cảm của nó.

Sự dao động của đám đông làm cho nó rất khó điều khiển, nhất là khi một bộ phận quyền lực công rơi vào tay nó. Nếu những nhu cầu đời sống hằng ngày không là một thứ tác nhân điều hoà vô hình của sự vật, thì những nền dân chủ khó có thể tồn tại lâu dài. Nhưng nếu như đám đông muốn điều gì một cách cuồng nhiệt, thì nó cũng không mong muốn điều đó quá lâu. Nó không thể có một ý chí cũng như tư tưởng kiên định bền lâu.

Đám đông không chỉ hay bốc đồng và thay đổi. Cũng như người dã man, nó không chấp nhận một điều gì đó có thể xen vào giữa niềm ham muốn của nó và sự thực hiện niềm ham muốn ấy. Nó càng ít hiểu điều này hơn nếu số lượng đông đem lại cho nó ý thức về một sức mạnh không gì ngăn nổi. Đối với cá nhân nằm trong đám đông, khái niệm về sự bất khả đã biến mất. Cá nhân đơn độc cảm thấy rõ rằng anh ta không thể một mình

đốt cháy lâu đài, cướp phá cửa hàng, và nếu anh ta định làm việc đó, thì anh ta sẽ dễ dàng cưỡng lại được ý đồ của mình. Nhưng khi là bộ phận của đám đông, anh ta có ý thức về quyền lực mà số đông đem lại cho mình, và chỉ cần gợi ý cho anh ta ý tưởng về sự giết người và cướp phá là anh ta lập tức ngả theo ý đồ ấy. Cản trở bất ngờ sẽ lập tức bị bẻ gãy với sự cuồng nhiệt. Nếu cơ thể người cho phép sự cuồng nộ vĩnh tồn, thì ta sẽ có thể nói rằng tình trạng bình thường của đám đông bị ngăn trở là sự cuồng nộ.

Trong tính dễ bị kích động, thói bốc đồng và tính hay thay đổi của đám đông, cũng như trong mọi tình cảm thông thường khác mà ta sẽ nghiên cứu, những tính cách cơ bản của chủng tộc, mảnh đất không biến đổi, nơi nảy sinh mọi tình cảm của ta, luôn can thiệp vào. Mọi đám đông bao giờ cũng dễ tức giận và bốc đồng, chắc chắn vậy, nhưng với những biến đổi lớn về mức độ. Ví dụ, sự khác biệt giữa một đám đông người Latin với một đám đông người Anglo-Saxon là rất rõ nét. Những sự kiện gần đây nhất trong lịch sử Pháp đã làm sáng tỏ điểm này. Năm 1870, chỉ cần công bố một bức điện đơn giản về một lời sỉ nhục được giả định dành cho một vị đại sứ, cũng đủ để làm bùng lên cơn cuồng nộ, và lập tức một cuộc chiến tranh khủng khiếp đã xảy ra. Vài năm sau, thông báo điện tín về cuộc thất trận không đáng kể ở Lạng Sơn đã gây ra một sự bùng nổ mới dẫn tới chính phủ bị sụp đổ

ngay lập tức. Cùng thời gian ấy, một đoàn quân viễn chinh của Anh đã thất trận nặng nề hơn nhiều ở Kartoum[1] chỉ gây ra một xúc động rất nhỏ ở Anh, và chẳng hề có một chính phủ nào bị lật đổ cả. Ở khắp mọi nơi, đám đông thường nữ tính, nhưng đám đông giàu nữ tính nhất là những đám đông người Latin. Những ai dựa vào chúng có thể leo lên rất cao và rất nhanh, nhưng sẽ luôn luôn phải đi men trên sườn núi Tarpéienne[2], và chắc chắn một ngày nào đó sẽ bị đẩy xuống vực.

2 – Tính dễ bị gợi ý và tính nhẹ dạ của đám đông

Khi định nghĩa đám đông, chúng tôi đã nói rằng một trong những tính cách chung của nó là tính dễ bị gợi ý quá mức, và chúng tôi cũng đã chỉ ra trong mọi quần tụ người, một sự gợi ý sẽ lây nhiễm đến thế nào; điều đó giải thích sự định hướng nhanh chóng những tình cảm theo một chiều nhất định.

Dù ta giả định đám đông trung lập đến mấy, thì nó vẫn thường ở trong trạng thái chăm chú chờ đợi, làm cho sự gợi ý trở nên dễ dàng. Gợi ý đầu tiên được đưa ra, qua sự lây nhiễm, nó lập tức

---

[1] Kartoum: Thủ đô nước Cộng hoà Soudan.

[2] Núi đá Tarpéienne: là một mỏm núi nằm không xa đền Capilote thuộc La Mã, là nơi hành hình: người ta đẩy tội phạm cho ngã xuống vực.

được áp đặt vào mọi bộ não, và ngay tức khắc sự định hướng được thiết lập. Cũng như ở tất cả những con người được gợi ý, ý tưởng xâm chiếm bộ não có khuynh hướng biến đổi thành hành động. Dù là đốt cháy một toà lâu đài hay thực hiện một hành động tận tuy, đám đông cũng sẵn sàng làm một cách dễ dàng. Tất cả phụ thuộc vào bản chất của tác nhân kích thích chứ không phụ thuộc vào các quan hệ tồn tại giữa hành động được gợi ý và tổng số lí lẽ có thể chống lại việc thực hiện hành động ấy như ở những cá nhân riêng lẻ.

Vậy nên, luôn phiêu bạt trên những giới hạn của vô thức, dễ dàng chịu mọi gợi ý, có mọi sự mãnh liệt về tình cảm riêng ở những người không thể cầu viện đến ảnh hưởng của lí trí, không có tinh thần phê phán, đám đông chỉ có thể thuộc về tính cả tin quá mức. Điều khó tin không tồn tại đối với đám đông, và cần phải nhớ lấy điều này để hiểu được tại sao những truyền thuyết và những câu chuyện khó tin nhất lại dễ dàng được tạo ra và lan truyền*1.

---

*1 Những người tham dự trận bao vây Paris đều đã chứng kiến nhiều ví dụ về tính nhẹ dạ của đám đông. Người ta cả tin vào những điều khó tin nhất. Một ngọn nến thắp trên tầng gác cao lập tức được coi như là tín hiệu báo cho quân thù đang bao vây, mặc dù chỉ sau hai giây suy nghĩ cũng thấy rõ ràng rằng tuyệt đối không thể nhìn thấy ánh sáng của ngọn nến từ khoảng cách nhiều dặm xa.

Sự sáng tạo những truyền thuyết được lưu truyền khá dễ dàng trong đám đông không chỉ được quyết định do tính cả tin vào tất cả. Nó còn được quyết định bởi những biến cố đã bị làm biến dạng ghê gớm do trí tưởng tượng của những con người tụ họp với nhau. Biến cố đơn giản nhất dưới cái nhìn của đám đông sẽ nhanh chóng trở thành một biến cố bị biến dạng. Đám đông suy nghĩ bằng hình ảnh, và hình ảnh được gợi ra, bản thân nó lại gợi thêm một loạt hình ảnh khác chẳng có liên hệ logic nào với hình ảnh ban đầu. Chúng ta dễ dàng nhận thức được trạng thái này khi liên tưởng tới sự nối tiếp kì lạ của những ý tưởng mà đôi khi chúng ta bị dẫn dắt tới thông qua việc gợi ra từ một sự kiện nào đó. Lí trí cho ta thấy những hình ảnh này rời rạc, nhưng đám đông ít thấy điều đó; và trí tưởng tượng gây biến dạng cộng vào với biến cố thực làm nó lẫn lộn cái tưởng tượng với cái thực. Đám đông ít phân biệt được cái chủ quan với cái khách quan. Đám đông chấp nhận những hình ảnh được gợi lên trong tâm trí như là thực, và thường thường hình ảnh ấy chỉ là họ hàng xa với sự kiện được quan sát.

Đám đông chứng kiến một biến cố nào đó rồi làm biến dạng nó đi. Hình như những biến dạng đó nhiều vô kể và theo những chiều hướng khác nhau, bởi vì những cá nhân cấu thành đám đông có khí chất rất khác nhau. Nhưng điều ấy chẳng sao cả. Do lây nhiễm nên những biến dạng đều cùng một bản chất và theo cùng một hướng đối

với mọi cá nhân. Biến dạng đầu tiên được một cá nhân trong tập thể nhận thấy là hạt nhân cho sự gợi ý mang tính lây nhiễm. Trước khi hiện lên trên các bức tường của Jérusalem cho mọi chiến binh Thập tự chinh, Thánh Georges[1] chắc chắn chỉ được một người có mặt nhìn thấy. Bằng con đường gợi ý và lây nhiễm, phép lạ chỉ do một người phát hiện lập tức được tất cả mọi người chấp nhận.

Đó bao giờ cũng là cơ chế của những hoang tưởng tập thể rất thường xảy ra trong lịch sử và dường như có tính chất cổ điển về sự xác thực, bởi vì đó là những hiện tượng đã được hàng nghìn người nhận thấy.

Để chống lại điều trên, không nên nhờ đến đặc tính tinh thần của những cá nhân trong đám đông. Đặc tính đó không quan trọng. Khi con người nằm trong đám đông, kẻ ngu dốt và nhà bác học đều không có khả năng nhận xét.

Luận đề này có thể tỏ ra nghịch lí. Để chứng minh nó cặn kẽ, cần phải sử dụng lại nhiều sự kiện lịch sử, và rất nhiều tập sách cũng sẽ không đủ.

Tuy nhiên, vì không muốn để độc giả có cảm tưởng là khẳng định không chứng cứ nên tôi sẽ

---

[1] Thánh George: tín đồ Ki Tô giáo tuẫn tiết được thờ ở Lydda (Palestin) từ thế kỉ V và chỉ được nói tới trong truyền thuyết, tiêu biểu cho người giang hồ hiệp sĩ. Việc thờ Thánh George chỉ thịnh hành ở châu Âu sau khi các đoàn Thập tự chinh trở về.

đưa ra vài ví dụ nhặt ngẫu nhiên trong vô số những cứ liệu mà ta có thể kể ra.

Sự kiện sau đây là một trong những sự kiện điển hình nhất, bởi vì nó được lựa chọn trong những hoang tưởng tập thể hoành hành trong một đám đông bao gồm đủ loại người, những kẻ dốt nát nhất cũng như người có học nhất. Câu chuyện do trung uý hải quân Julien Félix nhân thể kể lại trong cuốn sách của ông ta về những dòng hải lưu và đã được in lại trong *Tạp chí Khoa học* (Revue Scientifique).

Chiến thuyền Belle Poule chạy trên biển đi tìm tàu hộ tống Berceau. Hai con tàu bị bão nên lạc nhau. Lúc đó đang giữa ban ngày, trời nắng. Bỗng nhiên, chòi quan sát báo hiệu có một chiếc xuồng hỏng. Đoàn thuỷ thủ nhìn về điểm được báo, và tất cả mọi người, sĩ quan và thuỷ thủ đều nhìn thấy rõ một chiếc mảng đầy người do xuồng kéo, trên xuồng treo tín hiệu cấp cứu. Tuy nhiên, đó chỉ là một hoang tưởng tập thể. Đô đốc Desfossés cho trang bị một chiếc xuồng đi ứng cứu những người bị nạn. Khi lại gần, thuỷ thủ và sĩ quan trên xuồng đều trông thấy "đám đông người cuống quýt chìa tay ra, và nghe thấy những âm thanh trầm đục của nhiều giọng nói hỗn tạp". Khi chiếc xuồng tới nơi, người ta chỉ thấy trước mặt mấy cành cây đầy lá từ bờ biển gần đó trôi tới. Đứng trước một sự hiển nhiên có thể sờ mó được như vậy, hoang tưởng tan ngay.

Trong ví dụ này, ta thấy cơ chế của hoang tưởng tập thể diễn ra rất rõ như chúng tôi đã giải thích. Một mặt, đám đông đang chăm chú chờ đợi; mặt khác, sự gợi ý do trạm quan sát báo có một chiếc xuồng hỏng trên biển, điều gợi ý qua con đường lây nhiễm đã được mọi người tham dự, từ sĩ quan đến thuỷ thủ, chấp nhận.

Không cần một đám đông phải nhiều người thì năng lực nhìn đúng cái gì xảy ra trước mặt nó mới bị xoá bỏ, và những sự kiện thực mới bị thay thế bằng những hoang tưởng chẳng có quan hệ gì với chúng. Ngay khi vài cá nhân tụ họp với nhau, họ đã cấu thành một đám đông, và khi đó dù họ là những nhà bác học nổi tiếng, họ cũng mang tính cách đám đông đối với những điều nằm ngoài chuyên môn của mình. Năng lực quan sát và tinh thần phê phán mà từng người trong họ sẵn có lập tức biến mất. Một nhà tâm lí học tài tình, ông Davey, đã cung cấp cho ta một ví dụ kì lạ, mới đây tờ *Niên giám Khoa học tâm lí* (Annales des Sciences psychique) đã in, nó đáng được kể lại ở đây. Ông Davey đã triệu tập một cuộc họp gồm các quan sát viên nổi tiếng, trong số đó có ngài Wallace[1], nhà bác học hàng đầu của

[1] Alfred Wallace (1823 - 1913): nhà hàng hải và vạn vật học người Anh, những nhận xét về động vật học mà ông rút ra qua nhiều chuyến đi đã thừa nhận vai trò của chọn lọc tự nhiên trong sự tiến hoá của muôn loài.

nước Anh. Ông Davey để cho họ xem xét các đồ vật, và đánh dấu vào chỗ tuỳ họ thích, rồi ông thực hiện trước mặt họ tất cả những hiện tượng thông linh cổ điển như: vật chất hoá thần linh, viết trên bảng đá v.v... Sau đó, nhận được từ các quan sát viên nổi tiếng những bản tường trình khẳng định rằng những hiện tượng được quan sát chỉ có thể đạt được nhờ các phương tiện siêu nhiên, ông tiết lộ cho họ biết rằng những hiện tượng ấy chỉ là kết quả của những trò gian trá rất đơn giản. Tác giả bài tường thuật viết: "Điều đáng ngạc nhiên nhất trong thí nghiệm của ông Davey không phải sự kì diệu của bản thân những trò biểu diễn, mà là sự yếu kém vô cùng của những quan hệ mà các nhân chứng không am hiểu vấn đề đã làm. Vậy những nhân chứng có thể viết nhiều chuyện kể xác thực hoàn toàn lầm lẫn, nhưng kết quả là, *nếu ta chấp nhận sự mô tả của họ là đúng*, thì những hiện tượng họ mô tả sẽ không thể giải thích được bằng trò gian trá. Những phương pháp được ông Davey sáng tạo thật đơn giản đến mức ta phải ngạc nhiên là ông quá táo bạo khi sử dụng chúng; nhưng ông đã có một quyền lực như thế đối với tâm trí đám đông đến nỗi ông có thể thuyết phục nó để nó phải nhìn thấy cái điều mà nó không nhìn thấy". Đó luôn là quyền năng của nhà thôi miên đối với người bị thôi miên. Nhưng khi ta thấy quyền

năng này tác động được lên những trí tuệ cao siêu, mà đã được cảnh báo trước, thì ta hiểu thật dễ dàng đến chừng nào để làm cho những đám đông bình thường bị rơi vào ảo tưởng.

Những ví dụ tương tự nhiều vô kể. Vào lúc tôi viết những dòng chữ này, những tờ nhật báo đăng tải đầy câu chuyện về hai em bé gái chết đuối được vớt từ sông Seine. Đầu tiên, một tá nhân chứng khẳng định dứt khoát đã nhận diện được hai em. Mọi điều khẳng định đều khớp nhau đến nỗi ông cán bộ kiểm sát chẳng còn nghi ngờ điều gì nữa. Ông cho lập giấy khai tử. Nhưng đến lúc chuẩn bị tiến hành mai táng, thì ngẫu nhiên người ta phát hiện hai nạn nhân giả định vẫn đang sống sờ sờ; vả lại chúng chỉ hao hao giống với hai em bé chết đuối. Cũng như những ví dụ đã kể trên, sự khẳng định của nhân chứng đầu tiên, nạn nhân của một ảo tưởng đã đủ để gợi ý cho những người khác.

Trong các trường hợp tương tự, điểm xuất phát của sự gợi ý bao giờ cũng là ảo tưởng được nảy sinh ở một cá nhân, do những hồi ức ít nhiều mơ hồ, rồi tiếp theo là sự lây nhiễm bằng con đường khẳng định cái ảo tưởng ban đầu này. Nếu người quan sát đầu tiên là người rất mẫn cảm thì, loại bỏ tất cả những điểm giống nhau trong thực tế, xác chết mà ông ta nhận ra, chỉ cần một vài điểm đặc thù như một vết sẹo hay một

chi tiết trang phục, cũng có thể gợi cho ông ta ý tưởng về người này người khác.

Ý tưởng được gợi ra lúc ấy có thể trở thành hạt nhân của sự kết tinh hoá xâm chiếm trường lí trí và làm tê liệt mọi năng lực phê phán. Lúc này, điều mà người quan sát nhìn thấy không phải là bản thân đối tượng nữa mà chính là hình ảnh được gợi trong tâm trí anh ta. Vậy nên, có thể giải thích được chuyện nhận diện nhầm xác con của chính người mẹ, như trường hợp sau, đã xưa cũ mà gần đây báo chí có nhắc lại. Ở đây, ta thấy biểu hiện rõ hai loại gợi ý mà tôi vừa mới vạch ra cơ chế.

"Một trẻ nhỏ được một trẻ khác nhận ra. Trẻ thứ hai nhầm. Thế là một loạt những nhận diện sai được tiếp diễn.

Và ta thấy một chuyện rất kì lạ. Sau cái ngày em học trò nhận diện ra xác chết, một người phụ nữ kêu lên: " Lạy Chúa! Đây là con tôi".

Người ta đưa bà tới cạnh xác chết. Bà quan sát quần áo, nhận thấy một vết sẹo trên trán. Bà nói: "Đúng là thằng bé khốn khổ của tôi. Nó bị lạc từ tháng Bảy vừa rồi. Người ta đã bắt nó và người ta đã giết con tôi!".

Người đàn bà làm nghề gác cổng ở phố Four và tên là Chavandret. Người ta cho gọi người anh rể của bà ta đến, không do dự ông ta nói: "Đây là

cháu bé Philibert". Nhiều người dân cùng phố cũng công nhận đứa trẻ được tìm thấy ở La Vilette chính là Philibert Chavandret, đấy là chưa kể thầy giáo của em, đối với ông chiếc huy hiệu là một dấu hiệu.

Thế đấy! Những người hàng xóm, người anh rể, thầy giáo và người mẹ đều nhầm lẫn. Sáu tuần sau, nhân dạng của đứa trẻ được xác lập. Đó là một em nhỏ ở Bordeaux, bị giết ở Bordeaux, rồi được hãng vận tải chuyển tới Paris*[1]".

Người ta nhận thấy rằng những cuộc nhận diện như thế thường được tiến hành với phụ nữ và trẻ nhỏ, nghĩa là với những con người mẫn cảm nhất. Đồng thời những cuộc nhận diện ấy cho chúng ta thấy, trong pháp luật, những sự làm chứng như thế có giá trị gì. Nhất là đối với trẻ nhỏ, đừng bao giờ viện dẫn những lời khẳng định của chúng. Các vị quan toà thường nhắc đi nhắc lại một điều sáo rỗng rằng ở tuổi này, người ta không nói dối. Với chút kiến thức tâm lí học hơi sơ sài, họ sẽ biết rằng ở tuổi ấy, trái lại, người ta hầu như luôn nói dối. Tất nhiên, sự nói dối ấy là ngây thơ, nhưng vẫn là nói dối. Thà rằng quyết định bằng cách gieo tiền sấp ngửa, còn hơn là kết án một bị cáo theo lời chứng của một trẻ nhỏ, như người ta đã làm rất nhiều lần.

---

*[1] Báo *Éclair* ngày 21 tháng Tư năm 1895.

Lại nói về những nhận xét do đám đông thực hiện, ta sẽ kết luận rằng những nhận xét tập thể thường sai lạc nhất trong mọi nhận xét, và thông thường chúng biểu thị ảo tưởng đơn giản của một cá nhân đã gợi ý cho những người khác qua con đường lây nhiễm. Ta có thể nhân lên đến vô tận những sự kiện để chứng minh rằng cần phải vô cùng cảnh giác với sự làm chứng của đám đông. Hàng ngàn người đã tham dự vào lời buộc tội nổi tiếng đối với kỵ binh ở trận chiến Sedan[1], tuy nhiên, với sự có mặt của nhiều người chứng kiến tận mắt mâu thuẫn nhau nhất, thật khó có thể biết kỵ binh đã do ai chỉ huy. Trong một cuốn sách mới đây, ngài Wolseley[2] vị tướng người Anh đã chứng minh rằng cho đến tận bây giờ người ta vẫn phạm những sai lầm nghiêm trọng nhất đối với những sự kiện quan trọng nhất trong trận chiến Waterloo[3], những sự kiện mà hàng trăm nhân chứng đã chứng thực[*4].

---

[1] Sedan: thủ phủ của tỉnh Ardennes thuộc miền Đông Bắc nước Pháp. Napoléon III đã đầu hàng tại đây vào năm 1870.

[2] Sir Garnet Wolseley (1833 - 1913): thống chế xuất sắc người Anh đã bảo vệ các thuộc địa của đế chế Anh trên khắp thế giới.

[3] Waterloo: một làng ở Bỉ, nơi Napoléon I đã thua trận trước tướng Wellington và Blücher vào năm 1815.

[*4] Đối với chỉ riêng một trận chiến, liệu ta có biết nó chính xác xảy ra như thế nào không? Tôi rất ngờ điều ấy. Chúng ta biết được ai thắng, ai thua, nhưng có lẽ chẳng ai

Các sự kiện như thế đã chứng tỏ cho ta thấy giá trị của việc làm chứng của đám đông là thế nào. Những chuyên luận logic học đưa sự nhất trí của nhiều nhân chứng vào phạm trù những chứng cứ vững chãi nhất mà ta có thể viện dẫn để chứng minh tính đúng đắn của một sự kiện. Nhưng điều mà ta biết về tâm lí học đám đông đã chứng minh rằng, về điểm này, các chuyên luận logic học cần phải viết lại hết. Những biến cố đáng ngờ nhất chắc chắn là những biến cố do rất đông người chứng kiến. Nói rằng một sự kiện đã đồng thời được hàng ngàn nhân chứng quan sát, thông thường có nghĩa là sự kiện thực sẽ khác nhiều so với câu chuyện đã được chấp nhận.

Rõ ràng từ những điều nói trên, ta suy ra rằng cần phải coi sách lịch sử như là những cuốn sách tưởng tượng thuần tuý. Đó là những câu chuyện thêu dệt về các sự kiện được quan sát sơ sài, đi

---

biết gì hơn. Ông d'Harcourt vừa là người tham dự vừa là nhân chứng, tường trình về trận Solférino. Điều ông nói có thể áp dụng cho mọi trận chiến: "Các vị tướng (dĩ nhiên được biết qua hàng trăm nhân chứng) truyền đạt báo cáo chính thức; những sĩ quan truyền mệnh lệnh thay đổi tư liệu và viết dự án cuối cùng; tham mưu trưởng đưa dự án ra tranh cãi và viết mới lại. Người ta trình nó lên Thống chế. Ngài kêu to: "Chắc chắn các anh đã nhầm!", và ngài đã thay nó bằng bản viết mới. Hầu như bản này chẳng còn chút gì gần gũi với bản tường trình lúc đầu". Ông d' Harcourt đã kể lại sự kiện này như một chứng cứ của việc không thể xác lập sự thật về một biến cố đột ngột nhất, được xem xét kĩ nhất.

kèm những lời giải thích được thực hiện sau đó. Đánh vữa thạch cao là việc làm có ích hơn là mất thời giờ để viết những cuốn sách như thế. Nếu quá khứ không để lại cho chúng ta những tác phẩm văn học, nghệ thuật và kiến trúc, thì chúng ta sẽ tuyệt nhiên chẳng biết đâu là thực về quá khứ ấy. Liệu chúng ta có biết một chút gì là thực về cuộc đời những vĩ nhân, những người đã giữ vai trò nổi trội trong nhân loại như Hercule[1], Đức Phật, Chúa Jésus hay nhà Tiên tri Mahomet[2] không? Rất có thể là không. Vả lại, xét cho cùng, cuộc đời thực của họ đối với chúng ta cũng chẳng quan trọng lắm. Điều mà chúng ta quan tâm muốn biết là những vĩ nhân như truyền thuyết dân gian đã sáng tạo nên là ai. Đó là những bậc anh hùng truyền thuyết, chứ tuyệt nhiên không phải là những anh hùng hiện thực, những người đã gây ấn tượng cho tâm hồn đám đông.

Khốn thay, những truyền thuyết – dù chúng có được sách vở xác định – thì bản thân chúng cũng không có chút vững chắc nào. Trí tưởng

---

[1] Hercule (tên Hy Lạp: Héraclès): anh hùng của thần thoại Hy Lạp, con trai của Zeus và Alcmène, huyền thoại về chàng gắn liền với 12 kì công.

[2] Mahomet (khoảng 570 - 632): là nhà tiên tri truyền đạt sứ điệp của Allah (Thượng Đế) và là người sáng lập ra đạo Islam (đạo Hồi). Ông phải trốn khỏi Mecque vào năm 622. Sau một thời gian dài chiến tranh, ông chiếm lấy thành phố này vào năm 630.

tượng của đám đông đã biến đổi chúng không ngừng theo các thời đại, và nhất là theo từng chủng tộc. Có khoảng cách rất xa từ đấng Jéhovah khát máu của Kinh Cựu ước đến Đức Chúa Trời mang tình yêu thương của nữ thánh Thérèse, và Đức Phật được thờ phụng ở Trung Hoa cũng chẳng có điểm gì chung với Đức Phật được sùng bái ở Ấn Độ.

Cũng chẳng cần đến nhiều thế kỉ đi qua để trí tưởng tượng của đám đông biến đổi truyền thuyết về những người anh hùng. Đôi khi, sự biến đổi chỉ cần vài năm. Ở thời nay, chúng ta cũng thấy truyền thuyết về một trong những anh hùng vĩ đại nhất của lịch sử đã bị biến đổi nhiều lần trong vòng chưa đầy 50 năm. Dưới thời Bourbon[1], Napoléon trở thành một nhân vật trữ tình, từ tâm và tự do, bạn của những người nghèo khổ, theo cách nói của các thi sĩ, những con người nghèo khổ ấy phải lưu giữ dài lâu kỉ niệm về người dưới mái tranh. Ba mươi năm sau, người anh hùng nhu nhược đã trở thành một bạo chúa khát máu, sau khi chiếm đoạt quyền lực và tự do, đã làm chết ba triệu người duy chỉ để thoả mãn tham vọng của mình. Ngày nay, chúng ta

[1] Bourbon: dòng vua Pháp, hậu duệ của vua Louis I, bá tước lãnh địa Bourbon – l'Archambault và Bourbonnais, dòng họ này trị vì ở Navarre, Pháp trong giai đoạn 1589 - 1793, ở Tây Ban Nha trong giai đoạn 1700 - 1868, 1874 – 1931, ở xứ Naples và Sicile giai đoạn 1734 - 1860.

lại chứng kiến một biến đổi mới của truyền thuyết. Khi vài chục thế kỉ qua đi, nhà khoa học trong tương lai đứng trước những câu chuyện mâu thuẫn nhau như vậy, có lẽ sẽ nghi ngờ sự tồn tại của người anh hùng, cũng như đôi khi họ nghi ngờ về sự tồn tại của Đức Phật, và chỉ nhìn thấy ở ngài một huyền thoại nào đó về mặt trời, hay một sự phát triển của truyền thuyết về Hercule. Hẳn họ sẽ dễ bằng lòng về sự không chắc chắn này, bởi vì họ am hiểu tri thức về tâm lí học đám đông hơn ngày nay, họ sẽ biết rằng lịch sử khó giữ được cái gì vĩnh hằng ngoài những huyền thoại.

3 - Sự phóng đại và giản đơn trong tình cảm

Dù một đám đông biểu hiện tình cảm thế nào, tốt hay xấu, thì nó cũng có tính cách kép, đó là giản đơn và phóng đại. Về điểm này, cũng như về nhiều điểm khác, cá nhân nằm trong đám đông gần với người nguyên thuỷ. Không thể đạt tới những sắc thái, họ nhìn sự vật trong một khối và không nhận thấy những chuyển tiếp. Trong đám đông, sự phóng đại những tình cảm được tăng cường bởi sự việc: một tình cảm được biểu lộ lan truyền rất nhanh bằng con đường gợi ý và lây nhiễm, nên sự tán thưởng rõ ràng dành cho tình cảm ấy làm gia tăng đáng kể sức mạnh của nó.

Tính giản đơn và phóng đại những tình cảm của đám đông đã khiến nó không biết đến nghi ngờ và lưỡng lự. Giống như phụ nữ, những tình cảm lập tức đi tới cực đoan. Nỗi hoài nghi được nói ra tức thì biến thành sự thực hiển nhiên không cần bàn cãi. Một sự khởi đầu ác cảm hoặc không tán thưởng, ở một cá nhân tách riêng sẽ không trở nên đậm nét, và sẽ lập tức trở thành hận thù hung dữ ở một cá nhân nằm trong đám đông.

Sự mãnh liệt của tình cảm trong đám đông còn được phóng đại lên, nhất là ở đám đông không thuần nhất, do không có trách nhiệm. Tin chắc không bị trừng phạt, đám đông càng đông sự tin chắc càng bền vững, và quan niệm về một sức mạnh nhất thời đáng kể nhờ số lượng, đã làm cho tập thể khả dĩ có những tình cảm và hành động mà cá nhân riêng lẻ không thể có. Trong đám đông, kẻ ngu đần, kẻ dốt nát, kẻ đố kỵ được giải phóng khỏi ý thức về sự vô giá trị và sự bất lực của mình, ý thức ấy được thay thế bằng ý niệm về một sức mạnh tàn bạo, nhất thời, nhưng vô cùng to lớn.

Sự phóng đại, ở đám đông, khốn khổ thay lại thường dựa trên những tình cảm xấu, di chứng mang tính lại giống của những bản năng người nguyên thuỷ. Vì sợ trừng phạt nên những cá nhân riêng rẽ và có trách nhiệm buộc phải hãm những

bản năng ấy lại. Đó là điều làm cho đám đông dễ dàng bị dẫn tới những quá khích xấu xa nhất.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là khi được gợi ý khéo léo, đám đông sẽ không thể có hành vi anh hùng, tận tụy và những đức hạnh cao cả. Thậm chí, đám đông còn có thể làm những điều đó tốt hơn nhiều so với cá nhân riêng lẻ. Chúng ta sẽ có dịp trở lại vấn đề này khi nghiên cứu đạo đức của đám đông.

Vì ưa thổi phồng trong tình cảm nên đám đông chỉ bị ấn tượng bởi những tình cảm quá khích. Diễn giả nào muốn lôi cuốn đám đông đều phải lạm dụng sự khẳng định mạnh mẽ. Thổi phồng, khẳng định, nhắc đi nhắc lại, và không bao giờ thử chứng minh điều gì bằng sự suy luận, là những phương pháp biện luận ai cũng biết của các diễn giả trong các cuộc hội họp quần chúng. Đám đông còn muốn chính sự thổi phồng ấy trong tình cảm những người hùng của họ. Các ưu điểm và đức hạnh bề ngoài của những người hùng bao giờ cũng phải được khuếch đại. Người ta đã nhận xét rất đúng rằng trong rạp hát đám đông đòi hỏi nhân vật chính của vở kịch phải có đức tính can đảm, đạo đức và đức hạnh không bao giờ được thực hiện trong đời sống.

Trong lĩnh vực sân khấu, người ta có lí khi nói tới một nhãn quan đặc biệt. Có một nhãn quan

như vậy thật, nhưng những quy tắc của nó thường không liên quan tới lương tri và logic. Nghệ thuật nói trước đám đông tất nhiên là ở cấp độ thấp, nhưng đòi hỏi những khả năng hoàn toàn đặc biệt. Thật khó có thể giải thích để hiểu sự thành công của một số vở kịch. Nhiều giám đốc nhà hát khi nhận những vở ấy, bản thân họ thường không chắc chắn về sự thành công của chúng, bởi vì muốn đánh giá thì điều cần thiết là họ phải có khả năng tự biến đổi thành đám đông*[1]. Còn ở đây, nếu ta có thể tìm hiểu sâu về sự phát triển, ta sẽ thấy ảnh hưởng ưu trội của chủng tộc. Một vở kịch làm cho đám đông của một nước này phấn khởi, đôi khi lại chẳng có chút thành công nào trong một nước khác, hoặc chỉ có một thành công tương đối và có tính chiếu

*[1] Chính điều này giải thích tại sao đôi khi có những vở kịch bị tất cả các giám đốc nhà hát từ chối, lại thành công rực rỡ khi ngẫu nhiên chúng được công diễn. Ta biết thành công của vở *Vì vinh quang* (Pour la Couronne) của Copfée. Nó đã bị các giám đốc các nhà hát hàng đầu từ chối suốt 10 năm, dù tác giả rất nổi tiếng. Vở *Mẹ đỡ đầu của Charley* (La marraine de Charley) bị tất cả các nhà hát từ chối, cuối cùng được một nhân viên hối đoái bỏ tiền ra dựng. Nó đã có 200 buổi diễn ở Pháp, hơn 1.000 buổi ở Anh. Nếu không có sự lí giải trên đây về việc những giám đốc nhà hát không thể thay đám đông cảm nhận thì những đánh giá sai lầm như thế của các chuyên gia có thẩm quyền và vốn không hề muốn phạm sai lầm là không thể nào giải thích được. Đó là một vấn đề tôi không thể khai triển ở đây và nó đáng được nghiên cứu dài hơn

lệ, bởi vì nó không vận dụng những động lực có khả năng làm khơi dậy công chúng mới.

Tôi không cần nói thêm rằng sự thổi phồng của đám đông chỉ ảnh hưởng tới tình cảm và chẳng tác động gì tới trí tuệ. Tôi đã chỉ ra rằng riêng việc cá nhân nằm trong đám đông, trình độ trí tuệ của anh ta đã thấp xuống ngay lập tức và rất đáng kể. Đó là điều ông Tarde[1] cũng nhận thấy trong nghiên cứu của ông về tội ác của đám đông. Vậy, chỉ trong lĩnh vực tình cảm, đám đông mới có thể leo lên rất cao hay ngược lại tụt xuống rất thấp mà thôi.

4 – Lòng bất khoan dung, tính chuyên chế và bảo thủ của đám đông

Đám đông chỉ biết tới những tình cảm giản đơn và cực đoan; những ý kiến, tư tưởng và niềm tin đã gợi ý cho đám đông đều được chấp nhận hoặc bị vứt bỏ tất thảy, rồi được xem như những chân lí tuyệt đối hay những sai lầm cũng không kém phần tuyệt đối. Bao giờ cũng xảy ra như thế đối với những niềm tin được xác định qua con đường gợi ý, mà lẽ ra chúng phải được sinh ra

---

[1] Gabriel Tarde (1843 - 1904): nhà xã hội học Pháp, tác giả của những công trình về vấn đề trọng tội, đại diện chính của xã hội học theo xu hướng tâm lí ở Pháp. Các tác phẩm chính: *Trọng tội học so sánh* (1886), *Nghiên cứu hình sự xã hội* (1892), *Nghiên cứu tâm lí xã hội* (1898).

qua con đường suy lí. Ai cũng biết những niềm tin tôn giáo đều bất khoan dung biết nhường nào, và như bạo chúa chúng tác động xiết bao tới tâm hồn con người.

Không chút nghi ngờ với những gì là chân lí hoặc sai lầm, mặt khác lại có khái niệm rõ ràng về sức mạnh của mình, đám đông vừa chuyên chế vừa bất khoan dung. Cá nhân có thể chịu đựng được mâu thuẫn và tranh cãi, còn đám đông thì không bao giờ chịu đựng được điều đó. Trong những cuộc hội họp đông người, diễn giả chỉ mới bộc lộ chút mâu thuẫn thôi, lập tức đã bị bao vây bởi những tiếng la hét cuồng nộ và những lời thoá mạ kịch liệt, ngay tiếp theo là những hành động gây tổn thương và xua đuổi dù diễn giả có cố nài nỉ. Nếu không có sự hiện diện của người có quyền lực, người có ý kiến trái ngược thậm chí còn bị giết. Tính chuyên chế và bất khoan dung là tiêu biểu cho tất cả các loại đám đông, nhưng chúng ở nhiều mức độ rất khác nhau, và ở đây lại xuất hiện khái niệm cơ bản về chủng tộc, kẻ thống trị mọi tình cảm và mọi tư tưởng của con người. Tính chuyên chế và bất khoan dung phát triển đến cấp độ cao nhất là ở những đám đông người Latin. Nó đi đến chỗ hoàn toàn phá huỷ ý thức độc lập cá nhân vốn rất mạnh mẽ ở người Anglo - Saxon. Đám đông Latin chỉ nhạy cảm với sự độc lập tập thể của nhóm phái mà nó thuộc về

và đặc điểm của thứ độc lập tập thể này là nhu cầu nô lệ hoá áp đặt niềm tin của mình cho bất cứ kẻ nào không cùng ý kiến một cách tức thời và bạo lực. Ở những dân tộc Latin, những kẻ Jacobins[1] ở mọi thời đại, từ những người thời Toà án dị giáo, đã không bao giờ có thể vươn lên tới một thứ quan niệm nào khác về tự do.

Đối với đám đông, tính chuyên chế và bất khoan dung là những tình cảm rất rõ ràng, mà nó hiểu dễ dàng và chấp nhận cũng dễ dàng, nó thực hành những điều đó ngay khi người ta áp đặt chúng cho nó. Đám đông ngoan ngoãn tôn trọng sức mạnh và chẳng mấy ấn tượng với lòng nhân từ mà đối với nó chỉ là một hình thức của sự yếu đuối. Cảm tình của đám đông không bao giờ dành cho các ông chủ nhu nhược mà dành cho những bạo chúa đã mạnh mẽ đè bẹp họ. Bao giờ đám đông cũng dựng tượng đài cao nhất cho các bạo chúa. Nếu như đám đông sẵn sàng khinh rẻ những bạo chúa đã bị lật đổ thì chỉ vì bạo chúa ấy đã mất sức mạnh, hắn đã thuộc vào loại kẻ yếu mà người ta khinh bỉ bởi vì người ta không sợ những kẻ ấy nữa. Loại anh hùng quý hoá với đám đông bao giờ cũng có cấu trúc như một César. Hình ảnh sặc sỡ phù hoa của ông ta cám

---

[1] Jacobins: Đảng cách mạng do Lanjuinais và le Chapelier thành lập với tên gọi câu lạc bộ Bretagne (1789), Robespierre là một trong những người hùng biện chính.

dỗ họ, quyền lực của ông ta bắt họ kính nể và thanh gươm của ông ta làm họ sợ.

Luôn sẵn sàng nổi dậy chống lại một quyền lực yếu, song đám đông lại khom lưng nô lệ trước một quyền lực mạnh. Nếu sức mạnh của quyền lực bị gián đoạn, thì đám đông tuân theo những tình cảm cực đoan, luân chuyển từ vô chính phủ sang nô lệ, rồi từ nô lệ sang vô chính phủ.

Vả lại sẽ là kém hiểu biết về tâm lí học đám đông khi tin vào sự ưu trội trong những bản năng cách mạng của nó. Chỉ riêng tính bạo lực của đám đông cũng đã làm ta ảo tưởng về điểm này. Những bùng phát nổi loạn và phá hoại của nó bao giờ cũng rất nhất thời. Đám đông bị cái vô thức thống trị quá nhiều, và do đó chịu ảnh hưởng bởi sự di truyền lâu đời, nên nó thành ra cực kì bảo thủ.

Bị bỏ rơi một mình, đám đông sẽ chán ngán sự mất trật tự và theo bản năng nó sẽ sớm hướng về sự nô lệ. Chính những người Jacobins kiêu hãnh nhất, khó trị nhất lại là những người nhiệt tình đón chào Bonaparte nhất, khi ông ta thủ tiêu mọi quyền tự do và cứng rắn giơ bàn tay sắt.

Rất khó để hiểu lịch sử, nhất là lịch sử của những cuộc cách mạng quần chúng khi ta không hiểu những bản năng bảo thủ sâu xa của đám đông. Họ muốn thay đổi tên những thiết chế của

mình, và đôi khi họ thực hiện các cuộc cách mạng bạo lực để có được những thay đổi ấy; nhưng nền tảng của các thiết chế này lại là sự biểu hiện quá mạnh mẽ những nhu cầu di truyền của chủng tộc khiến chúng khó mà không luôn luôn quay trở lại. Tính hay thay đổi của họ chỉ dựa trên những sự việc hoàn toàn mang tính bề ngoài. Thực ra, đám đông có những bản năng bảo thủ không thể thay đổi được như bản năng của người nguyên thuỷ. Lòng sùng kính đối với truyền thống là tuyệt đối. Nỗi sợ hãi vô thức của họ đối với những cái mới có khả năng làm thay đổi điều kiện sống thực tế của họ, là hoàn toàn sâu sắc. Nếu các nền dân chủ đã sở hữu được quyền lực, như chúng có hôm nay, vào cái thời mà người ta sáng chế ra máy dệt cơ khí, máy hơi nước và đường sắt, thì sự hiện thực hoá những sáng chế ấy đã không xảy ra, hoặc có xảy ra thì phải trả giá bằng những cuộc cách mạng và những cuộc tàn sát liên miên. Thật may cho những tiến bộ văn minh, bởi vì sức mạnh của đám đông chỉ bắt đầu nảy sinh khi những phát minh lớn của khoa học và công nghệ đã được hoàn tất.

5 - Đạo đức của đám đông

Nếu ta hiểu từ *đạo đức* theo cái nghĩa luôn tôn trọng một số quy ước xã hội, và thường xuyên đàn áp những xung động ích kỉ, thì rõ ràng là

đám đông đã quá bốc đồng và hay thay đổi để có thể gọi là có đạo đức. Nhưng nếu, trong khái niệm đạo đức, chúng ta đưa vào sự xuất hiện nhất thời một số đức tính như: sự quên mình, lòng tận tụy, tính vô tư, sự hy sinh bản thân, nhu cầu công lí, thì chúng ta có thể nói trái lại, đám đông đôi khi có thể có đạo đức rất tốt.

Một số rất ít các nhà tâm lí học nghiên cứu đám đông lại chỉ xem xét nó về phương diện hành vi tội phạm, và nhìn xem hành vi ấy xảy ra thường xuyên đến mức nào, họ đã coi như đám đông có trình độ đạo đức rất thấp kém.

Chắc chắn thường xảy ra như vậy. Nhưng tại sao? Đơn giản chỉ vì những bản năng phá hoại hung hãn là những tàn dư của thời nguyên thuỷ, vẫn nằm ngủ ở đáy sâu trong mỗi chúng ta. Trong đời sống cá nhân riêng lẻ, thật nguy hiểm cho anh ta nếu làm thoả mãn những bản năng này, trong khi nếu cá nhân nhập vào một đám đông vô trách nhiệm, và vì ở đấy sự không bị trừng phạt được bảo đảm, nên đã tạo cho anh ta hoàn toàn tự do để theo đuổi những bản năng ấy. Không thể thường xuyên tác động những bản năng phá hoại ấy lên đồng loại, nên ta hạn chế chỉ làm điều đó đối với thú vật. Chính đó là nguồn gốc nảy sinh những đam mê rất phổ biến đối với săn bắn và những hành vi bạo tàn của đám đông. Một đám đông từ từ băm nát một nạn

nhân không có gì bảo vệ, chứng tỏ một sự tàn bạo rất hèn hạ; nhưng đối với nhà triết học thì sự tàn bạo ấy rất giống với sự dã man của những người đi săn họp nhau lại đến cả tá người để tìm thú vui khi tham dự cuộc săn đuổi và xua bầy chó cắn thủng bụng một con hươu khốn khổ.

Nếu đám đông có khả năng giết người, đốt nhà và làm mọi thứ tội ác, thì nó cũng có khả năng hành động tận tuy, hi sinh và vô tư rất cao cả, thậm chí cao cả hơn rất nhiều so với sự cao cả mà cá nhân riêng lẻ có thể làm. Người ta đã tác động chủ yếu lên cá nhân nằm trong đám đông, và thường là đến mức có được sự hi sinh mạng sống, bằng cách viện dẫn đến ý thức về vinh quang, danh dự, tôn giáo và tổ quốc. Lịch sử đầy rẫy những ví dụ tương tự như những chiến binh Thập tự chinh[1] và những người tình nguyện của năm 93. Chỉ có tập thể mới có khả năng thực hiện những hành động vô tư vĩ đại và những hiến dâng vĩ đại.

Đã có biết bao nhiêu đám đông từng hi sinh anh dũng vì những niềm tin, những tư tưởng và những ngôn từ mà họ hầu như không hiểu.

---

[1] Thập tự chinh: cuộc viễn chinh được Giáo hội tổ chức để giải phóng Miền đất thánh, nhất là mộ của Chúa Ki Tô ở Jérusalem, kéo dài từ thế kỉ XI đến thế kỉ thứ XIII. Nó diễn ra khi lối vào Palestine đã trở nên rất khó khăn do sự xâm lược của người Thổ.

Những đám đông đình công đã làm việc đó còn tốt hơn để tuân theo một khẩu hiệu chứ đâu chỉ để được tăng thêm đồng lương còm mà họ đã cam lòng. Quyền lợi cá nhân hiếm khi là động lực mạnh mẽ ở đám đông, trong khi nó là động lực gần như chủ yếu ở cá nhân riêng lẻ. Chắc không phải quyền lợi đã hướng đạo đám đông trong nhiều cuộc chiến tranh, điều thường khó có thể hiểu đối với trí tuệ đám đông, ở đấy đám đông dễ dàng hi sinh thân mình, giống như loài chim chiền chiện bị người đi săn dùng gương để thôi miên.

Ngay cả đối với những kẻ vô lại nhất, thường xảy ra khi họ tập hợp nhau lại thành đám đông, cũng nhất thời có những nguyên tắc đạo đức rất nghiêm ngặt. Taine nhận ra rằng những kẻ tàn sát người hồi tháng Chín[1] đều đem nộp lên bàn hội đồng tất cả những ví tiền và đồ trang sức mà họ tìm thấy trên người các nạn nhân, dù họ có thể dễ dàng ăn cắp. Đám đông la hét, lúc nhúc và khốn cùng trong cuộc Cách mạng 1848 đã chiếm điện Tuileries[2], cũng không hề chiếm một đồ vật nào làm của riêng, dù vật đó làm họ loá mắt và

---

[1] Cuộc thảm sát tháng Chín: hưởng ứng lời kêu gọi của Công xã Paris, tầng lớp dân nghèo ở Pháp đã đứng lên chống lại quân Phổ xâm lược, đồng thời tiến hành trấn áp những người bị coi là phản động. Chỉ trong ba ngày đầu tháng Chín, người ta đã xử tử hơn 1.000 người.

[2] Cung điện Tuileries: nơi ở của các vua chúa Pháp thời xưa.

chỉ lấy một vật thôi họ cũng đủ miếng ăn trong nhiều ngày.

Việc đám đông đã đạo đức hoá cá nhân chắc không phải là một quy tắc bất biến, nhưng đó là một quy tắc mà ta thường thấy. Ta còn thường thấy điều này trong những trường hợp ít nghiêm trọng hơn những hoàn cảnh mà tôi vừa kể. Tôi đã nói rằng ở rạp hát đám đông muốn nhân vật của vở kịch phải có những đức hạnh được phóng đại, và anh ta thuộc về một sự quan sát tầm thường mà một cử toạ gồm những thành phần thấp kém, cũng tỏ ra rất đứng đắn. Kẻ ăn chơi lõi đời, tên ma cô, đứa mất dạy chuyên nhạo báng thường xì xào trước một cảnh hơi quá trớn hay một lời đề nghị phóng túng, tuy cũng chẳng đáng kể gì so với những câu nói quen thường ngày của họ.

Vậy nếu đám đông thường tự phó mặc cho những bản năng thấp hèn, thì đôi lúc họ cũng nêu gương trong những hành vi đạo đức cao cả. Nếu như tính vô tư, lòng cam chịu, lòng tận tuy tuyệt đối cho một lí tưởng không tưởng hay hiện thực là những đức hạnh đạo đức, thì ta có thể nói rằng đám đông thường có những đức hạnh ấy ở một mức độ mà các nhà hiền triết khôn ngoan nhất cũng hiếm khi đạt được. Tất nhiên, đám đông thực hành chúng trong vô thức, song điều ấy quan trọng gì. Ta cũng không nên than phiền

rằng đám đông chủ yếu bị vô thức điều khiển, và ít khi suy luận. Nếu đám đông đã đôi lúc suy luận và chất vấn về quyền lợi trực tiếp của mình, thì có lẽ chẳng có nền văn minh nào được phát triển trên bề mặt hành tinh của chúng ta, và nhân loại sẽ không có lịch sử.

Chương III

TƯ TƯỞNG, SỰ SUY LUẬN VÀ TRÍ TƯỞNG TƯỢNG CỦA ĐÁM ĐÔNG

1 - Tư tưởng của đám đông. - *Những tư tưởng chính yếu và những tư tưởng thứ yếu. - Làm thế nào để có thể đồng thời tồn tại những tư tưởng đối nghịch. - Những tư tưởng cao siêu phải biến đổi như thế nào để có thể đi tới đám đông. – Vai trò xã hội của những tư tưởng luôn độc lập đối với phần chân lí mà chúng có thể hàm chứa.*

2 - Suy luận của đám đông. - *Đám đông không thể bị ảnh hưởng bởi những suy luận. - Suy luận của đám đông bao giờ cũng ở cấp độ sơ đẳng. - Những tư tưởng mà đám đông liên kết chỉ có vẻ bề ngoài giống nhau hoặc kế tiếp nhau.*

3 - Trí tưởng tượng của đám đông. - *Sức mạnh của trí tưởng tượng của đám đông. – Đám đông suy nghĩ bằng hình ảnh và những hình ảnh nối tiếp nhau này không có chút quan hệ nào. – Đám đông bị ấn*

tượng nhất bởi khía cạnh kì diệu của sự vật. – Cái tuyệt diệu và cái hoang đường là những bệ đỡ thật sự của các nền văn minh. – Trí tưởng tượng của bình dân luôn là nền tảng quyền lực của các chính khách. – Những sự kiện xảy ra như thế nào để có thể tác động vào trí tưởng tượng của đám đông.

1- Tư tưởng của đám đông

Trong cuốn sách trước, khi nghiên cứu về vai trò của tư tưởng trong sự tiến hoá của các dân tộc, chúng tôi đã vạch rõ rằng mỗi nền văn minh đều sinh ra từ một phần nhỏ những tư tưởng cơ bản rất hiếm khi được đổi mới. Chúng tôi đã trình bày làm thế nào mà những tư tưởng ấy ăn sâu vào tâm hồn đám đông; chúng đã khó khăn biết bao mới xâm nhập được vào đó, và khi đã xâm nhập rồi chúng liền có sức mạnh. Cuối cùng, chúng ta đã thấy những rối loạn lịch sử lớn thường nảy sinh từ sự thay đổi những tư tưởng cơ bản ấy như thế nào.

Tôi đã viết khá đủ về chủ đề này, nay không quay lại nữa mà chỉ hạn chế nói đôi lời về những tư tưởng đã xâm nhập đám đông và đám đông đã hiểu những tư tưởng này dưới hình thức nào.

Ta có thể chia chúng thành hai lớp. Trong lớp này, chúng ta xếp những tư tưởng ngẫu nhiên

và nhất thời, được sinh ra do những ảnh hưởng tại thời điểm: chẳng hạn lòng hâm mộ một cá nhân hay một chủ thuyết. Trong lớp kia là những tư tưởng cơ bản mà môi trường, sự di truyền, ý kiến đã mang lại cho chúng một độ bền vững rất cao: ví dụ những niềm tin tôn giáo ngày xưa, những tư tưởng dân chủ và xã hội ngày nay.

Những tư tưởng cơ bản có thể được hình dung như khối nước của một con sông chảy từ từ theo dòng; những tư tưởng nhất thời được hình dung như những con sóng nhỏ luôn thay đổi khuấy động bề mặt sông và, dù sóng nhỏ không thực sự quan trọng, chúng vẫn rõ ràng hơn là dòng chảy của bản thân con sông.

Ngày nay, những tư tưởng lớn, cơ bản mà cha ông ta đã từng kinh qua ngày càng bị chao đảo. Chúng đã mất hoàn toàn sự vững chắc, và cùng lúc, những thiết chế dựa trên tư tưởng ấy cũng bị lung lay sâu sắc. Hàng ngày, hình thành nhiều tư tưởng nhỏ có tính quá độ mà tôi sẽ đề cập ngay sau đây; nhưng rất ít trong số ấy lớn lên rõ rệt và có được ảnh hưởng ưu trội.

Dù những tư tưởng được gợi ý cho đám đông như thế nào, chúng cũng chỉ có thể trở nên thống trị với điều kiện mang khoác lên mình

một hình thức thật nguyên vẹn và thật giản đơn. Lúc đó, chúng hiển hiện dưới dáng vẻ những hình ảnh, và chỉ xâm nhập vào quần chúng dưới hình thức này. Những "hình ảnh-tư tưởng" ấy không gắn kết với nhau bằng bất cứ quan hệ logic giống nhau hoặc kế tiếp nào và có thể thế chỗ cho nhau như những tấm kính trong chiếc đèn ma thuật mà người điều khiển rút ra từ chiếc hộp nơi chúng được xếp chồng lên nhau. Chính vì vậy ta có thể thấy ở đám đông nhiều tư tưởng rất mâu thuẫn nhau lại nằm kề nhau. Tuỳ theo những ngẫu nhiên tại thời điểm, đám đông sẽ bị ảnh hưởng bởi một trong các tư tưởng khác nhau đã được tích giữ trong trí não mình, và do đó nó có thể nhúng tay vào những hành vi hết sức khác nhau. Sự thiếu vắng hoàn toàn tinh thần phê phán khiến nó không thể nhận ra những mâu thuẫn.

Điều này không phải là hiện tượng đặc thù của đám đông; ta nhận thấy nó ở nhiều cá nhân riêng lẻ, không chỉ trong những người nguyên thuỷ mà còn ở cả những người có khía cạnh tinh thần nào đó giống người nguyên thuỷ, - ví dụ những tín đồ của một niềm tin tôn giáo cuồng nhiệt. Tôi đã quan sát thấy điều đó với một mức độ kì lạ ở những người Hindu có học vấn, được đào tạo trong các trường đại học Âu châu của

chúng ta, và họ đã nhận được các loại bằng cấp. Trên nền tảng không thể thay đổi gồm những tư tưởng tôn giáo hay xã hội mang tính di truyền, được chồng chất thêm một nền tảng gồm những tư tưởng Tây phương chẳng có họ hàng gì với những tư tưởng trước, mà không làm tư tưởng trước thay đổi. Tuỳ theo những ngẫu nhiên tại thời điểm, tư tưởng này hay tư tưởng khác xuất hiện cùng với đám rước độc đáo của chúng gồm những hành động hay diễn từ; và chính cá nhân cũng biểu hiện những mâu thuẫn rõ rệt nhất. Hơn nữa, mâu thuẫn thể hiện trên bề mặt hơn là thực tế, bởi vì chỉ những tư tưởng di truyền mới đủ mạnh ở cá nhân riêng lẻ để trở thành những động cơ cho hành vi. Chỉ khi thông qua sự lai giống, con người đứng giữa những xung động có tính di truyền khác nhau, thì những hành động mới thực sự hoàn toàn trái ngược nhau giữa lúc này với lúc khác. Sẽ là vô ích khi nhấn mạnh ở đây những hiện tượng này dù rằng tầm quan trọng mang tính tâm lí của chúng là cơ bản. Tôi cho rằng cần phải ít nhất mười năm du hành và quan sát mới đi tới chỗ hiểu được chúng.

Tư tưởng chỉ tiếp cận với đám đông sau khi đã mang một hình thức rất đơn giản, nó thường phải chịu những biến đổi hoàn toàn nếu muốn trở nên đại chúng. Nhất là khi đó là những tư tưởng triết

học hay khoa học khá cao siêu, và ta có thể nhận thấy những biến đổi sâu sắc cần thiết để chúng đi xuống từ lớp này qua lớp khác cho đến trình độ của đám đông. Những biến đổi này phụ thuộc vào loại đám đông hay chủng tộc mà đám đông thuộc về; nhưng những biến đổi ấy luôn có tính chất giảm thiểu hoá và đơn giản hoá. Và chính vì thế, trên quan điểm xã hội, thực ra ít có đẳng cấp tư tưởng, nghĩa là những tư tưởng ít hay nhiều cao siêu. Chỉ riêng việc một tư tưởng đến được với đám đông và có thể tác động, dù lúc đầu nó có vĩ đại và chân thực đến thế nào, thì nó cũng bị lột trụi hầu hết những điều đã làm cho nó cao siêu và lớn lao.

Vả lại, trên quan điểm xã hội, giá trị đẳng cấp của một tư tưởng không quan trọng. Điều cần xem xét, đó là những hiệu quả mà nó sinh ra. Những tư tưởng Ki Tô giáo thời Trung cổ, những tư tưởng dân chủ thế kỉ trước, những tư tưởng xã hội của ngày hôm nay, hẳn không phải quá cao siêu. Về mặt triết học ta có thể chỉ xem chúng như những sai lầm hơi đáng tiếc; tuy nhiên vai trò của chúng đã và sẽ vô cùng to lớn và chúng sẽ tồn tại lâu dài trong những nhân tố cốt yếu nhất trong hành động của Nhà nước.

Ngay cả khi tư tưởng đã chịu những biến đổi khiến nó du nhập được vào đám đông, nó cũng

chỉ tác động được bằng các phương pháp khác nhau sẽ được nghiên cứu ở chỗ khác, nó xâm nhập vào vô thức và trở thành tình cảm, điều này thường cần thời gian rất lâu.

Thực vậy, đừng tưởng rằng chỉ đơn giản vì một tư tưởng đúng đắn đã được chứng minh mà nó có thể sinh ra những hiệu quả, ngay cả đối với người có học. Ta sẽ nhanh chóng hiểu ra điều đó khi thấy rằng ngay cả sự chứng minh rõ ràng nhất cũng ít có ảnh hưởng tới đa số con người. Sự hiển nhiên, nếu nó rõ mồn một, có thể sẽ chỉ được một thính giả có học công nhận; nhưng tín đồ mới này cũng sẽ nhanh chóng bị vô thức dẫn về với những quan niệm nguyên thuỷ của mình. Vài hôm sau bạn hãy gặp lại anh ta, thế nào anh ta cũng lại giở ra với bạn những luận cứ cũ, chính xác đến từng từ. Thực ra, anh ta vẫn nằm trong ảnh hưởng của những tư tưởng có trước đã trở thành tình cảm; và chỉ những tư tưởng xưa cũ ấy tác động lên những động cơ sâu xa của các hành vi và diễn từ của chúng ta mà thôi. Đối với những đám đông, chuyện ấy cũng chẳng khác.

Nhưng khi một tư tưởng bằng những cách khác nhau cuối cùng đã xâm nhập vào tâm hồn đám đông, nó sẽ có một sức mạnh không thể cưỡng nổi và triển khai một loạt những hiệu quả

mà ta phải chịu đựng. Những tư tưởng triết học dẫn tới cuộc Cách mạng Pháp phải mất gần một thế kỉ mới bám rễ được vào tâm hồn đám đông. Ta biết sức mạnh không thể cưỡng nổi của chúng khi chúng đã được xác lập ở đó. Sự nhiệt tình của cả một dân tộc lao vào chinh phục công bằng xã hội, lao vào thực hiện những quyền trừu tượng và tự do tư tưởng, đã làm chao đảo mọi ngai vàng, và làm đảo lộn sâu sắc thế giới Tây phương. Trong vòng hai mươi năm, các dân tộc xông vào nhau và châu Âu đã biết tới những cuộc tàn sát khiến cho Thành Cát Tư Hãn và Tamerlan[1] cũng phải khiếp sợ. Chưa bao giờ thế giới chứng kiến việc truyền bá một tư tưởng lại có thể gây ra những sự việc đến mức như thế.

Phải mất nhiều thời gian, tư tưởng mới được xác lập trong tâm hồn đám đông, nhưng muốn thoát ra khỏi đó cũng phải mất chừng ấy thời gian. Vậy nên, đứng trên phương diện tư tưởng, đám đông bao giờ cũng đi chậm hơn vài thế hệ so với những nhà bác học và triết gia. Mọi chính khách ngày nay đều biết rõ điều sai lầm của những tư tưởng cơ bản mà tôi vừa mới kể, nhưng

[1] Tamerlan (1336 – 1405): còn gọi là Timour Lang, "Timour khập khiễng", nhà chinh phục người Thổ - Mông. Đế chế của ông thế kỉ XIV là cả một cùng rộng lớn bao gồm một phần Trung Đông và Bắc Á. Ông cai trị đế chế ấy dựa trên sức mạnh và sự khủng bố.

vì ảnh hưởng của chúng còn rất mạnh, nên họ buộc phải cai trị theo những nguyên tắc mà họ không còn tin vào chân lí của chúng nữa.

2 - Sự suy luận của đám đông

Ta không thể nói một cách chắc chắn tuyệt đối rằng những đám đông không suy luận và không thể bị ảnh hưởng bởi sự suy luận. Nhưng những luận chứng mà đám đông sử dụng và lí lẽ có thể tác động tới nó về phương diện logic, đều thuộc loại sơ đẳng đến mức ta chỉ có thể đánh giá sự suy luận ấy bằng con đường của phép loại suy.

Những suy luận sơ đẳng của đám đông, cũng như những cách suy luận cao siêu, đều dựa trên các liên tưởng, nhưng những tư tưởng được đám đông liên kết, giữa chúng chỉ có mối liên hệ bề ngoài do giống nhau hoặc kế tiếp nhau. Chúng liên kết với nhau như liên tưởng của người Esquimau[1], bằng kinh nghiệm, họ biết rằng nước đá là một vật thể trong suốt, tan chảy trong miệng, nên họ kết luận rằng kính là vật thể cũng trong suốt nên cũng tan chảy trong miệng; hoặc sự liên tưởng của người dã man, họ hình dung rằng khi ăn trái tim của một kẻ thù can đảm, họ sẽ có sự gan dạ; hoặc liên tưởng của người công

---

[1] Người Esquimau: một bộ tộc sống ở vùng Bắc Cực.

nhân bị một ông chủ bóc lột, anh ta lập tức kết luận mọi ông chủ đều là những kẻ bóc lột.

Liên tưởng những sự vật không giống nhau, giữa chúng chỉ có những quan hệ bề ngoài, và khái quát hoá tức thời những trường hợp đặc biệt, đó là đặc điểm suy luận của đám đông. Những người biết tác động tới đám đông đều luôn dùng cách suy luận thuộc loại ấy, đó là những kiểu suy luận duy nhất có thể ảnh hưởng tới đám đông. Một chuỗi những suy luận logic sẽ hoàn toàn không thể hiểu được đối với đám đông, và chính vì vậy có thể nói đám đông không suy luận hoặc suy luận sai, và đám đông không thể bị ảnh hưởng bởi suy luận. Đôi khi, ta ngạc nhiên khi thấy ở buổi hội thảo, một số diễn văn tồi nhưng lại có ảnh hưởng lớn đối với đám đông ngồi nghe; nhưng người ta quên rằng những diễn văn ấy được viết ra để lôi kéo tập thể chứ không phải để cho các triết gia đọc. Diễn giả có mối giao lưu thân mật với đám đông, biết gợi lên những hình ảnh để cám dỗ nó. Nếu ông ta thành công, ông ta đã đạt được mục đích; hai mươi tập sách hô hào – bao giờ cũng được viết sau đó – cũng chẳng bằng một vài câu đi đến tận não bộ con người mà ta phải thuyết phục.

Thật là thừa khi nói thêm rằng sự bất lực của đám đông trong suy luận hợp lí đã cản trở nó có

tinh thần phê phán dù là một dấu vết nhỏ, nghĩa là cản trở nó có khả năng phân biệt chân lí với sai lầm, ngăn cản nó đưa ra một phán xét chính xác về bất cứ điều gì. Những phán xét được đám đông chấp nhận chỉ là những phán xét áp đặt chứ không bao giờ là những phán xét đã được thảo luận. Ở điểm này, nhiều người không vươn lên cao hơn trình độ của đám đông. Một số ý kiến dễ dàng trở thành ý kiến chung chủ yếu bởi phần lớn mọi người không có khả năng tự hình thành một ý kiến riêng dựa trên sự suy luận của riêng mình.

3 - Trí tưởng tượng của đám đông

Giống như đối với những người không có khả năng suy luận, trí tưởng tượng có tính biểu tượng của đám đông cũng rất mạnh mẽ, rất năng động, và dễ bị gây ấn tượng sâu sắc. Những hình ảnh được gợi lên trong tâm trí họ thông qua một nhân vật, một biến cố, một tai nạn, hầu như đều có sự sinh động của những sự việc thực. Đám đông hơi giống trường hợp người đang ngủ, mà lí trí nhất thời tạm ngừng, để cho những hình ảnh có cường độ cực mạnh nổi dậy trong tâm trí, nhưng chúng lại tan nhanh nếu đám đông có thể chịu khó suy nghĩ. Không có khả năng suy nghĩ, suy luận, đám đông không biết tới cái không thể có thực: thế mà

chính những sự vật không thể có thực nhất thường là những điều ấn tượng nhất.

Và chính vì vậy bao giờ những khía cạnh tuyệt diệu và hoang đường của những biến cố cũng tác động vào đám đông nhất. Khi ta phân tích một nền văn minh, ta sẽ thấy rằng trên thực tế cái tuyệt diệu và cái hoang đường là những bệ đỡ thực sự của nền văn minh đó. Trong lịch sử, vẻ bề ngoài luôn đóng vai trò quan trọng hơn nhiều so với cái thực chất. Ở đó, cái phi thực luôn trội hơn cái thực.

Đám đông chỉ có thể suy nghĩ bằng hình ảnh, chỉ bị ấn tượng bởi hình ảnh.

Chỉ có những hình ảnh mới làm nó khiếp sợ hoặc cám dỗ được nó, và trở thành động cơ hành động.

Vậy nên, những cuộc trình diễn sân khấu, đưa ra hình ảnh dưới hình thức dễ thấy nhất, luôn có ảnh hưởng lớn tới đám đông. Ngày xưa, bánh mì và những cuộc trình diễn là lí tưởng về hạnh phúc của tầng lớp bình dân La Mã, và họ chẳng đòi hỏi gì hơn nữa. Trong những thời đại tiếp theo, lí tưởng ấy đã thay đổi chút ít. Chẳng gì tác động mạnh đến trí tưởng tượng của mọi loại đám đông hơn là những cuộc trình diễn sân khấu. Cả rạp cùng một lúc đều cảm thấy những xúc động như

nhau, và nếu những xúc động ấy không biến ngay thành hành động thì đó là vì người khán giả vô thức nhất biết rằng mình đang bị những ảo tưởng chi phối, và rằng mình đang cười và khóc theo những cuộc phiêu lưu tưởng tượng. Tuy nhiên đôi khi tình cảm được gợi lên do những hình ảnh quá dữ dội, đến nỗi giống như gợi ý thông thường, tình cảm ấy có khuynh hướng biến thành hành động. Người ta đã kể rất nhiều lần câu chuyện về nhà hát bình dân, nơi chỉ biểu diễn những vở kịch u ám, người ta buộc phải bảo vệ người nghệ sĩ đóng vai kẻ phản bội khi anh ta ra khỏi nhà hát, để tránh cho nghệ sĩ khỏi bị bạo hành do khán giả bất bình với những tội ác mà tên phản bội phạm phải, mặc dù đó là tội ác tưởng tượng. Tôi nghĩ đó là những dấu hiệu đáng chú ý nhất về trạng thái tinh thần của đám đông, và nhất là việc người ta dễ dàng gợi ý đám đông. Cái phi thực hầu như cũng tác động lên đám đông như cái thực. Đám đông có một khuynh hướng rõ rệt là không phân biệt giữa hai cái ấy.

Chính trên trí tưởng tượng đại chúng mà sức mạnh của nhà chinh phục, quyền lực của Nhà nước đã được xác lập. Nhất là bằng cách tác động lên trí tưởng tượng, người ta đã lôi cuốn được đám đông. Mọi sự kiện lịch sử vĩ đại, sự sáng tạo ra đạo Phật, đạo Ki Tô, đạo Hồi, thời Cải cách

Tôn giáo, Cách mạng [Pháp], và chủ nghĩa xã hội ngày nay đều là những hậu quả trực tiếp hay gián tiếp của những ấn tượng mạnh mẽ được sinh ra từ trí tưởng tượng của đám đông.

Vậy nên, tất cả những chính khách lớn của mọi thời đại, của mọi quốc gia, kể cả những bạo chúa chuyên chế nhất đều coi trí tưởng tượng bình dân là nền tảng quyền lực của họ, và không bao giờ họ thử cai trị bằng cách chống lại trí tưởng tượng ấy. Napoléon đã nói ở Hội đồng Nhà nước: "Chính bằng cách biến mình thành người Công giáo, mà tôi đã chấm dứt được chiến tranh ở miền Vendée[1], bằng cách biến mình thành người Hồi giáo, mà tôi đã dừng chân được ở Ai Cập, bằng cách biến mình thành người theo phái Giáo hoàng toàn quyền, mà tôi đã thu phục được các thầy tu nước Ý. Nếu tôi cai trị một dân tộc Do Thái, tôi sẽ phục hồi lại đền thờ Salomon[2]". Có lẽ chưa bao giờ kể từ Alexandre[3] và César, chẳng có một vĩ nhân nào lại biết cách làm

---

[1] Vendée: một tỉnh thuộc miền Tây nước Pháp.

[2] Salomon: theo Kinh Thánh, ông là con trai David, là vị vua anh minh của người Do Thái.

[3] Alexandre Macédoine (356 tCN - 323 tCN): còn gọi là Alexandre Đại đế, con trai của Phillipe II, học trò của Aristote, là một trong những nhà chinh phục vĩ đại nhất thời cổ đại, vua xứ Macédoine. Sinh thời ông đã làm chủ nhiều một vùng đất rộng lớn, trải dài từ bờ biển Tiểu Á, Babylonie đến bờ sông Ấn.

thế nào để gây ấn tượng mạnh mẽ lên trí tưởng tượng của đám đông đến thế. Mối quan tâm bất biến của ông là tác động vào trí tưởng tượng của đám đông. Ông nghĩ tới điều đó trong những chiến thắng, trong những lời hô hào, trong các bài diễn văn, trong mọi hành động của mình. Nằm trên giường chờ chết, ông còn nghĩ đến điều ấy.

Người ta đã làm thế nào để gây ấn tượng lên trí tưởng tượng của đám đông? Chúng ta sẽ sớm thấy điều đó. Còn lúc này, chúng ta chỉ có thể nói rằng đừng bao giờ tác động vào trí thông minh và lí trí, nghĩa là bằng con đường chứng minh. Antoine[1] đã thành công trong việc xúi giục dân chúng chống lại những kẻ giết hại César không phải bằng một phép tu từ có tính bác học mà bằng cách đọc bản di chúc và chỉ cho dân chúng thấy xác chết của César.

Tất cả những gì tác động vào tưởng tượng của đám đông đều xảy ra dưới hình thức một hình ảnh gây xúc động và rất rõ ràng, bỏ hết mọi phụ chú, hay chỉ kèm theo một số sự kiện kì diệu hay bí ẩn: một chiến thắng vĩ đại, một phép lạ diệu kì, một tội ác tày trời, một hi vọng

---

[1] Marc Antoine (tiếng Latin là Antonius Marcus 83 tCN - 30 tCN): phó tướng của César, về sau trở thành chồng của nữ hoàng Ai Cập Cléopâtre, bị bại trận bởi Octavien ở Actium và bị giết.

lớn lao. Cần phải trình bày sự vật thành cả khối, chứ đừng bao giờ chỉ ra sự tạo sinh của nó. Một trăm tội ác nhỏ nhặt hay một trăm tai biến vặt vãnh không hề tác động vào trí tưởng tượng của đám đông; trong khi chỉ mỗi một tội ác tày trời, mỗi một tai nạn nghiêm trọng lại tác động sâu sắc tới đám đông, dù rằng số người chết ít hơn nhiều so với một trăm tai biến vặt vãnh gộp lại. Cách đây ít năm, một dịch cúm đã làm chết 5.000 người, chỉ riêng ở Paris trong vài tuần lễ. Nhưng chuyện đó tác động rất ít tới trí tưởng tượng của đám đông. Thực vậy, cuộc tàn sát thực sự này lại không được diễn giải bằng những hình rõ ràng, mà chỉ được diễn giải bằng những chỉ dẫn thống kê hàng tuần. Một tai nạn thay vì làm chết 5.000 người, lại chỉ làm chết 500 người, nhưng chết cùng một ngày, tại cùng một địa điểm công cộng, một tai nạn ai cũng thấy, ví dụ tháp Eiffel đổ, thì trái lại sẽ gây ra cho trí tưởng tượng một ấn tượng vô cùng to lớn. Một chiếc tàu xuyên Đại Tây Dương - vì thiếu tin tức - có lẽ đã đắm giữa biển cả, sẽ tác động sâu sắc vào trí tưởng tượng của đám đông trong suốt tám ngày. Trong khi đó, những thống kê chính thức cho biết, trong một năm, một ngàn con tàu lớn đã mất tích. Nhưng sự mất mát ấy kế tiếp nhau, số lượng người chết và hàng hoá lớn hơn nhiều so với thiệt hại của chiếc tàu xuyên Đại

Tây Dương, đám đông cũng chẳng bận tâm dù chỉ trong chốc lát.

Vậy, không phải bản thân những sự kiện đã tác động vào trí tưởng tượng của đại chúng, mà chính là cái cung cách mà những sự kiện ấy xảy ra và được trình bày. Tôi có thể nói như thế này, cần phải có sự cô đọng các sự kiện. Sự cô đọng ấy sinh ra hình ảnh gây xúc động tràn vào và ám ảnh tâm trí. Người nào biết nghệ thuật gây ấn tượng cho trí tưởng tượng của những đám đông cũng sẽ biết nghệ thuật thống trị chúng.

Chương IV

MỌI NIỀM TIN CỦA ĐÁM ĐÔNG ĐỀU MANG HÌNH THỨC TÔN GIÁO

Yếu tố cấu thành tình cảm tôn giáo. – Tình cảm tôn giáo độc lập với sự tôn thờ một thần linh. – Các đặc điểm của nó. - Sức mạnh của những niềm tin mang hình thức tôn giáo. - Những ví dụ khác nhau. - Các thần linh của bình dân không bao giờ biến mất. - Họ tái sinh dưới những hình thức mới. – Các hình thức tôn giáo của chủ nghĩa vô thần. - Tầm quan trọng của những khái niệm này đứng về mặt lịch sử. - Cải cách Tôn giáo, cuộc thảm sát Saint-Barthélemy, thời Khủng bố và mọi biến cố tương tự, đều là hậu quả của tình cảm tôn giáo của đám đông, chứ không phải ý chí của những cá nhân riêng lẻ.

Chúng tôi đã chỉ ra rằng đám đông không suy luận, nó chấp nhận hay vứt bỏ toàn bộ tư tưởng; nó không chịu đựng được sự thảo luận, cũng không chịu đựng được mâu thuẫn, và rằng những gợi ý tác động lên nó sẽ xâm chiếm hoàn toàn phạm vi nhận thức của nó và lập tức có

khuynh hướng chuyển thành hành động. Chúng tôi đã chứng minh rằng đám đông khi được gợi ý thích hợp sẽ sẵn sàng hi sinh vì lí tưởng đã được người ta gợi ý cho nó. Chúng ta cũng đã thấy rằng đám đông chỉ biết đến những tình cảm mãnh liệt và cực đoan, rằng ở đám đông, cảm tình sẽ nhanh chóng trở thành tôn thờ, và ác cảm chỉ vừa mới nảy sinh đã chuyển thành thù hận. Những dấu hiệu chung này đã cho phép ta cảm nhận được bản chất niềm tin của đám đông.

Khi ta nghiên cứu sâu sát những niềm tin của đám đông, cả ở những thời đại của đức tin cũng như trong những cuộc nổi dậy chính trị lớn, chẳng hạn cuộc nổi dậy ở thế kỉ trước, ta nhận thấy những niềm tin này luôn mang một hình thức đặc biệt, mà tôi không thể xác định bằng cách nào tốt hơn là cho nó cái tên *tình cảm tôn giáo.*

Tình cảm này có những đặc tính rất giản dị: tôn thờ một con người được giả định là cao siêu, sợ hãi quyền năng thần bí giả định người ấy có, mù quáng tuân theo mọi mệnh lệnh của người ấy, không thể thảo luận những tín điều của người ấy, ước muốn truyền bá chúng, khuynh hướng coi mọi người không chấp nhận những tín điều ấy là kẻ thù. Một tình cảm như vậy dù gắn vào một Thượng đế vô hình, một thần tượng bằng đá hay bằng gỗ, vào một vị anh hùng hay một tư tưởng chính trị, thì khi nó thể hiện những đặc

tính trên, nó vẫn luôn có bản chất tôn giáo. Cái siêu nhiên và cái huyền diệu, ở đây, đều ở cùng một cấp độ như nhau. Một cách vô thức, đám đông đã khoác những quyền năng bí ẩn cho khẩu hiệu chính trị hay người thủ lĩnh chiến thắng, khiến họ trở nên cuồng tín trong thời điểm ấy.

Người ta không chỉ là người theo đạo khi tôn thờ một thần linh, mà cả khi người ta đặt mọi khả năng của tinh thần, mọi sự thuần phục của ý chí, mọi nhiệt tình của sự cuồng tín cho việc phục vụ một lí tưởng hay một con người đã trở thành mục đích và là người dẫn đường cho tư tưởng và hành động.

Lòng bất khoan dung và cuồng tín là sự đồng hành cần thiết của một tình cảm tôn giáo. Chúng không thể thiếu ở những con người tin rằng đã sở hữu được bí mật của niềm hạnh phúc trần thế hoặc vĩnh hằng. Hai nét này lại được tìm thấy ở tất cả những người kết thành nhóm khi một niềm tin nào đó đã nâng họ lên. Những người Jacobins trong thời Khủng bố[1] về cơ bản cũng theo đạo như

---

[1] Thời Khủng bố: tên gọi một thời kì của Cách mạng Pháp. Sau ngày cách mạng 10 tháng Tám năm 1792, nỗi lo sợ một âm mưu của giới quý tộc và thất bại của quân đội Pháp đã dẫn đến việc hình thành một Toà án hình sự đặc biệt (17/8/1792), dưới sức ép của Công xã khởi nghĩa, để xử những người bị tình nghi, sau đó dẫn đến các vụ thảm sát tháng Chín năm 1792. Người ta ước tính 17.000 người bị hành quyết sau khi xét xử, 25.000 người bị hành quyết chỉ trên cơ sở căn cước.

người Công giáo thời Toà án dị giáo, và lòng nhiệt tình độc ác của họ sinh ra từ cùng một nguồn gốc.

Những niềm tin của đám đông đều mang tính chất ngu trung, cố chấp dữ tợn và nhu cầu tuyên truyền bạo lực. Những tính chất này gắn liền với tình cảm tôn giáo; và chính vì vậy, ta có thể nói rằng mọi niềm tin của đám đông đều có một hình thức tôn giáo. Người anh hùng được đám đông hoan nghênh thực sự là một vị thần đối với nó. Napoléon là như thế trong vòng mười lăm năm, và chưa bao giờ một thần linh lại có những kẻ tôn thờ hoàn hảo hơn. Không có vị thần nào lại đưa con người đến chỗ chết dễ dàng đến thế. Những vị thần của đa thần giáo hay Thiên chúa giáo cũng không bao giờ có được uy lực tuyệt đối hơn đối với những tâm hồn mà họ chinh phục được.

Mọi nhà sáng lập ra đức tin tôn giáo hay chính trị chỉ sáng lập ra chúng bởi vì họ biết cách áp đặt cho đám đông những tình cảm cuồng tín, làm cho con người đi tìm hạnh phúc trong sự tôn thờ, vâng lời và sẵn sàng hiến dâng thân mình cho thần tượng. Điều đó đã xảy ra ở mọi thời đại. Trong cuốn sách rất hay viết về xứ Gaule[1] thuộc

---

[1] Xứ Gaule (tiếng Latin: Gallia): tên một vùng đất do người La Mã đặt cho hai vùng người Celtes cư trú, bao gồm bên này và bên kia dãy Alpes, và cả vùng lãnh thổ nằm giữa dãy Alpes và Pyrénées, Đại Tây Dương và sông Rhin, tức là nước Pháp hiện đại, Bỉ, Thuỵ Sỹ và tả ngạn sông Rhin.

La Mã, Fustel de Coulanges[1] đã nhận xét đúng đắn rằng Đế chế La Mã đứng vững hoàn toàn không phải là do sức mạnh, mà do sự sùng bái có tính tôn giáo mà nó gợi lên. Ông nói rất có lí: "Trong lịch sử thế giới không có ví dụ nào về một chế độ bị nhân dân ghét bỏ mà lại kéo dài được năm thế kỉ... Ta sẽ không giải thích được tại sao ba mươi binh đoàn của Đế chế lại có thể bắt buộc một trăm triệu người tuân theo". Nếu họ vâng lời, thì chính hoàng đế, hiện thân cho sự vĩ đại La Mã, đã được đồng lòng nhất trí tôn thờ như một thần linh. Trong thị trấn nhỏ nhất của Đế chế, cũng có đền thờ hoàng đế. "Thời ấy, từ đầu này tới đầu kia của Đế chế, ta thấy trong tâm hồn con người đã nổi lên một tôn giáo mới mà thần linh là chính các hoàng đế. Vài năm trước kỉ nguyên Ki Tô giáo, toàn xứ Gaule, được đại diện bằng sáu mươi thành bang đã dựng chung một ngôi đền ở gần thành phố Lyon, để thờ hoàng đế Auguste[2]... Những giáo sĩ trong đền được hội nghị các thành bang xứ Gaule bầu, là những

---

[1] F. de Coulanges (1830-1889): sử gia Pháp, không chỉ được coi là một sử gia lớn mà còn là một đại diện tiêu biểu cho sử học thế kỉ XIX của Pháp. Các tác phẩm chính: *Nhà nước cổ đại* (1864), *Lịch sử những thể chế của nước Pháp cổ* (1874).

[2] Octavien Auguste (tiếng Latin: Caius Julius Caesar Octavianus Augustus, 63 tCN - 14 tCN): hoàng đế La Mã, chắt họ César, tự xưng là người thừa kế hợp pháp của César, do đó trở thành đối thủ của Antoine.

nhân vật hàng đầu của quê hương họ... Không thể gán tất cả chuyện đó cho sự sợ hãi và thói nô lệ. Toàn thể các dân tộc ấy không nô lệ, và họ cũng không nô lệ trong vòng ba thế kỉ. Không phải bọn nịnh thần mới tôn thờ hoàng đế, mà chính La Mã tôn thờ. Không phải chỉ có La Mã, mà cả xứ Gaule, cả Tây Ban Nha, cả Hy Lạp và châu Á cũng tôn thờ".

Ngày nay, phần lớn các nhà đắc nhân tâm vĩ đại không có điện thờ nữa, nhưng họ lại có tượng đài và hình ảnh, và sự thờ phụng người ta dành cho họ chẳng khác gì mấy so với xưa kia. Ta chỉ có thể hiểu chút ít về triết học lịch sử khi xâm nhập vào điểm cơ bản này của tâm lí học đám đông. Cần phải là thần linh của đám đông hoặc chẳng là gì cả.

Không nên tưởng rằng đó là những điều mê tín của một thời đại khác mà lí trí đã bị xua đuổi hẳn. Trong cuộc chiến vĩnh cửu của nó chống lại lí trí, tình cảm không bao giờ bị thua. Đám đông không muốn nghe những từ ngữ về thần linh và tôn giáo nữa. Nhân danh chúng, trong thời gian quá lâu, họ đã bị nô lệ hoá nhưng chưa bao giờ sở hữu nhiều vật thờ như từ một trăm năm nay, và chưa bao giờ những thần linh cổ xưa lại được lập nhiều tượng đài và điện thờ đến thế. Trong những năm qua, những ai nghiên cứu một phong

trào bình dân được biết dưới cái tên phong trào Boulanger[1] đều có thể thấy những bản năng tôn giáo của đám đông đã dễ dàng sẵn sàng tái sinh thế nào. Chẳng có quán trọ nào trong làng lại không có hình ảnh của người anh hùng. Người ta gán cho ông quyền năng chữa lành được mọi bất công, mọi đau khổ; và hàng nghìn con người sẵn sàng chết vì ông. Vị trí nào trong lịch sử mà ông ta chẳng giành được nếu tính cách của ông ta đủ sức mạnh dù chỉ chút ít để nâng đỡ truyền thuyết về ông!

Vậy nên, phải chăng sẽ là một sự tầm thường vô ích khi nhắc lại rằng cần một tôn giáo cho đám đông, bởi vì mọi niềm tin chính trị, thần thánh và xã hội chỉ được xác lập ở đám đông với điều kiện luôn mang hình thức tôn giáo, tránh cho chúng khỏi bị mang ra tranh cãi. Chủ nghĩa vô thần, nếu có thể làm cho đám đông chấp nhận nó, sẽ có tất thảy sự nồng nhiệt cố chấp của tình cảm tôn giáo, và với hình thức bên ngoài của mình, nó sẽ sớm trở thành một sự sùng bái. Sự phát triển của một đảng phái nhỏ những nhà thực chứng luận sẽ cho ta một bằng chứng kì lạ về chuyện này. Những gì đã từng xảy ra với con người theo thuyết hư vô chủ nghĩa ấy mà

[1] Georges Boulanger (1837 – 1891): vị tướng người Pháp, toan lật đổ chế độ Cộng hoà.

Dostoievski[1] sâu sắc đã kể cho chúng ta nghe câu chuyện, đã nhanh chóng xảy đến với các nhà thực chứng. Một hôm được ánh sáng của lí trí soi rọi, anh chàng đã đập vỡ những tranh thánh trên bàn thờ của một nhà thờ nhỏ. Anh ta tắt nến, và không mất một giây, thay thế những bức tranh bị phá huỷ bằng những cuốn sách của một vài nhà triết học vô thần như Büchner[2] va Moleschott[3], sau đó kính cẩn thắp lại nến. Đối tượng của những niềm tin tôn giáo đã được biến đổi, nhưng những tình cảm tôn giáo của anh ta, liệu có thể nói đã thực sự thay đổi không?

Tôi xin nhắc lại, ta chỉ hiểu rõ được một số biến cố lịch sử - và đó chính xác là những biến cố quan trọng nhất - khi ta nhận thấy hình thức tôn giáo mà những niềm tin của đám đông cuối cùng luôn phải đi theo. Có những hiện tượng xã hội cần phải nghiên cứu theo cách của nhà tâm lí học hơn là theo cách của nhà tự nhiên học. Nhà sử học vĩ đại Taine chỉ nghiên cứu cuộc Cách mạng Pháp theo cách của nhà tự nhiên học, và chính vì

---

[1] Fiodor Mikhailovitch Dostoievski (1821 - 1881): nhà văn Nga vĩ đại, tác giả của các tiểu thuyết nổi tiếng: *Tội ác và trừng phạt, Anh em nhà Karamazov...*

[2] Ludwig Büchner (1824 - 1899): nhà triết học duy vật người Đức. Các tác phẩm chính: *Năng lực và vật chất* (1855), *Bản chất và tinh thần* (1876).

[3] Jacobus Moleschott (1822 - 1893): nhà tâm lí học và triết học duy vật cơ giới người Hà Lan.

vậy sự sinh thành thực sự của các biến cố thường bị tuột khỏi tay ông. Ông đã quan sát hoàn hảo các sự kiện, nhưng vì thiếu nghiên cứu tâm lí học đám đông, nên ông thường không lần ra được nguồn gốc. Những sự kiện đã làm ông khiếp sợ do khía cạnh đẫm máu, vô chính phủ và hung tàn của chúng. Ông thấy những vị anh hùng của thời sử thi vĩ đại chỉ là một bầy người động kinh man rợ để mặc cho bản năng hoành hành mà không cản trở. Bạo lực cách mạng, những cuộc tàn sát, nhu cầu tuyên truyền, tuyên chiến với mọi vua chúa, chỉ được giải thích rõ nếu ta nghĩ rằng đó đơn giản là sự thiết lập một niềm tin tôn giáo mới trong tâm hồn đám đông. Cuộc Cải cách Tôn giáo[1], cuộc thảm sát Saint-Barthélemy[2], những cuộc chiến tranh tôn giáo, Toà án dị giáo, thời Khủng bố đều là những hiện tượng thuộc trật tự giống nhau, được thực hiện nhờ những đám đông bị tình cảm tôn giáo kích động, nhất thiết dẫn tới loại bỏ không thương xót, bằng máu và lửa, tất cả những gì đối kháng với việc thiết lập

---

[1] Cải cách Tôn giáo (Reforme): một phong trào do Luther, Calvin... khởi xướng ở Tây Âu thế kỉ XV – XVI với những nỗ lực đổi mới quy tắc và thực hành Ki Tô giáo. Từ đây đã sinh ra đạo Tin lành vào thế kỉ XVI.

[2] Cuộc thảm sát Saint-Barthélemy: làn sóng bạo lực của đám đông Thiên chúa giáo chống những người Huguenot (những người Pháp theo đạo Tin lành) bắt đầu từ ngày 24/8/1572 và kéo dài nhiều tháng.

niềm tin mới. Những phương pháp của Toà án dị giáo là những phương pháp của mọi tín đồ thực sự. Họ sẽ không phải là tín đồ nếu họ dùng những phương pháp khác.

Những đảo lộn tương tự như những đảo lộn tôi vừa mới kể chỉ có thể có được khi chính tâm hồn đám đông làm cho chúng nổi dậy. Bạo chúa chuyên chế nhất cũng sẽ không thể làm chúng bùng nổ. Khi các sử gia kể lại cho chúng ta rằng cuộc thảm sát Saint-Barthélemy là tác phẩm của một ông vua, thì họ đã chứng tỏ rằng họ chẳng biết gì về tâm lí học đám đông, cũng như chẳng hiểu tâm lí các vị vua. Những biểu hiện giống như vậy chỉ có thể sinh ra từ tâm hồn đám đông. Quyền lực tuyệt đối nhất của một quân vương bạo tàn nhất cũng chẳng làm được gì hơn là việc làm nhanh lên hay chậm lại một chút thời điểm của biến cố. Không phải các ông vua đã làm nên cuộc thảm sát Saint-Barthélemy, các cuộc chiến tranh tôn giáo, càng không phải Robespierre[1],

[1] Maximilien Marie Isidore de Robespierre (1758 – 1794): lãnh tụ của cuộc Cách mạng Pháp thời kì Khủng bố. Chịu ảnh hưởng nhiều bởi tư tưởng của Rousseau, ông trở thành lãnh tụ của phái Jacobins trong cuộc Cách mạng Pháp. Tuy nhiên thái độ cực đoan, không nhân nhượng với phe đối lập đã khiến ông bị coi là người khởi xướng cho thời kì Khủng bố, dẫn đến việc ông bị lật đổ và bị hành quyết.

Danton[1] hay Saint Juste[2] đã làm ra thời Khủng bố. Đằng sau những biến cố như vậy, ta luôn thấy tâm hồn đám đông, và chẳng bao giờ thấy quyền lực của các vị vua.

---

[1] Georges Jacques Danton (1759 - 1794): nhà chính trị Pháp, một lãnh tụ của Cách mạng Pháp, tham gia vụ phá ngục Bastille, bị coi là chịu trách nhiệm lớn trong những vụ thảm sát tháng Chín năm 1792 vì đã không ngăn cản chúng. Về sau, ông bị các đối thủ phái Robespierre buộc tội, bị toà án Cách mạng kết án tử hình và bị hành quyết với số lớn những người cùng phe nhóm.

[2] Louis Antoine Léon de Saint Juste (1767 - 1794): nhà Cách mạng Pháp, thành viên Hội nghị Quốc ước năm 1792. Ông ủng hộ Robespierre và là lãnh tụ của Uỷ ban An ninh xã hội, nên khi Robespierre bị lật đổ, Saint Juste cũng bị bắt và bị hành quyết.

Quyển II

Ý KIẾN VÀ NIỀM TIN CỦA ĐÁM ĐÔNG

Chương I

NHỮNG NHÂN TỐ XA ẢNH HƯỞNG TỚI NIỀM TIN VÀ Ý KIẾN CỦA ĐÁM ĐÔNG

Nhân tố chuẩn bị cho niềm tin của đám đông. - Sự nảy nở những niềm tin của đám đông là kết quả của việc chuẩn bị từ trước. – Nghiên cứu những nhân tố khác nhau của niềm tin này.

1 - Chủng tộc. - *Ảnh hưởng ưu trội mà nó tác động. – Nó biểu thị những gợi ý của tổ tiên.*

2 – Truyền thống. – *Nó là tổng hợp của tâm hồn chủng tộc. - Tầm quan trọng xã hội của truyền thống. - Sau khi đã thành thiết yếu, truyền thống trở nên có hại như thế nào. - Đám đông là kẻ bảo thủ dai dẳng nhất của những tư tưởng truyền thống.*

3 - Thời gian. – *Nó liên tiếp chuẩn bị thiết lập niềm tin rồi phá huỷ chúng. - Nhờ có thời gian mà trật tự có thể đi ra từ hỗn mang.*

4 – Những thiết chế chính trị xã hội. – *Tư tưởng sai lầm về vai trò của chúng. - Ảnh hưởng của*

chúng vô cùng yếu ớt. - Chúng là hậu quả chứ không phải nguyên nhân. – Các dân tộc sẽ không biết chọn những thiết chế nào có vẻ là tốt nhất cho mình. – Thiết chế là các nhãn hiệu mà dưới cùng một tên hiệu ẩn chứa nhiều điều khác nhau nhất. - Các thể chế có thể được tạo sinh như thế nào. - Những thiết chế tồi tệ về mặt lí thuyết, chẳng hạn như tập trung hoá, lại cần thiết đối với một vài dân tộc.

5 – Giáo dưỡng và giáo dục. - *Sai lầm của tư tưởng hiện thời về ảnh hưởng của giáo dưỡng với đám đông. - Những chỉ số thống kê. – Vai trò làm bại hoại đạo đức của nền giáo dục Latin. - Ảnh hưởng mà giáo dục có thể tác động. – Những ví dụ từ nhiều dân tộc khác nhau.*

Chúng ta vừa nghiên cứu cấu tạo tinh thần của đám đông. Chúng ta đã biết cách cảm nhận, suy nghĩ, suy luận của nó. Bây giờ ta hãy xem xét những ý kiến và niềm tin của đám đông sinh ra và được xác lập như thế nào.

Những nhân tố quyết định ý kiến và niềm tin ấy thuộc về hai loại – những nhân tố xa và những nhân tố trực tiếp.

Những nhân tố xa khiến đám đông có thể chấp nhận một số niềm tin và không có khả năng để những niềm tin khác xâm nhập vào. Chúng chuẩn bị đất đai, nơi ta thấy đột nhiên nảy mầm

những tư tưởng mới mà sức mạnh và kết quả của chúng làm ta ngạc nhiên, nhưng chúng chỉ có vẻ tự phát bề ngoài. Sự bùng nổ và việc vận dụng một vài tư tưởng ở đám đông đôi khi diễn ra bất ngờ như sét đánh. Đó chỉ là hiệu quả bề mặt, đằng sau nó ta phải tìm ra một nỗ lực chuẩn bị dài lâu từ trước.

Những nhân tố trực tiếp là những nhân tố chồng lên nỗ lực dài lâu này, không có nó những nhân tố trực tiếp ấy sẽ không có hiệu quả, chúng gây ra niềm tin mạnh mẽ ở đám đông, nghĩa là làm cho tư tưởng có hình thức và tháo xích cho tư tưởng cùng với tất cả những hậu quả của nó. Qua các nhân tố trực tiếp này, những quyết tâm nảy sinh, chúng đột nhiên thúc đẩy các tập thể nổi dậy; nhờ có chúng, một cuộc nổi loạn nổ bùng, nhờ có chúng những đám đông khổng lồ đưa một người lên nắm quyền hay lật đổ một chính phủ.

Trong mọi biến cố lớn lao của lịch sử, ta nhận thấy tác động nối tiếp của hai loại nhân tố này. Ta hãy chỉ lấy một trong những ví dụ nổi bật nhất như cuộc Cách mạng Pháp. Những nhân tố xa của cuộc cách mạng này là tác phẩm của các nhà triết học, những vụ lạm thu của giai cấp quý tộc, những tiến bộ của tư tưởng khoa học. Tâm hồn đám đông, vậy là đã được chuẩn bị, sau đó

dễ dàng nổi dậy nhờ những nhân tố trực tiếp, như bài diễn thuyết của các nhà hùng biện, và sự bảo thủ của triều đình về những cải cách không đáng kể.

Trong những nhân tố xa, có những nhân tố chung mà ta thấy ở nền tảng của mọi niềm tin và ý kiến đám đông. Đó là: chủng tộc, truyền thống, thời gian, những thiết chế, giáo dục.

Chúng ta sẽ nghiên cứu vai trò của các nhân tố khác nhau này.

1 - Chủng tộc

Nhân tố chủng tộc phải được đưa lên hàng đầu. Bởi vì riêng nó có tầm quan trọng hơn rất nhiều so với những nhân tố khác. Chúng tôi đã nghiên cứu vấn đề này khá đầy đủ trong một cuốn sách khác nên không cần trở lại nữa. Trong đó, chúng tôi đã diễn giải một chủng tộc lịch sử là gì, và khi những tính cách của chủng tộc đã hình thành thì quy luật di truyền khiến nó có một sức mạnh đến mức niềm tin, thiết chế, nghệ thuật của nó, nói tóm lại tất cả những thành tố của nền văn minh, chỉ là sự biểu hiện bên ngoài của tâm hồn chủng tộc ấy. Chúng tôi đã chứng minh rằng sức mạnh của chủng tộc mạnh mẽ đến mức không một yếu tố nào có thể chuyển từ dân tộc này sang dân tộc khác mà lại không chịu những biến đổi

sâu sắc nhất*[1]. Môi trường, hoàn cảnh, những biến cố đều biểu thị những gợi ý xã hội ngay lúc đó. Chúng có thể có một ảnh hưởng to lớn, nhưng ảnh hưởng đó luôn nhất thời nếu như nó trái ngược với những gợi ý của chủng tộc, nghĩa là của tất cả tổ tiên.

Trong nhiều chương của cuốn sách này, tôi sẽ còn có dịp quay trở lại vấn đề ảnh hưởng của chủng tộc, và chứng minh rằng ảnh hưởng này lớn đến nỗi nó thống trị những tính cách riêng biệt của tâm hồn đám đông, từ đó để chứng minh rằng đám đông của các nước khác nhau, trong niềm tin và hành xử của họ, biểu hiện những khác biệt rất đáng kể, và không thể bị ảnh hưởng theo cùng một cách giống nhau.

2 – Truyền thống

Truyền thống biểu thị tư tưởng, nhu cầu, tình cảm của quá khứ. Nó là cái tổng hợp của chủng tộc và đè lên chúng ta với tất cả sức nặng của nó.

---

*[1] Mệnh đề này còn rất mới, và lịch sử sẽ hoàn toàn không thể hiểu được nếu thiếu nó, tôi đã dành nhiều chương trong cuốn *Quy luật tâm lí về sự phát triển của các dân tộc* (Les loi psychologies de l'évolution des peuples) để chứng minh nó. Trong cuốn sách đó, bạn đọc sẽ thấy rằng dù bề ngoài rất dễ đánh lừa nhưng ngôn ngữ, tôn giáo, nghệ thuật, tóm lại tất cả những yếu tố của nền văn minh, đều không thể chuyển nguyên vẹn từ dân tộc này sang dân tộc khác.

Khoa sinh vật học đã bị biến chuyển từ khi khoa phôi học chỉ ra ảnh hưởng rộng lớn của cái đã qua trong sự tiến hoá của sinh vật; và các khoa học lịch sử cũng bị biến chuyển không ít khi quan niệm này trở nên phổ biến hơn. Song quan niệm này còn chưa đủ phổ biến, và rất nhiều chính khách vẫn còn nấn ná với những tư tưởng của các nhà lí thuyết thuộc thế kỉ trước, họ tưởng rằng một xã hội có thể dứt bỏ với quá khứ của mình và có thể được tái tạo từ những mảnh vụn bằng cách chỉ cần đến ánh sáng của lí trí làm người dẫn đường.

Một dân tộc là một sinh thể hữu cơ được tạo ra bởi quá khứ và cũng như mọi sinh thể hữu cơ, nó chỉ tự biến thái do sự tích luỹ chậm chạp của di truyền.

Cái đã dẫn dắt con người, nhất là khi họ hợp thành đám đông, đó là truyền thống; và như tôi đã nhắc lại rất nhiều lần, truyền thống chỉ dễ dàng thay đổi tên gọi, hình thức bên ngoài mà thôi.

Cũng chẳng đáng tiếc khi nó đã như vậy. Không có truyền thống, sẽ không có hồn nước, cũng không thể có văn minh. Vậy nên có hai công việc lớn của con người từ khi nó tồn tại, đó là tạo ra một mạng lưới những truyền thống, rồi ra sức phá huỷ chúng khi hiệu quả tốt đẹp của chúng bị mòn cũ. Không có truyền thống, thì sẽ không có

văn minh; không có sự thủ tiêu từ từ những truyền thống ấy, thì sẽ không có sự tiến bộ. Khó khăn là tìm ra được sự cân bằng đúng đắn giữa tính ổn định và tính biến đổi; và khó khăn ấy thật là to lớn. Khi một dân tộc để cho những tập quán đóng chốt quá vững qua nhiều thế hệ, dân tộc ấy không thể thay đổi được nữa, và giống như Trung Hoa, trở nên không có khả năng hoàn thiện. Những cuộc cách mạng bạo liệt cũng chẳng thể làm gì được ở đây; bởi vì lúc đó sẽ diễn ra, hoặc là những mẩu đứt gãy của chuỗi xích tự hàn gắn lại với nhau, và quá khứ trở lại thâu tóm quyền lực của nó mà không thay đổi gì, hoặc là những mẩu đoạn nằm tản mát mọi phía, và thời kì suy đồi nhanh chóng nối tiếp thời kì vô chính phủ.

Vậy nên, lí tưởng cho một dân tộc là giữ lại những thiết chế của quá khứ, bằng cách chỉ biến đổi chúng từ từ, và từng ít một. Lí tưởng này thật khó đạt tới. Thời cổ đại có người La Mã, thời hiện đại có người Anh, hầu như chỉ hai dân tộc ấy thực hiện được điều này.

Kẻ bảo thủ dai dẳng nhất của những tư tưởng truyền thống và chống đối ngoan cố nhất với sự thay đổi của chúng lại chính là đám đông, và đặc biệt là những loại đám đông cấu thành đẳng cấp. Tôi đã nhấn mạnh tinh thần bảo thủ của đám đông, và chỉ ra rằng những cuộc nổi loạn bạo liệt nhất chỉ dẫn tới một sự thay đổi về ngôn từ. Ở

cuối thế kỉ trước, trước những ngôi nhà thờ bị phá huỷ, trước những thầy tu bị trục xuất hay bị đưa lên máy chém, trước sự truy sát toàn thể đối với sự thờ phụng Công giáo, ta có thể tưởng rằng những tư tưởng tôn giáo xưa cũ đã mất hết quyền năng, tuy nhiên vài năm vừa mới qua đi, trước những đòi hỏi của toàn thể mọi người, thì người ta lại phục hồi thói quen thờ phụng đã bị bãi bỏ*[1].

Bị xoá bỏ một thời gian, những truyền thống cũ đã lấy lại được thế lực của mình.

Chẳng có ví dụ nào chứng tỏ tốt hơn sức mạnh của truyền thống đối với tâm hồn đám đông. Đó không phải là những thần tượng đáng sợ nhất cư ngụ trong các ngôi đền, cũng không phải là những bạo chúa chuyên chế nhất trong các lâu đài; thần tượng và bạo chúa có thể bị đập tan

---

*[1] Taine đã trích dẫn bản báo cáo của ông Fourcroy, nguyên đại biểu Hội nghị Quốc ước, thể hiện rất rõ ràng điểm này:

"Những gì mà người ta trông thấy khắp nơi ở nghi lễ ngày chủ nhật, sự năng lui tới nhà thờ chứng tỏ quần chúng Pháp quay trở lại những tục lệ cũ, và không còn là thời chống lại cái thiên hướng quốc gia này nữa... Đại chúng là những con người cần đến tôn giáo, sự thờ phụng và các thầy tu. *Đó là một sai lầm của một số nhà triết học hiện đại, bản thân tôi cũng bị lôi kéo vào sai lầm ấy,* khi tin vào khả năng một nền giáo dục phổ cập có thể phá huỷ những thành kiến tôn giáo. Đối với số đông những người bất hạnh, chúng là một nguồn an ủi... Vậy phải giao lại cho quần chúng nhân dân các thầy tu, bàn thờ và tôn giáo của họ".

trong phút chốc; còn các ông chủ vô hình thống trị tâm hồn chúng ta thì thoát khỏi mọi cố gắng nổi loạn, và chỉ chịu thua sự mòn mỏi chậm chạp của nhiều thế kỉ.

3 - Thời gian

Trong các vấn đề xã hội cũng như sinh học, một trong những nhân tố giàu sinh lực nhất là thời gian. Nó là người sáng tạo đích thực duy nhất, và là kẻ phá huỷ vĩ đại duy nhất. Chính nó đã tạo nên những quả núi từ vô vàn hạt cát, và đã nâng những tế bào tăm tối từ thời hồng hoang lên thành phẩm giá con người. Muốn biến đổi một hiện tượng nào đó, phải cần nhiều thế kỉ can thiệp. Người ta có lí khi nói rằng cho một con kiến đủ thời gian nó sẽ có thể san bằng đỉnh Blanc[1]. Một con người nếu có quyền năng thần diệu làm thay đổi thời gian theo ý muốn sẽ có sức mạnh mà những tín đồ gán cho Thượng đế.

Nhưng ở đây chúng ta chỉ quan tâm tới ảnh hưởng của thời gian trong sự ra đời những ý kiến của đám đông. Ở khía cạnh này, tác động của nó vẫn còn rộng lớn. Nó bắt nhiều lực lượng lớn phụ thuộc vào mình, như chủng tộc không thể hình thành mà không có nó. Thời gian làm cho mọi niềm tin nảy sinh, lớn lên, chết đi, chính nhờ thời

[1] Đỉnh Blanc: đỉnh núi cao nhất Tây Âu, cao 4.807 m, nằm trên dãy Alpes.

gian, những niềm tin đạt được sức mạnh và cũng qua nó những niềm tin mất đi sức mạnh.

Chính thời gian chuẩn bị cho ý kiến và niềm tin của đám đông, nghĩa là chuẩn bị mảnh đất cho những thứ đó nảy mầm. Và chính vì vậy một số tư tưởng có thể được thực thi ở một thời đại này lại không thể thực thi trong một thời đại khác. Chính thời gian đã tích tụ vô vàn mảnh vụn của niềm tin, ý tưởng, trên đó nảy sinh tư tưởng của một thời đại. Chúng không bỗng dưng nảy mầm nhú hoa; những chiếc rễ của mỗi tư tưởng đều cắm sâu vào một quá khứ dài lâu. Khi chúng đơm hoa, thời gian đã chuẩn bị sẵn cho mùa nở; và bao giờ cũng phải đi ngược về quá khứ để hiểu được sự ra đời của chúng. Chúng là con đẻ của quá khứ, là mẹ của tương lai, và bao giờ cũng là nô lệ của thời gian.

Vậy thời gian là ông chủ đích thực của chúng ta, chỉ cần để cho nó tác động, ta sẽ thấy mọi sự vật biến đổi. Ngày nay, chúng ta rất lo ngại những khát vọng đầy đe doạ của đám đông, lo ngại những tàn phá, những đảo lộn mà chúng báo trước. Chỉ riêng thời gian sẽ chịu trách nhiệm lập lại cân bằng. Ông Lavisse[1] đã viết rất đúng:

---

[1] Ernest Lavisse (1842 - 1922): nhà sử học Pháp, thành viên của Viện Hàn lâm Pháp năm 1892, hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm năm 1904. Các tác phẩm chính: *Nghiên cứu lịch sử nước Phổ* (1879), *Lịch sử nước Pháp từ cội nguồn đến Cách mạng* (1901).

"Không một chế độ nào được xây dựng trong ngày một ngày hai. Các tổ chức chính trị và xã hội đều là những công trình đòi hỏi nhiều thế kỉ; chế độ phong kiến đã tồn tại không ra hình thù gì và hỗn loạn trong nhiều thế kỉ trước khi tìm ra những quy tắc của nó, chế độ quân chủ chuyên chế cũng tồn tại trong nhiều thế kỉ trước khi tìm ra những phương cách hợp thức để cai trị, và đã có nhiều biến loạn lớn trong thời gian chờ đợi".

4 - Những thiết chế chính trị và xã hội

Ý tưởng cho rằng thiết chế có thể chữa khỏi những khuyết tật của xã hội, tiến bộ của các dân tộc là kết quả của sự hoàn thiện thể chế và chính phủ, và những thay đổi xã hội có thể tiến hành bằng các sắc lệnh; tôi cho rằng ý tưởng đó còn phổ biến khắp nơi. Cách mạng Pháp dùng ý tưởng đó làm điểm xuất phát và những lí thuyết xã hội hiện thời dùng nó làm điểm tựa.

Những kinh nghiệm lâu đời nhất cũng chưa thể làm lung lay đáng kể cái ảo tưởng đáng sợ này. Các nhà triết học và sử học thật uổng công khi thử chứng minh sự phi lí của nó. Tuy nhiên, chẳng có gì khó với họ khi chỉ ra rằng những thiết chế là con đẻ của tư tưởng, tình cảm và tập tục, và rằng người ta không sửa chữa lại tư tưởng, tình cảm và tập tục bằng cách chữa lại các đạo luật. Một dân tộc không được tuỳ ý chọn

những thiết chế, cũng như nó không chọn được màu mắt hay màu tóc của mình. Các thể chế và những chính phủ là sản phẩm của chủng tộc. Còn lâu chúng mới là người sáng tạo ra một thời đại, chúng là tạo phẩm của nó mà thôi. Những dân tộc không được cai trị do ý thích thất thường nhất thời của nó muốn thế, mà do tính cách của những dân tộc đòi hỏi như thế. Phải cần nhiều thế kỉ để hình thành một chế độ chính trị, và nhiều thế kỉ để thay đổi nó. Những thiết chế không hề có một hiệu lực nội tại nào; bản thân chúng không tốt cũng chẳng xấu. Thiết chế nào tốt ở một thời điểm nhất định cho một dân tộc nhất định, có thể là đáng ghét đối với một dân tộc khác.

Vậy nên một dân tộc không hề có khả năng thay đổi thực sự những thiết chế của mình. Nó chắc chắn có thể, bằng cái giá của những cuộc cách mạng bạo lực, thay đổi tên gọi của những thể chế ấy, nhưng nội dung không thay đổi. Những cái tên chỉ là nhãn hiệu hão huyền mà nhà sử học nào hiểu cặn kẽ bản chất của sự vật sẽ không quan tâm đến. Chính vì thế nên chẳng hạn nước Anh là một đất nước dân chủ nhất trên thế giới*[1], tuy sống

---

*[1] Ngay cả ở Hoa Kỳ, đó là điều mà những người cộng hoà tiên tiến nhất cũng công nhận. Tờ báo Mỹ *Forum* mới đây bày tỏ ý kiến dứt khoát này bằng những lời lẽ mà tôi trích lại đây theo *Review of Reviews* tháng Mười Hai năm 1894:

dưới chế độ quân chủ; trong khi đó những đất nước mà chế độ chuyên chế còn hoành hành nặng nề nhất lại là những nước cộng hoà Mỹ - Latin, mặc dù thể chế cộng hoà cai trị những nước ấy. Tính cách của các dân tộc chứ không phải chính phủ dẫn dắt số phận của chúng. Đó là một quan điểm mà tôi đã thử xác lập trong một cuốn sách trước, dựa trên các ví dụ tiêu biểu.

Vậy đó là một công việc rất trẻ con, một thứ bài tập vô ích của nhà hùng biện khoa trương, không biết rằng chỉ phí thời gian để chế tạo ra toàn những thể chế. Sự cần thiết và thời gian sẽ đảm nhiệm việc xây dựng nên chúng, khi chúng ta đủ khôn ngoan để cho hai nhân tố ấy hành động. Chính người Anglo – Saxon đã tiến hành như vậy, và đó là điều nhà sử học vĩ đại của họ, Macaulay[1] nói với chúng ta trong một đoạn văn mà các nhà chính trị của mọi quốc gia Latin phải đọc thuộc lòng. Sau khi đã chỉ ra mọi cái tốt mà luật pháp đã có thể làm, đứng về mặt lí trí thuần tuý những đạo luật ấy có vẻ như một hỗn độn

---

"Chúng ta, ngay cả những kẻ thù nhiệt tâm nhất chống lại chính thể quý tộc, cũng không bao giờ được quên rằng ngày nay nước Anh là một đất nước dân chủ nhất hoàn cầu, là nơi các quyền của cá nhân được tôn trọng nhất, và là nơi cá nhân được tự do nhất".

[1] Thomas Babington Macaulay (1880 - 1859): chính khách, nhà thơ, nhà tiểu luận và sử gia nổi tiếng ở Anh với tác phẩm *Lịch sử nước Anh* (1849 - 1861).

của những điều phi lí và những mâu thuẫn, ông so sánh hàng tá thể chế đang chết trong những cơn biến động của các dân tộc Latin thuộc châu Âu và châu Mỹ với thể chế của nước Anh, ông cho ta thấy rằng thể chế của nước Anh chỉ được thay đổi rất chậm, từng phần, dưới ảnh hưởng của những cần thiết tức thời chứ không bao giờ dưới ảnh hưởng của những suy luận tư biện. "Đừng lo lắng đến tính cân đối, mà hãy lo lắng nhiều đến tính lợi ích; đừng bao giờ vứt bỏ cái dị thường chỉ vì nó là một cái dị thường; đừng bao giờ đổi mới nếu không phải là khi cảm thấy có sự bất ổn nào đó, và lúc đó đổi mới đúng vừa đủ để loại bỏ cái bất ổn; đừng bao giờ thiết lập một đề nghị rộng hơn trường hợp đặc biệt mà ta muốn sửa chữa; đó là những quy tắc từ thời John đến thời Victoria, chúng nói chung đã hướng dẫn cho các cuộc thảo luận của 250 nghị viện của chúng ta".

Ta phải xem xét lần lượt từng đạo luật một và từng thiết chế một của mỗi dân tộc, để chứng tỏ chúng là biểu hiện những nhu cầu của chủng tộc đến thế nào, và không thể vì lí do này mà chúng bị biến đổi một cách dữ dội. Thí dụ người ta có thể biện luận một cách triết học về những thuận lợi và bất cập của sự tập trung hoá, nhưng khi chúng ta nhìn thấy một dân tộc gồm nhiều chủng tộc rất khác nhau, đã phải

dành một nghìn năm cố gắng mới dần dần đạt tới sự tập trung này; khi chúng ta thấy rằng một cuộc cách mạng lớn có mục tiêu là đập tan mọi thể chế của quá khứ, đã buộc phải chẳng những tôn trọng sự tập trung hoá này mà còn phải phóng đại nó lên, thì ta có thể nói nó là con đẻ của những điều cần thiết cấp bách, thậm chí là một điều kiện sinh tồn, và ta có thể phàn nàn về tầm vóc tinh thần yếu kém của những nhà chính trị chỉ nói đến chuyện phá huỷ nó đi. Nếu như ngẫu nhiên họ thành công trong chuyện đó, thì giờ phút thành công sẽ ngay lập tức là tín hiệu của một cuộc nội chiến khủng khiếp*[1], vả lại cuộc nội chiến ấy lại lập tức dẫn tới một sự tập trung mới còn nặng nề hơn nhiều so với sự tập trung cũ.

---

*[1] Nếu ta so sánh những bất đồng tôn giáo và chính trị sâu sắc đã chia rẽ nhiều bộ phận của nước Pháp và chủ yếu là vấn đề chủng tộc, là những khuynh hướng phân ly được biểu lộ ở thời cách mạng lại bắt đầu xuất hiện vào cuối cuộc chiến tranh Pháp-Đức, ta sẽ thấy những chủng tộc khác nhau sống trên đất nước ta [nước Pháp] còn lâu mới hợp nhất. Sự tập trung cao độ của Cách mạng và việc tạo ra những quận huyện có tính giả tạo nhằm trộn lẫn các tỉnh lị cũ chắc chắn là công trình có ích nhất của Cách mạng. Ngày nay những người không lo xa hay nói tới việc giải tập trung. Nếu sự giải tập trung có thể xảy ra, nó sẽ nhanh chóng dẫn đến những chia rẽ đẫm máu nhất. Cần phải hoàn toàn quên lịch sử của chúng ta mới không biết đến điều đó.

Ta kết luận những điều nói trên rằng không nên tìm cách tác động sâu vào tâm hồn đám đông nhờ những thiết chế; và khi ta thấy một vài nước, như Hoa Kì, đã thịnh đạt ở mức độ cao với những thiết chế dân chủ, trong khi những nước khác, như những nước cộng hoà Mỹ - Latin, đang sống trong sự vô chính phủ ảm đạm nhất mặc dù có những thiết chế tuyệt đối giống; thì ta có thể nói rằng những thiết chế ấy xa lạ với sự lớn lao của dân tộc này cũng như xa lạ với sự suy đồi của dân tộc kia. Các dân tộc đều bị tính cách của chính họ thống trị; và tất cả những thiết chế nào không được đúc khuôn vừa vặn với tính cách ấy sẽ chỉ là thứ quần áo vay mượn, một thứ giả trang tạm thời. Chắc hẳn, nhiều cuộc chiến tranh đẫm máu, nhiều cuộc cách mạng bạo lực đã xảy ra, và còn sẽ xảy ra, để áp đặt cho những thiết chế mà người ta gán cho chúng, như từng gán cho những di vật của các vị thánh, cái khả năng siêu phàm tạo ra hạnh phúc. Vậy, theo một nghĩa nào đó, có thể nói rằng những thiết chế tác động lên tâm hồn đám đông bởi vì chúng gây nên những biến động như thế. Nhưng trong thực tế, không phải chính những thiết chế tác động như thế, bởi ta biết rằng dù thắng hay bại, bản thân chúng không hề có một hiệu lực nào cả. Cái đã tác động lên tâm hồn đám đông chính là những ảo tưởng và ngôn từ. Đặc biệt là ngôn từ, những từ ngữ

vừa đầy ảo tưởng vừa mạnh mẽ này sẽ được chúng tôi chỉ ra ảnh hưởng lạ lùng của chúng.

5 – Giáo dưỡng và giáo dục

Đứng đầu những tư tưởng thống trị nói trên của một thời đại, mà chúng tôi đã lưu ý ở một chỗ khác về số lượng ít ỏi và sức mạnh của chúng, dù đôi khi chúng là những ảo tưởng thuần tuý, ngày nay, đó là tư tưởng sau đây: đào tạo có khả năng thay đổi con người một cách đáng kể, và có kết quả chắc chắn là cải tạo được con người, thậm chí làm cho con người bình đẳng. Chỉ bằng việc nhắc đi nhắc lại, điều khẳng định này cuối cùng đã trở thành một trong những tín điều khó lay chuyển nhất trong chế độ dân chủ. Ngày nay, khó đụng chạm tới điều đó, cũng như thời xưa khó đụng chạm tới những tín điều của nhà thờ.

Nhưng ở điểm này, cũng như ở nhiều điểm khác, những tư tưởng dân chủ đều đã bất đồng sâu sắc với các dữ kiện của tâm lí học và kinh nghiệm. Nhiều triết gia nổi tiếng, trong đó có Herbert Spencer, dễ dàng chỉ ra rằng giáo dục chẳng làm cho con người đạo đức hơn, sung sướng hơn, rằng nó không thay đổi được bản năng và đam mê mang tính di truyền của con người; đôi khi, chỉ đạo kém một chút, giáo dục sẽ có hại nhiều hơn có ích. Những nhà thống kê

cũng xác nhận quan niệm này khi nói với ta rằng tội phạm tăng lên cùng với sự phổ cập giáo dục, hay ít ra là phổ cập một sự giáo dục nào đó, rằng những kẻ thù tệ nhất của xã hội, những kẻ vô chính phủ, thường được tuyển lựa trong đám học trò được giải thưởng của các trường; và trong một công trình mới đây, ông Adolphe Guillot, một quan toà ưu tú nhận xét rằng ngày nay người ta đếm được cứ 3.000 tội phạm có học thì chỉ có 1.000 tội phạm vô học, và rằng trong 50 năm, tình trạng phạm tội đã vượt con số từ 227 lên đến 552 trên 400.000 dân, tức là tăng 133%. Ông ta cũng ghi nhận cùng các đồng sự rằng tình trạng phạm tội gia tăng đặc biệt ở những người trẻ tuổi mà, như ta đã biết, [ở nước Pháp], việc đến trường không mất tiền và bắt buộc đã thay thế cơ chế học việc nơi ông chủ.

Chắc không phải là, và cũng chẳng ai ủng hộ điều này bao giờ, sự đào tạo được chỉ đạo tốt lại không thể cho những kết quả thực tế rất có ích, nếu không nâng cao được đạo đức thì ít nhất cũng phát triển được khả năng nghề nghiệp. Khốn thay những dân tộc Latin, nhất là từ hai mươi lăm năm nay, đã đặt cơ sở cho hệ thống giáo dục trên những nguyên lí rất sai lầm, và mặc cho những con người lỗi lạc nhất phê phán, họ vẫn khăng khăng giữ những sai lầm thảm hại.

Bản thân tôi, trong nhiều cuốn sách khác nhau*[1], cũng đã chỉ ra rằng nền giáo dục hiện nay của chúng ta đã biến phần lớn những người được tiếp nhận giáo dục thành kẻ thù của xã hội, và tuyển lựa đông đảo môn đồ cho những hình thức tệ hại nhất của chủ nghĩa xã hội.

Cái tạo ra mối hiểm nguy đầu tiên của nền giáo dục này - rất xứng danh là nền giáo dục Latin – chính là dựa trên sai lầm tâm lí học cơ bản: người ta phát triển được trí tuệ bằng cách học thuộc lòng sách giáo khoa. Từ đó người ta cố gắng học thuộc càng nhiều càng tốt, và từ tiểu học đến cấp tiến sĩ hay thạc sĩ, người trẻ tuổi chỉ làm công việc học thuộc lòng sách vở, mà khả năng phán đoán và óc sáng kiến của anh ta không bao giờ được sử dụng. Giáo dục đối với anh ta là đọc thuộc lòng và vâng lời. Ông Jules Simon cựu bộ trưởng giáo dục đã viết: "Học những bài học, thuộc lòng cuốn ngữ pháp hoặc một quyển sách giản yếu, nhắc lại đúng, bắt chước giỏi, đó là thứ giáo dục buồn cười, ở đó mọi cố gắng là chứng tỏ lòng tin trước tính bất khả sai lầm của ông thầy, nền giáo dục ấy chỉ dẫn

---

*[1] Xem:

- *Tâm lí học về chủ nghĩa xã hội* (Psychologie du socialisme, xuất bản lần thứ 3).

- *Tâm lí học giáo dục* (Psychologie de l'éducation, xuất bản lần thứ 5).

đến việc hạ thấp giá trị của chúng ta và khiến chúng ta bất lực".

Nếu nền giáo dục này chỉ là vô ích thì chúng ta có thể dừng lại ở việc thương xót những đứa trẻ khốn khổ, bởi lẽ ra có nhiều điều cần thiết để dạy ở trường tiểu học, người ta lại thích dạy cho chúng phả hệ của con cái nhà vua Clotaire[1], những cuộc chiến giữa vương triều Neustrie và vương triều Austrasie[2], hay phân loại động vật; nhưng nền giáo dục ấy còn biểu thị một mối hiểm nguy nghiêm trọng hơn nhiều. Nó làm cho người tiếp nhận chán ghét cùng cực cái thân phận mà anh ta được sinh ra, và ước ao mãnh liệt được thoát khỏi thân phận ấy. Người công nhân không muốn làm công nhân nữa, người nông dân không muốn làm nông dân nữa, và nhà tư sản cuối cùng chỉ thấy nghề nghiệp khả dĩ nhất cho con cái mình chẳng gì khác hơn là làm công chức ăn lương Nhà nước. Thay vì chuẩn bị cho người ta vào đời, trường học lại chỉ chuẩn bị cho họ trở thành công chức, người ta có thể thành công mà không cần phải tự định

---

[1] Clotaire: tên dòng vua Pháp, gồm bốn triều vua, tồn tại từ thế kỉ V đến thế kỉ VIII.

[2] Neustrie và Austrasie: hai trong bốn vương triều thuộc dòng Mérovée (Clotaire). Neustrie nằm ở phía Tây, Austrasie nằm ở phía Đông xứ Gaule ở thế kỉ VI, VII và VIII. Hai vương quốc này liên tục gây chiến tranh.

hướng cho mình, cũng không phải bộc lộ một chút sáng kiến nào. Ở nấc thang dưới, nền giáo dục ấy tạo ra những đạo quân vô sản bất mãn với số phận mình và luôn sẵn sàng nổi loạn; ở trên, tầng lớp tư sản phù phiếm của chúng ta, vừa hoài nghi vừa cả tin, có lòng tin mù quáng vào Nhà nước - người che chở, tuy họ không ngừng công kích nó, luôn đổ trách nhiệm cho chính phủ những sai lầm của chính mình và không có khả năng thực hiện một điều gì mà không có sự can thiệp của quyền lực.

Nhờ vào sách giáo khoa, Nhà nước tạo ra tất cả những con người có bằng cấp ấy, chỉ có thể sử dụng một số ít, và dĩ nhiên phải để những người còn lại thất nghiệp. Vậy Nhà nước phải đành chịu nuôi sống nhóm thứ nhất và có kẻ thù là nhóm thứ hai. Từ trên cao xuống dưới thấp của tháp xã hội, từ thầy kí giản dị đến giáo sư và đến vị tỉnh trưởng, đám người đông đảo có bằng cấp hiện chiếm hết những vị trí nghề nghiệp. Trong khi một nhà kinh doanh khó khăn lắm mới tìm ra một nhân viên làm đại diện cho mình ở thuộc địa, thì có hàng ngàn ứng viên xin xỏ những chỗ làm nhà nước tầm thường nhất. Chỉ riêng quận Seine đã có 20.000 giáo viên nam nữ thất nghiệp, họ khinh thường ruộng đồng và xưởng máy và tìm tới Nhà nước để kiếm sống. Số người may mắn thì ít, số người bất mãn tất

nhiên rất nhiều. Những người sau sẵn sàng ủng hộ mọi cuộc cách mạng, dù thủ lĩnh là ai và mục đích mà các cuộc cách mạng theo đuổi là gì. Sở hữu kiến thức mà không thể tìm được việc làm là một phương cách chắc chắn để biến con người ta thành một kẻ nổi loạn*1.

Rõ ràng đã quá chậm để đi ngược lại một trào lưu như vậy. Chỉ có kinh nghiệm, người thầy vĩ đại của các dân tộc, sẽ chịu trách nhiệm chỉ ra cho chúng ta sai lầm của mình. Chỉ có kinh nghiệm mới đủ sức mạnh để chứng tỏ sự cần thiết phải thay thế những cuốn giáo khoa tệ

---

*1 Vả lại đó không phải là một hiện tượng riêng của các dân tộc Latin; người ta nhận thấy điều này cả ở nước Trung Hoa, một đất nước cũng do thứ bậc vững chắc của các quan lại dẫn dắt, và ở đây cũng giống nước ta, quan chức được tuyển lựa bằng các kì thi mà sự thử thách thi cử chỉ là đọc thuộc lòng không suy suyển những sách giáo khoa dày. Đội quân có học thất nghiệp ở Trung Hoa ngày nay được coi là một quốc nạn thật sự. Ở Ấn Độ cũng như thế, từ khi người Anh mở trường học ở đây, không phải để giáo dục như ở bên Anh đã làm, mà đơn thuần chỉ để dạy dỗ những người bản xứ, đã hình thành một tầng lớp người có học gọi là những Babou, khi không có việc làm, họ trở thành những kẻ thù không thể hoà giải của Anh quốc hùng cường. Ở mọi người Babou có hay không có việc làm, hiệu quả đầu tiên của giáo dục là hạ thấp vô cùng trình độ đạo đức của họ. Đó là một sự thực mà tôi đã dài dòng nhấn mạnh trong cuốn sách *Những nền văn minh Ấn Độ* (Les Civilisations de l'Inde), và nhiều tác giả đã thăm bán đảo lớn này cũng nhận thấy thế.

hại của chúng ta, những kì thi đáng thương của chúng ta bằng một nền giáo dục dạy nghề, có khả năng dẫn thanh thiếu niên đến với ruộng đồng, xưởng máy, những công trình thuộc địa, mà hôm nay họ đang bằng mọi giá tìm cách trốn chạy.

Nền giáo dục dạy nghề mà giờ đây những con người sáng suốt đều đòi hỏi là nền giáo dục xưa kia cha ông ta đã được nhận, và là cái mà các dân tộc ngày nay đang thống trị thế giới nhờ ý chí, sáng kiến, tinh thần dám nghĩ dám làm đã biết bảo tồn. Trong các trang viết đặc sắc, mà rồi sau tôi sẽ trích lại những phần chủ yếu nhất, một nhà tư tưởng lớn, ông Taine, đã chỉ ra rõ ràng rằng nền giáo dục của chúng ta xưa kia cũng gần giống như nền giáo dục Anh hay Mỹ ngày nay, và trong một đoạn đối chiếu đặc sắc giữa hệ thống giáo dục Latin với hệ thống Anglo-Saxon, ông đã cho thấy rõ những kết quả của hai phương pháp.

Có lẽ cùng lắm, người ta cũng đành bằng lòng chấp nhận mọi thứ bất cập của nền giáo dục kinh viện của chúng ta, ngay cả dù rằng nó chỉ tạo ra những kẻ vô tích sự và những kẻ bất mãn, nếu như việc sở hữu hời hợt nhiều kiến thức đến thế, việc đọc thuộc lòng hoàn hảo nhiều sách giáo khoa đến thế đã nâng cao được trình độ trí tuệ.

Nhưng thực sự nó có nâng cao được trí tuệ không? Không, thật buồn thay! Chính sự xét đoán, kinh nghiệm, sáng kiến, tính cách mới là những điều kiện thành công ở đời, còn sách vở không cho những điều đó. Sách là những cuốn từ điển có ích để tra cứu, nhưng hoàn toàn vô ích khi có những đoạn văn dài trong đầu.

Giáo dục dạy nghề có thể phát triển trí tuệ thế nào trong chừng mực nó hoàn toàn thoát ra khỏi lối đào tạo kinh viện, đó là điều Taine chỉ ra khá rõ.

"Những tư tưởng chỉ hình thành trong môi trường tự nhiên và bình thường của chúng. Cái làm cho mầm mống tư tưởng sinh trưởng, đó là muôn vàn những ấn tượng nhạy cảm mà thanh niên nhận được hàng ngày ở xưởng máy, trong hầm mỏ, ở toà án, trong nghiên cứu, trên công trường, ở bệnh viện, trong cảnh tượng của những dụng cụ, những vật liệu và những hoạt động, đối diện với khách hàng, với công nhân, với lao động, với sản phẩm làm tốt hay xấu, tốn kém hay có lợi; đấy là những tri giác đặc biệt của mắt, của tai, của tay và cả của khứu giác, được thu nhận không cố ý và được chế biến âm thầm; chúng tự tổ chức trong anh ta, để rồi sớm hay muộn gợi ý cho anh ta sự tổ hợp mới, sự đơn giản hoá, sự tiết kiệm, sự hoàn thiện hay

sáng chế nào đó. Thanh niên Pháp bị tước đi mọi tiếp xúc quý báu, mọi yếu tố có thể đồng hoá và cần thiết đó, và đúng vào lúc ở cái tuổi phong phú; suốt bảy hay tám năm, họ bị nhốt trong một trường học, cách xa kinh nghiệm trực tiếp và cá nhân, điều sẽ cho họ khái niệm chính xác và sống động về sự vật, con người và nhiều cách khác nhau để sử dụng chúng".

"... Ít ra chín phần mười trong số họ đã mất thời gian và công sức, mất nhiều năm của cuộc đời và những năm tháng hiệu quả, quan trọng hay thậm chí quyết định của mình: đầu tiên hãy tính một nửa hay hai phần ba những người đi thi, tôi muốn nói là bị trượt - sau đó, trong số những người trúng tuyển, được thăng bậc, cấp chứng chỉ, bằng cấp, thì một nửa hay hai phần ba nữa tôi muốn nói là đã bị quá sức. Người ta đã đòi hỏi họ quá nhiều bằng cách yêu cầu họ ngày nào đó phải ngồi ghế hay đứng trước bảng suốt hai giờ liền, và đối với một nhóm các khoa học, họ phải là những cái kho tư liệu sống của tất cả khiến thức nhân loại; quả thực, ngày hôm ấy suốt hai giờ liền, họ đã, hay gần như là cái kho tư liệu sống rồi. Nhưng một tháng sau họ không như thế nữa; họ không thể chịu nổi cuộc kiểm tra lại một lần nữa; những điều họ sở hữu được quá nhiều, và quá nặng nề, chúng không ngừng trượt ra

ngoài tâm trí họ và họ chẳng thiết những cái mới. Sức mạnh tinh thần đã giảm xuống; thứ nhựa dồi dào đã cạn kiệt; con người đã thành niên xuất hiện, và thông thường đó là con người bỏ đi. Chỉn chu nề nếp, lập gia đình, cam chịu quẩn quanh trong một vòng tròn và mãi mãi trong vòng tròn ấy, anh ta ẩn mình trong văn phòng hạn hẹp, đứng đắn làm tròn trách nhiệm, chẳng làm gì khác ngoài điều ấy. Hiệu suất trung bình là như vậy; chắc chắn thu nhập có được không cân bằng với chi phí. Ở Anh và ở Mỹ, cũng như xưa kia, trước năm 1789 tại Pháp, người ta sử dụng cách ngược lại, hiệu suất đạt được là bằng hoặc cao hơn".

Tiếp đó, nhà sử học nổi tiếng chỉ ra cho ta thấy sự khác nhau giữa hệ thống giáo dục của chúng ta với hệ thống của những nước Anglo-Saxon. Những nước này không có nhiều trường học đặc biệt như chúng ta; ở họ giáo dục không phải do sách vở đem lại, mà do chính sự vật đem lại. Ví dụ người kĩ sư được đào tạo trong một xưởng máy chứ không bao giờ trong một trường học; điều này cho phép mỗi người đạt tới chính xác mức độ mà trí tuệ của anh ta vốn có, làm công nhân hay đốc công nếu anh ta không thể đi xa hơn nữa, làm kĩ sư nếu khả năng của anh ta dẫn được tới đó. Đó là một phương pháp dân chủ hơn

nhiều và ích lợi cho xã hội hơn nhiều so với việc bắt toàn bộ sự nghiệp của một cá nhân phải phụ thuộc vào một kì thi vài tiếng đồng hồ mà anh ta phải chịu đựng lúc mười tám hay hai mươi tuổi.

"Khi còn rất trẻ người học trò đã được nhận vào bệnh viện, hầm mỏ, xí nghiệp, văn phòng luật sư, văn phòng kiến trúc sư, nơi anh ta học việc và thực tập; ở nước ta người đó gần giống như người thư kí trong văn phòng luật hay người học vẽ trong xưởng hoạ. Tiên quyết và trước khi bước vào, anh ta có thể theo vài khoá học tổng quát và sơ lược, để có được một cái khung rất sẵn sàng nhằm đưa vào đó những nhận xét mà về sau anh ta sẽ phải làm. Tuy nhiên, thông thường trong tầm tay anh ta còn có một vài lớp kĩ thuật mà anh ta có thể theo học vào các giờ rảnh rỗi, để dần dần phối hợp với những kinh nghiệm hàng ngày mà anh ta có được. Dưới một chế độ như vậy, khả năng thực hành tăng lên và tự phát triển đúng đến mức độ mà năng lực của người học trò có, và trong chiều hướng đòi hỏi của công việc tương lai, thông qua công việc riêng mà ngay trong hiện tại anh ta muốn tự thích ứng. Theo cách ấy, ở Anh và ở Mỹ, thanh niên nhanh chóng đạt tới chỗ tự mình rút ra được tất cả những điều mà mình có. Ngay từ năm hai lăm tuổi, và thậm chí sớm hơn nhiều, nếu không thiếu năng khiếu và tư chất, anh ta chẳng

những là một người thi hành có ích, mà còn là người dám nghĩ dám làm, không chỉ là một bánh xe răng, mà hơn nữa còn là một động cơ, - ở Pháp, phương pháp ngược lại đã thắng thế, và qua mỗi thế hệ, nó lại trở nên có tính Trung Hoa hơn, tổng cộng những năng lực mất đi thật to lớn".

Và nhà triết học vĩ đại đi đến kết luận sau về chênh lệch tăng dần của nền giáo dục Latin chúng ta so với đời sống.

"Ở ba bậc đào tạo, trẻ nhỏ, thiếu niên và thanh niên, sự chuẩn bị lí thuyết trên ghế nhà trường, thông qua sách vở, kéo dài và quá tải, vì mục đích thi cử, cấp bậc, bằng cấp, chứng chỉ, và chỉ vì mục đích đó mà thôi; và bằng những phương cách tệ hại, bằng việc áp dụng một chế độ phản tự nhiên và phản xã hội, bằng việc để chậm quá đáng vấn đề học nghề thực hành, bằng chế độ nội trú, bằng cách huấn luyện giả tạo và nhồi nhét máy móc, bằng việc học quá sức mà không đếm xỉa tới thời gian về sau, tới thời kì trưởng thành và những trách vụ nặng nề mà con người phải thực hiện sau này. Nó bỏ qua thế giới thực, nơi trong thời gian tới người thanh niên sẽ rơi vào, bỏ qua xã hội chung quanh mà anh ta phải thích ứng hay từ bỏ ngay từ đầu, bỏ qua xung đột giữa những con người mà muốn tự vệ, muốn đứng vững, thì trước tiên anh ta phải được trang bị, được vũ trang,

được tập dượt và tôi luyện dạn dày. Sự trang bị cần thiết ấy, sự thâu lượm ấy còn quan trọng hơn tất cả những điều khác, sự vững vàng về lương tri, về ý chí, về thần kinh thì trường học của ta không cung cấp cho anh ta; hoàn toàn ngược lại, cách giáo dục trên còn xa mới tạo đủ phẩm chất cho anh ta, nó còn làm cho anh ta không đủ năng lực đáp ứng hoàn cảnh sống trong tương lai. Do đó khi vào đời, những bước chân đầu tiên của anh ta trong môi trường hành động thực tế thường chỉ là một loạt vấp ngã đau đớn; anh ta bị tổn thương, bị vò xé lâu dài, đôi khi bị què quặt mãi mãi. Đó là một thử thách nặng nề và nguy hiểm, sự cân bằng tinh thần và tâm thần bị phá hỏng, và có nguy cơ không hồi phục được. Sự vỡ mộng xảy ra quá đột ngột, quá trọn vẹn; những thất vọng quá lớn và nỗi đắng cay quá nặng nề"*[1].

---

*[1] Taine: *Chế độ hiện* đại (Le Régime moderne) tập II, 1891 – Những trang viết này gần như là những trang cuối cùng của Taine. Chúng tóm tắt một cách tuyệt vời những kết quả trong kinh nghiệm lâu dài của nhà triết học lớn. Buồn thay, tôi nghĩ các giáo sư đại học của chúng ta không sống ở nước ngoài nên hoàn toàn không hiểu chúng. Giáo dục là phương tiện duy nhất để ta có thể tác động chút ít lên tâm hồn một dân tộc, và thật buồn sâu sắc khi nghĩ rằng ở Pháp hầu như chẳng ai có thể hiểu rằng nền giáo dục hiện thời của ta là một yếu tố suy đồi nhanh chóng đáng sợ, và đáng lẽ đề cao giới trẻ thì nó lại hạ thấp họ xuống và làm hư hỏng họ.

Qua phần viết trên đây, liệu chúng ta có đi xa khỏi tâm lí học đám đông không? Chắc là không. Nếu ta muốn hiểu những tư tưởng, những niềm tin đã nảy mầm ở đó hôm nay và nở hoa ngày mai ra sao, thì ta phải biết mảnh đất đã được chuẩn bị thế nào. Nền giáo dục được đem đến cho tuổi trẻ của một đất nước cho phép ta biết đất nước ấy sau này sẽ thế nào. Nền giáo dục được trao cho thế hệ hôm nay biện minh cho những tiên đoán ảm đạm nhất. Tâm hồn đám đông được cải thiện hay hỏng đi một phần chính là do giáo dưỡng và giáo dục. Vậy cần phải chỉ ra hệ thống hiện thời đã đào luyện nó ra sao, và đám những kẻ thờ ơ và trung lập đã dần dần trở thành một đội quân bất mãn đông đảo, sẵn sàng nghe theo mọi gợi ý của các nhà không tưởng và các nhà hùng biện khoa trương thế nào. Chính tại trường học ngày nay đang đào luyện những kẻ bất mãn và vô chính phủ và đang sửa soạn cho các dân tộc Latin giờ phút suy đồi ngày mai.

Chương II

NHỮNG NHÂN TỐ TRỰC TIẾP ẢNH HƯỞNG TỚI Ý KIẾN CỦA ĐÁM ĐÔNG

1 - Hình ảnh, từ ngữ và công thức. - *Sức mạnh ma thuật của từ ngữ và công thức. - Sức mạnh của từ ngữ gắn với những hình ảnh mà từ ngữ gợi lên, và độc lập với ý nghĩa thực của chúng. - Những hình ảnh này thay đổi từ thời này sang thời khác, từ chủng tộc này sang chủng tộc khác. - Sự mòn cũ của những từ ngữ. - Ví dụ về những biến đổi nghĩa đáng kể của một vài từ ngữ rất thông dụng. - Lợi ích chính trị trong việc đặt tên mới cho những sự việc cũ, khi người ta chỉ rõ những từ ngữ tạo ra một ấn tượng tai hại với đám đông. - Sự biến đổi về nghĩa của từ ngữ phụ thuộc vào chủng tộc. - Nghĩa khác nhau của từ* dân chủ *ở châu Âu và ở Mỹ.*

2 - Ảo tưởng. - *Tầm quan trọng của chúng. – Ta lại thấy chúng ở cơ sở của mọi nền văn minh. - Sự cần thiết mang tính xã hội của những ảo tưởng. – Đám đông bao giờ cũng thích ảo tưởng hơn sự thực.*

3 - Kinh nghiệm. - *Chỉ có kinh nghiệm mới có thể thiết lập trong tâm hồn đám đông những sự thực đã trở nên cần thiết và phá huỷ những ảo tưởng đã trở nên nguy hiểm. – Kinh nghiệm chỉ phát huy tác dụng với điều kiện được thường xuyên nhắc đi nhắc lại. - Điều mà những kinh nghiệm nhất thiết phải trả giá để thuyết phục đám đông.*

4 – Lí trí. - *Ảnh hưởng vô hiệu của nó với đám đông. – Ta chỉ tác động được tới đám đông bằng cách tác động lên những tình cảm vô thức của nó. – Vai trò của logic trong lịch sử. - Những nguyên nhân bí ẩn của những biến cố khó tin.*

Chúng ta vừa mới nghiên cứu những nhân tố xa và có tính chuẩn bị đem lại cho tâm hồn đám đông một năng lực thụ cảm đặc biệt, làm cho nó có khả năng nảy nở một vài tình cảm hay tư tưởng nào đó. Bây giờ chúng ta nghiên cứu tới những nhân tố có thể tác động một cách trực tiếp. Chúng ta sẽ thấy trong chương sau phải sử dụng những nhân tố ấy thế nào để chúng có thể sản sinh ra toàn bộ hiệu quả của mình.

Trong phần đầu cuốn sách này, chúng ta đã nghiên cứu tình cảm, tư tưởng, suy luận của tập thể; và từ nhận thức này, rõ ràng ta sẽ có thể suy ra một cách khái quát những cách thức gây ấn tượng mạnh lên tâm hồn đám đông. Chúng ta đã biết cái gì tác động vào trí tưởng tượng của đám

đông, sức mạnh và sự lây nhiễm của những gợi ý, nhất là những gợi ý biểu hiện dưới hình thức các hình ảnh. Nhưng những gợi ý có thể có nguồn gốc rất khác nhau, những nhân tố có khả năng tác động lên tâm hồn đám đông có thể rất khác nhau. Vậy cần thiết xem xét chúng tách biệt nhau. Đó không phải là một nghiên cứu vô ích. Đám đông hơi giống con nhân sư trong ngụ ngôn cổ đại: cần phải biết giải những câu đố mà tâm lí đám đông đặt ra cho ta, hoặc là đành chịu để cho nó ăn thịt.

1 - Hình ảnh, từ ngữ và công thức

Khi nghiên cứu trí tưởng tượng của đám đông chúng ta đã thấy rằng nó đặc biệt bị những hình ảnh gây ấn tượng. Không phải bao giờ ta cũng có những hình ảnh ấy, nhưng có thể gợi lên chúng bằng việc sử dụng đúng đắn từ ngữ và công thức (formule). Khi được sử dụng một cách nghệ thuật, chúng thực sự có sức mạnh bí ẩn mà ngày xưa những môn đồ của ma thuật vẫn gán cho chúng. Chúng làm nảy sinh trong tâm hồn đám đông những cơn bão khủng khiếp nhất, và chúng cũng biết làm lắng dịu những cơn bão ấy. Người ta sẽ xây được một kim tự tháp cao hơn nhiều so với kim tự tháp cổ Khéops với chỉ bằng xương nạn nhân của sức mạnh từ ngữ và công thức.

Sức mạnh của từ ngữ được gắn liền với những hình ảnh mà chúng gợi lên, và hoàn toàn độc lập với ý nghĩa thực của chúng. Đó thường là những từ mà ý nghĩa kém xác định nhất và chi phối nhiều hành động nhất. Ví dụ như những từ như *dân chủ, chủ nghĩa xã hội, bình đẳng, tự do* v.v..., nghĩa của chúng thì mơ hồ đến nỗi những cuốn sách dày cộp cũng chẳng đủ để nói chính xác về chúng. Và tuy nhiên, chắc chắn có một sức mạnh thực sự ma thuật gắn kết với những âm tiết ngắn của chúng, cứ như thể chúng chứa đựng những giải pháp cho mọi vấn đề. Chúng tổng hợp những khát vọng vô thức khác nhau nhất và niềm hi vọng thực hiện những khát vọng ấy.

Lí trí và những luận chứng cũng không thể chống lại một số từ ngữ và một số công thức. Người ta trầm tĩnh công bố chúng trước đám đông; và ngay khi chúng được phát âm, những gương mặt trở nên kính cẩn và những vầng trán cúi xuống. Nhiều người coi chúng như những lực lượng của thiên nhiên, những sức mạnh siêu nhiên. Chúng gợi lên trong tâm hồn những hình ảnh lớn lao và mơ hồ, nhưng chính cái mơ hồ đã làm mờ nhạt chúng và làm tăng sức mạnh huyền bí của chúng. Ta có thể so sánh chúng với những thần linh đáng sợ giấu mình sau chiếc khám thờ, và kẻ sùng đạo run rẩy đến gần.

Những hình ảnh mà từ ngữ gợi lên độc lập với nghĩa của chúng, thay đổi từ thời đại này sang thời đại khác, từ dân tộc này đến dân tộc khác, dưới căn cước là những công thức. Còn một số từ lại tạm thời được gắn với một vài hình ảnh: từ ngữ chỉ là cái nút bấm điều khiển làm cho những hình ảnh hiện lên.

Mọi từ ngữ và mọi công thức không có sức mạnh gợi hình ảnh; mà sau khi đã gợi lên điều đó, thì chính chúng bị mòn cũ đi và chẳng gợi lại được gì nữa trong tâm trí. Lúc đó chúng trở thành những âm thanh vô vị, lợi ích chính của chúng là để miễn cho ai sử dụng chúng khỏi phải suy nghĩ. Với một kho nhỏ những công thức và những điều sáo mòn học được khi còn trẻ, chúng ta sở hữu được tất cả điều cần có để đi suốt cuộc đời mà không cần thiết phải nhọc nhằn suy nghĩ về bất cứ chuyện gì.

Nếu ta xem xét một ngôn ngữ nhất định, ta sẽ thấy rằng những từ ngữ mà ngôn ngữ ấy cấu thành thay đổi khá chậm chạp theo dòng các thời đại; nhưng cái thay đổi không ngừng đó là những hình ảnh mà chúng gợi lên hay ý nghĩa mà người ta gán cho chúng; và chính vì vậy, trong một cuốn sách khác tôi đã đi đến kết luận rằng dịch trọn vẹn một ngôn ngữ, đặc biệt khi đó là của những dân tộc đã tiêu vong, là điều

hoàn toàn không thể. Trên thực tế, ta đã làm gì khi ta thay thế một từ tiếng Pháp cho một từ Latin, Hy Lạp hay tiếng Phạn, hay khi chúng ta tìm cách hiểu một cuốn sách được viết bằng chính ngôn ngữ của ta, cách đây hai hoặc ba thế kỉ? Chúng ta chỉ đơn giản thay thế những hình ảnh và tư tưởng mà cuộc sống hiện đại đã đặt vào tâm trí ta, cho những khái niệm và những hình ảnh hoàn toàn khác mà cuộc sống xưa kia đã làm nảy sinh trong tâm hồn các chủng tộc từng phải phục tùng những điều kiện sống không giống như chúng ta. Khi những nhà cách mạng những tưởng đã bắt chước người Hy Lạp và La Mã, họ đã làm gì nếu không phải là cho những từ ngữ cổ xưa một ý nghĩa mà những từ ngữ này không bao giờ có. Liệu có thể tồn tại điều gì tương tự giữa thể chế Hy Lạp với thể chế mà ngày nay những từ tương ứng đã chỉ ra? Thế thì một nền cộng hoà là gì nếu không phải là một thể chế chủ yếu mang tính quý tộc được hình thành từ một nhóm các tiểu bạo chúa thống trị một đám đông nô lệ bị kìm giữ trong sự lệ thuộc tuyệt đối. Chính thể quý tộc công xã ấy, dựa trên chế độ nô lệ, không thể tồn tại giây lát mà không có nó.

Và từ *tự do,* liệu nó có thể có nghĩa giống với những gì ta hiểu hôm nay, ở một thời đại mà khả năng tự do tư tưởng là điều chẳng phải hoài

nghi, với một thời đại mà chẳng có tội nào nặng hơn và hiếm có hơn là bàn cãi về thần linh, luật pháp và tập tục của thành quốc? Một từ như từ *tổ quốc,* nó có nghĩa gì trong tâm hồn một người dân Athène hay người dân Sparte nếu không phải là sự sùng bái thành Athène hay thành Sparte, mà không hề có nghĩa sùng bái nước Hy Lạp, một đất nước gồm những thành quốc đối địch nhau và luôn trong chiến tranh. Cũng vẫn từ *tổ quốc,* nó có nghĩa gì đối với người Gaulois cổ đại, bị phân chia thành các bộ lạc đối địch, gồm nhiều chủng tộc, ngôn ngữ và tôn giáo khác nhau, mà Cesar đã chiến thắng dễ dàng bởi vì ông luôn có nhiều đồng minh trong các bộ lạc ấy. Chỉ có La Mã mới cho xứ Gaule một tổ quốc, khi đem lại cho nó sự thống nhất chính trị và tôn giáo. Không cần quay trở lại quá xa, chỉ cần lùi lại gần hai thế kỉ, liệu ta có tin rằng cùng từ *tổ quốc* này, các ông hoàng Pháp hiểu như ngày hôm nay không, ví dụ như hoàng thân Đại Condée[1], đã liên minh với nước ngoài để chống lại quốc vương của mình? Vả lại cũng vẫn từ *tổ quốc* ấy, chẳng phải nó có một ý nghĩa rất khác với nghĩa hiện đại đối với những người di cư đó sao, họ đã tin rằng tuân theo luật danh dự khi

[1] Hoàng thân Đại Condée (1621 - 1686): chính là Louis II de Bourbon và là một vị tướng lừng danh của Pháp.

chống lại nước Pháp, và theo quan điểm của họ, thực tế họ đã tuân theo luật ấy, bởi vì luật phong kiến gắn chư hầu với hoàng đế chứ không phải với đất đai, và vì hoàng đế ở đâu, nơi đó là tổ quốc đích thực.

Như vậy, nhiều từ ngữ mà nghĩa của chúng đã thay đổi sâu sắc từ thời này qua thời khác; và ta chỉ có thể hiểu được chúng như ngày xưa đã hiểu sau một cố gắng lâu dài. Người ta có lí khi nói rằng phải đọc nhiều mới đi đến chỗ quan niệm được, đối với cụ kị của chúng ta, những từ ngữ như *vua* và *hoàng tộc* có nghĩa là gì. Vậy thì đối với những từ ngữ còn phức tạp hơn thì sẽ ra sao đây?

Vậy từ ngữ chỉ có những ý nghĩa hay thay đổi và tạm thời, thay đổi từ thời này qua thời khác và từ dân tộc này qua dân tộc khác; và khi chúng ta muốn qua nó, tác động lên đám đông, thì điều ta cần biết, đó là ý nghĩa mà từ ngữ bao hàm đối với đám đông ở một thời điểm nhất định, chứ không phải ý nghĩa mà chúng đã có từ ngày xưa, hoặc ý nghĩa mà chúng có thể có đối với những cá nhân mang cấu tạo tinh thần khác.

Cho nên, tiếp theo những đảo lộn chính trị, khi đám đông đã hoàn tất những thay đổi niềm tin, bằng cách đạt được một sự đối lập sâu sắc đối với những hình ảnh mà một số từ ngữ gợi lên, thì

việc đầu tiên của nhà chính khách đích thực là thay đổi những từ ngữ, dĩ nhiên, không động chạm tới bản thân các sự việc, bởi vì chúng gắn bó rất chặt chẽ với một cấu tạo di truyền khó có thể bị biến đổi. Ông Tocqueville[1] sáng suốt đã đưa ra nhận xét từ lâu, là công việc của chế độ Tổng tài và của Đế chế[2] trước hết bao gồm việc khoác lên phần lớn các thiết chế của quá khứ những tấm áo từ ngữ mới, nghĩa là thay thế các từ gợi lên những hình ảnh khó chịu trong trí tưởng tượng của đám đông bằng các từ ngữ khác mà sự mới mẻ của chúng ngăn cản những ấn tượng tương tự. Thuế thân đã trở thành đóng góp ruộng đất; *gabelle* đã trở thành thuế muối, thuế trợ giúp trở thành đóng góp gián tiếp và thuế gộp; thuế cho các hãng buôn và phường hội được gọi là môn bài.

Vậy một trong những chức năng chủ yếu nhất của các chính khách là đặt tên bằng những từ bình dân, hay ít nhất là trung tính, cho các sự việc mà đám đông không thể chịu đựng nổi với những cái tên cũ. Sức mạnh của từ ngữ lớn đến

---

[1] Charles Alexis Clérel de Tocqueville (1805 – 1859): nhà sử học và chính khách Pháp. Các tác phẩm chính: *Về nền dân chủ ở Mỹ, Chế độ cũ và Cách mạng*.

[2] Chế độ Tổng tài (Consulat) được thành lập ở Pháp từ năm 1799 đến 1804. Cuối cùng thay chế độ Tổng tài bằng Đế chế do Napoléon đứng đầu.

nỗi chỉ cần gọi những sự việc bỉ ổi nhất bằng những từ ngữ được chọn khéo là đủ để đám đông chấp nhận chúng. Taine nhận xét đúng đắn rằng chỉ bằng cách viện dẫn đến *tự do* và *bác ái*, những từ rất đại chúng khi đó, mà những người Jacobins đã có thể "sắp đặt được một chế độ chuyên chế xứng với nước Dahomey[1], một toà án giống như Toà án dị giáo, những cuộc tàn sát người giống như những cuộc tàn sát ở Mêhicô thời cổ". Nghệ thuật của những người cầm quyền, cũng như của những trạng sư là trước hết biết cách sử dụng những từ ngữ ấy. Một trong những khó khăn của nghệ thuật này là trong cùng một xã hội, cùng những từ ngữ thường có những nghĩa rất khác nhau đối với những tầng lớp xã hội khác nhau. Bề ngoài các tầng lớp dùng cùng những từ ngữ, nhưng họ không bao giờ nói cùng một ngôn ngữ.

Trong những ví dụ kể trên, chúng ta chủ yếu đã để cho thời gian can thiệp vào như là nhân tố chính đối với sự thay đổi nghĩa của từ ngữ. Nhưng nếu cho cả chủng tộc can thiệp vào, ta sẽ thấy vào cùng một thời đại, ở những dân tộc

---

[1] Dahomey: một vương quốc ở châu Phi, nay là nước Bénin. Vương quốc Dahomey nổi tiếng về chế độ độc tài và chế độ nô lệ hà khắc, trở thành thuộc địa của Pháp năm 1892. Năm 1960, vùng đất này dành được độc lập với tên gọi Cộng hoà Bénin năm 1975.

văn minh như nhau nhưng thuộc chủng tộc khác nhau, thì cùng những từ ngữ lại thường tương ứng với những tư tưởng vô cùng khác nhau. Khó có thể hiểu những khác nhau này nếu không du hành nhiều, vì thế tôi không thể nhấn mạnh chúng. Tôi chỉ đưa ra nhận xét rằng chính những từ ngữ được đám đông hay dùng nhất lại có những nghĩa khác nhau nhiều nhất từ dân tộc này qua dân tộc khác. Ví dụ như những từ *dân chủ* và *chủ nghĩa xã hội* thường dùng hôm nay.

Trên thực tế chúng tương ứng với những tư tưởng và những hình ảnh hoàn toàn đối nghịch nhau trong tâm hồn Latin và trong tâm hồn Anglo - Saxon. Ở người Latin từ *dân chủ* trước hết có nghĩa là sự xoá bỏ ý chí và sáng kiến của cá nhân trước ý chí và sáng kiến của cộng đồng được đại diện bởi Nhà nước. Chính Nhà nước càng ngày càng đảm nhiệm điều khiển tất cả, tập trung hoá, độc quyền hoá, và chế tạo tất cả. Mọi đảng phái, không ngoại lệ, cấp tiến, xã hội chủ nghĩa hay quân chủ đều luôn kêu gọi đến Nhà nước. Ở người Anglo - Saxon nhất là ở người Mỹ, cũng từ *dân chủ* ấy lại có nghĩa trái lại là phát triển mãnh liệt ý chí và cá nhân, xoá bỏ hoàn toàn Nhà nước chừng nào có thể, và, ngoài cảnh sát, quân đội và quan hệ ngoại giao, người ta không để cho Nhà nước chỉ đạo điều gì hết, ngay cả giáo

dục cũng không. Vậy cùng một từ ấy, ở dân tộc này có nghĩa là xoá bỏ ý chí và sáng kiến cá nhân còn Nhà nước là ưu trội; ở một dân tộc khác lại có ý nghĩa là phát triển quá mức ý chí và sáng kiến ấy và xoá bỏ hoàn toàn Nhà nước*[1], nghĩa là nó có nghĩa tuyệt đối trái ngược.

2 - Ảo tưởng

Từ buổi bình minh của các nền văn minh, đám đông luôn phải chịu ảnh hưởng của những ảo tưởng. Người ta đã xây dựng nhiều đền đài, nhiều tượng, nhiều bàn thờ nhất cho những người sáng tạo ra các ảo tưởng. Ngày xưa là những ảo tưởng tôn giáo, ngày nay là những ảo tưởng triết học và xã hội, người ta luôn thấy những vị chúa tể quan trọng này ở trên đầu mọi nền văn minh đang liên tiếp đơm hoa trên hành tinh của chúng ta. Chính nhân danh những ảo tưởng, mà những ngôi đền thờ của Chaldée[2] và Ai Cập, rồi những lâu đài tôn giáo thời Trung cổ đã được dựng lên, mà toàn thể châu Âu bị đảo lộn cách đây một thế kỉ, và chẳng riêng những quan niệm nghệ thuật, chính trị hay xã hội nào

*[1] Trong cuốn *Quy luật tâm lí học về sự phát triển của các dân tộc*, tôi đã dài dòng nhấn mạnh về sự khác biệt đã chia tách lí tưởng dân chủ Latin và lí tưởng dân chủ Anglo - Saxon.

[2] Chaldée: tên của Babylonie bắt đầu từ thế kỉ VII tCN.

của chúng ta lại không mang dấu ấn mạnh mẽ của những ảo tưởng. Đôi khi con người lật đổ chúng với cái giá phải trả là những cuộc đảo lộn khủng khiếp, nhưng hình như con người luôn bị buộc phải dựng lại chúng. Không có những ảo tưởng, con người sẽ không thể thoát ra khỏi tình trạng dã man nguyên thuỷ, và nếu không còn chúng, con người sẽ lại sớm rơi vào tình trạng ấy. Chắc chắn đó là những cái bóng hão huyền, nhưng những con đẻ của giấc mơ ta đã buộc các dân tộc phải sáng tạo ra tất cả những gì đã làm nên sự huy hoàng của nghệ thuật và sự lớn lao của văn minh.

Một tác giả đã tóm tắt những chủ thuyết của chúng tôi từng viết: "Nếu chúng ta phá huỷ, trong những viện bảo tàng và những thư viện, và nếu chúng ta kéo đổ mọi tác phẩm và mọi công trình nghệ thuật lấy cảm hứng từ tôn giáo xuống những tấm đá lát sân trước nhà thờ, thì hỏi rằng những giấc mơ vĩ đại của con người còn lại gì? Đem lại cho con người phần hi vọng và ảo tưởng, mà không có nó con người không thể sống, đó là lí do tồn tại của các thần thánh, các anh hùng và các nhà thơ".

"Trong năm mươi năm, khoa học có vẻ như đảm nhiệm công việc này. Nhưng điều đã làm tổn hại tới nó trong những trái tim khát khao lí

tưởng, đó là khoa học chẳng dám hứa hẹn cho đủ và nó cũng không biết nói dối cho đủ".

Các nhà triết học ở thế kỉ trước đã nhiệt tình chuyên tâm vào việc phá huỷ những ảo tưởng tôn giáo, chính trị và xã hội mà với chúng, cha ông ta trong nhiều thế kỉ dài đã sống. Khi phá huỷ chúng, họ đã làm vơi cạn nguồn hi vọng và sự nhẫn nhục. Đằng sau các ảo ảnh bị sát hại, họ lại tìm thấy những sức mạnh mù quáng và ngấm ngầm của tự nhiên. Không động lòng với sự yếu đuối, những lực lượng này không biết đến tình thương.

Với tất cả bước tiến của mình, triết học vẫn chưa thể dâng tặng cho những đám đông một lí tưởng nào để có thể mê hoặc chúng; nhưng vì chúng cần những ảo tưởng bằng bất cứ giá nào, nên như sâu bọ luôn đổ xô đến ánh sáng, đám đông theo bản năng cũng hướng về các nhà hùng biện khoa trương, những người đã đưa ra cho đám đông ảo tưởng ấy. Nhân tố chủ yếu cho sự phát triển của các dân tộc không bao giờ là chân lí, mà là sự sai lầm. Và ngày nay nếu như chủ nghĩa xã hội đang rất có thế lực, thì đó là vì nó là cái ảo tưởng duy nhất hãy còn sống động. Mặc cho mọi chứng minh khoa học, nó vẫn tiếp tục lớn mạnh lên. Sức mạnh chủ yếu của nó được bảo vệ bởi những đầu óc không hiểu biết thấu đáo về

thực tế của sự việc mà đã dám hứa hẹn đem lại hạnh phúc cho con người. Ngày nay ảo tưởng xã hội thống trị trên mọi đống đổ nát chất chồng của quá khứ, và tương lai thuộc về nó. Đám đông không bao giờ khát khao chân lí. Đứng trước những hiển nhiên làm nó không hài lòng, đám đông ngoảnh mặt đi, nó thích thần thánh hoá sự sai lầm, nếu như sai lầm lôi cuốn nó. Kẻ nào biết gây ảo tưởng cho đám đông sẽ dễ dàng làm ông chủ của nó; kẻ nào định phá giải ảo tưởng cho đám đông, kẻ ấy sẽ là nạn nhân của nó.

3 – Kinh nghiệm

Kinh nghiệm gần như là phương pháp duy nhất hiệu nghiệm để thiết lập vững chắc một chân lí trong tâm hồn đám đông, và để phá huỷ những ảo tưởng đã trở nên quá nguy hiểm. Liệu có còn cần thiết khi kinh nghiệm phải được nhận thức trên diện rất rộng và thường phải được lặp đi lặp lại. Những kinh nghiệm mà một thế hệ đã trải qua thường vô ích với thế hệ sau; chính vì thế những sự kiện lịch sử được viện dẫn để chứng minh sẽ chẳng ích gì. Ích lợi duy nhất của chúng là chứng tỏ những kinh nghiệm phải được lặp đi lặp lại đến mức độ nào từ thời này qua thời khác để gây được ảnh hưởng nào đó, và thành công trong việc làm lay chuyển một sai

lầm, khi sai lầm này đã cắm rễ vững chắc vào tâm hồn đám đông.

Thế kỉ của chúng ta và thế kỉ trước sẽ được các sử gia tương lai dẫn ra như một thời đại của những kinh nghiệm lạ kì. Chẳng có thời đại nào lại trải qua nhiều kinh nghiệm như thế.

Khổng lồ nhất trong những kinh nghiệm ấy là cuộc Cách mạng Pháp. Để phát hiện ra rằng người ta không thể tái tạo một xã hội hoàn toàn dựa trên các chỉ dẫn của lí trí thuần tuý, thì đã phải tàn sát nhiều triệu người và đảo lộn toàn thể châu Âu trong hai mươi năm. Để chứng minh bằng kinh nghiệm cho chúng ta thấy rằng những César đã gây tai hoạ lớn cho các dân tộc hoan nghênh họ, thì đã phải cần tới hai cuộc trải nghiệm tàn hại trong năm mươi năm, và mặc dù đã quá rõ ràng, các kinh nghiệm này dường như vẫn không đủ sức thuyết phục. Tuy thế, cuộc trải nghiệm thứ nhất đã phải trả giá bằng ba triệu người và một cuộc xâm lược, cuộc trải nghiệm thứ hai trả giá bằng việc mất đất đai và sự cần thiết phải có những đạo quân thường trực. Cách đây không lâu, suýt nữa người ta thử làm cuộc trải nghiệm thứ ba, và một ngày nào đó chắc nó sẽ xảy ra. Để làm cho cả một dân tộc chấp nhận rằng quân đội đông đảo của Đức không phải là một thứ vệ binh quốc gia hiền lành vô hại, như

người ta đã rao giảng trước năm 1870*[1], thì đã cần đến một cuộc chiến tranh khủng khiếp làm chúng ta phải trả giá quá đắt. Để nhận thức rằng chủ nghĩa bảo hộ thuế quan sẽ làm sạt nghiệp những dân tộc đã chấp nhận nó, thì phải cần ít nhất hai mươi năm kinh nghiệm thảm khốc. Ta có thể nhân lên vô tận những ví dụ.

4 – Lí trí

Khi kể ra những nhân tố có khả năng gây ấn tượng lên tâm hồn đám đông, ta có thể miễn hoàn toàn không nhắc tới lí trí, nếu không cần thiết chỉ ra giá trị tiêu cực về ảnh hưởng của nó.

---

*[1] Trong trường hợp này, ý kiến của đám đông được hình thành bằng sự kết hợp thô thiển những sự việc không giống nhau mà tôi đã trình bày cơ chế ở phần trước. Đội vệ binh quốc gia của ta khi đó gồm các chủ cửa hàng nhỏ tính khí ôn hoà, vô kỉ luật, và không thể được coi là nghiêm túc, tất cả những gì có tên tương tự đều gợi lên những hình ảnh giống nhau, và do đó đều được coi như không nguy hại như nhau. Lúc đó sai lầm của đám đông cũng được các nhà lãnh đạo chia sẻ, điều này thường hay xảy ra đối với ý kiến chung. Trong một bài diễn văn công bố ngày 31 tháng Mười Hai năm 1867 trước nghị viện, và đã được ông E. Ollivier trích dẫn trong một cuốn sách mới đây, một chính khách thường theo ý kiến đám đông mà không bao giờ vượt lên nó, ông Thiers, nhắc lại rằng nước Phổ ngoài đạo quân tại ngũ số lượng gần ngang bằng quân tại ngũ của ta, chỉ còn một đội vệ binh quốc gia tương tự như chúng ta có, và do đó nó không quan trọng; điều khẳng định này cũng chính xác như những tiên đoán của chính khách này về tương lai ít triển vọng của xe lửa.

Chúng tôi đã chỉ ra rằng sự suy luận không thể ảnh hưởng tới đám đông, rằng đám đông chỉ hiểu được những liên kết thô thiển của tư tưởng. Vậy nên những diễn giả biết gây ấn tượng cho đám đông thường kêu gọi tới tình cảm, chứ không bao giờ kêu gọi tới lí trí của đám đông. Những quy luật của phép logic không hề có một tác động nào đối với đám đông*[1]. Để thuyết phục nó, trước tiên phải hiểu rõ những tình cảm đang

---

*[1] Những nhận xét đầu tiên của tôi về nghệ thuật gây ấn tượng lên đám đông, và về những phương cách kém cỏi đã đưa ra trên điểm này các quy tắc của phép logic có nguồn gốc từ thời kì Paris bị bao vây. Ngày hôm ấy, tôi thấy một đám đông giận dữ giải một người tới điện Louvre, trụ sở chính phủ, người đó là thống chế V..., đám đông đoán chắc thấy ông ta bóc tấm bản đồ phòng thủ để bán cho quân Phổ. Một thành viên chính phủ, ông G. P..., một diễn giả rất nổi tiếng ra hô hào trước đám đông đang đòi hành quyết ngay lập tức tù nhân. Tôi chờ đợi diễn giả chứng minh sự phi lí của lời buộc tội, khi nói rằng viên thống chế bị buộc tội chính là một trong những người kiến thiết các công sự này, vả lại bản đồ này được bán ở mọi hiệu sách. Lúc đó tôi còn rất trẻ. Tôi rất ngạc nhiên vì bài diễn văn lại hoàn toàn khác... "Công lí sẽ được thực thi - Diễn giả vừa tiến đến trước tù nhân vừa kêu to – Và công lí không thương xót. Hãy để cho Bộ Chỉ huy Quốc phòng kết thúc cuộc điều tra của các bạn. Trong khi chờ đợi, chúng tôi sẽ giam giữ bị cáo". Ngay lập tức đám đông lắng dịu, có vẻ thoả mãn, họ tản đi, mười lăm phút sau viên thống chế có thể về nhà. Chắc chắn ông ta đã bị băm nát nếu diễn giả kiềm chế đám đông đang giận dữ bằng những suy luận logic mà do còn quá trẻ, tôi tưởng rằng chúng là rất thuyết phục.

sục sôi trong nó, giả vờ chia sẻ những tình cảm ấy, rồi thử làm biến thái chúng, bằng cách kích động, nhờ những liên tưởng sơ đẳng, một vài hình ảnh rất gợi cảm; và nếu cần, biết quay trở lại, nhất là từng khoảnh khắc phải đoán ra những tình cảm mà ta đã làm nảy sinh. Sự cần thiết của việc không ngừng thay đổi ngôn ngữ theo hiệu quả tức thời được sinh ra khi nói đã tước bỏ hết tính hiệu quả của những bài diễn văn được nghiền ngẫm và được chuẩn bị từ trước: trong đó diễn giả đi theo dòng tư tưởng của mình chứ không phải theo dòng tư tưởng của thính giả, và chỉ qua điều này thôi, ảnh hưởng của nó cũng trở nên hoàn toàn vô hiệu.

Những đầu óc logic, quen bị thuyết phục bởi chuỗi những suy luận khá chặt chẽ, không thể tự ngăn cản mình dùng phương cách thuyết phục này khi họ nói với đám đông, và sự thiếu thuyết phục trong lập luận của họ luôn làm họ ngạc nhiên. Một nhà logic học nói: "Những hệ luận toán học thông dụng - được xây dựng trên tam đoạn luận, nghĩa là trên sự liên kết của những tính đồng nhất - là tất yếu... Sự tất yếu thôi thúc sự tán đồng của ngay cả một khối người không hữu cơ, nếu khối này có khả năng đi theo những liên kết của những đồng nhất". Chắc hẳn là vậy; nhưng đám đông lại ít có khả năng hơn một khối người không hữu cơ để có thể đi theo những liên

kết như thế, thậm chí không hiểu cả những liên kết ấy. Chẳng hạn nếu ta thử thuyết phục người nguyên thuỷ, người dã man, hay trẻ em bằng suy luận, ta sẽ hiểu phương cách lập luận này có giá trị ít ỏi như thế nào.

Thậm chí chẳng cần xuống đến tận người nguyên thuỷ để thấy sự bất lực hoàn toàn của những suy luận khi họ phải đấu tranh chống lại tình cảm. Chúng ta chỉ đơn giản nhớ lại những mê tín tôn giáo trái ngược với phép logic giản đơn nhất đã dai dẳng biết bao trong nhiều thế kỉ dài. Trong suốt gần hai nghìn năm, những thiên tài sáng suốt nhất cũng phải cúi mình trước luật lệ của chúng, và chỉ đến thời hiện đại thì tính xác thực của chúng mới có thể được đưa ra tranh cãi. Thời Trung cổ và thời Phục hưng có rất nhiều con người sáng suốt; nhưng cũng chẳng có một người nào trong số họ nhờ sự suy luận, chỉ ra những khía cạnh ngây thơ của mê tín, và làm nảy sinh chút mảy may nghi ngờ về tác hại của quỷ hoặc về sự cần thiết phải thiêu sống những phù thuỷ.

Liệu có cần phải tiếc rằng chưa bao giờ lí trí hướng dẫn đám đông không? Chúng tôi không dám nói điều ấy. Chắc chắn lí trí con người đã không thành công trong việc lôi kéo nhân loại vào con đường văn minh với nhiệt tình và lòng gan dạ mà những ảo tưởng đã nâng con người

lên. Con đẻ của vô thức đã dẫn chúng ta đi, tất nhiên, những ảo tưởng ấy là cần thiết. Mỗi chủng tộc đều mang trong cấu tạo tinh thần những quy luật về số phận của mình, và có thể thuộc về những quy luật mà chủng tộc đã tuân theo thông qua một bản năng tất yếu, ngay trong những xung động bề ngoài thiếu suy xét nhất. Đôi khi hình như các dân tộc đều phải thuần phục những lực lượng bí mật tương tự như sức mạnh buộc quả sồi phải biến thành cây sồi, hoặc sao chổi phải đi theo quỹ đạo của nó.

Cái ít ỏi mà ta có thể dự cảm về những lực lượng này phải được tìm kiếm trong tiến trình chung của sự tiến hoá của một dân tộc chứ không phải trong những sự kiện tách biệt, mà từ đó đôi khi có vẻ như sự tiến hoá này nảy sinh. Nếu chúng ta chỉ xem xét những sự kiện riêng lẻ này thì lịch sử dường như được chỉ đạo bởi những may rủi khó tin. Thật khó tin rằng một người thợ mộc dốt nát của xứ Galilée[1] lại có thể trở thành một Đức Chúa toàn năng trong hai ngàn năm, nhân danh người, những nền văn minh quan trọng nhất được xây dựng; cũng thật khó tin rằng một vài nhóm người Ả Rập đi ra từ sa mạc lại có thể chinh phục cái phần lớn nhất của thế giới cổ đại Hy-La, và xây dựng một đế chế lớn hơn cả đế chế của Alexandre;

---

[1] Galilée: một tỉnh của nước Palestine.

và còn khó tin hơn nữa, trong một châu Âu rất già cỗi và rất có tôn ti trật tự, một trung uý pháo binh lại có thể thành công trong việc cai trị đám đông những dân tộc và vua chúa.

Vậy hãy để dành lí trí cho các nhà triết học, nhưng cũng không nên đòi hỏi lí trí phải can thiệp sâu vào việc quản lí con người. Không phải với lí trí và thường thì bất chấp nó, những tình cảm như danh dự, sự quên mình, niềm tin tôn giáo, tình yêu dành cho vinh quang và tổ quốc vẫn được tạo ra và cho đến nay vẫn là những động lực lớn của mọi nền văn minh.

Chương III

NGƯỜI CẦM ĐẦU ĐÁM ĐÔNG VÀ CÁCH THUYẾT PHỤC CỦA HỌ

1 – Người cầm đầu đám đông. – *Nhu cầu bản năng của mọi người trong đám đông là tuân theo một người cầm đầu. – Tâm lí những người cầm đầu. - Chỉ có họ mới có thể tạo ra lòng tin và tổ chức đám đông. - Sự chuyên chế cưỡng bức của những người cầm đầu. – Phân loại những người cầm đầu. - Vai trò của ý chí.*

2 – Phương tiện hành động của người cầm đầu. - *Sự khẳng định, sự lặp đi lặp lại, sự lây nhiễm. – Vai trò tương ứng của những nhân tố khác nhau này. – Làm sao mà sự lây nhiễm có thể đi ngược từ tầng lớp thấp lên tầng lớp cao của một xã hội. - Một ý kiến bình dân nhanh chóng trở thành ý kiến chung.*

3 – Uy tín. - *Định nghĩa và phân loại uy tín. – Uy thế và uy lực. – Những ví dụ khác nhau. – Uy tín bị mất đi như thế nào.*

Bây giờ ta đã biết cấu tạo tinh thần của những đám đông, và ta cũng biết những động lực nào có thể gây ấn tượng lên tâm hồn họ. Chúng ta chỉ còn phải nghiên cứu xem những động lực này cần được áp dụng thế nào, và ai có thể sử dụng chúng một cách có ích.

1 - Người cầm đầu đám đông

Ngay khi một số đông những sinh vật tập hợp lại, dù đó là một đàn súc vật hay một đám đông những con người, thì theo bản năng chúng tự đặt mình dưới quyền uy của một thủ lĩnh.

Trong những đám đông con người, vị thủ lĩnh thực sự thường chỉ là một người cầm đầu nhưng với tư cách ấy, người này đóng một vai trò quan trọng. Ý chí của người cầm đầu là hạt nhân, chung quanh nó những ý kiến được hình thành và đồng nhất. Người cầm đầu là yếu tố đầu tiên của tổ chức đám đông không thuần nhất và chuẩn bị tổ chức nó thành những nhóm phái. Trong khi chờ đợi, người ấy điều khiển đám đông. Đám đông là một bầy đàn nô lệ không bao giờ có thể thiếu chủ.

Người dẫn dắt thoạt đầu thường là người bị dẫn dắt. Bản thân anh ta đã bị thôi miên bởi cái ý niệm mà sau đó anh ta trở thành người truyền bá. Ý niệm ấy xâm chiếm anh ta đến độ ngoài nó ra,

tất cả đều biến mất, và mọi ý kiến ngược lại nó đều bị coi là sai lầm và mê tín. Chẳng hạn Robespierre bị thôi miên bởi những tư tưởng triết học của Rousseau[1], và sử dụng những phương pháp của Toà án dị giáo để truyền bá chúng.

Thông thường những người cầm đầu đều không phải là các nhà tư tưởng, mà là những người hành động. Họ đều kém sáng suốt, và sẽ không thể sáng suốt, sự sáng suốt thường dẫn tới nghi ngờ và không hành động. Họ được tuyển chọn chủ yếu trong đám những người mắc chứng thần kinh, những người dễ bị kích động,... luôn đi men trên bờ vực của sự điên rồ. Dù cho tư tưởng mà họ bảo vệ hay mục đích họ theo đuổi có thể phi lí đến thế nào, thì mọi lí luận đều bất lực trước lòng xác tín mạnh mẽ của họ. Sự khinh bỉ và những truy bức đều không làm cho họ động lòng, hoặc chỉ làm kích thích họ hơn mà thôi. Quyền lợi cá nhân, gia đình, tất cả đều bị coi khinh. Bản năng bảo tồn bản thân trong họ cũng bị triệt tiêu, đến nỗi phần thưởng duy nhất hấp dẫn họ là trở thành kẻ tử vì đạo. Cường độ niềm tin đem lại cho lời nói của họ một sức mạnh gợi ý to lớn. Quần chúng luôn sẵn sàng lắng nghe con

---

[1] Jean Jacques Rousseau (1712 - 1778): nhà văn Pháp, tác giả của *Julie hay nàng Héloïse mới, Khế ước xã hội, Émile hay về giáo dục...*

người được thiên phú cho ý chí mạnh mẽ biết làm cho nó kính nể. Những con người tập hợp thành đám đông đánh mất toàn bộ ý chí, và theo bản năng, sẽ hướng theo người nào có một ý chí.

Các dân tộc không bao giờ thiếu người lãnh đạo: nhưng không phải người lãnh đạo nào cũng được khích lệ bằng niềm tin mãnh liệt, từng tạo nên những vị thánh tông đồ. Thường đó là những diễn giả tinh tế chỉ theo đuổi lợi ích cá nhân và tìm cách thuyết phục bằng cách mơn trớn những bản năng thấp hèn. Vậy nên ảnh hưởng mà họ tác động có thể rất lớn, nhưng nó vẫn thường rất ngắn ngủi. Những người có niềm tin lớn đã khuấy động tâm hồn đám đông, những Pierre Ẩn sĩ[1], những Luther[2], những Savonarole[3], và những người của Cách mạng Pháp, chỉ tác động bằng sự thôi miên, sau khi bản thân họ

---

[1] Pierre Ẩn sĩ (1050 - 1115): thầy tu người Pháp, khuyến khích cuộc Thập tự chinh lần thứ nhất và là một trong những người đứng đầu cuộc Thập tự chinh của nhân dân, bị chặn lại bởi người Thổ ở Tiểu Á. Sau khi tham dự vào cuộc xâm chiếm Jérusalem, ông thành lập tu viện Neufmoustier thuộc Bỉ.

[2] Martin Luther (1483 - 1546): nhà cải cách tôn giáo lớn người Đức đồng thời là một nhà văn sáng tác bằng tiếng Đức (đặc biệt trong việc dịch Kinh Thánh). Các tác phẩm chính : *Đại giáo lí, Tiểu giáo lí...*

[3] Jérôme Savonarole (tiếng Italia: Girolamo Savonarola, 1452 - 1498): nhà thuyết giáo người Italia, trưởng tu viện San Marco ở Frorence.

trước hết cũng đã bị thôi miên bởi một niềm tin. Lúc đó họ mới có thể tạo ra trong những tâm hồn sức mạnh khủng khiếp được gọi là niềm tin, điều làm cho con người trở thành nô lệ tuyệt đối cho giấc mơ của mình.

Tạo ra niềm tin, dù đó là niềm tin tôn giáo, niềm tin chính trị hay xã hội, niềm tin vào một tác phẩm, vào một nhân vật, vào một ý niệm, đó là vai trò chủ yếu của những lãnh tụ vĩ đại và chính vì thế ảnh hưởng của họ bao giờ cũng rất đáng kể. Trong tất cả các sức mạnh mà nhân loại sẵn có, niềm tin bao giờ cũng là sức mạnh to lớn nhất, và thật có lí khi Kinh Phúc âm gán cho nó cái quyền năng dời núi. Đem lại cho con người một niềm tin, tức là tăng gấp bội sức mạnh của họ. Những biến cố lịch sử lớn đều được thực hiện bởi các tín đồ âm thầm, với họ hầu như chỉ có niềm tin. Những tôn giáo lớn thống trị thế giới được xây dựng không phải nhờ vào các học giả và triết gia, cũng không phải nhờ vào những kẻ hoài nghi, càng không phải nhờ vào những đế chế rộng lớn trải dài từ bán cầu này tới bán cầu nọ.

Nhưng trong những ví dụ ấy, vai trò chủ yếu là những lãnh tụ vĩ đại, và họ khá hiếm hoi nên lịch sử có thể dễ dàng đưa ra con số. Họ họp thành đỉnh cao của một dãy liên tục đi xuống, từ

những kẻ chỉ huy con người đầy quyền năng ấy cho đến người thợ mà, trong một quán trọ ám khói, anh ta từ từ thu hút bè bạn của mình bằng cách nhai lại không ngừng một số công thức mà anh ta chẳng hiểu mấy, nhưng theo anh ta, sự áp dụng chúng chắc hẳn dẫn tới việc thực hiện mọi giấc mơ và mọi niềm kì vọng.

Trong mọi lĩnh vực xã hội, từ cao nhất tới thấp nhất, ngay khi con người không còn tách lẻ nữa, anh ta nhanh chóng rơi vào quyền lực của một người đứng đầu. Phần lớn con người, nhất là trong đám bình dân, đều không có, ngoài chuyên môn của họ, những ý niệm rõ ràng và có suy tính đối với bất cứ chuyện gì. Họ không có khả năng tự dẫn dắt. Người đứng đầu là người dẫn đường chỉ lối cho họ. Người đứng đầu, xét cho cùng, có thể bị thay thế, tuy không hiệu quả lắm bởi những xuất bản phẩm định kì trình bày ý kiến với người đọc và cung cấp cho họ những câu chữ hoàn toàn làm sẵn để khỏi phải bận tâm lí luận.

Quyền uy của những người cầm đầu là rất chuyên chế, và thậm chí chính sự chuyên chế này là điều kiện để áp đặt quyền uy lên những người khác. Người ta thường nhận thấy biết bao nhiêu nhà lãnh đạo dễ dàng được cả những tầng lớp công nhân ngỗ nghịch nhất vâng lời, dù rằng quyền uy của họ chẳng dựa trên phương tiện gì

cả. Họ định giờ lao động, tỷ lệ lương, họ quyết định những cuộc đình công, cho bắt đầu và kết thúc chúng ở thời điểm do họ định đoạt.

Ngày nay, những người cầm đầu càng có khuynh hướng thay thế quyền lực công, thì quyền lực công càng bị chất vấn và suy yếu đi. Sự bạo ngược của những ông chủ mới này làm đám đông ngoan ngoãn vâng lời họ hơn cả khi họ đã từng vâng lời chính quyền. Nếu, do một tai biến nào đó, người lãnh đạo biến mất, và không được thay thế ngay tức thời, đám đông lại trở thành một tập thể không cố kết, không sức kháng cự. Trong một cuộc đình công của nhân viên xe bus ở Paris, chỉ cần bắt hai người đứng đầu lãnh đạo cuộc đình công ấy là đã đủ làm cho nó kết thúc ngay tức khắc. Đó không phải nhu cầu tự do, mà là nhu cầu nô lệ luôn ngự trị trong tâm hồn đám đông. Đám đông có một niềm khao khát vâng lời mà do bản năng, chịu phục tùng kẻ nào biết tự xưng mình là ông chủ của họ.

Người ta có thể thiết lập một sự phân chia khá rõ nét trong tầng lớp những người lãnh đạo. Loại thứ nhất là những người cương nghị, ý chí mạnh mẽ, nhưng nhất thời; loại thứ hai hiếm hơn nhiều so với loại trước, là những người có một ý chí vừa mạnh mẽ, vừa lâu bền. Loại thứ nhất thì dữ tợn, can đảm, táo bạo. Họ có ích nhất khi chỉ đạo

một trận đánh úp, lôi kéo quần chúng bất chấp hiểm nguy, biến những tân binh mới nhập ngũ hôm trước thành các anh hùng. Ví dụ như Ney[1] và Murat[2] dưới thời Đế chế thứ nhất. Ngày nay như Garibaldi[3], một kẻ phiêu lưu bất tài, nhưng cương nghị, chỉ với một dúm người mà vẫn thành công trong việc chiếm xứ Naples cổ, tuy nó được một đạo quân có kỉ luật bảo vệ.

Nhưng nếu nghị lực của những người lãnh đạo này mạnh mẽ, thì nó lại có tính nhất thời, ít khi sống mãi với nguồn kích thích đã sinh ra nó. Trở về với cuộc sống đời thường, những người anh hùng từng sống sôi nổi nghị lực như thế lại tỏ ra yếu đuối đến kinh ngạc như những người tôi vừa kể ra đây. Họ dường như không thể suy nghĩ và cư xử trong những hoàn cảnh đơn giản nhất, trong khi họ đã từng biết dẫn dắt những người khác rất tốt. Đó là những nhà lãnh đạo chỉ có thể thực hiện chức năng của mình với điều kiện bản thân ông ta cũng bị dẫn dắt và được kích thích không ngừng, bên trên những người này luôn phải có một con

[1] Michel Ney (1769 - 1815): thống chế dưới thời Đế chế, binh nghiệp rực rỡ, bị Louis XVIII xử bắn.

[2] Joachim Murat (1767 - 1815): thống chế thời Đế chế, em rể Napoléon, vua xứ Naples từ 1808 đến 1815.

[3] Giuseppe Garibaldi (1807 - 1882): nhà ái quốc người Italia, lãnh tụ của phong trào đòi thống nhất và độc lập cho đất nước.

người hay một ý niệm, theo một đường lối ứng xử đã được vạch ra rõ ràng.

Loại lãnh đạo thứ hai là những người có ý chí lâu bền; mặc dù hình thức kém nổi trội, họ lại có ảnh hưởng to lớn hơn nhiều. Ở họ, ta thấy những nhà sáng lập đích thực ra các tôn giáo hay những sự nghiệp lớn, như Thánh Paul[1], Mahomet, Christophe Colomb[2], Lesseps[3]. Dù họ thông minh hay thiển cận, điều đó cũng không quan trọng, thế giới sẽ luôn thuộc về họ. Ý chí bền bỉ mà họ có là một khả năng vô cùng hiếm hoi và vô cùng mạnh mẽ làm tất cả phải phục tùng. Người ta thường không nhận thức một cách đầy đủ về những điều mà một ý chí mạnh mẽ và kiên trì có thể làm được: chẳng có gì cưỡng lại nổi nó, cả tự nhiên, cả thần thánh, cả con người đều không cưỡng nổi.

Ví dụ gần đây nhất về những điều mà một ý chí mạnh mẽ và kiên trì có thể làm được, đó là về con người nổi tiếng [F. Lesseps] đã chia đôi thế

---

[1] Thánh Paul: người tổ chức học thuyết Ki Tô giáo, người có công biến Ki Tô giáo thành tôn giáo thế giới, tác giả của nhiều bức thư trong Tân ước.

[2] Christophe Colomb (1451 - 1506): nhà hàng hải người Gênes (Italia), lập nghiệp ở Tây Ban Nha, phát hiện ra châu Mĩ vào ngày 12 tháng Chín năm 1492.

[3] Ferdinand de Lesseps (1805 - 1894): kĩ sư người Pháp, đảm nhận việc xây dựng kênh đào Suez và Panama.

giới [Đông-Tây bằng kênh đào Suez] và thực hiện cái công việc mà từ ba ngàn năm nay các vị quân vương vĩ đại nhất đã toan tính một cách vô ích. Sau này ông ta thất bại trong một công trình tương tự[1]; nhưng tuổi già đã đến, và trước nó tất cả đều tắt ngấm, cả ý chí cũng vậy.

Khi người ta muốn chỉ ra điều mà ý chí mới có thể làm được, chỉ cần giới thiệu chi tiết câu chuyện về những khó khăn phải vượt qua để đào kênh Suez. Một nhân chứng chứng kiến tận mắt, bác sĩ Cazalis, đã tóm tắt khái quát bằng vài dòng đầy xúc động, về công trình vĩ đại này được tác giả bất tử của nó kể lại. "Và ông ấy đã kể, từ ngày này qua ngày khác, qua từng giai đoạn, bản anh hùng ca về kênh đào. Ông kể mọi điều mà ông đã phải chiến thắng, mọi cái không thể mà ông đã biến thành có thể, mọi sự kháng cự, những liên minh chống lại ông, và cả những nỗi thất vọng, những mặt trái, những thất bại, nhưng tất cả những điều đó đã không bao giờ có thể làm ông nản lòng, cũng không thể làm ông ngã gục. Ông gợi nhớ lại chuyện nước Anh đã chống lại ông, tấn công ông liên tục, Ai Cập và Pháp thì do dự, còn lãnh sự Pháp phản đối hơn tất cả các lãnh sự khác khi công trình mới khởi công và chống đối

---

[1] F. de Lesseps đã thất bại trong cố gắng xây dựng kênh đào Panama, nối liền Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.

ông bằng cách buộc công nhân phải bỏ việc vì khát, vì không chịu cung cấp nước ngọt cho họ; và cả bộ thuỷ quân cùng các kĩ sư, tất cả những con người đứng đắn, có kinh nghiệm và cả các nhà khoa học, tất cả đều tự nhiên chống đối, và tất cả đều tin chắc một cách khoa học vào thảm hoạ, người ta tính toán điều đó, tiên đoán nó, cứ như đến ngày nào đó hay giờ nào đó, sẽ xảy ra nhật thực hay nguyệt thực vậy".

Cuốn sách kể lại cuộc đời những nhà lãnh tụ vĩ đại này không bao chứa nhiều tên tuổi lắm đâu. Nhưng các tên tuổi ấy đều đứng đầu những biến cố quan trọng nhất của văn minh và lịch sử.

2 – Phương tiện hành động của người cầm đầu: khẳng định, nhắc đi nhắc lại, lây nhiễm

Khi phải lôi kéo đám đông trong một thời khắc, và xui khiến đám đông tiến hành một hành vi nào đó, chẳng hạn cướp phá một toà lâu đài, hi sinh thân mình để bảo vệ một vị trí quan trọng hay một chiến luỹ, cần phải tác động lên đám đông bằng những gợi ý nhanh, mà sự gợi ý mạnh nhất vẫn là nêu gương, nhưng khi đó cần thiết là đám đông phải được chuẩn bị bởi một số hoàn cảnh nhất định, và đặc biệt người nào muốn lôi

kéo nó phải có phẩm chất mà tôi sẽ nghiên cứu sau, dưới cái tên uy tín.

Nhưng khi vấn đề là làm cho những tư tưởng và niềm tin thâm nhập vào tâm trí đám đông – ví dụ những lí thuyết xã hội hiện đại – thì phương pháp của những người đứng đầu rất khác nhau. Chủ yếu họ dùng ba phương pháp rất rõ ràng: khẳng định, nhắc đi nhắc lại, lây nhiễm. Tác dụng của những phương pháp ấy khá chậm, nhưng hiệu quả của nó một khi đã được tạo ra thì rất lâu bền.

Sự khẳng định thuần tuý và đơn giản, thoát khỏi mọi lí luận và mọi chứng cứ, là một trong những phương tiện chắc chắn nhất để làm cho một tư tưởng thâm nhập vào tâm trí đám đông. Sự khẳng định càng súc tích, càng thiếu vẻ bề ngoài của những chứng cứ và chứng minh, thì nó càng nhiều uy lực. Các sách tôn giáo và các bộ luật của mọi thời đại thường được viết bằng sự khẳng định đơn giản. Những chính khách phải bảo vệ một mục đích chính trị nào đó, những nhà công nghiệp quảng ba sản phẩm của mình bằng quảng cáo, đều biết giá trị của sự khẳng định.

Tuy nhiên, sự khẳng định chỉ có ảnh hưởng thực sự với điều kiện phải thường xuyên được nhắc đi nhắc lại, và càng nhiều càng tốt, trong cùng những cách nói như nhau. Tôi nghĩ chính

Napoléon đã nói rằng chỉ có duy nhất một hình thái tu từ nghiêm túc, đó là sự nhắc đi nhắc lại. Sự việc được khẳng định bằng cách nhắc đi nhắc lại, sẽ đạt tới xác lập trong tâm trí con người đến nỗi cuối cùng anh ta chấp nhận nó như một chân lí đã được chứng minh.

Người ta hiểu rõ ảnh hưởng của sự nhắc đi nhắc lại đối với đám đông, khi nhìn thấy nó có sức mạnh đến thế nào đối với những đầu óc sáng suốt nhất. Sức mạnh sinh ra từ việc nhắc đi nhắc lại ấy cuối cùng đã bám chắc vào những miền sâu thẳm của vô thức nơi xây dựng những động cơ cho hành động của chúng ta. Sau một thời gian nào đó, chúng ta không còn biết ai là tác giả của sự khẳng định được nhắc đi nhắc lại ấy nữa, và cuối cùng chúng ta tin vào nó. Sức mạnh kì lạ của quảng cáo là từ đó. Khi chúng ta đọc một trăm lần, một nghìn lần rằng sô cô la tốt nhất là sô cô la X, chúng ta tưởng tượng là đã nghe nói đến nó tốt ở nhiều khía cạnh, và cuối cùng ta tin chắc điều đó. Khi chúng ta đã đọc nghìn lần rằng bột Y đã chữa cho nhiều nhân vật quan trọng khỏi những căn bệnh dai dẳng nhất, cuối cùng chúng ta có ý định dùng thử nó khi chúng ta bị nhiễm căn bệnh ấy. Nếu chúng ta luôn đọc thấy trên một tờ báo rằng ông A là một kẻ hoàn toàn vô lại và ông B là một người rất lương thiện, thì cuối cùng chúng ta tin điều đó;

dĩ nhiên, trừ phi là chúng ta thường xuyên đọc một tờ báo khác có ý kiến trái ngược, hoặc hai từ chỉ phẩm chất bị đảo ngược. Chỉ có sự khẳng định và sự nhắc đi nhắc lại là cân tài cân sức để có thể đấu tranh với nhau.

Khi một sự khẳng định được nhắc đi nhắc lại một cách đầy đủ, và khi có sự nhất trí trong việc nhắc đi nhắc lại, - như điều này đã xảy ra đối với một số hãng kinh doanh tài chính nổi tiếng, đủ giàu có để mua mọi quỹ trợ giúp – thì cái mà ta gọi là luồng ý kiến sẽ được hình thành và bấy giờ cơ chế mạnh mẽ của sự lây nhiễm can thiệp vào. Trong đám đông, tư tưởng, tình cảm, xúc cảm, niềm tin có một khả năng lây nhiễm mãnh liệt như khả năng của vi trùng. Hiện tượng này rất tự nhiên vì ta quan sát thấy nó ở bản thân loài vật ngay khi chúng họp thành đám đông. Một con ngựa ợ hơi trong chuồng, những con ngựa khác cùng chuồng nhanh chóng bắt chước ngay. Một sự hốt hoảng hay một cử động hỗn loạn của vài con cừu sẽ nhanh chóng lan ra cả đàn. Ở con người trong đám đông, mọi xúc cảm đều lây nhiễm rất nhanh, và chính điều này đã giải thích tính đột ngột của những hoảng loạn. Các rối loạn não bộ, như điên loạn, bản thân chúng cũng có tính lây nhiễm. Người ta biết đến nhiều thầy thuốc tâm thần cũng hay mắc bệnh tâm thần. Thậm chí mới đây người ta đã nhắc tới những

hình thức bệnh điên, ví dụ chứng sợ khoảng rộng hay sợ chỗ đông người, được truyền từ người sang loài vật.

Sự lây nhiễm không đòi hỏi nhiều cá nhân đồng thời hiện diện tại một điểm duy nhất, nó có thể xảy ra từ xa, dưới ảnh hưởng của một số biến cố định hướng mọi tâm trí vào cùng một hướng, và đem lại cho họ những tính cách đặc biệt của đám đông, nhất là khi những tâm trí được chuẩn bị trước do các nhân tố xa mà tôi đã nghiên cứu ở phần trên. Chẳng hạn, chính vì vậy mà sự bùng nổ cách mạng 1848 xuất phát từ Paris, bỗng đột ngột lan rộng ra phần lớn châu Âu và làm chao đảo nhiều chế độ quân chủ.

Sự bắt chước, mà người ta đã gán cho nó quá nhiều ảnh hưởng tới các hiện tượng xã hội, trên thực tế, chỉ là một hiệu quả đơn giản của sự lây nhiễm. Vì đã chỉ ra ở chỗ khác ảnh hưởng của nó, tôi chỉ giới hạn viết lại điều mà tôi đã nói cách đây hơn hai mươi năm, và từ đó đến nay vẫn được nhiều nhà văn khác phát triển trong những xuất bản phẩm mới đây:

"Giống như loài vật, con người đương nhiên có bản tính bắt chước. Đối với anh ta, bắt chước là một nhu cầu, dĩ nhiên với điều kiện sự bắt chước ấy hoàn toàn dễ dàng. Chính nhu cầu này đã làm cho cái ta gọi là mốt thời trang có ảnh

hưởng mạnh đến thế. Dù là những ý kiến, những tư tưởng, những biểu hiện văn học, hay đơn giản là áo quần, có bao nhiêu điều đã dám thoát khỏi ảnh hưởng của nó? Người ta lãnh đạo đám đông không phải bằng những lập luận, mà bằng những kiểu mẫu. Ở mỗi thời đại đều có một số ít nhân vật có cá tính in dấu hành động của họ, và đám đông vô thức bắt chước họ. Tuy nhiên các cá nhân này không nên quá xa lánh những tư tưởng đã được tiếp nhận. Lúc đó bắt chước họ sẽ là quá khó và ảnh hưởng của họ sẽ không còn là gì nữa. Chắc chắn chính vì lí do này mà những người quá cao siêu so với thời đại của mình nói chung không có ảnh hưởng nào đối với đám đông. Khoảng cách quá lớn. Cũng chính vì lí do ấy mà những người châu Âu với tất cả lợi thế văn minh của mình, lại chỉ có một ảnh hưởng không đáng kể đối với những dân tộc Đông phương, họ quá khác biệt những dân tộc này.

Tác động kép của quá khứ và của sự bắt chước lẫn nhau rốt cuộc đã làm cho mọi người trong cùng một đất nước và cùng một thời đại đều giống nhau; ngay cả những người có vẻ phải trốn ra khỏi tác động kép ấy nhất như nhà triết học, nhà bác học và nhà văn, thì tư tưởng và phong cách cũng có hơi hướng thân thuộc, làm ta nhận ra ngay họ thuộc về thời đại nào. Chẳng cần phải

nói chuyện lâu với một cá nhân cũng biết rõ họ đọc gì, việc làm của họ và môi trường mà họ đang sống"*[1].

Sự lây nhiễm mạnh đến mức nó áp đặt cho cá nhân chẳng những một số ý kiến mà còn cả một số cung cách cảm nhận. Chính sự lây nhiễm làm cho ở một thời đại nào đấy người ta đã coi khinh một tác phẩm nào đấy, ví dụ tác phẩm *Tannhäuser*[2], rồi vài năm sau, chính những người đã chê bai nó nhiều nhất lại khâm phục nó.

Chính bằng cơ chế lây nhiễm, chứ không bao giờ bằng cơ chế suy luận, mà những ý kiến và niềm tin của đám đông được truyền bá. Chính trong những quán rượu, và bằng cách khẳng định, nhắc đi nhắc lại và lây nhiễm, mà những quan niệm hiện thời của người công nhân được thiết lập; và những niềm tin của đám đông ở mọi thời đại cũng được tạo ra chẳng khác gì lắm. Renan[3] đã so sánh rất đúng những nhà sáng lập đầu tiên ra Ki Tô giáo "với những người công

---

*[1] Gustave le Bon, *Con người và xã hội* (L'Homme et les sociétés), tập II, 1881, tr. 116.

[2] Tannhäuser: tên vở opéra ba hồi bốn cảnh, thơ và âm nhạc của R. Wagner, lấy cảm hứng từ cuộc đời của thi sĩ người Đức thế kỉ XIII, tác giả của nhiều bài thơ trữ tình kiểu mới.

[3] Ernest Renan (1823 - 1892): nhà văn Pháp, tác giả của cuốn *Tương lai của khoa học* và *Nguồn gốc Ki Tô giáo*.

nhân xã hội chủ nghĩa truyền bá tư tưởng của họ từ quán rượu này sang quán rượu khác"; và Voltaire đã nhận xét về Ki Tô giáo rằng "chỉ có đám vô lại xấu xa nhất đi theo tôn giáo này trong vòng hơn một trăm năm".

Trong những ví dụ giống những ví dụ tôi vừa mới kể, người ta nhận thấy rằng sự lây nhiễm sau khi tác động vào tầng lớp bình dân, rồi sẽ chuyển sang các tầng lớp trên trong xã hội. Đó là điều mà ngày nay ta nhìn thấy ở các học thuyết xã hội chủ nghĩa, khi chúng bắt đầu tranh thủ được cả những người vốn dự kiến là nạn nhân đầu tiên của chúng. Cơ chế lây nhiễm mạnh mẽ đến nỗi trước tác động của nó, bản thân quyền lợi cá nhân cũng biến mất.

Và chính vì vậy bất cứ ý kiến nào đã trở nên đại chúng cuối cùng luôn phải được áp đặt vào những tầng lớp xã hội cao nhất, với một sức mạnh to lớn, cho dù ý kiến đắc thắng ấy có tỏ ra phi lí đến mấy. Ở đây, phản ứng của những tầng lớp dưới trong xã hội đối với tầng lớp trên càng lạ lùng hơn, vì những niềm tin của đám đông bao giờ cũng sinh ra dù ít dù nhiều từ một vài tư tưởng cao siêu vốn chẳng có ảnh hưởng trong môi trường mà nó được nảy sinh. Những người lãnh tụ bị tư tưởng cao siêu này chinh phục, liền chiếm lấy nó, bóp méo nó đi và tạo ra một phe

phái, phe phái lại bóp méo nó lần nữa, rồi truyền bá nó vào giữa đám đông, đám đông lại tiếp tục làm nó méo mó hơn nữa.

Khi đã trở thành chân lí đại chúng, bằng cách nào đó tư tưởng cao siêu ấy quay ngược về nguồn và bấy giờ tác động lên tầng lớp trên của một dân tộc. Rốt cuộc, chính trí tuệ đã dẫn dắt thế giới, nhưng thực ra nó dẫn dắt thế giới từ rất xa. Các triết gia sáng tạo ra những tư tưởng đều đã trở về với cát bụi từ rất lâu rồi, trong khi tư tưởng của họ, nhờ hiệu quả của cơ chế mà tôi vừa mô tả, cuối cùng đã chiến thắng.

3 – Uy tín

Điều góp phần chủ yếu đem lại cho những tư tưởng được truyền bá nhờ khẳng định, lặp đi lặp lại, lây nhiễm, một sức mạnh rất to lớn, chính là khi rốt cuộc chúng đạt được một quyền năng bí ẩn có tên là uy tín.

Tất cả những gì thống trị thế giới, tư tưởng hay con người, đều chủ yếu bị áp đặt bởi một sức mạnh không gì cưỡng lại nổi, được biểu thị bằng từ *uy tín*. Đó là một từ mà chúng ta đều nắm được trọn vẹn ý nghĩa, nhưng chúng ta đã áp dụng nó theo nhiều cách rất khác nhau nên thật không dễ dàng định nghĩa nó. Uy tín có thể bao hàm một số tình cảm như khâm phục hoặc

sợ hãi. Uy tín có khi cần những tình cảm này làm cơ sở, nhưng nó vẫn hoàn toàn có thể tồn tại mà không có những tình cảm ấy. Đó là những người đã chết, và do đó là những người ta không sợ, ví dụ Alexandre Đại đế, César, Mohamet, Đức Phật, những người có uy tín nhất. Mặt khác, có nhiều người hay nhiều điều tưởng tượng mà ta không khâm phục, ví dụ những vị thần quái gở trong các đền thờ ngầm dưới đất ở Ấn Độ, tuy với ta, chúng có vẻ được trát phủ bằng một uy tín lớn.

Thực ra, uy tín là một thứ thống trị mà một cá nhân, một sự nghiệp hay một tư tưởng tác động lên tâm trí chúng ta. Sự thống trị này làm tê liệt mọi khả năng phê phán và rót đầy tâm hồn ta sự ngạc nhiên và lòng kính trọng. Cũng như mọi loại tình cảm, tình cảm được khơi gợi ấy không thể giải thích nổi, nhưng nó phải cùng trật tự với sự mê hoặc bởi một chủ thể bị thôi miên. Uy tín là nguồn lực mạnh nhất của mọi sự thống trị. Những thần linh, vua chúa và phụ nữ không bao giờ thống trị mà lại thiếu nó.

Ta có thể đưa các loại uy tín khác nhau vào hai hình thức chính: uy thế và uy lực. Uy thế là loại uy tín nhờ tên tuổi, của cải, sự nổi tiếng mà có. Nó có thể độc lập với uy lực. Trái lại, uy lực là cái gì đó thuộc về cá nhân, có thể cùng tồn tại với sự

nổi tiếng, vinh quang, của cải, hay được tăng lên nhờ chúng, nhưng nó cũng có thể hoàn toàn tồn tại mà không có chúng.

Uy thế, hay uy tín giả tạo, là loại uy tín phổ biến nhất. Chỉ riêng việc một cá nhân chiếm một vị trí nào đó, sở hữu một tài sản nào đó, được phong một chức tước nào đó, người ấy đã có uy tín, dù giá trị cá nhân của anh ta có thể chẳng có gì. Một quân nhân mặc quân phục, một quan toà mặc áo đỏ bao giờ cũng có uy tín. Pascal[1] đã ghi nhận rất đúng sự cần thiết của áo và tóc giả đối với quan toà. Không có chúng, họ đã mất đi ba phần tư quyền uy. Một người theo chủ nghĩa xã hội dạn dĩ nhất bao giờ cũng hơi xúc động khi nhìn thấy một ông hoàng hay một hầu tước; và mang một tước vị như thế cũng đủ để tha hồ lừa bịp một nhà buôn[*2].

---

[1] Blaise Pascal (1623 - 1662): nhà toán học, nhà vật lí và là triết gia Pháp, tác giả của nhiều khám phá khoa học, tác giả của cuốn *Trường giáo khu*, và *Tư tưởng*.

[*2] Ảnh hưởng của tước vị, của dải ruy băng, của đồng phục đối với đám đông thường có ở mọi nước, thậm chí ở cả những nước mà ý thức về độc lập cá nhân phát triển nhất. Về chuyện này, tôi chép lại một đoạn văn kì lạ trong cuốn sách mới đây của một du khách về uy tín của một số nhân vật quan trọng ở Anh:

"Trong nhiều cuộc gặp gỡ, tôi đã quan sát thấy một sự say sưa đặc biệt ở những người Anh tỉnh táo nhất khi họ tiếp xúc hay nhìn thấy một nhà quý tộc Anh.

Cái uy tín mà tôi vừa mới nói là thứ uy tín do con người gây ra; ta còn có thể đặt bên cạnh nó thứ uy tín do những ý kiến, những tác phẩm văn học hay nghệ thuật v.v... tác động. Thông thường đó chỉ là sự nhắc đi nhắc lại được tích tụ. Lịch sử, nhất là lịch sử văn học và nghệ thuật chỉ là sự nhắc đi nhắc lại cùng những đánh giá mà chẳng ai thử kiểm tra, nên mỗi người rốt cuộc chỉ nhắc lại điều đã học ở trường, và có những tên tuổi, những sự việc chẳng ai dám động chạm tới. Đối với một độc giả hiện đại, tác phẩm của Homère[1] làm người ta ngán ngẩm ghê gớm và không thể chối cãi được, nhưng ai dám nói ra điều đó?

Tuy chỉ là nhờ số phận may mắn mới có được đẳng cấp này, nhưng nhà quý tộc giành được thiện cảm của họ ngay từ trước, và khi được nhà quý tộc tiếp xúc, họ thấy hân hạnh như được ban cho quà tặng. Khi nhà quý tộc đến gần, họ đã đỏ mặt lên vì sung sướng, và nếu nhà quý tộc mở lời với họ, niềm vui cố nén lại càng làm cho mặt họ đỏ hơn lên và mắt họ lung linh ngời sáng khác thường. Họ mê quý tộc từ trong huyết quản, có thể nói giống như người Tây Ban Nha mê khiêu vũ, người Đức mê âm nhạc và người Pháp mê làm cách mạng vậy! Lòng mê ngựa và mê Shakespeare nơi họ không mạnh mẽ bằng; lòng thoả mãn và kiêu hãnh từ ngựa và Shakespeare ở họ cũng ít cơ bản hơn nhiều! Sách nói về quý tộc bán chạy như tôm tươi, và thay vì phải tránh loại sách ấy như tránh tà, thì ta lại bắt gặp chúng trong tay mọi người như là Kinh Thánh vậy".

[1] Homère: nhà thơ người Hy Lạp cổ đại, sống vào khoảng thế kỉ thứ IX tCN, được coi là tác giả của anh hùng ca *Iliade* và *Odyssée*.

Trong tình trạng hiện nay, đền Parthénon[1] là một phế tích chẳng ích lợi gì; nhưng nó lại có uy tín đến độ ta đâu chỉ nhìn bản thân nó mà còn nhìn nó cùng với toàn bộ "đoàn tuỳ tùng" gồm những kí ức lịch sử về nó. Cái đặc thù của uy tín là ngăn cản ta nhìn sự vật đúng như nó vốn có và làm tê liệt mọi đánh giá của chúng ta. Những đám đông thì luôn luôn, còn những cá nhân thì thường xuyên cần đến các ý kiến đã được đúc sẵn về mọi vấn đề. Sự thành công của những ý kiến này độc lập với phần chân lí hay sai lầm mà chúng chứa đựng; nó phụ thuộc duy nhất vào uy tín của chúng mà thôi.

Bây giờ tôi mới nói tới uy lực. Nó thuộc về một bản tính rất khác với uy tín giả tạo hay uy thế mà tôi vừa mới nói tới. Đó là một khả năng độc lập với mọi tước vị, mọi quyền uy mà chỉ một số ít người có được, cho phép họ tạo ra một sự lôi cuốn có sức hấp dẫn thực sự huyền diệu đối với những người xung quanh, trong khi đó, về mặt xã hội, họ bình đẳng với những người xung quanh, và không hề có một phương tiện thông thường nào để thống trị. Họ áp đặt tư

[1] Đền Parthénon: nằm trong quần thể kiến trúc trên đồi Acropole, Hy Lạp, được xây dựng vào năm 447 đến 438 tCN để thờ nữ thần Athéna - vị thần Trí tuệ, người bảo hộ cho thành Athènes.

tưởng, tình cảm của mình lên những người chung quanh, và người ta vâng theo họ như con thú dữ tuân theo người dạy thú mà nó có thể dễ dàng ăn thịt.

Những lãnh tụ vĩ đại của đám đông, như Đức Phật, Jésus, Mahomet, Jeanne d'Arc[1], Napoléon đều sở hữu hình thức uy tín này ở mức độ cao; và chính nhờ hình thức uy tín ấy mà họ có được vị trí của mình. Những thần linh, những anh hùng và những tín điều đều tự xác lập vị trí của mình và không bị mang ra thảo luận; những điều đó sẽ tiêu tan ngay khi người ta bàn tán về chúng.

Các nhân vật vĩ đại mà tôi vừa kể đã sở hữu quyền năng mê hoặc từ rất lâu trước khi trở nên nổi tiếng, và họ sẽ không trở nên như thế nếu không có nó. Chẳng hạn, rõ ràng là, ở đỉnh cao vinh quang, chỉ bằng sức mạnh của mình, Napoléon đã tỏ rõ một uy lực rất lớn; nhưng uy lực ấy, phần nào ông đã được thiên phú khi ông chưa có chút quyền lực nào và hoàn toàn chưa ai biết đến. Khi còn là một viên tướng vô danh, nhờ sự bảo hộ ông được cử đến chỉ huy quân đội ở Italia, ông rơi vào giữa những tướng tá thô lỗ

---

[1] Jeanne d'Arc (1412 -1431): nữ anh hùng người Pháp, có công trong cuộc chiến chống quân Anh, được phong thánh và là nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm nghệ thuật.

đang chuẩn bị một cuộc tiếp đón khó chịu dành cho chàng trẻ tuổi không mời mà đến do Ban Đốc chính tống sang cho họ. Ngay từ phút đầu tiên, ngay từ cuộc hội kiến đầu tiên, không một câu nói, không một cử chỉ, không một lời đe doạ, ngay từ cái thoạt nhìn của bậc vĩ nhân tương lai, bọn họ đã chịu khuất phục. Dựa vào hồi ức của những người cùng thời, Taine đã đưa ra câu chuyện kì lạ về cuộc hội kiến này:

"Những vị tướng của sư đoàn, trong đó có Augereau[1], một loại anh hùng võ biền và thô lỗ, kiêu hãnh vì thân hình cao lớn và tính cách quả cảm của mình, Augereau bực bội khó chịu đến đại bản doanh gặp kẻ hãnh tiến nhỏ bé mà Paris cử đến. Căn cứ trên sự mô tả về Bonaparte mà họ nhận được, Augereau đã có xu hướng hỗn xược và không chịu phục tùng ngay từ trước: ông là một sủng thần của Barras[2], lên cấp tướng nhờ sự cố tháng Nho[3], một vị tướng lên lon nhờ tài chiến đấu trên đường phố, trông như con gấu, bởi vì ông ta bao giờ cũng chỉ lặng lẽ suy nghĩ một mình, một vẻ mặt nhỏ mọn, lại nổi tiếng là nhà toán học và người mơ mộng. Người ta dẫn họ

---

[1] Pièrre Augereau (1757 - 1816): thống chế thời Đế chế.

[2] Paul Barras (1755 - 1829): tử tước, đại biểu Hội nghị Quốc ước, thành viên của Ban Đốc chính.

[3] Tháng Nho (Vendémiaire): theo lịch Cộng hoà Pháp, tức là từ ngày 22 tháng Chín đến 21 tháng Mười.

vào, và Bonaparte bắt họ phải chờ. Cuối cùng ông xuất hiện, lưng đeo kiếm, đội mũ, giải thích sự sắp xếp của mình, ra lệnh cho họ rồi giải tán. Augereau vẫn câm lặng; chỉ khi ra ngoài ông mới trấn tĩnh lại và chửi thề như mọi ngày; ông đồng ý với Masséna[1] rằng cái con c... của vị tướng đã làm ông ta sợ; ông không thể hiểu được cái ảnh hưởng làm ông cảm thấy bị đè bẹp ngay từ cái liếc nhìn đầu tiên".

Trở thành một vĩ nhân, uy tín của ông tăng nhanh nhờ toàn bộ vinh quang và đối với những người sùng tín, ít nhất cũng ngang bằng uy tín của thần linh. Tướng Vandamme, con người võ biền cách mạng, còn tàn nhẫn hơn, cương nghị hơn Augereau, nói với thống chế Ornano[2] về ông, năm 1815, vào một ngày họ cùng bước lên cầu thang của điện Tuileries:

"Ông bạn thân mến ạ, con người quỷ quái ấy đã tác động lên tôi một sự mê hoặc mà tôi không thể hiểu được. Ngay đến như tôi, kẻ chẳng sợ thần linh cũng không sợ ma quỷ, khi lại gần ông ta, tôi đã run lên như một đứa trẻ, ông ta khiến tôi có thể chui qua lỗ kim để ném mình vào lửa".

---

[1] André Masséna (1756 -1817): thống chế thời Đế chế.

[2] Philippe Antoine d'Ornano (1784 - 1863): một vị tướng có binh nghiệp rạng rỡ dưới thời Đế chế, trở thành thống chế dưới thời Napoléon III.

Napoléon gây nên sự mê hoặc như thế đối với bất cứ ai đến gần ông*[1].

Khi kể về sự tận tụy của Maret và của mình, Davoust[2] nói: "Giả sử Hoàng đế nói với cả hai chúng tôi: "Để đảm bảo cho quyền lợi chính trị của ta nên cần phải phá huỷ Paris mà không được cho ai chạy thoát", tôi tin chắc Maret sẽ giữ bí mật, nhưng anh ta sẽ không thể tự ngăn mình làm phương hại chuyện đó bằng cách đưa gia đình trốn ra khỏi Paris. Còn tôi ư, vì sợ điều đó bị đoán ra, tôi sẽ để vợ con tôi ở lại Paris".

---

*[1] Rất có ý thức về uy lực của mình, Napoléon biết rằng uy lực càng tăng khi đối xử với những nhân vật có vai vế quanh mình hơi giống với những tên chăn ngựa một chút; và trong đó có cả nhiều đại biểu Quốc ước nổi tiếng mà châu Âu cũng phải sợ. Các mẩu chuyện thời đó về vấn đề này đầy những sự việc có ý nghĩa. Một hôm, giữa Hội đồng Nhà nước, Napoléon đã đối xử thô bạo với Beugnot như với một đầy tớ mất dạy. Sự việc xảy ra, Napoléon đến gần và nói với ông ta: "Này, gã to xác ngốc nghếch, đầu óc anh để đâu đấy hả?" Ngay lúc ấy, Beugnot, cao to như chiếc trống cái, cúi mình thật thấp, còn con người bé nhỏ kia, giơ tay lên nắm lấy tai gã to xác. Beugnot viết: "Đó là tín hiệu ân sủng làm ta say lòng, là cử chỉ thân tình của chủ nhân đã gần gũi với ta". Những ví dụ như thế cho ta một ý niệm rõ rệt về sự hèn hạ ở mức độ thấp mà uy tín có thể gây ra. Chúng làm ta hiểu được sự khinh thường vô hạn của những kẻ đại chuyên chế đối với những người chung quanh ông ta mà ông ta đơn giản coi họ chỉ là một thứ bia thịt đỡ đạn.

[2] Louis-Nicolas Davoust (1770 - 1823): thống chế thời Đế chế.

Phải nhớ lại cái sức mạnh mê hoặc kì lạ này mới hiểu được chuyến trở về ngoạn mục của Napoléon từ đảo Elbe[1]; một con người đơn độc đã ngay lập tức chinh phục được nước Pháp, trước mặt ông là tất cả những lực lượng có tổ chức của một nước lớn, mà người ta cứ tưởng đã chán ngấy chế độ bạo tàn của ông. Chỉ cần nhìn vào những tướng tá được cử đi để bắt ông, và họ đã thề sẽ bắt được. Tất cả đều đầu hàng chẳng cần bàn cãi.

Vị tướng người Anh Wolseley viết: "Napoléon đổ bộ lên nước Pháp hầu như chỉ có một mình, và ông ta như một kẻ chạy trốn khỏi đảo Elbe là vương quốc của mình; chỉ trong vòng vài tuần ông đã thành công không cần đổ máu, làm đảo lộn toàn bộ tổ chức quyền lực của nước Pháp dưới sự trị vì của vị vua hợp pháp: ảnh hưởng cá nhân của một con người đã bao giờ được khẳng định một cách lạ lùng hơn thế không? Nhưng từ đầu đến cuối chiến dịch này, chiến dịch cuối cùng của ông, ảnh hưởng mà ông tác động tới các liên minh, buộc họ phải đi theo sáng kiến của ông thật đáng chú ý biết chừng nào, và chỉ một chút xíu nữa là ông đã đè nát họ".

---

[1] Đảo Elbe: một hòn đảo trên Địa Trung Hải, thuộc nước Italia, nơi Napoléon bị đi đày vào năm 1814, sau thất bại tại trận Leipzip, chống lại liên minh năm nước châu Âu: Nga, Áo, Phổ, Anh, Thuỵ Điển.

Uy tín của ông còn sống mãi và tiếp tục lớn lên. Chính uy tín ấy đã sắc phong hoàng đế cho một đứa cháu chẳng có tiếng tăm của ông[1]. Ngày hôm nay, bằng cách thấu hiểu sự tái sinh truyền thuyết về ông, ta mới thấy cái bóng to lớn ấy còn uy lực biết bao. Hãy ngược đãi con người tuỳ ý thích, hãy tàn sát hàng triệu con người, hãy gây ra hết cuộc xâm lược này đến cuộc xâm lược khác, bạn được phép làm tất cả nếu bạn có đủ độ uy tín, và nếu bạn có đủ tài năng để giữ vững uy tín ấy.

Dĩ nhiên, ở đây tôi đã viện dẫn một ví dụ về uy tín hoàn toàn ngoại lệ, nhưng thật có ích khi nhắc tới nó, để làm ta hiểu sự tạo sinh của những tôn giáo lớn, những học thuyết lớn và những đế chế lớn. Không có sức mạnh của uy tín tác động lên đám đông, thì sẽ không hiểu nổi sự tạo sinh ấy.

Nhưng uy tín không chỉ được xây dựng trên ảnh hưởng cá nhân, vinh quang quân sự và sự khủng bố tôn giáo; nó còn có những nguồn gốc khiêm nhường hơn, tuy vẫn rất đáng kể. Thế kỉ của chúng ta có thể cung cấp nhiều ví dụ - Một ví dụ gây ấn tượng mạnh nhất mà hậu thế còn nhắc mãi, đó là câu chuyện về một con người nổi tiếng đã thay đổi bộ mặt quả địa cầu và những quan hệ thương mại của các dân tộc bằng cách tách đôi

---

[1] Chỉ Louis Napoléon, cháu của Napoléon Bonaparte tự xưng là Napoléon III.

hai đại lục. Ông thành công trong công việc nhờ vào chí lớn nhưng cũng nhờ vào sức cuốn hút mà ông tác động lên tất cả những người chung quanh mình. Để chiến thắng sự chống đối đồng loạt mà mình gặp phải, ông chỉ cần xuất hiện. Ông nói chuyện một lúc, và trước sức hấp dẫn mà ông tác động, kẻ chống đối lại trở thành bè bạn. Nhất là người Anh kiên quyết phản đối dự án của ông; ông chỉ xuất hiện ở nước Anh để tập hợp mọi sự tán thành. Sau này, khi ông qua Southampton[1], tiếng chuông nhà thờ vang lên suốt dọc đường ông đi, và ngày nay nước Anh quan tâm đến việc dựng tượng cho ông. Khi đã chiến thắng tất cả, con người và sự vật, ông không tin vào những cản trở nữa, và ông muốn lại bắt đầu Suez ở Panama. Ông lại bắt đầu với những phương cách như thế; nhưng ông đã có tuổi, và hơn nữa, niềm tin dời non chuyển núi chỉ có thể thực hiện được với điều kiện những ngọn núi không quá cao. Những ngọn núi đã chống cự, và tai hoạ tiếp theo đó đã phá tan vầng hào quang sáng chói vinh quang từng bao bọc người hùng. Cuộc sống của ông dạy ta uy tín có thể lớn lên như thế nào, và có thể biến mất ra sao. Sau khi danh vọng đã sánh ngang với những bậc anh hùng nổi tiếng nhất trong lịch sử, ông bị những

---

[1] Southampton: thành phố nằm ở miền Nam nước Anh, trong vùng biển Manche.

quan toà của quê hương mình giáng xuống hàng những tên tội phạm xấu xa nhất. Khi ông qua đời, chiếc quan tài của ông cô đơn đi qua giữa những đám đông thờ ơ. Duy chỉ các vua chúa ngoại quốc tỏ lòng kính trọng tưởng nhớ ông, như tưởng nhớ đến một trong những con người vĩ đại nhất mà lịch sử từng biết tới*[1].

---

*[1] Một tờ báo ngoại quốc, tờ *Neu Freie Presse* của thành Vienne, đã viết về đề tài số phận của Lesseps với những suy ngẫm rất đúng đắn về tâm lí học, và vì lí do ấy, tôi xin trích lại ở đây:

"Sau khi tuyên án Ferdinand de Lesseps, ta không có quyền ngạc nhiên về cái kết cục buồn thảm của Christophe Colomb nữa. Nếu Ferdinand de Lesseps là một kẻ lừa đảo, thì mọi ảo tưởng cao quý đều là tội lỗi. Thời cổ đại hẳn đã đặt lên kí ức về Lesseps vòng hào quang của vinh quang, và hẳn đã cho ông uống rượu thần tiên giữa đỉnh Olympe, bởi vì ông đã làm thay đổi bộ mặt trái đất, và ông đã hoàn thành những công trình làm hoàn thiện sự sáng tạo. Khi kết án Ferdinand de Lesseps, ông chủ tịch Toà thượng thẩm đã tự làm mình bất tử, bởi vì những dân tộc sẽ luôn hỏi tên tuổi con người đã không sợ hạ thấp thế kỉ của mình bằng việc chụp cái mũ tù khổ sai lên đầu một ông già, mà cuộc đời của cụ là niềm vinh quang cho những người cùng thời.

"Từ nay trở đi, đừng nói gì với chúng tôi về công lí không thể lay chuyển nữa, chính ở đó ngự trị sự hận thù quan liêu chống lại những công trình táo bạo vĩ đại. Các dân tộc đều cần những con người dũng cảm ấy, những con người tin vào chính mình, vượt qua mọi trở ngại, và không màng tới an nguy của bản thân. Thiên tài không thể thận trọng; với sự thận trọng ông ta sẽ không bao giờ có thể mở rộng phạm vi hoạt động của con người.

Nhưng những ví dụ khác nhau vừa được nhắc tới chỉ đại diện cho những hình thức cực đoan. Để xem xét tâm lí học về uy tín một cách chi tiết, cần phải sắp xếp chúng cho đến tận cuối một chuỗi dài đi xuống từ những người sáng lập ra các tôn giáo và các đế chế đến những kẻ chỉ muốn thử làm loá mắt láng giềng bằng một bộ quần áo mới hay một món trang sức.

Giữa những đoạn xa nhau nhất của chuỗi này, ta đặt tất cả những hình thức của uy tín vào trong những thành tố khác nhau của một nền văn minh: khoa học, nghệ thuật, văn học v.v..., và ta sẽ thấy uy tín là thành tố cơ bản của sự thuyết phục. Dù ý thức hay không, thì con người, ý niệm hay sự vật có uy tín là nhờ con đường lây nhiễm được bắt chước ngay tức khắc và áp đặt cho cả

"... Ferdinand de Lesseps đã biết tới niềm say sưa chiến thắng và nỗi thất vọng chua cay: kênh Suez và Panama. Ở đây trái tim nổi loạn chống lại thứ đạo đức của thành công. Khi Lesseps thành công trong việc nối liền hai biển, những ông hoàng và các dân tộc tỏ lòng kính trọng ông. Hôm nay ông thất bại khi chống lại núi đá của dãy Cordillères, thì ông chỉ còn là kẻ lừa bịp tầm thường... Ở đó, có một cuộc chiến của các giai cấp trong xã hội, một sự bất mãn của bọn quan liêu và viên chức dùng luật hình sự để trả thù chống lại những người muốn vươn lên trên những người khác... Các nhà lập pháp hiện đại lúng túng trước những tư tưởng lớn của thiên tài nhân loại; công chúng còn hiểu chuyện đó kém hơn, và thật dễ dàng cho vị tổng trạng sư chứng minh rằng Stanley là kẻ giết người và Lesseps là kẻ lừa đảo".

một thế hệ một số cách thức cảm nhận và thể hiện tư tưởng của họ. Hơn nữa, sự bắt chước thường vô thức nhất, và chính đó là cái làm cho nó hoàn hảo. Các hoạ sĩ hiện đại tái tạo những màu sắc đã phai mờ hoặc những cử chỉ cứng nhắc của vài người nguyên thuỷ, chẳng mấy hoài nghi cảm hứng của họ từ đâu tới; họ tin vào sự thành thực của mình, trong khi nếu một bậc thầy nổi danh không làm sống lại hình thức nghệ thuật này, thì người ta vẫn sẽ tiếp tục chỉ nhìn thấy ở đó những khía cạnh ngây ngô và thấp kém. Những hoạ sĩ ấy lập tức theo một bậc thầy nổi tiếng khác, vẽ tràn ngập trên vải những bóng hình màu tím, họ không còn thấy nữa trong tự nhiên cái màu tím mà người ta đã thấy cách đó năm mươi năm, nhưng họ đã được gợi ý bởi ấn tượng cá nhân và đặc biệt của một hoạ sĩ đã có được một uy tín lớn mặc dù điều này là kì dị. Trong mọi yếu tố của nền văn minh, những ví dụ như thế có thể dễ dàng được viện dẫn.

Qua phần trên, ta thấy rằng có nhiều yếu tố tham gia vào sự tạo sinh uy tín: một trong những yếu tố quan trọng nhất bao giờ cũng là sự thành công. Mọi con người thành công, mọi tư tưởng được áp đặt, sẽ chấm hết bằng chính việc bị đưa ra tranh cãi. Chứng cớ cho thấy thành công là một trong những nền tảng cơ bản của uy tín, chính là uy tín hầu như luôn mất đi cùng với

sự mất đi của thành công. Người anh hùng mà đám đông hôm trước còn hoan hô, hôm sau sẽ bị la ó nếu anh ta không thành công. Uy tín càng lớn bao nhiêu thì phản ứng sẽ càng gay gắt bấy nhiêu. Lúc đó, đám đông coi người anh hùng bị ngã như kẻ ngang hàng, và trả thù vì đã từng nghiêng mình trước ưu thế mà nó không công nhận nữa. Khi Robespierre sai chặt đầu đồng sự, và rất nhiều người cùng thời của mình, ông ta có một uy tín rất lớn. Khi sự chuyển dịch của một vài phiếu bầu cướp đi quyền lực của mình, ông ta lập tức mất đi uy tín ấy, và đám đông theo ông đến máy chém với chính những lời nguyền rủa mà hôm trước họ đã dành cho các nạn nhân của ông. Thường chính các tín đồ sẽ cuồng nộ đập phá những tượng thần linh mà họ phụng thờ ngày trước.

Uy tín bị tước bỏ do thất bại sẽ mất đi một cách đột ngột. Nó cũng có thể bị mòn đi do tranh luận, nhưng theo cách chậm chạp hơn. Tuy nhiên phương cách này có hiệu quả rất chắc chắn. Uy tín bị tranh cãi đã không còn là uy tín nữa. Những thần linh và con người biết giữ gìn được lâu uy tín của mình thường không bao giờ dung thứ cho sự tranh luận. Muốn làm cho những đám đông khâm phục mình, bao giờ cũng cần phải giữ khoảng cách với chúng.

Chương IV

NHỮNG GIỚI HẠN VỀ TÍNH HAY THAY ĐỔI CỦA NIỀM TIN VÀ Ý KIẾN ĐÁM ĐÔNG

1 – Những niềm tin cố định. – *Tính không thay đổi của một số niềm tin chung. – Chúng là hướng dẫn viên của một nền văn minh. – Khó diệt trừ chúng tận gốc. – Trên cơ sở nào mà lòng bất khoan dung lại là một đức hạnh đối với các dân tộc. - Sự phi lí có tính triết học của một niềm tin chung không thể gây hại cho việc truyền bá nó.*

2 – Những ý kiến hay thay đổi của đám đông. *– Tính hay thay đổi hết sức của ý kiến không được sinh ra từ niềm tin chung. – Những biến thiên bề ngoài của tư tưởng và niềm tin trong vòng chưa đến một thế kỉ. - Giới hạn thực của biến đổi này. – Những yếu tố mà sự biến đổi dựa trên đó. – Sự biến mất hiện thời của những niềm tin chung và sự phát hành vô cùng rộng rãi của báo chí làm cho ý kiến ngày càng hay thay đổi. – Tại sao ý kiến của đám đông về phần*

lớn các chủ đề đều dẫn tới sự thờ ơ. - Bất lực của các chính phủ khi muốn chỉ đạo ý kiến như thời xưa. - Sự phân tán hiện nay của những ý kiến ngăn cản tính độc tài chuyên chế của chúng.

1 - Những niềm tin cố định

Có sự song hành chặt chẽ giữa những đặc tính thể chất và tính cách tâm lí của sinh vật. Trong những đặc tính thể chất ta thấy một số yếu tố không thay đổi, hoặc nếu có thay đổi chút ít thì phải cần tới thời gian của những thời kì địa chất, và bên cạnh những đặc tính cố định không thể quy giản ấy, có thể thấy những tính chất rất hay thay đổi mà môi trường, nghệ thuật của người chăn nuôi, của người làm vườn dễ dàng làm cho biến đổi, đôi khi đến mức che giấu được cả những đặc tính cơ bản trước những người quan sát ít chú tâm.

Ta cũng nhận thấy hiện tượng như vậy trong những đặc tính tinh thần. Bên cạnh các yếu tố tâm lí không thể quy giản của một chủng tộc, ta bắt gặp những yếu tố lưu động và thay đổi. Và chính vì thế, khi nghiên cứu những niềm tin và ý kiến của một dân tộc, ta luôn nhận thấy một nền tảng rất cố định, trên đó cấy ghép những ý kiến cũng lưu động như là cát bao phủ trên đá.

Vậy, những niềm tin và ý kiến của đám đông tạo thành hai lớp khá phân biệt nhau. Một mặt, đó là những niềm tin bền lâu, kéo dài nhiều thế kỉ, và cả một nền văn minh phải dựa vào chúng; ví dụ như ngày xưa, đó là quan niệm phong kiến, những tư tưởng Ki Tô giáo, những tư tưởng thời Cải cách Tôn giáo; còn như ngày nay, đó là nguyên tắc chủ quyền dân tộc, những tư tưởng dân chủ và xã hội. Mặt khác, đó là những ý kiến nhất thời và thay đổi, được phát sinh thường xuyên nhất từ những quan niệm chung mà mỗi thời đại đều thấy sinh ra và mất đi: đó là những lí thuyết chỉ đạo nghệ thuật và văn học ở một vài thời điểm, như những lí thuyết sản sinh ra chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa thần bí v.v... Thông thường, chúng có tính bề mặt như là thời trang và thay đổi giống như thời trang. Đó là những làn sóng nhỏ sinh ra và biến mất không ngừng trên mặt hồ chứa nước sâu.

Những niềm tin lớn mang tính tổng quát thường có số lượng rất hạn chế. Sự ra đời và kết thúc của chúng, đối với từng chủng tộc lịch sử, tạo thành những tuyệt đỉnh của lịch sử chủng tộc ấy. Chúng cấu thành khung cốt đích thực của các nền văn minh.

Thực rất dễ khi thiết lập một ý kiến tạm thời trong tâm hồn đám đông. Nhưng thật khó để thiết

lập một niềm tin lâu dài đối với nó. Cũng rất khó khăn khi muốn phá huỷ niềm tin lâu dài khi nó đã được thiết lập. Thông thường chỉ khi phải trả giá bằng những cuộc cách mạng bạo lực thì ta mới có thể thay đổi được nó. Thậm chí, cách mạng chỉ có được khả năng này khi niềm tin hầu như đã hoàn toàn mất hết ảnh hưởng tới tâm hồn con người. Lúc đó, những cuộc cách mạng chỉ làm việc cuối cùng là quét sạch những cái hầu như đã bị vứt bỏ, nhưng cái ách nặng nề của tập quán lại ngăn cản việc rũ bỏ hoàn toàn. Thực ra những cuộc cách mạng bắt đầu tức là những niềm tin kết thúc.

Cũng dễ nhận biết cái ngày chính xác ghi dấu sự mất đi của một niềm tin lớn; đó là ngày mà giá trị của nó bắt đầu bị tranh cãi. Tất cả những niềm tin chung đều hầu như chỉ là một hư cấu, nó chỉ có thể tồn tại với điều kiện không phải chịu sự kiểm tra.

Nhưng dù cho một niềm tin đã bị lung lay ghê gớm, thì những thể chế sinh ra từ nó vẫn bảo toàn được sức mạnh của mình, và chỉ mất đi một cách từ từ. Cuối cùng, khi niềm tin đã mất quyền lực hoàn toàn, thì tất cả những gì nó nâng đỡ cũng sụp đổ nhanh chóng. Một dân tộc không bao giờ có thể thay đổi những niềm tin mà không đồng thời buộc phải thay đổi mọi yếu tố trong nền văn minh của mình.

Dân tộc ấy biến đổi chúng cho đến lúc nó tìm được một niềm tin chung mới và niềm tin này được chấp nhận; và cho đến lúc đó, nó dĩ nhiên phải sống trong tình trạng vô chính phủ. Những niềm tin chung là giá đỡ cần thiết của những nền văn minh, chúng quy định hướng đi cho tư tưởng. Chỉ có chúng mới có thể gợi hứng cho niềm tin và tạo ra bổn phận.

Những dân tộc luôn cảm thấy ích lợi khi có được những niềm tin chung, và bằng bản năng, họ hiểu rằng, sự biến mất những niềm tin ấy, đối với họ, báo hiệu giờ phút suy tàn đã đến. Sự sùng bái cuồng tín thành Rome đối với người La Mã là một niềm tin đã khiến họ làm chủ thế giới; và khi niềm tin ấy mất đi, thì Rome phải tiêu vong. Chỉ khi những người La Mã có được một vài niềm tin chung do người dã man đã phá tan nền văn minh La Mã đem đến, thì họ mới đạt được một sự cố kết nào đó và có thể ra khỏi tình trạng vô chính phủ.

Vậy không phải vô cớ mà các dân tộc luôn bảo vệ niềm tin của họ bằng lòng bất khoan dung. Lòng bất khoan dung ấy, đứng về quan điểm triết học thật đáng phê phán, nhưng trong đời sống các dân tộc, nó lại biểu thị cái đức hạnh cần thiết nhất. Chính vì muốn xây dựng và giữ gìn những niềm tin chung mà thời Trung cổ đã dựng

lên biết bao đống lửa thiêu, biết bao nhà sáng chế và nhà cải cách phải chết trong tuyệt vọng khi họ trốn tránh khổ hình. Chính vì muốn bảo vệ những niềm tin ấy nên thế giới đã bao phen bị đảo lộn, nên biết bao triệu người đã phải chết trên chiến trường, và sẽ còn chết tiếp ở đó.

Có nhiều khó khăn lớn khi thiết lập một niềm tin chung, nhưng khi niềm tin ấy đã được thiết lập chắc chắn thì trong thời gian dài, sức mạnh của nó là vô địch; và dù cho niềm tin ấy sai lầm về mặt triết học, nó vẫn áp đặt lên những đầu óc sáng suốt nhất. Từ hơn mười lăm thế kỉ nay, người Âu châu chẳng đã coi những truyền thuyết tôn giáo mà khi ta xem xét kĩ thì thật là dã man[*1], như truyền thuyết về Moloch[2], là những chân lí không thể bàn cãi đó sao. Trong nhiều thế kỉ, người ta đã không nhận ra sự phi lí khủng khiếp của truyền thuyết về một vị thần trả thù con trai mình bằng những nhục hình khủng khiếp vì nó đã không tuân theo một trong những điều do ông

[*1] Tôi hiểu dã man về mặt triết học. Còn về mặt thực tế, chúng đã tạo nên một nền văn minh hoàn toàn mới, và trong mười lăm thế kỉ chúng đã làm cho con người thấy thiên đường kì diệu của giấc mơ và hy vọng mà con người sẽ không thấy nữa.

[2] Moloch: nữ thần khát máu được nhắc đến trong Kinh Thánh. Để đón mừng bà, những đứa trẻ phải "đi qua lửa", nghĩa là bị hiến tế, rồi bị thiêu.

đặt ra. Ngay cả những thiên tài có uy lực nhất, như một Galilée[1], một Newton[2], một Leibniz[3], thì cũng không có giây phút nào giả định rằng chân lí của những tín điều như thế có thể phải được mang ra bàn cãi. Chẳng gì chứng minh rõ hơn sự mê hoặc do một niềm tin chung gây ra, nhưng cũng chẳng gì chỉ ra rõ hơn những giới hạn nhục nhã của trí tuệ con người.

Ngay khi một tín điều mới cắm rễ vào tâm hồn đám đông, nó trở thành người khởi xướng cho những thể chế, nghệ thuật, cách cư xử của đám đông ấy. Lúc đó, ảnh hưởng mà nó tác động lên tâm hồn con người là tuyệt đối. Những người hành động chỉ nghĩ đến việc thực hiện tín điều ấy, nhà lập pháp chỉ muốn áp dụng nó, nhà triết học, nghệ sĩ, nhà văn chỉ lo toan diễn dịch nó bằng các hình thức khác nhau.

Từ niềm tin cơ bản, những tư tưởng nhất thời và thứ yếu có thể nảy sinh, nhưng chúng luôn mang dấu ấn của niềm tin nơi chúng được sinh ra. Nền văn minh Ai Cập, nền văn minh Âu châu

---

[1] Galilée (1564 - 1642): nhà vật lí và thiên văn Italia, người phát hiện ra định luật rơi tự do và sự chuyển động của Trái Đất.

[2] Issac Newton (1642 - 1727): nhà vật lí và thiên văn Anh, khám phá ra lực hấp dẫn.

[3] Gottfriel Leibniz (1646 - 1716): nhà triết học và toán học Đức.

thời Trung cổ, nền văn minh Islam của người Ả Rập đều xuất sinh từ một số rất nhỏ những niềm tin tôn giáo từng in dấu ấn lên những thành tố nhỏ nhất của các nền văn minh này, và cho phép ta nhận biết ngay ra chúng.

Và chính vì vậy, nhờ vào những niềm tin chung, con người ở mỗi thời đại đều bị bao quanh bởi một mạng lưới những truyền thống, ý kiến và tập quán, cái ách mà họ không thể thoát ra được, luôn làm họ giống nhau như hệt. Cái gì đã đặc biệt dẫn dắt con người, đó là những niềm tin và tập quán sinh ra từ những niềm tin ấy. Chúng điều chỉnh những hành vi nhỏ nhặt nhất của đời sống chúng ta, và những đầu óc độc lập nhất cũng không nghĩ tới chuyện thoát ra khỏi nó. Chỉ có chế độ chuyên chế thực sự tác động một cách vô thức lên tâm hồn con người, bởi vì đó là chế độ duy nhất không thể đấu tranh lại. Tibère[1], Thành Cát Tư Hãn, Napoléon là những bạo chúa đáng sợ, chắc chắn vậy, nhưng Moïse[2], Phật Thích Ca, Jésus, Mahomet, Luther từ dưới đáy mồ còn tác động lên tâm hồn con người một sự chuyên chế khác sâu xa hơn nhiều. Một cuộc

---

[1] Tibère (42 tCN - 37): hoàng đế La Mã từ năm 14 đến năm 37.

[2] Moïse: chính khách, sử gia, nhà thơ, nhà đạo đức, nhà lập pháp của người Do Thái. Ông đã dẫn dân tộc mình từ Ai Cập sang Palestin.

mưu phản có thể hạ gục một bạo chúa, nhưng mưu phản liệu có thể làm gì với một niềm tin đã được xác lập chắc chắn? Trong cuộc đấu tranh bạo liệt chống lại Công giáo, và mặc dù được sự tán đồng bề ngoài của đám đông, mặc dù những phương pháp phá hoại tàn bạo chẳng kém gì Tòa án dị giáo, thế nhưng chính cuộc Cách mạng vĩ đại của chúng ta [Cách mạng Pháp] đã thất bại. Duy những bạo chúa thực sự mà nhân loại đã biết bao giờ cũng là cái bóng của những người đã chết hay là những ảo tưởng mà nhân loại tự tạo ra.

Sự phi lí về mặt triết học mà những niềm tin chung thường biểu hiện, không bao giờ là một trở ngại cho thắng lợi của chúng. Thậm chí, thắng lợi ấy hình như chỉ có thể có được với điều kiện những niềm tin chung chứa đựng sự phi lí bí ẩn nào đó. Vậy nên không phải sự yếu kém rõ rệt của niềm tin xã hội chủ nghĩa hiện thời đã ngăn cản chúng chiến thắng trong tâm hồn đám đông. Sự thấp kém thực sự của nó so với mọi niềm tin tôn giáo duy chỉ nằm ở điều này: lí tưởng về hạnh phúc mà tôn giáo hứa hẹn chỉ được hiện thực hoá trong một đời sống tương lai, chẳng ai có thể đưa chuyện này ra tranh cãi. Nếu lí tưởng về hạnh phúc xã hội chủ nghĩa được thực hiện trên đời này, thì ngay khi những mưu toan đầu tiên được thực thi, sự hão huyền của những lời

hứa hẹn xuất hiện, đồng thời niềm tin mới sẽ lập tức mất đi mọi uy tín. Vậy sức mạnh của nó sẽ chỉ lớn lên cho đến ngày nó chiến thắng, khi hành động thực tiễn bắt đầu. Và chính vì vậy, tôn giáo mới, cũng như tất cả các tôn giáo đã ra đời trước nó, trước tiên đóng vai trò là kẻ phá huỷ, thì tiếp theo, khác với tôn giáo trước, nó lại không thể đóng nổi vai trò là kẻ sáng tạo.

2 - Những ý kiến có tính chất động của đám đông

Bên trên những niềm tin cố định mà ta vừa mới chỉ ra sức mạnh, còn có một lớp gồm những ý kiến, ý tưởng, tư tưởng luôn luôn sinh ra và mất đi. Một vài thứ chỉ kéo dài một ngày, còn những thứ quan trọng nhất ít khi vượt quá đời sống của một thế hệ. Chúng tôi cũng đã lưu ý rằng những thay đổi bỗng xảy ra trong những ý kiến này đôi khi chỉ mang tính bề mặt nhiều hơn là thực chất, và rằng bao giờ chúng cũng mang dấu ấn của những phẩm chất chủng tộc. Ví dụ, xem xét những thể chế chính trị ở đất nước chúng ta đang sống, ta thấy rằng những đảng phái bề ngoài rất trái ngược nhau: người theo chủ nghĩa dân chủ, người cấp tiến, người đế chế, người xã hội chủ nghĩa v.v..., họ đều có một lí tưởng tuyệt đối giống nhau, và ta cũng thấy rằng lí tưởng này chỉ gắn bó với cấu trúc tinh thần của chủng tộc

chúng ta; bởi vì ở những chủng tộc khác, dưới những cái tên tương tự, ta lại thấy một lí tưởng hoàn toàn trái ngược. Không phải cái tên được đặt cho những ý kiến, cũng không phải sự cải biên lừa dối thay đổi nội dung của sự vật. Những người tư sản của Cách mạng, thấm đẫm toàn văn học Latin, mắt nhìn chăm chăm vào nền cộng hoà La Mã; chấp nhận luật pháp, cây phủ việt và tấm áo choàng của người La Mã, cố gắng bắt chước những thể chế, những tấm gương của nền cộng hoà La Mã, nhưng họ vẫn không trở thành người La Mã, bởi vì họ ở dưới thế lực của một sự gợi ý mang tính lịch sử mạnh mẽ. Vai trò của nhà triết học là tìm xem những niềm tin cổ xưa hãy còn lại cái gì ở bên dưới những thay đổi bề mặt, và trong làn sóng chuyển động của những ý kiến, cần phân biệt cái gì đã được xác định do những niềm tin chung và tâm hồn chủng tộc.

Không có tiêu chuẩn triết học này, người ta có thể tin tưởng rằng đám đông thay đổi niềm tin chính trị và tôn giáo một cách thường xuyên và tuỳ ý. Thực vậy, toàn bộ lịch sử chính trị, tôn giáo, nghệ thuật, văn học hình như chứng tỏ điều này.

Chẳng hạn, ta chỉ lấy một giai đoạn ngắn ngủi trong lịch sử nước Pháp, từ 1790 đến 1820, nghĩa là ba mươi năm, thời gian của một thế hệ. Trong giai đoạn này ta thấy những đám đông, thoạt tiên theo chế độ quân chủ, rồi trở thành cách mạng,

rồi theo đế chế chủ nghĩa, rồi lại trở lại thành người theo chế độ quân chủ. Trong lĩnh vực tôn giáo, cũng trong thời gian ấy, họ đi từ Công giáo đến chủ nghĩa vô thần, rồi sang thần luận, rồi lại quay trở về với những hình thức quá khích nhất của Công giáo. Và không phải chỉ có đám đông, mà cả những người lãnh đạo cũng như thế. Chúng ta ngạc nhiên lặng ngắm những vị đại biểu Hội nghị Quốc ước vĩ đại, kẻ thù chẳng đội trời chung với vua chúa, chẳng cần Thượng đế, cũng không muốn có những ông chủ, họ lại trở thành những nô bộc hèn mọn của Napoléon, rồi thành kính mang những cây nến thờ trong đám rước dưới thời vua Louis XVIII[1].

Và trong bảy mươi năm tiếp theo, đã còn có biết bao thay đổi trong ý kiến của đám đông. Vùng "Abion nham hiểm"[2] ở đầu thế kỉ này trở thành đồng minh của nước Pháp dưới thời người nối ngôi Napoléon; nước Nga hai lần bị Pháp xâm chiếm, thế mà họ đã vỗ tay thích thú nhường ấy khi nước Pháp bị thất bại lần sau cùng, rồi họ bỗng nhiên được coi như một người bạn.

Trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, triết học, những ý kiến kế tiếp nhau còn nhanh hơn nữa.

---

[1] Louis XVIII (1755 - 1824): Vua Pháp trong giai đoạn từ 1814 đến 1824, ngoại trừ thời gian Một trăm ngày khi Napoléon từ đảo Elbe trở về, mưu toan lập lại Đế chế.

[2] Tên gọi cổ xưa của quốc đảo Anh.

Chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa thần bí v.v..., sinh ra và lần lượt chết đi. Người nghệ sĩ và nhà văn hôm qua được hoan nghênh, ngày mai đã bị rẻ khinh sâu sắc.

Nhưng khi chúng ta phân tích những thay đổi nhìn bề ngoài rất sâu sắc này, chúng ta thấy điều gì? Tất cả những gì trái ngược với niềm tin chung và với tình cảm chủng tộc sẽ chỉ có một thời gian sống rất phù du, và dòng sông quanh co lại nhanh chóng chảy theo dòng của nó. Những ý kiến không gắn liền với một niềm tin chung nào, với một tình cảm chủng tộc nào, và do đó, sẽ không thể có tính cố định, đều bị phó mặc hoàn toàn cho ngẫu nhiên, hay nếu ta muốn, chúng bị phó mặc cho những thay đổi nhỏ nhặt nhất của môi trường sống. Được hình thành do sự gợi ý và lây nhiễm, những ý kiến bao giờ cũng có tính nhất thời; đôi khi chúng sinh ra rồi biến mất cũng nhanh chóng như những đụn cát được hình thành bởi gió bên bờ biển.

Ngày nay, tổng số những ý kiến lưu động của đám đông nhiều chưa từng có; và điều đó xảy ra do ba lí do khác nhau.

Thứ nhất vì những niềm tin cũ càng ngày càng mất ảnh hưởng, chúng không còn tác động được như ngày xưa lên những ý kiến nhất thời để đem lại cho những ý kiến này một định hướng nào đó.

Sự xoá mờ niềm tin chung đã nhường chỗ cho một loạt những ý kiến đặc thù không có quá khứ cũng chẳng có tương lai.

Lí do thứ hai vì sức mạnh của đám đông trở nên càng ngày càng to lớn, và càng ngày càng có ít đối trọng; tính cực kì lưu động của những tư tưởng, mà ta đã thấy ở chúng, có thể được tự do biểu hiện.

Cuối cùng, lí do thứ ba là vì sự phát hành báo chí gần đây đã không ngừng đưa ra trước mắt đám đông những ý kiến trái ngược nhất. Những gợi ý mà mỗi ý kiến có thể tạo ra sẽ nhanh chóng bị tiêu diệt do những gợi ý đối nghịch. Kết quả là mỗi ý kiến không đạt tới chỗ lan rộng và tất phải có một đời sống rất ngắn ngủi. Chúng chết đi trước khi có thể đủ lan rộng để trở thành phổ biến.

Từ những nguyên nhân khác nhau đó mà sinh ra một hiện tượng rất mới trong lịch sử thế giới, và hoàn toàn đặc trưng của thời hiện tại, tôi muốn nói tới sự bất lực của những chính quyền trong việc hướng dẫn dư luận.

Ngày xưa, và cái ngày xưa ấy chẳng xa lắm đâu, hoạt động của các chính quyền, ảnh hưởng của một vài nhà văn và của một số rất ít các tờ báo là những thứ thực sự điều chỉnh dư luận. Ngày nay, các nhà văn đã mất hoàn toàn ảnh

hưởng, và những tờ báo chỉ còn làm công việc phản ảnh ý kiến. Còn những chính khách, còn lâu họ mới điều khiển được dư luận, họ chỉ tìm cách chạy theo đuôi nó mà thôi. Họ sợ dư luận, cái thứ dư luận mà đôi khi đi tới chỗ khủng bố và khiến họ phải chấp nhận lối hành xử thiếu ổn định.

Vậy ý kiến của đám đông càng lúc càng có khuynh hướng trở thành cái biểu lộ tối cao của chính trị. Ngày nay nó đi tới chỗ áp đặt những liên minh, như ta thấy gần đây sự liên minh của người Nga xuất phát chủ yếu từ một phong trào bình dân. Đó là một triệu chứng rất lạ khi ngày nay ta được thấy các giáo hoàng, vua và hoàng đế chịu trả lời phỏng vấn để trình bày tư tưởng của họ về một chủ đề nhất định để cho đám đông đánh giá. Ta có thể nói rằng xưa kia chính trị không phải là chuyện thuộc về tình cảm. Ngày nay liệu còn có thể nói như thế nữa không, khi người dẫn lối chính trị càng lúc càng là những xung động của đám đông hay thay đổi, không biết đến lí trí, và chỉ tình cảm mới có thể hướng dẫn được nó thôi?

Còn về báo chí, ngày xưa là người hướng dẫn dư luận; thì ngày nay, cũng như chính quyền, nó phải chịu lu mờ trước quyền lực của đám đông. Chắc hẳn nó có một sức mạnh đáng kể, nhưng vì

nó chủ yếu là sự phản ánh của những ý kiến đám đông và sự biến thiên không ngừng của chúng. Trở thành tổ chức thông tin đơn thuần, báo chí đã từ chối áp đặt bất cứ tư tưởng và bất cứ chủ thuyết nào. Nó đi theo tất cả những thay đổi của tư tưởng chung, và sự cần thiết phải cạnh tranh buộc nó phải đi theo dư luận nếu không thì sẽ mất độc giả. Ngày xưa những tờ báo lâu năm trang trọng và nhiều ảnh hưởng như tờ *Constitutionnel*, tờ *Siècle*, tờ *Débats*, mà thế hệ trước thành kính nghe những lời phán truyền của chúng, thì đều đã biến mất hoặc đã trở thành những tờ báo thông tin trong khuôn khổ những bài viết cho vui, những bài kể xấu ăn chơi thượng lưu và những bài quảng cáo tài chính. Ngày nay, đâu còn những tờ báo khá phong phú để cho phép các biên tập viên đưa ra ý kiến cá nhân, và những ý kiến này sẽ có sức nặng gì đó đối với những độc giả chỉ yêu cầu được thông tin hay giải trí, và đằng sau mỗi lời khuyên nhủ họ luôn e ngại kẻ đầu cơ. Ngay phê bình cũng không còn nữa cái quyền năng tung hô quảng cáo cho một cuốn sách hay một vở kịch. Phê bình có thể làm hại chúng, chứ không giúp ích cho chúng. Những tờ báo chỉ ý thức về sự vô ích của tất cả những gì là phê bình hay ý kiến cá nhân, cho nên dần dần bỏ hẳn phê bình văn học, tự hạn chế chỉ đưa ra tên cuốn sách với hai hay ba dòng quảng cáo; và

hai mươi năm nữa có lẽ phê bình kịch nghệ cũng sẽ như vậy thôi.

Dò xét dư luận ngày nay đã trở thành mối bận tâm chủ yếu của báo chí và chính quyền. Một biến cố, một dự án lập pháp, một bài diễn văn sẽ tạo ra hiệu quả gì, đó là điều mà họ luôn phải biết; và chuyện ấy không dễ, bởi vì chẳng có gì lưu động hơn và dễ thay đổi hơn là tư tưởng của đám đông; và chẳng có gì thường xuyên hơn là nhìn thấy đám đông chào đón bằng lời nguyền rủa cái mà hôm trước đám đông đã nồng nhiệt hoan hô.

Sự thiếu vắng hoàn toàn việc chỉ đạo dư luận, đồng .hời với việc tan rã của những niềm tin chung, có kết quả cuối cùng là sự phân tán hoàn toàn mọi niềm tin, và sự thờ ơ của đám đông tăng dần đối với cái gì không động chạm rõ rệt tới quyền lợi tức thời của họ. Những vấn đề chủ thuyết, như chủ nghĩa xã hội, chỉ tuyển mộ thêm được những người bảo vệ có lòng tin thực sự trong các tầng lớp ít được học hành, ví dụ công nhân hầm mỏ và xí nghiệp. Còn tầng lớp tiểu tư sản, công nhân có đôi chút học vấn đều rơi vào chủ nghĩa hoài nghi, hay ít ra, rất hay thay đổi.

Sự tiến triển như vậy đã xảy ra từ ba mươi năm nay là rất ấn tượng. Ở thời kì trước tuy không xa lắm, những ý kiến vẫn còn có một khuynh hướng chung; chúng được sinh ra từ việc chấp nhận vài

niềm tin cơ bản nào đó. Chỉ bằng việc là người theo chế độ quân chủ, người ta tất nhiên có một số tư tưởng rất kiên định cả về lịch sử lẫn khoa học, và chỉ bằng việc là người cộng hoà, người ta đã có những tư tưởng hoàn toàn trái ngược. Một người theo chế độ quân chủ biết chính xác rằng con người không có nguồn gốc từ khỉ và một người cộng hoà cũng biết không kém phần chính xác rằng mình có nguồn gốc từ khỉ. Người quân chủ phải nói về Cách mạng với một sự ghê tởm, còn người cộng hoà với thái độ tôn sùng. Có những cái tên, như tên Robespierre và Marat[1], anh ta phải đọc lên với dáng vẻ sùng kính, còn những cái tên khác như César, Auguste, Napoléon, người ta không thể nói lên mà không thoá mạ. Ngay đến cả trong đại học Sorbonne, cái cung cách quan niệm ngây thơ về lịch sử như vậy cũng phổ biến*[2].

---

[1] Jean-Paul Marat (1743 - 1793): nhà cách mạng Pháp, thành viên của câu lạc bộ des Cordeliers, bị coi là một trong những người chịu trách nhiệm trong cuộc thảm sát tháng Chín. Trúng cử vào Hội nghị Quốc ước, ông là nghị sĩ phái Núi, từng được coi là "người bạn của nhân dân". Ông bị một phụ nữ ám sát vào ngày 13 tháng Bảy năm 1793.

*[2] Về điểm này, một số trang viết trong sách của các vị giáo sư chính thống cũng rất kì lạ, chứng tỏ tinh thần phê phán trong nền giáo dục đại học của chúng ta đã kém phát triển biết chừng nào. Tôi xin dẫn làm ví dụ một vài dòng trích từ sách về Cách mạng Pháp của một vị nguyên là giáo sư lịch sử ở Sorbonne, và từng làm bộ trưởng giáo dục:

Ngày nay, đứng trước sự tranh cãi và phân tích, tất cả các ý kiến đều mất uy tín; những góc cạnh của chúng nhanh chóng bị hao mòn, và chẳng còn lại bao nhiêu điều có thể làm ta say mê. Con người hiện đại càng lúc càng bị sự thờ ơ xâm chiếm.

Ta đừng quá thương xót cho sự sụp đổ chung này của những ý kiến. Dù đó là một triệu chứng suy đồi trong đời sống của một dân tộc, ta cũng không thể cãi lại được. Chắc chắn rằng những nhà thấu thị, nhà truyền đạo, các lãnh tụ, nói tóm lại là những người có niềm tin vững vàng đều có một sức mạnh khác hẳn với những người có thói quen phủ định, những nhà phê phán và những kẻ thờ ơ; nhưng cũng đừng quên rằng với sức mạnh hiện tại của đám đông, nếu một ý kiến độc nhất nào có thể chiếm đủ được uy tín để áp đặt thì nó sẽ phải nhanh chóng khoác một tấm áo quyền lực có tính chuyên chế đến mức tất cả đều phải lập tức cúi gập mình trước nó, và cũng không nên quên rằng thời đại tranh luận tự do đã

"Việc chiếm ngục Bastille là một sự kiện tuyệt đỉnh trong lịch sử không những chỉ của nước Pháp, mà còn của cả châu Âu; nó mở đầu một thời đại mới của lịch sử thế giới!"

Còn về Robespiere ta kinh ngạc khi đọc trong sách ấy, rằng nền chuyên chính của ông ta đặc biệt thuộc về ý kiến, sự thuyết phục và uy tín đạo đức; nền chuyên chính ấy là một thứ giáo hoàng trong tay một con người đức hạnh (tr. 91 và 220).

khép lại từ lâu. Đám đông đôi khi đại diện cho những ông chủ ôn hoà, như hoàng đế Héliogabale[1] và Tibère đã như vậy khi cần, nhưng đám đông cũng có tính thất thường hung dữ. Khi một nền văn minh sẵn sàng rơi vào tay đám đông, nó sẽ bị phó mặc cho quá nhiều may rủi để có thể tồn tại lâu dài. Nếu một điều gì đó có thể làm chậm giờ sụp đổ ít lâu, đó chính là nhờ vào tính chất cực kì lưu động của những ý kiến và nhờ sự thờ ơ tăng dần của đám đông đối với mọi niềm tin chung.

---

[1] Héliogabale (204-222): hoàng đế La Mã từ 218 đến 222, là một tư tế ở Baal, ông trở thành hoàng đế sau vụ mưu sát người bà con là Caracalla vào năm 217. Sự độc ác và bạo tàn của ông cũng như việc áp đặt tôn giáo cho người La Mã đã dẫn tới cuộc nổi dậy khiến ông bị giết.

Quyển III

PHÂN LOẠI VÀ MÔ TẢ CÁC LOẠI ĐÁM ĐÔNG KHÁC NHAU

Chương I

PHÂN LOẠI ĐÁM ĐÔNG

Phân chia tổng quát những đám đông. – Phân loại chúng.

1 – Đám đông không thuần nhất. - *Những đám đông khác biệt nhau như thế nào. - Ảnh hưởng của chủng tộc. – Tâm hồn đám đông càng yếu đuối bao nhiêu thì tâm hồn chủng tộc càng mạnh mẽ bấy nhiêu. – Tâm hồn chủng tộc biểu thị tình trạng văn minh, còn tâm hồn đám đông biểu thị tình trạng dã man.*

2 – Đám đông thuần nhất. – *Phân chia những đám đông thuần nhất. – Phe phái, đẳng cấp và giai cấp.*

Trong cuốn sách này, chúng tôi đã chỉ ra những tính cách tổng quát chung của các đám đông tâm lí. Vấn đề còn lại là phải chỉ ra những tính cách đặc thù thêm vào những tính cách tổng quát ấy tuỳ theo các loại tập thể khác nhau khi, dưới ảnh hưởng của những tác nhân kích thích phù hợp, chúng tự biến mình thành đám đông.

Trước tiên, chúng ta hãy trình bày đôi lời về sự phân loại những đám đông.

Điểm xuất phát của chúng ta sẽ là quần hợp đơn giản. Hình thức thấp nhất của nó bao gồm những cá nhân thuộc về các chủng tộc khác nhau. Nó chẳng có mối liên hệ chung nào khác ngoài ý chí ít nhiều tôn kính đối với một thủ lĩnh. Những người dã man có nguồn gốc rất khác nhau đã xâm chiếm Đế chế La Mã trong nhiều thế kỉ có thể được xem như là hình mẫu về loại quần hợp này.

Ở cấp độ cao hơn những quần hợp thuộc các chủng tộc khác nhau này, dưới ảnh hưởng của một vài yếu tố, là những đám đông đã có được các tính cách chung, và cuối cùng đã hợp thành một chủng tộc. Nếu gặp dịp chúng sẽ biểu hiện những đặc tính riêng biệt của đám đông, nhưng những đặc tính này ít nhiều bị đặc tính của chủng tộc thống trị.

Hai loại quần hợp này, dưới ảnh hưởng của những nhân tố được nghiên cứu trong sách này, có thể biến đổi thành những đám đông có tổ chức hay đám đông tâm lí. Trong những đám đông có tổ chức, chúng tôi chia ra như sau:

A: Đám đông không thuần nhất (hétérogène)

1. *Vô danh* (anonyme), ví dụ: đám đông đường phố.

2. *Không vô danh* hoặc *hữu danh,* (non-anonyme), ví dụ: ban hội thẩm - nghị viện v.v...

B: Đám đông thuần nhất (homogène)

1. *Phái* (secte), ví dụ: phái chính trị - giáo phái v.v...

2. *Đẳng cấp* hay *tầng lớp* (caste), ví dụ: tầng lớp quân sự, chức sắc tôn giáo, tầng lớp thợ thuyền v.v...

3- *Giai cấp* (classe), ví dụ: giai cấp tư sản, giai cấp nông dân v.v...

Chúng ta cần nói vài lời về các tính chất phân biệt những loại đám đông khác nhau này.

1 – Đám đông không thuần nhất

Đây là những tập thể mà ta đã nghiên cứu tính cách trong sách này. Chúng gồm có những cá nhân bất kì, dù nghề nghiệp hay trình độ trí tuệ của họ ra sao.

Bây giờ ta biết rằng, chỉ riêng việc những con người họp thành một đám đông hoạt động, tâm lí tập thể của họ đã cơ bản khác biệt với tâm lí cá nhân, và trí tuệ không làm cho họ thoát khỏi sự khác biệt đó. Chúng ta đã thấy, trong những tập thể, trí tuệ không có một vai trò nào cả. Chỉ những tình cảm vô thức tác động mà thôi.

Một yếu tố cơ bản, đó là chủng tộc, cho phép tạo ra sự khu biệt khá sâu sắc những đám đông không thuần nhất.

Chúng ta đã nhiều lần nói tới vai trò của chủng tộc, và chúng ta đã chỉ ra rằng đó là yếu tố mạnh mẽ nhất có khả năng quyết định hành động của con người. Nó cũng biểu lộ tác động của mình vào những tính cách của đám đông. Một đám đông gồm những cá nhân bất kì, nhưng toàn bộ là người Anh hay người Trung Hoa, sẽ khác biệt sâu sắc với một đám đông khác cũng gồm những cá nhân bất kì, nhưng thuộc các chủng tộc khác nhau, ví dụ Nga, Pháp, Tây Ban Nha.

Những dị biệt sâu sắc do cấu tạo tinh thần mang tính di truyền tạo ra trong cung cách cảm thụ và suy nghĩ của con người, sẽ bùng phát tức thì ngay khi những hoàn cảnh, kể ra cũng khá hiếm hoi, tập hợp trong cùng một đám đông, theo một tỉ lệ gần bằng nhau những cá nhân thuộc nhiều dân tộc khác nhau, cho dù nhìn bề ngoài có giống nhau về những lợi ích đã tập trung họ đến mấy. Những người xã hội chủ nghĩa thường có mưu toan tập hợp các đại biểu của quần chúng công nhân của từng quốc gia vào các đại hội; mưu toan ấy luôn dẫn tới bất hoà dữ dội. Một đám đông người Latin, dù giả định là cách mạng hay bảo thủ đến mấy, khi muốn thực hiện những yêu cầu của mình, bao giờ cũng kêu gọi tới sự can thiệp của Nhà nước. Đám đông ấy

bao giờ cũng mang tính tập trung và ít nhiều độc tài. Trái lại, một đám đông người Anh hay Mỹ lại không biết tới Nhà nước, mà chỉ kêu gọi tới sáng kiến riêng. Một đám đông người Pháp tha thiết trước hết với sự bình đẳng, và một đám đông người Anh lại tha thiết với sự tự do. Chính do những sự khác biệt chủng tộc này, cho nên có bao nhiêu dân tộc thì gần như có bấy nhiêu dạng thức chủ nghĩa xã hội và chế độ dân chủ.

Vậy nên, tâm hồn chủng tộc thống trị hoàn toàn tâm hồn đám đông. Nó là tầng nền vững chắc để hạn chế những dao động của đám đông. Ta hãy coi câu sau như một định luật chủ yếu: *Những tính cách thấp kém của đám đông càng ít nổi bật bao nhiêu thì tâm hồn của chủng tộc càng mạnh mẽ bấy nhiêu.* Tình trạng đám đông và sự thống trị của đám đông, đó là thời dã man hoặc là sự quay trở về thời dã man. Chỉ khi đạt tới một tâm hồn được cấu tạo vững chắc, thì chủng tộc mới ngày càng thoát ra khỏi sức mạnh nông nổi của đám đông và thoát khỏi tình trạng dã man.

Độc lập với sự phân loại dựa vào chủng tộc, sự phân loại quan trọng duy nhất phải làm với đám đông không thuần nhất, đó là chia tách chúng thành đám đông vô danh như đám đông đường phố, và đám đông không vô danh, như những nghị viện và hội thẩm. Ý thức trách

nhiệm, vốn vắng mặt nơi nhóm trước và được phát triển ở nhóm sau, đã đem tới cho những hành vi của họ những khuynh hướng thường rất khác nhau.

2 – Đám đông thuần nhất

Những đám đông thuần nhất gồm:

1- Phe phái; 2- Đẳng cấp; 3- Giai cấp.

Phe phái chỉ cấp độ thứ nhất trong việc tổ chức những đám đông thuần nhất. Nó gồm những cá nhân có giáo dục, có nghề nghiệp, và đôi khi thuộc nhiều môi trường rất khác nhau; giữa họ chỉ có mối liên hệ duy nhất là những niềm tin. Ví dụ như các giáo phái và nhóm phái chính trị.

Đẳng cấp là cấp độ cao nhất về tổ chức mà đám đông có thể đạt tới. Trong khi nhóm phái gồm những cá nhân có nghề nghiệp, giáo dục, môi trường rất khác nhau và chỉ gắn với nhau bằng niềm tin chung, thì đẳng cấp chỉ gồm những cá nhân có cùng nghề nghiệp và do đó có sự giáo dục và môi trường gần giống nhau. Ví dụ như đẳng cấp quân sự và đẳng cấp chức sắc tôn giáo.

Giai cấp thì gồm những cá nhân có nguồn gốc khác nhau tập hợp lại, không phải bằng niềm tin chung như những thành viên của nhóm phái,

cũng không có chung nghề nghiệp như thành viên của đẳng cấp, mà có chung một số quyền lợi, một số thói quen đời sống và có giáo dục rất giống nhau. Ví dụ như giai cấp tư sản, giai cấp nông dân v.v...

Trong sách này tôi chỉ quan tâm tới những đám đông không thuần nhất, và dành việc nghiên cứu những đám đông thuần nhất (nhóm phái, đẳng cấp, giai cấp) cho một cuốn sách khác. Ở đây, tôi không nhấn mạnh đến những tính cách của nhóm sau, và lúc này tôi chỉ quan tâm tới một vài loại đám đông không thuần nhất được chọn như những điển hình.

Chương II

ĐÁM ĐÔNG BỊ COI LÀ PHẠM TỘI

Những đám đông bị coi là phạm tội. - Một đám đông có thể phạm tội về mặt luật định nhưng không phạm tội về mặt tâm lí. – Hành vi của đám đông hoàn toàn vô thức. – Những ví dụ khác nhau. – Tâm lí những người tàn sát hồi tháng Chín. – Cách lập luận, sự nhạy cảm, tính hung dữ và đạo đức của họ.

Sau một thời gian nào đó bị kích thích, đám đông rơi vào tình trạng những người máy đơn giản, vô ý thức, bị những gợi ý dẫn dắt, hình như trong bất cứ trường hợp nào cũng khó có thể gọi những đám đông ấy là phạm tội. Tôi giữ lại cái tính từ sai lầm này chỉ vì nó đã được thịnh hành trong những nghiên cứu tâm lí học mới đây. Một số hành vi của đám đông là phạm tội chắc chắn nếu ta chỉ xem xét chúng trong bản thân chúng, nhưng phạm tội trong trường hợp ấy cũng giống hệt như hành vi của một con hổ ăn thịt một người Hindu, sau khi để cái xác đó cho lũ hổ con cắn xé cho vui.

Những tội ác của đám đông thường có động lực là một gợi ý mạnh mẽ, và những cá nhân tham dự vào đó bị thuyết phục, sau đó họ đã tuân theo một bổn phận, điều này hoàn toàn không phải trường hợp phạm tội thông thường.

Chuyện kể về những tội ác mà đám đông phạm phải sẽ làm sáng tỏ điều nói trên.

Ta có thể dẫn ra làm ví dụ điển hình, trường hợp giết viên quản ngục Bastille, ông Launay. Sau khi nhà ngục bị chiếm, một đám đông rất kích động vây quanh viên quản ngục, rồi đánh ông ta từ mọi phía. Người ta đề nghị treo cổ ông, chặt đầu ông, hay trói ông sau đuôi một con ngựa. Trong khi vật lộn, do vô ý viên quản ngục đá vào chân một người tham dự. Một ai đó đề nghị rằng người bị đá phải chặt đầu ông quản ngục, và lời gợi ý liền được đám đông hoan nghênh.

"Người này là một đầu bếp không địa vị, một kẻ nửa hiếu kì, đến ngục Bastille để xem chuyện gì đang xảy ra ở đó, anh ta cho rằng vì đó là ý kiến toàn thể nên hành động đó là yêu nước; thậm chí anh ta còn tin sẽ xứng đáng được gắn huân chương khi giết một tên quái vật. Với thanh kiếm người ta cho mượn, anh ta chém xuống cái cổ để trần; nhưng lưỡi kiếm mài không sắc nên chặt không đứt, anh ta liền rút trong túi ra một

con dao nhỏ có cán màu đen (vì với tư cách là đầu bếp nên anh ta biết xẻ thịt) và anh ta đã hoàn thành công việc một cách tốt đẹp".

Ở đây, ta thấy rõ cái cơ chế đã được chỉ ra ở trên. Vâng theo một lời gợi ý, lời gợi ý này càng mạnh mẽ hơn vì nó mang tính tập thể, kẻ giết người tin rằng mình đã làm một hành vi rất xứng đáng và lòng tin ấy càng tự nhiên hơn vì anh ta có sự nhất loạt tán đồng của đồng bào mình. Một hành vi tương tự cũng có thể được coi là phạm tội xét về mặt luật pháp, nhưng lại là không phạm tội xét về mặt tâm lí.

Những tính cách chung của đám đông bị coi là phạm tội chính là những tính cách mà chúng tôi đã nhận thấy ở mọi đám đông: tính dễ bị gợi ý, tính nhẹ dạ, tính hay thay đổi, thổi phồng những tình cảm tốt hay xấu, biểu hiện một số hình thức về đạo đức v.v...

Chúng ta sẽ gặp lại tất cả những tính cách này ở một trong những đám đông đã để lại một kí ức thê thảm trong lịch sử của chúng ta: đó là kí ức về những kẻ tàn sát hồi tháng Chín. Ngoài ra, nó cũng biểu hiện nhiều điểm tương đồng với kí ức về vụ thảm sát Saint-Barthélemy. Tôi mượn những chi tiết trong câu chuyện Taine đã kể, ông đã trích câu chuyện này ra từ hồi kí của thời đó.

Người ta không biết chính xác ai đã ra lệnh hay gợi ý phải dọn sạch những nhà tù bằng cách tàn sát tù nhân. Có lẽ là Danton, vì điều ấy khả thể, cũng có lẽ là người khác, điều ấy chẳng quan trọng gì; điều duy nhất chúng ta quan tâm là sự gợi ý mạnh mẽ mà đám đông có nhiệm vụ tàn sát đã nhận được.

Đám đông những kẻ đi tàn sát gồm khoảng ba trăm người, và cấu thành cái điển hình hoàn hảo của một đám đông không thuần nhất. Ngoài một số rất nhỏ những tên đầu trộm đuôi cướp, đám đông ấy chủ yếu gồm các chủ cửa hàng nhỏ và thợ thủ công thuộc nhiều thành phần nghề nghiệp: thợ giày, thợ khoá, thợ làm tóc giả, thợ nề, người làm công, người môi giới v.v... Dưới ảnh hưởng của việc thu nhận những gợi ý, giống như người đầu bếp kể trên, những người này hoàn toàn tin tưởng rằng họ đang thực hiện một nghĩa vụ ái quốc. Họ phải làm tròn một chức năng kép, vừa làm quan tòa vừa làm đao phủ, nhưng họ không hề tự coi mình là kẻ phạm tội một chút nào.

Thấm nhuần tầm quan trọng của nhiệm vụ, họ bắt đầu bằng việc thành lập một thứ tòa án, và ngay lập tức tinh thần đơn giản quá mức và sự công bằng cũng chẳng kém phần đơn giản của đám đông xuất hiện. Nhìn thấy số lượng bị cáo

quá đông, trước tiên người ta quyết định rằng những quý tộc, thầy tu, sĩ quan, hầu cận nhà vua, nghĩa là tất cả những cá nhân mà chỉ riêng nghề nghiệp thôi cũng là một chứng cứ phạm tội dưới con mắt của một người ái quốc chân chính, sẽ bị tàn sát hàng loạt mà không cần phải có quyết định đặc biệt gì. Còn đối với những người khác, họ sẽ bị xét xử qua nét mặt và thanh danh. Ý thức thô thiển của đám đông như vậy đã được thoả mãn, nó sẽ có thể tiến hành tàn sát một cách hợp pháp, và thả lỏng cho những bản năng hung dữ hoành hành, điều mà tôi đã chỉ ra sự sinh thành ở chỗ khác, đồng thời những tập thể bao giờ cũng có khả năng phát triển bản năng ấy đến mức độ cao. Vả lại, chúng cũng không ngăn cản – mà điều này cũng là quy tắc trong đám đông - sự biểu hiện kèm theo những tình cảm trái ngược nhau, như là một sự nhạy cảm thường cũng cực đoan như tính hung dữ.

"Họ có lòng cảm thông cởi mở và tính nhạy cảm thoảng qua của người công nhân Paris. Ở nhà tù Abbaye, một uỷ viên liên minh, khi biết người ta đã để tù nhân không có nước uống suốt hai mươi sáu giờ, đã nhất quyết muốn giết người trực hành lang chểnh mảng và ông ta đã làm điều ấy dù bản thân các tù nhân không yêu cầu. Khi một người tù được xử trắng án, (do toà án được

ngẫu hứng lập nên), thì lính gác, đao phủ, tất cả mọi người ôm hôn anh ta với niềm hoan hỉ, người ta hoan hô nhiệt liệt", sau đó người ta lại quay trở về giết những người khác hàng loạt. Trong cuộc tàn sát, một sự vui vẻ đáng yêu không ngừng ngự trị. Họ nhảy múa, và hát hò chung quanh những xác chết, sắp đặt những ghế dài "dành cho các quý bà" sung sướng được chứng kiến xử tử những nhà quý tộc. Họ cũng tiếp tục chứng tỏ một sự công bằng đặc biệt. Một đao phủ ở nhà tù Abbaye than phiền rằng các quý bà có chỗ ngồi hơi xa nên nhìn không rõ, và rằng chỉ một vài người đến tham dự có niềm vui thích được đập chết những tên quý tộc, người ta thuận theo ý kiến đúng đắn này, và quyết định sẽ cho các nạn nhân đi chầm chậm giữa hai hàng những kẻ giết người, những kẻ mà chỉ có thể đập nạn nhân bằng sống kiếm, để kéo dài nhục hình. Ở nhà ngục Force, người ta lột trần truồng nạn nhân, hành hạ nhừ nát tù nhân trong vòng nửa giờ; rồi khi mọi người đã nhìn thấy chán chê, người ta mới kết thúc bằng cách mổ bụng họ.

Vả lại những kẻ tàn sát cũng rất thận trọng, và biểu lộ tính đạo đức mà chúng tôi đã nhận thấy có trong đám đông. Họ từ chối việc chiếm đoạt tiền bạc và đồ trang sức của nạn nhân, họ mang những thứ đó nộp lên bàn hội đồng.

Trong mọi hành vi của họ, ta luôn gặp lại những hình thức lập luận thô sơ này, chúng đặc trưng cho tâm hồn đám đông. Vậy nên sau khi đã giết 1.200 hay 1.500 kẻ thù của dân tộc, một vài người nhận xét rằng các nhà tù khác giam những ăn mày già yếu, bọn lang thang, đám tù nhân trẻ, trên thực tế là giam nhốt những miệng ăn vô tích sự; sự gợi ý ấy lập tức được chấp nhận, người ta thấy vì lí do trên tốt nhất là nên loại bỏ đám người này. Vả lại, trong đám này chắc chắn còn có những kẻ thù dân tộc, ví dụ như một quý bà Delarue nào đó, goá phụ của một kẻ đánh thuốc độc: "Bà ta hẳn tức giận vì bị tù; nên có thể bà ta sẽ châm lửa đốt Paris; bà ta hẳn đã nói lên điều ấy, bà ta đã nói điều ấy. Cần một nhát chổi nữa". Sự chứng minh có vẻ hiển nhiên, và tất cả đã bị tàn sát hàng loạt, bao gồm cả khoảng năm mươi đứa trẻ từ mười hai đến mười bảy tuổi, vả lại, chính chúng có thể trở thành kẻ thù của quốc gia, và do đó hiển nhiên là có lợi khi loại bỏ chúng.

Sau một tuần, mọi việc kết thúc, những kẻ tàn sát có thể nghĩ tới chuyện nghỉ ngơi. Trong thâm tâm họ tin rằng họ đã rất xứng đáng với tổ quốc; họ đến đòi chính quyền một phần thưởng; những người hăng hái nhất còn đi tới chỗ yêu cầu được gắn huân chương.

Lịch sử Công xã năm 1871 cũng cho chúng ta nhiều sự kiện tương tự với các sự kiện kể trên. Với ảnh hưởng đang lớn lên của đám đông, và sự đầu hàng liên tiếp của nhiều quyền lực trước đám đông, chúng ta chắc hẳn còn phải chứng kiến vô số những sự kiện cùng loại.

Chương III

HỘI THẨM TÒA ĐẠI HÌNH

Hội thẩm viên tòa đại hình. – Tính cách chung của những ban hội thẩm. - Thống kê cho thấy những quyết định của họ độc lập với thành phần của họ. – Các hội thẩm viên bị gây ấn tượng thế nào. – Tác động yếu ớt của sự suy luận. – Phương pháp thuyết phục của các luật sư nổi tiếng. - Bản tính của những tội ác mà các hội thẩm viên tỏ ra khoan dung hay nghiêm khắc. - Lợi ích của thể chế ban hội thẩm và mối nguy hiểm vô cùng nếu thay thế nó bằng các quan tòa.

Không thể nghiên cứu ở đây tất cả các loại hội thẩm viên, tôi sẽ chỉ xem xét loại quan trọng nhất, đó là những hội thẩm viên của tòa đại hình. Những hội thẩm viên này là một ví dụ tốt nhất về đám đông không thuần nhất hữu danh. Ở đấy, ta lại thấy tính dễ bị gợi ý, sự ưu trội của những tình cảm vô thức, khả năng suy luận yếu kém, ảnh hưởng của những người chủ xướng v.v... Khi nghiên cứu họ, chúng ta sẽ có dịp quan sát những mẫu thú vị về sai lầm mà những

người không am hiểu tâm lí học đám đông có thể mắc phải.

Trước tiên, những ban hội thẩm cung cấp cho ta một bằng chứng về tầm quan trọng ít ỏi mà trình độ tinh thần của các thành viên khác nhau họp thành đám đông xét về những quyết định của họ biểu hiện. Chúng ta đã thấy rằng khi một hội đồng cần đưa ra ý kiến về một vấn đề hoàn toàn mang tính kĩ thuật, thì trí tuệ không sắm một vai trò gì cả; và một cuộc hội họp của các nhà bác học hay các nghệ sĩ, thực ra chỉ là việc họ đã hội họp nhau lại, còn những vấn đề có tính tổng quát, họ không có những nhận định khác một cách rõ rệt so với nhận định của một cuộc hội họp những người thợ nề hay người bán hàng thực phẩm gia vị. Ở các thời kì khác nhau, chính quyền chọn lựa kĩ càng trong đám những người được mời đến để thành lập ban hội thẩm, và người ta tuyển lựa họ trong những tầng lớp sáng suốt: giáo sư, công chức, người có học v.v... Ngày nay, ban hội thẩm được tuyển lựa chủ yếu trong những người buôn bán nhỏ, những ông chủ nhỏ, những người làm công. Thế mà, điều làm cho những người chuyên viết kí sự pháp đình rất ngạc nhiên, đó là dù thành phần của ban hội thẩm ra sao, thì thống kê cũng chứng tỏ rằng những quyết định của họ đều giống hệt như

nhau. Bản thân các quan tòa, tuy rất chống đối với thể chế ban hội thẩm, cũng phải công nhận điều khẳng định này là chính xác. Ông Bérard des Glajeux, cựu chánh án tòa đại hình, trong cuốn *Hồi ức*, đã viết về vấn đề này như sau:

"Ngày nay, trên thực tế, việc lựa chọn ban hội thẩm nằm trong tay những uỷ viên hội đồng thành phố, những người chấp nhận hay loại bỏ, tuỳ theo ý họ, tuỳ theo những mối bận tâm chính trị và bầu cử gắn liền với hoàn cảnh của họ... Đa số người được chọn gồm những người buôn bán ít quan trọng hơn những người ngày xưa được chọn, và những người làm công của một số cơ quan... Mọi ý kiến phụ thuộc vào nghề nghiệp trong vai trò người xét xử, từ những vị có nhiệt tình của tân tín đồ, đến những người có thiện chí nhất đều gặp nhau trong những hoàn cảnh tầm thường nhất, tinh thần của ban hội thẩm không thay đổi: *phán quyết của đoàn hội thẩm luôn giống hệt nhau*".

Từ đoạn văn tôi vừa mới trích dẫn, ta hãy giữ lại những kết luận rất xác đáng, và nên bỏ qua những lí giải kém thuyết phục. Ta không nên quá ngạc nhiên về sự kém thuyết phục này, bởi vì những trạng sư và quan tòa hình như cũng thường không hiểu biết về tâm lí học đám đông, và do đó không hiểu tâm lí các vị hội thẩm. Tôi

tìm thấy chứng cứ về điều này trong sự việc mà tác giả trên đã kể lại, rằng ông Lachaud, trạng sư nổi tiếng nhất của tòa đại hình đã sử dụng triệt để quyền phản đối nếu ban hội thẩm gồm toàn những người thông minh, tài giỏi. Thế mà, kinh nghiệm - chỉ kinh nghiệm thôi - cuối cùng mới làm người ta hiểu sự vô ích của việc phản đối ấy. Chứng cứ là ngày nay viện kiểm sát và các trạng sư, ít ra là ở Paris, đã hoàn toàn từ bỏ quyền phản đối ấy, và như ông des Glajeux đã nhận xét, "những phán quyết không thay đổi, chúng không tốt hơn và cũng không tệ hơn".

Như mọi đám đông, các vị hội thẩm đều bị tình cảm gây ấn tượng rất mạnh, còn sự suy luận gây ấn tượng rất yếu. Một trạng sư viết: "Họ không cưỡng lại nổi khi nhìn thấy một phụ nữ cho con bú, hay thấy một đàn trẻ con côi cút". Ông des Glajeux nói: "Chỉ cần một người phụ nữ dễ thương thôi là đủ để được hưởng lòng khoan dung của ban hội thẩm".

Không thương xót đối với những tội ác có vẻ như có thể gây tổn hại tới mình - vả lại chúng đúng là những tội ác đáng sợ nhất với xã hội – trái lại các vị hội thẩm rất độ lượng với những tội ác được gọi là vì tình. Họ hiếm khi nghiêm khắc đối với tội giết trẻ sơ sinh của những cô gái chửa hoang, và còn ít nghiêm khắc hơn với những cô

gái bị bỏ rơi đã hắt axit vào kẻ quyến rũ; bằng bản năng họ cảm thấy rõ những tội ác này chẳng mấy nguy hiểm đối với xã hội, và trong một đất nước nơi luật pháp không bảo vệ những cô gái bị bỏ rơi, thì tội ác của người phụ nữ báo thù có ích hơn là có hại, nó răn đe những kẻ quyến rũ tương lai*[1].

Những đoàn hội thẩm, như mọi đám đông, đều dễ bị uy tín làm choáng ngợp, ông chánh án des Glajeux đã nhận xét xác đáng rằng, rất dân chủ xét về mặt thành phần, họ lại rất quý phái xét về mặt cảm xúc: "Tên tuổi, dòng dõi, có gia tài lớn, nổi tiếng, có một luật sư nổi tiếng giúp đỡ, những thứ nổi bật, những đồ vật sáng nhoáng,

---

*[1] Chúng ta nhận xét sơ qua rằng sự phân biệt giữa những tội ác nguy hiểm và những tội ác không nguy hiểm đối với xã hội được các vị hội thẩm làm rất tốt theo bản năng, không phải hoàn toàn không đúng. Mục đích của luật hình sự rõ ràng phải để bảo vệ xã hội chống lại bọn tội phạm nguy hiểm, chứ không để báo thù. Thế mà, những bộ luật của ta [nước Pháp], nhất là tư tưởng của những quan toà của chúng ta, còn thấm đẫm tinh thần trả thù của luật lệ nguyên thuỷ cổ xưa, và thuật ngữ trừng phạt tội ác (vindicte, có gốc Latin vindicta: trả thù) vẫn là từ thường dùng hàng ngày. Ta có chứng cứ về khuynh hướng này của các vị quan toà, trong việc nhiều người trong số họ từ chối áp dụng đạo luật tiến bộ Bérenger, cho phép bị cáo chỉ chịu nhận hình phạt nếu anh ta tái phạm. Vậy mà chẳng quan toà nào là không biết rằng theo thống kê, áp dụng hình phạt lần đầu tiên hầu như chắc chắn sẽ tạo ra sự tái phạm. Khi quan toà thả một tội phạm, họ luôn có cảm tưởng như xã hội không được trả thù. Thay vì trả thù cho xã hội, họ ưa thích hơn khi tạo ra một kẻ tái phạm nguy hiểm.

hợp thành cái phụ trợ rất đáng kể trong tay các bị cáo". Tác động lên tình cảm của những vị hội thẩm, và như với mọi đám đông, lập luận rất ít thôi, hoặc chỉ dùng những hình thức suy luận thô sơ, hẳn là sự quan tâm của mọi trạng sư giỏi. Một trạng sư Anh nổi tiếng nhờ thành công ở toà đại hình đã chỉ rõ phương cách tác động:

"Trong khi biện hộ, anh ta quan sát chăm chú ban hội thẩm. Đó là thời điểm thuận lợi. Với sự nhạy bén và thói quen, trạng sư đọc được trên những gương mặt hiệu quả của mỗi câu nói, của mỗi từ ngữ, và từ đó rút ra những kết luận của mình. Trước tiên cần phải phân biệt những thành viên đã đứng về phía vụ kiện từ trước. Người biện hộ hoàn thành trong nháy mắt việc kiểm soát họ, sau đó, anh ta chuyển sang những thành viên có vẻ như bực dọc, và anh ta cố gắng đoán xem tại sao họ lại chống lại bị cáo. Đó là phần tế nhị của công việc, vì có thể có muôn vàn lí do để muốn kết tội một con người, bên ngoài ý thức về công lí".

Vài dòng trên tóm tắt rất đầy đủ mục đích của nghệ thuật hùng biện, và cũng chỉ cho ta thấy tại sao bài diễn văn được soạn thảo sẵn từ trước lại không có ích, bởi vì mỗi lúc cần biến đổi những từ ngữ được sử dụng tuỳ theo ấn tượng được tạo ra.

Diễn giả không cần làm lay chuyển tất cả các thành viên của một ban hội thẩm, mà chỉ những

người đứng đầu sẽ quyết định ý kiến chung. Giống như trong mọi đám đông, bao giờ cũng có một số ít cá nhân dẫn dắt những người khác. Vị trạng sư nói trên bảo rằng: "Tôi đã có kinh nghiệm là, vào lúc ra phán quyết, chỉ cần có một hay hai người cương nghị là đủ để lôi kéo những người còn lại trong đoàn hội thẩm". Chính hai hay ba người này cần được thuyết phục bằng những gợi ý khéo léo. Thoạt tiên và trước hết là phải làm họ vui lòng. Con người trong đám đông mà ta đã làm vui lòng là người đã gần như bị thuyết phục và hoàn toàn sẵn lòng để thấy những lí do nào đó mà ta đưa ra với ông ta là tuyệt vời. Tôi tìm thấy giai thoại sau đây trong một công trình thú vị nói về ông Lachaud:

"Người ta biết rằng trong suốt quãng thời gian những cuộc biện hộ khi bày tỏ ý kiến với tòa đại hình, ông Lachaud không rời mắt khỏi hai hay ba hội thẩm viên mà ông biết hay cảm thấy có ảnh hưởng nhưng tính nết cau có. Thông thường, ông đạt được việc hạn chế những con người ương ngạnh này. Tuy nhiên, có một lần, ở tỉnh lẻ, ông thấy một người như vậy, mà ông đã uổng công đưa ra sự biện hộ bền bỉ nhất suốt bốn lăm phút, đó là người ngồi đầu tiên ở hàng ghế thứ hai, hội thẩm viên thứ bảy. Thật là tuyệt vọng! Đột nhiên, giữa chừng một đoạn chứng minh say sưa, Lachaud ngừng lại và nói với ông chánh án tòa

đại hình: "Thưa ngài chánh án, mong ngài có thể cho kéo tấm màn che, chỗ kia, phía trước mặt. Ông hội thẩm thứ bảy bị mặt trời làm chói mắt". Ông hội thẩm thứ bảy đỏ mặt, mỉm cười, cảm ơn. Ông đã thắng trong vụ bào chữa đó".

Nhiều nhà văn, trong đó có nhiều người rất lỗi lạc, trong thời gian qua đã đấu tranh mạnh mẽ với thể chế ban hội thẩm, tuy nhiên đó là thể chế bảo vệ duy nhất mà chúng ta có được để chống lại những sai lầm thực sự rất hay xảy ra của một đẳng cấp không bị kiểm soát*[1]. Những người này

---

*[1] Thực vậy, tổ chức toà án là thể chế hành chính duy nhất mà hành vi của nó không chịu sự kiểm soát nào cả. Mặc cho mọi cuộc cách mạng, nước Pháp dân chủ vẫn không có luật Habeas corpus (luật định quyền giam giữ hạn chế trong 24 tiếng - ND) mà nước Anh rất tự hào. Chúng ta đã trừ bỏ mọi bạo chúa, nhưng trong mỗi thành phố chúng ta lại đặt một quan toà tuỳ ý nắm trong tay danh dự và tự do của các công dân. Một cán bộ điều tra tầm thường, vừa mới tốt nghiệp trường luật, đã có cái quyền đáng phẫn nộ là tuỳ ý tống giam những công dân đáng kính nhất, dựa trên một quyết định đơn giản là người ấy có tội, và anh ta không có nhiệm vụ phải biện hộ điều này với ai. Anh ta có thể giam họ sáu tháng, hay thậm chí một năm với lí do để điều tra, và sau đó thả họ ra mà không có bổn phận bồi thường, cũng không xin lỗi. Lệnh áp giải hoàn toàn tương đương với lệnh tống giam, chỉ có sự khác biệt đó là cái sau - thật đáng phê phán vì nó thuộc về thời quân chủ xưa cũ, - vốn chỉ nằm trong tay các nhân vật quan trọng; trong khi ngày nay nó nằm trong tay của cả một tầng lớp công dân còn lâu mới được coi là sáng suốt nhất và độc lập nhất.

thì muốn ban hội thẩm chỉ được tuyển lựa trong những giai tầng sáng suốt; nhưng chúng tôi đã chứng minh rằng, ngay cả trong trường hợp ấy, những quyết định cũng giống hệt như những quyết định hôm nay đang công bố. Những người khác thì căn cứ vào các sai lầm mà các hội thẩm viên mắc phải, lại muốn huỷ bỏ ban hội thẩm và thay thế bằng thẩm phán. Nhưng làm sao họ lại có thể quên rằng những sai lầm đã bị phê phán rất nhiều đối với ban hội thẩm ấy, thường chính các quan tòa mắc phải trước tiên; bởi vì khi bị cáo ra trước ban hội thẩm thì anh ta đã bị nhiều quan tòa coi như có tội rồi: ông quan tòa điều tra, ông chưởng lí của nước Cộng hoà, rồi phòng công tố. Và khi ấy, người ta không nhận thấy rằng nếu bị cáo đã bị các quan tòa phán xử một cách dứt khoát rồi, thay vì phải được các vị hội thẩm xét xử, thì có nghĩa hắn sẽ mất cái cơ may duy nhất là được công nhận vô tội. Trước tiên, những sai lầm của các vị hội thẩm đã luôn là sai lầm của các quan tòa. Vậy duy nhất chỉ có các quan tòa mới là người phải bị quy trách nhiệm, khi ta thấy những sai lầm pháp lí đặc biệt quái gở; ví dụ như vụ kết án ông bác sĩ X, ông này đã bị một cán bộ điều tra quá thiển cận của tòa án truy tố, dựa trên lời tố cáo của một cô gái ngớ ngẩn kết tội ông bác sĩ đã cho cô phá thai với 30 franc; chắc chắn ông đã bị đưa đến nhà tù khổ sai nếu sự bất bình của công

luận không bùng nổ, khiến người đứng đầu Nhà nước lập tức phải ra lệnh ân xá thả ông. Thanh danh của bị cáo đã được tất cả đồng bào của ông tôn xưng, làm rõ tính thô bạo của sai lầm. Bản thân các quan tòa phải công nhận điều đó; tuy nhiên do tinh thần đẳng cấp, họ làm đủ mọi cách có thể để ngăn không cho lệnh ân xá được kí. Trong mọi sự việc tương tự, bị bao quanh bằng những chi tiết kĩ thuật mà ban hội thẩm không thể hiểu nổi, dĩ nhiên họ nghe theo viện kiểm sát, họ tự nhủ rằng dù sao vụ kiện cũng đã được nghiên cứu kĩ bởi các quan tòa thành thạo mọi tình tiết. Lúc đó, hỏi ai là tác giả đích thực của sai lầm: các vị hội thẩm hay các quan tòa? Chúng ta hãy "giữ gìn cẩn thận" ban hội thẩm. Có lẽ đó là loại đám đông duy nhất mà không một cá nhân nào sẽ có thể thay thế. Chỉ riêng ban hội thẩm mới có thể làm dịu bớt những khắc nghiệt của thứ luật pháp cào bằng tất cả, trên nguyên tắc phải mù quáng và không biết tới những trường hợp cá biệt. Không biết đến tình thương, mà chỉ biết đến văn bản pháp luật; quan tòa với sự cứng rắn nghề nghiệp sẽ trừng phạt bằng cùng một hình phạt bọn trộm cắp giết người và cô gái nghèo bị kẻ quyến rũ bỏ rơi mà sự khốn khổ đã dẫn cô tới phạm tội giết trẻ sơ sinh; trong khi ban hội thẩm bằng bản năng cảm nhận rất rõ rằng cô gái bị quyến rũ ít tội lỗi hơn nhiều so với kẻ

quyến rũ, tuy gã này thoát khỏi lưới pháp luật, và cô gái xứng đáng được hưởng tất cả sự khoan dung của nó.

Biết rất rõ tâm lí của đẳng cấp là gì, và cũng biết tâm lí của các loại đám đông khác là gì, tôi chẳng thấy có trường hợp nào, nếu bị kết án sai về một tội ác, lại không thích được giải quyết với các vị hội thẩm hơn là với các quan tòa. Tôi có nhiều cơ may được công nhận là vô tội với các vị thứ nhất, và rất ít cơ may với các vị sau. Ta hãy sợ hãi sức mạnh của đám đông, nhưng hãy sợ hãi nhiều hơn nữa sức mạnh của một số đẳng cấp. Loại thứ nhất còn có thể để cho ta thuyết phục, còn loại thứ hai chẳng bao giờ xiêu lòng cả.

Chương IV

ĐÁM ĐÔNG BẦU CỬ

Tính cách chung của đám đông bầu cử. - Người ta thuyết phục đám đông bầu cử ra sao. – Những phẩm chất mà ứng cử viên phải có. - Sự cần thiết của uy tín. Tại sao công nhân và nông dân rất hiếm khi chọn lựa những ứng cử viên trong giai cấp mình. - Sức mạnh của từ ngữ và công thức đối với cử tri. – Phương diện chung của những cuộc thảo luận bầu cử. – Ý kiến của cử tri được hình thành ra sao. - Sức mạnh của các uỷ ban. – Chúng là hình thức đáng sợ nhất của sự chuyên chế. - Những uỷ ban của Cách mạng. - Mặc dù giá trị tâm lí học rất kém, phổ thông đầu phiếu vẫn không thể thay thế được. - Tại sao những cuộc bỏ phiếu đều giống nhau, thậm chí cả khi người ta thu hẹp quyền bỏ phiếu chỉ cho một tầng lớp công dân hạn chế. - Ở tất cả các quốc gia, phổ thông đầu phiếu diễn giải điều gì.

Đám đông bầu cử, nghĩa là tập thể được gọi đến để bầu ra những người có quyền đảm nhiệm một số chức vụ, cấu thành những đám đông không thuần nhất; nhưng vì chúng chỉ thu hẹp

trong một điểm rất xác định: lựa chọn giữa những ứng cử viên khác nhau, nên người ta chỉ có thể nhận thấy ở những đám đông này một vài tính cách trong những tính cách đã mô tả ở phần trên.

Những tính cách tiêu biểu của đám đông mà đám đông bầu cử thể hiện chủ yếu là khả năng yếu kém trong lập luận, thiếu óc phê phán, tính nhẹ dạ, thói dễ bị kích động và tính giản đơn. Người ta cũng phát hiện ra trong các quyết định của họ ảnh hưởng của những lãnh tụ và vai trò của các nhân tố đã kể trước đây: sự khẳng định, sự lặp đi lặp lại, uy tín và sự lây nhiễm.

Ta hãy nghiên cứu xem người ta lôi cuốn những đám đông bầu cử như thế nào. Từ những phương cách thành công nhất, tâm lí của họ sẽ được suy ra rõ ràng.

Đối với ứng cử viên, điều kiện đầu tiên phải có là uy tín. Uy tín cá nhân chỉ có thể được thay thế bằng uy tín của sự giàu có. Tài năng, thậm chí thiên tài cũng không phải là những yếu tố dẫn đến thành công.

Sự cần thiết phải có uy tín đối với ứng cử viên, nghĩa là có thể áp đặt không cần tranh cãi, là chủ yếu. Nếu những cử tri, mà đa số gồm công nhân và nông dân, hiếm khi chọn một người trong họ để đại diện cho mình, thì đó là vì những cá nhân

xuất thân từ hàng ngũ công nông, đối với họ chẳng có uy tín chút nào. Khi ngẫu nhiên họ đề bạt người trong hàng ngũ của mình, thì thường chỉ vì những lí do phụ, ví dụ để ngăn trở một con người nổi bật, một ông chủ quyền thế mà hàng ngày cử tri phải phụ thuộc, và làm như vậy người cử tri có ảo tưởng được trở thành ông chủ trong chốc lát.

Nhưng việc có được uy tín vẫn không đủ để đảm bảo cho ứng cử viên thành công. Cử tri thiết tha với việc người ta mơn trớn những thèm khát và tính kiêu căng của mình; cần phải dồn dập nói với anh ta những lời phỉnh nịnh quá đáng nhất, đừng ngần ngại cho anh ta những lời hứa hẹn hư ảo nhất. Nếu anh ta là công nhân, ta có thể lăng nhục và bêu xấu người chủ của anh ta. Còn về phần ứng cử viên đối địch, ta phải cố gắng đánh bại ông ta bằng cách chứng minh thông qua sự khẳng định, lặp đi lặp lại và lây nhiễm, rằng ông ta là kẻ vô lại bậc nhất, rằng chẳng ai không biết ông ta đã phạm nhiều tội ác. Dĩ nhiên, chẳng cần tìm một chút gì gọi là chứng cứ. Nếu đối phương kém hiểu biết về tâm lí học đám đông, ông ta sẽ tìm cách tự biện hộ bằng những cứ liệu, mà lẽ ra ông ta chỉ cần đáp lại những khẳng định bằng những khẳng định khác, và từ bấy giờ ông ta sẽ không có một cơ may nào để giành chiến thắng.

Chương trình được soạn thảo sẵn của ứng cử viên không nên quá rõ ràng, bởi vì sau này đối phương của ông ta sẽ có thể phản đối lại; nhưng chương trình nói vo thì cứ việc nói quá lên. Những cải cách đáng kể nhất có thể được hứa hẹn mà không phải e sợ. Lúc đương cuộc, những lời phóng đại ấy gây được nhiều hiệu quả, còn đối với tương lai những lời ấy chẳng cam kết cái gì. Thực tế, người ta luôn nhận thấy rằng cử tri không bao giờ bận tâm để biết xem người trúng cử thực hiện được bao nhiêu chương trình tranh cử dù nhờ đó mà ứng cử viên đã được hoan nghênh và là lí do để ông ta đắc cử.

Ở đây ta nhận ra mọi nhân tố thuyết phục mà chúng tôi đã mô tả. Ta sẽ còn gặp lại chúng trong tác động của *từ ngữ* và *công thức* mà chúng tôi đã chỉ ra những ảnh hưởng mạnh mẽ của chúng. Diễn giả biết sử dụng chúng để tuỳ thích dẫn dắt đám đông đến nơi mà ông ta muốn. Những cụm từ như: *tư bản bỉ ổi, những kẻ bóc lột đê tiện, người công nhân đáng khâm phục, xã hội hoá sự giàu có* v.v... bao giờ cũng gây ra cùng một hiệu quả, mặc dù đã mòn cũ. Nhưng ứng cử viên tìm được một công thức mới, không có một nghĩa chính xác, và do đó có thể đáp ứng nhiều khát vọng khác nhau nhất, sẽ thu được thành công chắc chắn. Cuộc cách mạnh Tây Ban Nha đẫm máu năm 1873 đã được

tiến hành với một trong những từ ngữ thần kì đó, với ý nghĩa phức hợp, khiến mỗi người có thể giải thích theo cách của riêng mình. Một nhà văn đương thời đã kể lại sự sinh thành ra nó bằng những lời lẽ đáng được thuật lại:

"Những đảng viên cấp tiến phát hiện rằng nền cộng hoà thống nhất là một chế độ quân chủ trá hình; và để làm vui lòng họ, Nghị viện Tây Ban Nha đồng thanh công nhận nền cộng hoà liên bang (république fédérale), mặc dù không một cử tri nào có thể giải thích được họ vừa bỏ phiếu cho cái gì. Nhưng cái công thức đó bỏ bùa tất cả mọi người, đó là một cơn say, một cơn thác loạn. Trên trái đất, người ta vừa khai mở một triều đại của đức hạnh và hạnh phúc. Một người cộng hoà bị kẻ thù từ chối không cho cái danh hiệu liên bang, sẽ tức giận vì điều đó giống như một lời chửi rủa chết người. Trên đường phố, người ta bắt chuyện với nhau bằng cách nói: *Salud y republica federal!* (chào cộng hoà liên bang), sau đó người ta hát bài tụng ca về sự vô kỉ luật thần thánh và về chế độ tự trị của binh lính. *Nền cộng hoà liên bang* là cái gì? Người này hiểu đó là sự giải phóng cho các tỉnh, những thể chế giống như thể chế của Hoa Kì hay là sự phi tập trung hoá hành chính; người khác lại nghĩ tới sự thủ tiêu mọi quyền hành, tới việc mở ra sự giải thể xã hội rộng lớn. Những

người xã hội chủ nghĩa ở Barcelone[1] và ở Andalousie[2] lại rao giảng quyền tối cao tuyệt đối của các công xã, họ muốn đem lại cho Tây Ban Nha mười nghìn đô thị tự trị độc lập, chỉ chấp nhận luật pháp của chính bản thân họ, bằng cách cùng lúc thủ tiêu quân đội và cảnh sát. Trong những tỉnh miền Nam, người ta nhanh chóng thấy sự nổi dậy lan truyền từ thành phố này qua thành phố khác, từ làng này sang làng khác. Khi một công xã công bố thành lập, mối bận tâm trước tiên của họ là phá huỷ điện tín và phá huỷ đường xe lửa để cắt đứt mọi sự liên lạc với những vùng lân cận và với [thủ đô] Madrid. Không một làng mạc tồi tàn nào lại không muốn "ra ở riêng". Chế độ liên bang bị thay thế bằng chủ nghĩa phân quyền địa phương tàn nhẫn, đốt nhà, giết người, và ở khắp nơi những hội hè trác táng đẫm máu được cử hành".

Còn về ảnh hưởng mà những suy luận có thể tác động lên tâm trí cử tri, chỉ có không đọc những bản báo cáo về các cuộc mít tinh tranh cử thì mới giữ lại được chút ảo tưởng về vấn đề này. Trong đó, người ta trao đổi những lời khẳng

---

[1] Barcelone: hải cảng và trung tâm công nghiệp của Tây Ban Nha nằm ven bờ Địa Trung Hải, thuộc vùng Catalogne.

[2] Andalousie: vùng đất ở Nam Tây Ban Nha, ven Địa Trung Hải, gần eo biển Gibraltar và Đại Tây Dương.

định, những lời thoá mạ, đôi khi những cú đấm thẳng tay, chứ chẳng bao giờ dùng lí lẽ. Nếu sự yên tĩnh được thiết lập trong chốc lát, đó là vì có một người tham dự khó tính nói rằng ông ta muốn đặt ra cho ứng cử viên một câu hỏi khó xử, câu hỏi đó luôn làm cử toạ thích thú. Nhưng sự thoả mãn của những người đối lập chẳng kéo dài được lâu, vì tiếng nói của kẻ thắc mắc sẽ nhanh chóng bị tiếng gào thét của những kẻ đối lập át giọng. Người ta có thể xem bản báo cáo sau đây, được rút ra từ nhiều báo cáo tương tự khác, như điển hình về những cuộc họp công cộng; tôi mượn nó từ những tờ nhật báo.

"Một nhà tổ chức đề nghị những người tham dự cử ra một chủ tịch, bão tố bùng lên dữ dội. Những người vô chính phủ nhảy lên diễn đàn để chiếm bàn chủ toạ. Những người xã hội chủ nghĩa chống cự kịch liệt; người ta nện nhau, bên này tố cáo bên kia là mật thám, là kẻ bán mình cho chính phủ v.v... Một công dân rời hội trường với một mắt sưng vù".

"Cuối cùng, bàn chủ toạ cũng được đặt tàm tạm giữa sự huyên náo, và diễn đàn rơi vào tay chiến hữu X.

Diễn giả kịch liệt chống lại những người xã hội chủ nghĩa, những người này ngắt lời diễn giả bằng cách hét to: "Đồ đần độn! đồ kẻ cướp! đồ vô

lại!" v.v..., chiến hữu X. đáp lại những tính ngữ này bằng cách trình bày một lí thuyết cho rằng những người xã hội chủ nghĩa là "bọn ngu ngốc" hay là "lũ hề"".

"... Đảng Allemanis[1], tối hôm qua, đã tổ chức ở phòng Thương mại, phố Faubourg-du-Temple, một cuộc họp lớn chuẩn bị cho ngày hội Lao động mồng một tháng Năm. Khẩu hiệu là: "Bình tĩnh và yên lặng".

"Chiến hữu G. coi những người xã hội chủ nghĩa là "lũ đần độn" và "lũ lăng nhăng".

Vì những lời này, diễn giả và thính giả thoá mạ lẫn nhau đến mức thượng cẳng chân hạ cẳng tay, ghế tựa, ghế dài, cả bàn đều vào cuộc, v.v... và v.v..."

Ta đừng vội tưởng rằng loại tranh cãi như thế là đặc thù của một giai tầng cử tri nhất định, và phụ thuộc hoàn cảnh xã hội của họ. Trong tất cả các cuộc hội họp vô danh, bất kể mang tính chất gì, dù nó chỉ gồm những người có học, thì cuộc thảo luận cũng dễ dàng mang hình thức như vậy. Tôi đã chỉ ra rằng những con người trong đám đông thường hướng tới sự ngang bằng nhau về mặt tinh thần, và mỗi lúc chúng ta lại gặp những bằng chứng về điều đó. Đây, chẳng hạn, đoạn

[1] Một phái nhỏ của Đảng Xã hội Pháp thời bấy giờ.

trích về một cuộc họp chỉ gồm toàn sinh viên, mà tôi trích từ một tờ báo:

"Càng về khuya sự ồn ào càng tăng lên; tôi không tin rằng một diễn giả nào có thể nói đến hai câu mà không bị ngắt lời. Mỗi lúc, tiếng la hét lại nổi lên từ chỗ này hay chỗ khác, hay cùng một lúc nổi lên từ mọi phía; người ta vỗ tay hoan hô, người ta huýt sáo; những cuộc tranh cãi kịch liệt xảy ra giữa các thính giả khác nhau, những chiếc gậy khua lên đe doạ, người ta gõ xuống sàn theo nhịp; tiếng la ó truy kích những kẻ ngắt lời: "Cút đi! Cút khỏi diễn đàn đi!"

M-C... ban phát hào phóng cho hiệp hội những tính ngữ như bỉ ổi và hèn nhát, quái thai, đê hèn, mua chuộc hay trả thù, và tuyên bố anh ta muốn huỷ bỏ hiệp hội, v.v... và v.v..."

Người ta sẽ có thể tự hỏi, trong những điều kiện như vậy, làm sao ý kiến của cử tri có thể hình thành được. Nhưng đặt ra một câu hỏi như thế sẽ là tự tạo ra cho mình một ảo tưởng kì quặc về mức độ tự do mà một tập thể có thể được hưởng. Đám đông có những ý kiến bị áp đặt, chứ không bao giờ có những ý kiến được suy luận. Trong trường hợp chúng ta quan tâm, ý kiến và phiếu bầu của cử tri đều nằm trong tay những hội đồng bầu cử mà những người đứng đầu thường là mấy bác bán hàng rượu

vang rất có ảnh hưởng đối với công nhân và được họ tin cậy.

Ông Schérer, một trong những người cam đảm nhất bảo vệ nền dân chủ hiện thời đã viết: "Bạn có biết một uỷ ban bầu cử là cái gì không? Đó hoàn toàn đơn giản là chìa khoá cho những thiết chế của chúng ta, bộ phận chủ chốt của cỗ máy chính trị. Ngày hôm nay nước Pháp đang được những uỷ ban*[1] cai trị." Vậy nên chẳng phải là quá khó để tác động lên chúng miễn là ứng cử viên có thể chấp nhận được và có đủ tiền bạc. Theo sự thú nhận của các nhà tài trợ, ba triệu cũng đủ để bảo đảm sự tái đắc cử nhiều lần của tướng Boulanger.

---

*[1] Những uỷ ban dù chúng mang tên gì: câu lạc bộ, công đoàn, v.v... đều có thể tạo ra mối nguy đáng sợ của sức mạnh đám đông. Thực vậy, chúng biểu thị hình thức vô nhân xưng nhất, và do đó sự chuyên chế có tính áp bức nhất. Lãnh đạo các uỷ ban coi như nói và hành động nhân danh một tập thể, rũ được mọi trách nhiệm và có thể tự cho phép làm bất cứ điều gì. Bạo chúa hung tợn nhất cũng không bao giờ dám mơ đến những lệnh lưu đày của các uỷ ban cách mạng. Barras nói rằng các uỷ ban đã phá hoại Hội nghị Quốc ước, thải người vô tội vạ. Robespierre là ông chủ tuyệt đối chừng nào ông ta có thể nói nhân danh họ. Cái ngày nhà độc tài đáng sợ này tách ra khỏi họ vì tự ái, ông ta đã thất bại. Triều đại của đám đông là triều đại của những uỷ ban, nghĩa là của những lãnh tụ. Người ta không thể tưởng tượng được chủ nghĩa chuyên chế nào khắc nghiệt hơn thế.

Đó là tâm lí những đám đông bầu cử. Nó giống như tâm lí những đám đông khác. Không tốt hơn cũng chẳng tệ hơn.

Như vậy, từ những điều nói trên, tôi chẳng rút ra kết luận nào chống lại sự phổ thông đầu phiếu. Nếu tôi phải quyết định số phận của nó, thì tôi sẽ bảo tồn nó như nó vốn thế, vì những lí do thực tiễn, sinh ra chính từ nghiên cứu về tâm lí học đám đông của chúng tôi, và vì lí do mà tôi sắp trình bày.

Chắc chắn không ai không thấy những bất cập quá rõ của phổ thông đầu phiếu. Ta không thể chối cãi rằng các nền văn minh là công trình của thiểu số những con người cao siêu đã tạo nên đỉnh của hình tháp mà các tầng dưới cứ càng được mở rộng ra thì giá trị tinh thần càng giảm đi, họ là đại diện cho lớp bề sâu của một dân tộc. Chắc hẳn không phải sự vĩ đại của một nền văn minh có thể phụ thuộc vào việc bỏ phiếu của các phần tử bên dưới, chỉ đại diện đơn thuần cho số lượng. Và chắc chắn hơn nữa, sự phổ thông đầu phiếu của đám đông thông thường rất nguy hiểm. Những cuộc bỏ phiếu ấy đã làm chúng ta phải trả giá bằng nhiều cuộc xâm lược; và với sự chiến thắng của chủ nghĩa xã hội, những cuồng tưởng về quyền tối thượng bình dân chắc chắn còn bắt chúng ta phải trả giá đắt hơn nữa.

Nhưng những lí lẽ bác bỏ tuyệt vời xét về lí thuyết này, lại mất hoàn toàn sức mạnh về mặt thực tiễn, nếu ta nhớ lại cái sức mạnh vô địch khi những tư tưởng biến thành tín điều. Tín điều về quyền tối thượng của đám đông, xét về mặt triết học, cũng chẳng vững chắc gì hơn những tín điều tôn giáo thời Trung cổ, nhưng ngày nay nó đang có một sức mạnh tuyệt đối. Vậy nên cũng không thể công kích nổi nó, giống như những tư tưởng tôn giáo của chúng ta xưa kia. Hãy giả định một nhà tư tưởng tự do hiện đại, nhờ quyền năng ma thuật, được đưa về giữa thời Trung cổ. Bạn có tin rằng sau khi đã nhận thấy sức mạnh tối cao của những tư tưởng tôn giáo đang thống trị lúc đó, liệu anh ta có mưu toan chống lại chúng không? Khi rơi vào tay một pháp quan muốn thiêu sống anh ta vì tội đã kí giao kèo với quỷ, hay đã có mặt trong dạ hội phù thuỷ, thì liệu anh ta có nghĩ tới việc tranh cãi về sự tồn tại của quỷ và cuộc dạ hội phù thuỷ hay không? Người ta không tranh cãi với những niềm tin của đám đông cũng như chẳng ai đi tranh cãi với những cơn bão xoáy. Tín điều về phổ thông đầu phiếu ngày nay có quyền năng như những tín điều Ki Tô giáo ngày xưa. Những diễn giả và nhà văn nói về nó với sự kính cẩn và ca tụng mà vua Louis XVI[1] đã chưa từng

[1] Louis XVI (1638 - 1715): vua Pháp từ 1643 đến 1715, được tôn xưng là vua Mặt trời nhờ chính sách cai trị mang lại sự phồn thịnh cho nước Pháp.

biết tới. Vậy cần phải đối xử với nó ngang hàng như đối xử với mọi tín điều tôn giáo. Chỉ có thời gian mới tác động nổi lên các tín điều mà thôi.

Vả lại cũng thật là vô ích khi thử làm lay chuyển tín điều này chừng nào còn có những lí do hiển nhiên ủng hộ nó. Tocqueville nói rất đúng: "Trong thời đại bình đẳng, con người chẳng tin nhau chút nào, bởi vì họ giống nhau; nhưng chính sự đồng dạng ấy đem lại cho họ niềm tin hầu như vô hạn vào sự xét đoán của công chúng; bởi vì họ nghĩ rằng ai cũng đều có đầu óc sáng suốt thì chẳng có lí gì chân lí lại không thuộc về đa số".

Bây giờ giả định rằng với sự bỏ phiếu hạn chế - hạn chế về năng lực chẳng hạn – thì liệu người ta có cải thiện được việc bầu cử của đám đông không? Tôi tuyệt nhiên không thể chấp nhận điều này vì chính những lí do mà tôi đã nói về sự thấp kém tinh thần của tất cả những tập thể, dù thành phần của chúng có thể ra sao. Trong đám đông, con người luôn luôn bình đẳng với nhau, và đối với những vấn đề chung, sự bỏ phiếu của bốn mươi viện sĩ hàn lâm cũng không tốt hơn sự bỏ phiếu của bốn mươi phu gánh nước. Tôi tuyệt nhiên không tin rằng bất cứ một cuộc bầu cử nào bị phê phán nhiều đến như phổ thông đầu phiếu, bầu cử về việc phục hồi Đế chế chẳng hạn, lại

khác đi nếu những người bỏ phiếu được tuyển chọn chuyên biệt gồm toàn các nhà bác học và người có học. Không phải vì một cá nhân biết tiếng Hy Lạp hay toán học; là kiến trúc sư, là bác sĩ thú y, thầy thuốc hay luật sư, mà ông ta có được sự sáng suốt đặc biệt trước những vấn đề xã hội. Tất cả những nhà kinh tế của chúng ta đều là người có học vấn, phần đông là giáo sư và viện sĩ. Liệu có một vấn đề chung nào: chủ nghĩa bảo hộ, chế độ tiền tệ song bản vị v.v..., mà họ có thể họp lại để đi đến nhất trí với nhau không? Chính vì môn khoa học của họ chỉ là một hình thức rất giảm nhẹ của sự dốt nát phổ quát. Trước những vấn đề xã hội, nơi bao gồm vô vàn ẩn số, thì tất cả những dốt nát đều ngang nhau.

Vậy nếu chỉ riêng những con người bị nhồi nhét đầy khoa học họp thành tập hợp cử tri, thì việc bầu bán của họ cũng sẽ chẳng tốt hơn so với việc bầu bán hiện nay. Họ sẽ chủ yếu bị dẫn dắt theo tình cảm của mình và theo tinh thần đảng phái của họ. Chúng ta sẽ chẳng bớt đi chút khó khăn hiện thời nào, mà hơn nữa chắc chắn chúng ta sẽ có sự chuyên chế nặng nề của những đẳng cấp.

Bầu hạn chế hay phổ thông, tiến hành ở một đất nước cộng hoà hay một đất nước quân chủ, diễn ra ở Pháp, Bỉ, Hy Lạp, Bồ Đào Nha hay Tây

Ban Nha, thì việc bầu cử của đám đông đều giống nhau, và điều mà nó luôn thể hiện, đó là những khát vọng và những nhu cầu vô thức của chủng tộc. Bình quân những người trúng cử đối với mỗi đất nước đại diện cho tâm hồn trung bình của chủng tộc. Từ thế hệ này sang thế hệ khác ta lại thấy nó gần như đồng nhất.

Và chính vì vậy một lần nữa chúng ta lại rơi vào khái niệm cơ bản về chủng tộc rất thường hay gặp này, và vào một khái niệm khác, được sinh ra từ khái niệm thứ nhất; đó là những thể chế và những chính phủ chỉ đóng một vai trò ít có ý nghĩa trong đời sống của những dân tộc. Những thể chế và chính phủ ấy chủ yếu được dẫn dắt nhờ tâm hồn chủng tộc, nghĩa là nhờ những cặn bã xa xưa mà tâm hồn ấy là tổng số. Chủng tộc là bộ máy chằng chịt của những điều cần thiết hàng ngày, đó là những ông chủ bí ẩn chỉ đạo số phận của chúng ta.

Chương V

NGHỊ VIỆN

Đám đông nghị viện phần lớn có những tính cách chung với đám đông không thuần nhất hữu danh. – Sự đơn giản hoá quá mức những ý kiến. – Tính dễ bị gợi ý và giới hạn của nó. – Ý kiến kiên định, không khoan nhượng và ý kiến lưu động. - Tại sao sự do dự lại chiếm ưu thế. – Vai trò của những người đứng đầu. - Nguyên do uy tín của họ. - Họ là chủ nhân đích thực của một nghị viện mà những cuộc bầu cử cũng chỉ là cuộc bầu cử của thiểu số. - Sức mạnh tuyệt đối mà họ sử dụng. - Những yếu tố trong nghệ thuật hùng biện của họ. – Ngôn từ và hình ảnh. - Sự tất yếu tâm lý khiến những người cầm đầu thiển cận lại chinh phục được rộng rãi. - Diễn giả không uy tín không thể làm cho người ta chấp nhận lí lẽ của mình. - Sự thổi phồng những tình cảm tốt hay xấu trong các nghị viện. - Ở một số thời điểm, nghị viện đã đi tới chỗ hành động hoàn toàn ngoài ý muốn. – Các buổi họp của Hội nghị Quốc ước. – Trường hợp nghị viện mất đi những tính cách của đám đông. - Ảnh hưởng của các chuyên gia trong các vấn đề kĩ thuật. – Cái lợi và mối hiểm nguy của chế độ nghị viện ở mọi đất nước. -

Nó đáp ứng những yêu cầu mới; nhưng nó cũng kéo theo sự lãng phí tài chính và hạn chế dần dần mọi quyền tự do. - Kết luận tác phẩm.

Nghị viện là những đám đông không thuần nhất hữu danh. Mặc dù sự tuyển chọn của chúng biến đổi tuỳ theo từng thời đại và từng dân tộc, chúng vẫn có những tính cách rất giống nhau. Ảnh hưởng của chủng tộc biểu lộ rõ ở đó để làm giảm bớt hoặc tăng lên, nhưng không ngăn sự biểu hiện của tính cách. Những nghị viện của các vùng miền rất khác nhau như nghị viện của Hy Lạp, của Italia, của Bồ Đào Nha, của Tây Ban Nha, của Pháp, và của Mỹ, trong các cuộc thảo luận bỏ phiếu, đều có những biểu hiện rất giống nhau, và làm cho chính quyền phải đương đầu với những khó khăn rất giống nhau.

Vả lại, chế độ nghị viện biểu thị lí tưởng của mọi dân tộc văn minh hiện đại. Nó chuyển tải một tư tưởng sai lầm xét về mặt tâm lí nhưng lại thường được mọi người chấp nhận, cho rằng đông người họp lại có khả năng nhiều hơn so với ít người, khi phải đưa ra một quyết định khôn ngoan và độc lập về một vấn đề nhất định.

Trong nghị viện, ta lại thấy những đặc tính chung của đám đông: tư tưởng đơn giản quá mức, thói dễ bị kích động, tính dễ bị gợi ý, sự thổi phồng tình cảm, ảnh hưởng ưu trội của người

đứng đầu. Nhưng vì sự cấu thành đặc biệt của chúng, những đám đông nghị viện có một vài khác biệt mà chúng tôi sẽ nhanh chóng chỉ ra.

Sự đơn giản hoá quá mức những ý kiến là một trong những đặc điểm quan trọng nhất của nghị viện. Trong mọi đảng phái, ở mọi dân tộc nhất là dân Latin, ta bắt gặp một khuynh hướng bất biến, muốn giải quyết những vấn đề xã hội phức tạp nhất bằng các nguyên lí trừu tượng đơn giản nhất, và bằng những quy luật tổng quát có thể ứng dụng cho mọi trường hợp. Dĩ nhiên những nguyên lí thay đổi với từng đảng phái; nhưng thực ra, chỉ như những cá nhân trong đám đông, họ luôn có khuynh hướng phóng đại giá trị của những nguyên lí này, và đẩy chúng đến tận những hệ quả cuối cùng. Vậy nên cái mà nghị viện biểu thị trước tiên, đó là những ý kiến cực đoan.

Điển hình hoàn hảo nhất về sự đơn giản hoá quá mức của nghị viện đã được những người Jacobins thực hiện trong cuộc Đại cách mạng của chúng ta. Tất cả đều giáo điều và logic, đầu óc đầy những điều khái quát mơ hồ, họ lo toan áp dụng những nguyên lí cố định mà không quan tâm tới các sự kiện; và ta có thể có lí để nói rằng họ đã đi qua cuộc Cách mạng mà không nhìn thấy nó. Với những tín điều rất đơn giản dùng

làm kim chỉ nam, họ tin tưởng tái tạo một xã hội hoàn chỉnh, và kéo một nền văn minh tinh tế về một giai đoạn rất xa xưa của sự phát triển xã hội. Những phương tiện mà họ sử dụng để thực hiện giấc mơ của mình cũng mang dấu ấn của sự đơn giản hoá quá mức tuyệt đối. Thực vậy, họ tự hạn chế vào việc cương quyết phá huỷ những gì cản trở họ. Hơn nữa, tất cả: những nghị sĩ phái Girondins[1], phái Núi[2], những người tham gia sự kiện tháng Thermidor[3] v.v... đều bị thúc đẩy do cùng một tinh thần ấy.

Những đám đông nghị viện rất dễ bị gợi ý; và như đối với mọi đám đông, sự gợi ý xuất phát từ những người đứng đầu có uy tín; nhưng trong nghị viện, tính dễ bị gợi ý có những giới hạn rất rõ ràng mà ta cần chỉ ra.

---

[1] Girondins: tổ chức chính trị thời cách mạng Pháp với nhiều thủ lĩnh là nghị sĩ của tỉnh Gironde, ngồi ở bên trái Quốc hội Lập pháp. Phái này thù địch với việc phục hồi chế độ cũ nhưng cũng thù địch với cải cách kinh tế và xã hội có lợi cho giai cấp cần lao.

[2] Phái Núi (Montagnards, Montagne): nhóm các nghị sĩ trong Quốc hội Lập pháp, ngồi ở những ghế cao nhất của quốc hội và có lập trường cực đoan.

[3] Sự kiện cách mạng diễn ra vào ngày mùng 9 tháng Thermidor lịch cộng hoà (ngày 27 tháng Bảy năm 1794), có hậu quả là sự sụp đổ của Robespierre và các đồng minh của ông, sự tan rã của Hội nghị Quốc ước phái Núi và sự phát triển của *phản ứng tháng Thermidor* được chỉ đạo để chống lại quyền lực cách mạng.

Đối với tất cả những vấn đề về lợi ích địa phương hay vùng miền, mỗi thành viên của nghị viện lại có những ý kiến kiên định, không khoan nhượng, mà chẳng có lập luận nào có thể lay chuyển. Tài năng của một Démosthène[1] cũng không đạt được việc làm thay đổi lá phiếu bầu của một đại biểu về các vấn đề như chủ nghĩa bảo hộ hay đặc quyền nấu rượu tại gia, chúng biểu thị những yêu cầu của các cử tri có thế lực. Sự gợi ý từ trước của các cử tri này khá là ưu trội để huỷ bỏ tất cả những gợi ý khác, và giữ một sự kiên định tuyệt đối cho ý kiến[*2].

Đối với những vấn đề chung: lật đổ một bộ, thiết lập một thứ thuế v.v... không có sự kiên định ý kiến nào, và những gợi ý của các lãnh tụ có thể tác động, nhưng không hoàn toàn như trong những đám đông bình thường. Mỗi một đảng đều có những lãnh tụ của mình, mà đôi khi có ảnh hưởng ngang nhau. Kết quả là người nghị sĩ đứng giữa những gợi ý trái ngược nhau và ông

---

[1] Démosthène (384 tCN – 322 tCN): nhà hùng biện và chính trị gia người Hy Lạp cổ đại.

[*2] Chính những ý kiến kiên định từ trước và trở nên không khoan nhượng do yêu cầu bầu cử, khiến ta chắc chắn có thể áp dụng suy nghĩ này của một nghị sĩ lão thành người Anh: "Từ năm mươi năm nay tôi đã dự họp ở Westminster, tôi đã nghe hàng nghìn bài diễn văn, có ít bài có thể làm thay đổi ý kiến của tôi; nhưng không một bài nào làm thay đổi được lá phiếu bầu của tôi".

ta tất nhiên trở nên rất do dự. Chính vì vậy, người ta thấy ông ta, chỉ trong khoảng thời gian 15 phút, đã bỏ phiếu một cách trái ngược, thêm cho một đạo luật một điều khoản phá huỷ đạo luật ấy: ví dụ tước quyền tuyển và sa thải công nhân của nhà công nghiệp, rồi lại hầu như huỷ bỏ biện pháp này bằng một điểm bổ sung.

Và chính vì vậy, ở mỗi khoá lập pháp, một nghị viện có những ý kiến rất kiên định và những ý kiến khác rất do dự. Về cơ bản, nhiều nhất là những vấn đề chung, chính sự do dự thống trị, sự do dự được nuôi dưỡng nhờ nỗi sợ hãi thường trực của cử tri, mà sự gợi ý ngầm bao giờ cũng có khuynh hướng làm cân bằng ảnh hưởng của những người đứng đầu.

Tuy nhiên chính người đứng đầu rốt cuộc mới là những ông chủ đích thực trong nhiều cuộc tranh luận, nơi các thành viên của một nghị viện không có những ý kiến dứt khoát từ trước.

Sự cần thiết của những người đứng đầu này là rõ ràng bởi vì, dưới danh nghĩa là lãnh đạo các nhóm, ta thấy họ trong những nghị viện ở tất cả các nước. Họ là những vị chúa tể đích thực của một nghị viện. Những con người trong đám đông không thể thiếu một ông chủ. Và chính vì thế những cuộc bỏ phiếu trong một nghị viện nói chung chỉ đại diện cho những ý kiến của một thiểu số nhỏ.

Những người đứng đầu ít tác động bằng sự lập luận, song lại tác động nhiều bằng uy tín của họ. Và chứng cứ rõ nhất, đó là nếu một hoàn cảnh nào đó tước mất uy tín của họ, họ sẽ không còn ảnh hưởng nữa.

Uy tín của người đứng đầu mang tính cá nhân, và không gắn với tên tuổi cũng không gắn với sự nổi tiếng. Ông Jules Simon[1] khi nói đến những vĩ nhân trong nghị viện năm 1848 mà ông từng tham dự, đã cho chúng ta những ví dụ thật kì lạ:

"Hai tháng trước khi trở thành đấng toàn năng, Louis Napoléon đã chẳng là gì cả".

"Victor Hugo[2] lên diễn đàn. Ông không thành công. Người ta nghe ông cũng như nghe Félix Pyat[3]; người ta cũng không vỗ tay hoan hô. Ông Vanlabelle khi nói về Félix Pyat bảo tôi rằng: "Tôi không thích tư tưởng của ông ta; nhưng đó là

---

[1] Jules Simon (1814 - 1896) nhà chính trị và triết gia Pháp, giáo sư triết học, nổi tiếng nhờ nhiều tác phẩm nghiên cứu về thân phận người công nhân: *Công nhân* (1863), *Lao động* (1866).

[2] Victor Hugo (1802 - 1882): nhà văn Pháp, tích cực hoạt động chính trị và có ảnh hưởng lớn tới thời đại của ông. Các tác phẩm chính: *Nhà thờ Đức bà Paris* (1831), *Những người khốn khổ* (1852).

[3] Félix Pyat (1810 - 1889): nhà văn, nhà báo và nhà chính trị Pháp, một trong những người sáng lập ra Hội Nhà văn, tác giả của vở kịch *Người nhặt rác của Paris* (1847).

một trong những nhà văn lớn nhất và nhà hùng biện giỏi nhất của nước Pháp". Edgar Quinet[1], một trí tuệ hiếm có và mạnh mẽ, đã chẳng được coi ra gì. Ông ta đã có lúc nổi tiếng trước khi khai mạc nghị viện; còn trong nghị viện, ông chẳng hề có chút tiếng tăm nào cả.

Những nghị viện chính trị là nơi trên trái đất mà ánh hào quang của thiên tài ít được cảm nhận nhất. Ở đây người ta chỉ tính đến một sự hùng biện thích hợp với thời gian và nơi chốn, và công lao phục vụ không phải vì tổ quốc, mà vì đảng phái. Để cho người ta tỏ lòng kính trọng với Lamartine[2] vào năm 1848 và với Thiers[3] vào năm 1871, đã phải cần đến sự khuyến khích bằng lợi ích khẩn thiết, cấp bách. Hiểm nguy qua đi, người ta đồng thời quên ngay lòng biết ơn và cả nỗi sợ hãi".

Tôi trích lại đoạn văn trên vì những sự kiện mà nó bao hàm, chứ không phải vì những lí giải mà nó đưa ra.

---

[1] Edgar Quinet (1803 - 1875): nhà sử học Pháp, các tác phẩm chính: *Những cuộc cách mạng của Italia* (1852), *Cách mạng* (1865), *Sự sáng tạo* (1870).

[2] Alphonse de Lamartine (1790 - 1869): nhà thơ lãng mạn và là chính khách Pháp, tác giả của tập thơ *Hoà âm thơ ca và tôn giáo* (1830), *Trầm tư* (1839)...

[3] Louis Adolphe Thiers (1797 - 1877): chính khách, nhà báo và sử gia Pháp.

Chúng thuộc về một thứ tâm lí học tầm thường. Một đám đông mất ngay tức thì tính cách đám đông nếu nó tính đến những nghĩa vụ đã giao cho người đứng đầu, dù là vì tổ quốc hay vì đảng phái. Đám đông tuân theo người đứng đầu, bị uy tín của ông ta tác động, và ở đây không một ý thức về quyền lợi hay biết ơn nào can thiệp vào.

Cho nên một người đứng đầu sẵn có uy tín đầy đủ sẽ có một quyền năng gần như tuyệt đối. Người ta biết một nghị sĩ nổi tiếng có ảnh hưởng rộng lớn trong nhiều năm nhờ vào uy tín của mình; đã bị thua trong cuộc bầu cử vừa rồi sau một vài sự kiện tài chính. Chỉ một tín hiệu đơn giản của ông ta thôi, là những vị bộ trưởng bị lật đổ. Một nhà văn đã ghi lại rõ ràng tầm quan trọng trong hành động của ông ta với vài dòng sau:

"Chính vì ông M.X. mà chúng ta đã phải mua xứ Bắc Kì[1] đắt gấp ba lần cái giá phải trả, đã phải bước vào Madagasca[2] chỉ với một chân không chắc chắn, đã bị tước đoạt cả một đế chế ở vùng Niger hạ[3], đã mất đi lợi thế mà chúng ta từng có được ở Ai Cập. - Những lí thuyết của ông M.X.

[1, 2, 3] Tên các vùng đất từng là thuộc địa của Pháp: Madagasca là quốc đảo ở châu Phi, vùng Niger hạ thuộc Tây Phi.

đã làm chúng ta mất nhiều lãnh thổ hơn cả những thảm hoạ của Napoléon đệ Nhất".

Không cần phải quá oán giận nhà lãnh đạo được nhắc đến ấy. Rõ ràng ông ta đã làm chúng ta phải trả giá quá đắt; nhưng phần lớn ảnh hưởng của ông ta là do ông nghe theo ý kiến chung của mọi người; mà vấn đề thuộc địa, vào thời điểm đó, ý kiến chung hoàn toàn không phải như bây giờ. Hiếm có một lãnh tụ đi trước ý kiến chung; hầu như bao giờ ông ta cũng bằng lòng đi theo ý kiến chung và lại còn kết hợp nó với mọi sai lầm.

Ngoài uy tín, các phương pháp thuyết phục của người đứng đầu là những nhân tố mà chúng tôi nhiều lần đã liệt kê. Để sử dụng chúng một cách khéo léo, người đứng đầu phải hiểu sâu môn tâm lí học đám đông, ít ra cũng theo cách vô thức, và phải biết nói với đám đông như thế nào. Trước hết cần phải biết ảnh hưởng lôi cuốn của từ ngữ, công thức và hình ảnh. Phải có được sự hùng biện đặc biệt, phức hợp: khẳng định mạnh mẽ, thoát khỏi những chứng cứ, và những hình ảnh gây ấn tượng được đóng khung trong các lập luận rất sơ sài. Đó là thứ hùng biện ta gặp trong những nghị viện, bao gồm cả Quốc hội Anh, tuy nó là một nghị viện điềm tĩnh nhất trong các nghị viện.

Nhà triết học Anh, ông Maine[1] nói: "Chúng ta có thể luôn đọc được những cuộc tranh cãi ở Hạ viện, nơi mọi tranh luận chỉ là trao đổi giữa những điều chung chung chẳng mấy quan trọng với những cá tính khá mạnh mẽ. Loại công thức đại khái này gây một hiệu quả kì diệu lên trí tưởng tượng của nền dân chủ thuần tuý. Bao giờ nó cũng dễ dàng làm cho đám đông chấp nhận những lời khẳng định chung chung được trình bày bằng những từ ngữ gây xúc động, dù rằng những lời khẳng định ấy không bao giờ được xác minh, và có lẽ không có bất cứ sự xác minh nào cả".

Tầm quan trọng của những "từ ngữ gây xúc động" được chỉ ra trong đoạn trích dẫn trên không phải là phóng đại. Chúng tôi đã nhiều lần nhấn mạnh hiệu lực đặc biệt của từ ngữ và công thức. Cần phải chọn chúng sao cho chúng gợi lên được những hình ảnh rất sinh động. Câu nói sau đây, được mượn trong bài diễn văn của một lãnh tụ ở nghị viện nước ta là một mẫu tuyệt vời cho điểm này:

"Cái ngày mà cùng một con tàu đưa nhà chính trị ám muội và kẻ vô chính phủ giết người tới

---

[1] Maine (1822 - 1888): ngài Henry James Sumner, nhà luật học và xã hội học người Anh. Ông là một trong những người khởi xướng nghiên cứu dân tộc học pháp lí và chính trị, ông quan tâm đến sự pháp điển hoá luật pháp của người Indien.

miền đất nóng bỏng lưu đày, thì họ sẽ có thể nối lại cuộc đàm thoại, và người nọ sẽ xuất hiện trước kẻ kia như hai mặt bổ sung cho nhau của một trật tự xã hội".

Hình ảnh được gợi lên như vậy là rất rõ ràng, và tất cả những đối thủ của diễn giả đều cảm thấy bị hình ảnh ấy đe doạ. Ngay lập tức họ nhìn thấy những miền đất nóng bỏng, rồi con tàu sẽ mang họ đi, bởi vì chẳng phải họ cũng có thể là loại người được hạn chế khá mơ hồ gồm các nhà chính trị bị đe doạ đó sao? Lúc đó, họ cảm thấy một nỗi sợ hãi ngấm ngầm mà những đại biểu Hội nghị Quốc ước chắc đã cảm nhận được từ các bài diễn văn mơ hồ của Robespierre ít nhiều đều lấy máy chém ra đe doạ, và dưới ảnh hưởng của nỗi sợ này, họ luôn nhượng bộ ông ta.

Các lãnh tụ đều hưởng lợi khi chiều theo những lời phóng đại khó tin nhất. Diễn giả mà tôi vừa mới trích dẫn một câu, đã có thể khẳng định mà không gây được sự phản kháng, rằng các chủ nhà băng và các cố đạo đã thuê tiền bọn đánh bom, và rằng những nhà quản trị các công ty tài chính lớn xứng đáng nhận hình phạt như bọn vô chính phủ. Những khẳng định như thế luôn tác động lên đám đông. Sự khẳng định đừng bao giờ quá hung bạo, lời tuyên bố cũng không nên quá đe doạ. Chẳng gì đe doạ thính giả hơn là thứ

hùng biện này. Khi phản đối, họ sợ bị coi là kẻ phản bội hay kẻ đồng loã.

Như tôi đã nói về điều này, kiểu hùng biện đặc biệt ấy luôn ngự trị ở tất cả các nghị viện; và trong những thời kì quyết định, nó chỉ càng tăng thêm mà thôi. Về phương diện này, việc đọc diễn văn của các diễn giả lớn cấu thành những nghị viện của Cách mạng [Pháp] là rất lí thú. Mỗi lúc họ lại tự cho là có bổn phận phải ngừng lại để xua tan tội ác và ngợi ca đức hạnh, rồi sau đó họ nổi nóng lên nguyền rủa chống lại những bạo chúa, và thề sẽ sống tự do hay là chết. Cử toạ đứng dậy vỗ tay hoan hô cuồng nhiệt, rồi lại bình tĩnh, ngồi xuống.

Người lãnh đạo đôi khi có thể thông minh, và có học thức; nhưng điều đó đối với ông ta thường có hại hơn là có lợi. Bằng cách chỉ ra tính phức tạp của sự việc, bằng cách cho phép lí giải và am hiểu, trí tuệ luôn làm cho các tông đồ trở nên khoan dung, làm giảm mạnh cường độ và sự mãnh liệt của những niềm tin cần thiết. Các lãnh tụ lớn của mọi thời đại, nhất là những lãnh tụ của Cách mạng bạo lực nhiều khi đã thiển cận một cách thảm hại; và chính những người thiển cận nhất lại có ảnh hưởng to lớn nhất.

Diễn văn của những người nổi tiếng nhất trong các lãnh tụ, ví dụ Robespierre, thường gây

kinh ngạc do chúng rời rạc; nếu chỉ đọc chúng thôi, ta sẽ không tìm được ở đấy lời giải đáp nào có thể chấp nhận được về vai trò quá ư to lớn của nhà độc tài đầy quyền uy:

"Những lời sáo cũ và rườm rà của thứ hùng biện mô phạm và của văn hoá Latin phát ra từ một tâm hồn thơ dại hơn là nhạt nhẽo, và trong việc công kích hay bảo vệ, dường như chỉ tự giới hạn trong câu nói kiểu "Lại đây nào!" của các cậu học trò. Không một tư tưởng, không một giọng văn, cũng không một nét riêng, đó là sự nhàm chán trong cơn phong ba. Khi đọc xong cái thứ văn buồn tẻ này, người ta liền muốn kêu lên một tiếng ôi! của Camille Desmoulins[1] đáng mến".

Đôi khi ta thấy kinh hãi khi nghĩ tới cái quyền lực được trao cho một con người có uy tín một niềm tin mạnh mẽ gắn kết với đầu óc quá hẹp hòi. Tuy nhiên lại phải thực hiện những điều kiện này để không đếm xỉa đến trở ngại và chỉ biết có ý chí mãnh liệt. Bằng bản năng, đám

[1] Camille Desmoulins (1760 - 1794): nhà báo và nhà chính trị Pháp, bạn học của Robespierre, theo Cách mạng và tham gia nổi dậy ở Paris từ 12 đến 17 tháng Bảy năm 1789, kết bạn với Danton, là nghị sĩ phái Núi ở Hội nghị Quốc ước, bị bắt và bị toà án cách mạng kết án tử hình cùng Danton và các thành viên câu lạc bộ des Cordelier.

đông đã nhận ra trong những con người có niềm tin mãnh liệt ấy một ông chủ mà đám đông luôn cần tới.

Trong một nghị viện, sự thành công của một bài diễn văn hầu như chỉ phụ thuộc vào uy tín mà diễn giả có, chứ không hề phụ thuộc vào những lí lẽ mà ông ta đề xuất. Và chứng cứ rõ nhất, đó là khi vì một nguyên nhân nào đó, diễn giả bị mất uy tín, thì đồng thời ông ta mất luôn tất cả ảnh hưởng, nghĩa là mất khả năng điều khiển cuộc bỏ phiếu theo ý muốn của mình.

Còn diễn giả vô danh, khi đến mang theo một diễn văn có những lí lẽ thuyết phục, nhưng chỉ lí lẽ thôi, ông ta chẳng có chút cơ may nào dù chỉ là được người khác lắng nghe. Một cựu nghị sĩ, ông Descube, mới đây đã phác hoạ vài nét về hình ảnh một nghị sĩ không có uy tín:

"Khi lên diễn đàn, ông ta lấy từ cặp ra một hồ sơ, ông cẩn thận trải nó ra trước mặt và bắt đầu nói rất tự tin.

Ông tự phỉnh nịnh rằng đã chuyển được vào tâm hồn người nghe niềm tin đang sục sôi trong ông. Ông cân lên nhắc xuống những luận chứng của mình; trong đầu ông đầy những con số và cứ liệu; ông tin rằng mình có lí. Trước những điều hiển nhiên mà ông đưa ra, mọi kháng cự sẽ là vô

ích. Ông bắt đầu nói, tin tưởng vào quyền chính đáng của mình, và cũng vào sự chăm chú của các đồng sự, chắc chắn họ sẽ phải cúi mình trước chân lí.

Ông nói, và ngay lập tức ông ngạc nhiên vì sự chuyển động trong phòng họp, ông hơi khó chịu vì tiếng ồn ào nổi lên.

Tại sao mọi người không giữ im lặng? Tại sao chẳng ai chú ý cả? Vậy những người kia nghĩ gì, sao họ chỉ nói chuyện với nhau? Mục đích gì quá khẩn thiết đã bắt họ chuyển từ chỗ ngồi này sang chỗ khác?

Một nỗi lo âu hiện lên trên vầng trán. Ông nhíu mày, ngừng nói. Được vị chủ tịch khích lệ, ông lại tiếp tục, nói cao giọng hơn. Người ta lại càng ít chú ý hơn. Ông nhấn giọng, ông bồn chồn; tiếng ồn tăng thêm xung quanh ông. Ông chỉ còn tự nghe bản thân mình nói mà thôi, ông liền dừng lại; rồi sợ rằng sự im lặng của mình sẽ càng khiêu khích thêm tiếng kêu đáng buồn: "Kết thúc đi!" nên ông lại cứ nói tiếp. Tiếng ồn ào trở nên không chịu nổi".

Khi những nghị viện bị đẩy lên đến một mức độ kích động nào đó, họ trở nên giống hệt những đám đông không thuần nhất bình thường, và do đó tình cảm của họ biểu hiện đặc

tính là luôn luôn cực đoan. Người ta sẽ thấy họ vươn tới những hành vi anh hùng vĩ đại nhất hay quá khích tồi tệ nhất. Cá nhân sẽ không còn là chính mình nữa, và anh ta sẽ bỏ phiếu cho những biện pháp trái ngược hẳn với quyền lợi cá nhân mình.

Lịch sử cuộc Cách mạng Pháp đã chỉ ra nghị viện có thể trở nên mất tỉnh táo và vâng theo những gợi ý trái ngược nhất với quyền lợi riêng của họ đến mức nào. Đối với tầng lớp quý tộc, phải từ chối đặc quyền của mình là một sự hi sinh rất lớn, và dù vậy họ đã không do dự làm điều đó vào cái đêm trứ danh Lập hiến[1]. Đối với sinh mạng của các uỷ viên Quốc ước, đó là nguy cơ thường trực khi họ từ chối quyền bất khả xâm phạm; tuy nhiên họ đã làm điều đó và không sợ sẽ chặt đầu lẫn nhau, dù họ biết rất rõ rằng cái giá treo cổ mà hôm nay họ đưa đồng sự của mình lên, ngày mai sẽ dành cho họ.

Nhưng họ đã đi tới mức độ hành động hoàn toàn ngoài ý muốn mà tôi đã mô tả, và chẳng có một động cơ nào có thể ngăn họ chiều theo những gợi ý đã thôi miên họ. Đoạn văn sau trích ra từ hồi

---

[1] Quốc hội Lập hiến: do các đại biểu của đẳng cấp thứ ba thành lập vào ngày 9 tháng Bảy năm 1789, để xác định quyền của của mình trong việc ban hành luật lệ nhà nước, phản đối sự phân biệt giai cấp của nhà vua.

kí của một người trong số các vị đó, ông Billaud – Varennes, rất tiêu biểu cho điểm này: "Những quyết định mà người ta cứ trách móc chúng tôi mãi *thông thường thì một hay hai ngày trước đó, chúng tôi không muốn đưa chúng ra: chỉ có sự khủng hoảng đã gây nên chúng*". Chẳng có gì đúng hơn nữa.

Những hiện tượng vô thức như thế được biểu hiện trong tất cả các phiên họp hỗn loạn của Hội nghị Quốc ước.

Taine nói: "Họ tán thành và ra sắc lệnh những gì mà họ kinh hãi, không chỉ là những điều ngốc nghếch và điên rồ, mà còn là những tội ác, giết người vô tội, giết bạn bè của họ. Đồng thanh nhất trí và hoan hô tán thành sôi nổi, cánh tả kết hợp với cánh hữu, đã đưa Danton, thủ lĩnh tự nhiên của họ, người khởi xướng và dẫn dắt Cách mạng, lên giá treo cổ. Cũng đồng thanh nhất trí và với sự hoan hô vỗ tay rôm rả, cánh hữu kết hợp với cánh tả, bỏ phiếu thông qua những sắc lệnh tồi tệ nhất của chính quyền Cách mạng. Đồng thanh nhất trí, và với những tiếng kêu ngưỡng mộ nhiệt tình, với những biểu lộ tán thưởng đầy đam mê dành cho Collot d'Herbois[1], cho Couthon[1], và cho

---

[1] Jean-Marie Collot d'Herbois (1750 - 1796): nhà chính trị Pháp, thành viên của Công xã Paris sau ngày 10 tháng Tám năm 1792 và tham gia vào cuộc thảm sát tháng Chín năm 1792, nghị sĩ của phái Núi trong Hội nghị Quốc ước.

Robespierre, Hội nghị Quốc ước, qua những cuộc tái bầu cử tự phát và nhiều lần, giữ nguyên cái chính phủ giết người mà phái Đồng Bằng[2] ghét bỏ vì nó giết người, mà phái Núi căm ghét vì nó tàn sát mình. Phái Đồng Bằng và phái Núi, đa số và thiểu số cuối cùng đã bằng lòng giúp cho cuộc tự sát của chính họ. Ngày 22 tháng Đồng cỏ, toàn bộ Hội nghị Quốc ước đã giơ cổ họng ra [cho người ta đâm]; ngày 8 tháng Nóng[3], trong mười lăm phút đầu tiên sau khi Robespierre đọc diễn văn, Hội nghị Quốc ước lại giơ cổ họng ra tiếp".

Bức tranh có thể hiện ra u ám. Tuy nhiên nó chính xác. Những nghị viện được kích thích đầy đủ và bị thôi miên biểu hiện những tính cách như thế. Chúng trở thành một bầy đàn hay thay đổi tuân theo tất cả những xung động. Tôi trích dẫn theo *Tạp chí văn học* (Revue littéraire) đoạn mô tả sau về nghị viện năm 1848, của một nghị sĩ mà ta không nghi ngờ gì về niềm tin dân chủ, ông Spuller, rất điển hình cho điều này. Người ta thấy

---

[1] Georges Couthon (1755 - 1794): nhà chính trị Pháp, gia nhập Uỷ ban cứu quốc cùng với Robespierre và Saint-Juste.

[2] Phái Đồng Bằng (La Pleine hay La Marais): phái ôn hoà nhất trong Hội nghị Quốc ước. Các thành viên của phái này bị đối thủ gọi là "những con cóc đầm lầy", ngồi ở các bậc thang dưới của Hội nghị.

[3] Theo lịch Cộng hoà, ngày 22 tháng Đồng cỏ tức là ngày 10 tháng Sáu, ngày 8 tháng Nóng tức là ngày 26 tháng Bảy.

ở đây mọi tình cảm được phóng đại trong những đám đông mà tôi đã miêu tả, và tính hay thay đổi quá mức này cho phép di chuyển từ khoảnh khắc này sang khoảnh khắc khác qua những gam tình cảm trái ngược nhất.

"Những chia rẽ, những ghen tức, những nghi ngờ, rồi tới lượt niềm tin mù quáng và hi vọng không giới hạn đã dẫn dắt đảng cộng hoà đến chỗ diệt vong. Sự ngây ngô và hồn nhiên của đảng này cũng ngang bằng với sự ngờ vực tất cả của nó. Không có chút cảm thức về tính hợp pháp, cũng không có tinh thần kỉ luật, những khiếp sợ và ảo tưởng không giới hạn: người nông dân và đứa trẻ gặp nhau ở điểm này. Sự bình tĩnh của họ đối nghịch với lòng thiếu kiên nhẫn của họ. Tính hoang dã cũng giống như tính dễ bảo của họ. Đó là đặc trưng của một khí chất vẫn chưa hoàn tất và thiếu giáo dục. Cái tốt không làm họ ngạc nhiên, và tất cả làm họ bối rối. Run rẩy, sợ hãi, gan dạ, anh hùng, họ lao mình qua lửa và họ lùi bước trước một cái bóng.

Họ không biết chút nào về những hiệu quả và quan hệ của sự vật. Nhanh chóng nản lòng cũng như vội vàng hứng khởi, đối tượng cho tất cả những kinh hoàng, luôn quá cao hoặc quá thấp, không bao giờ ở mức độ cần thiết và trong chừng mực thích hợp. Lưu lỏng hơn cả nước, họ phản

chiếu mọi sắc màu và mang mọi hình dạng. Vậy liệu ta có thể hi vọng họ mang lại nền tảng gì đây cho chính quyền?"

May thay không phải tất cả những tính cách mà chúng tôi vừa mô tả trong các nghị viện đều được biểu hiện thường xuyên. Nghị viện chỉ là đám đông ở một số thời điểm. Còn những cá nhân họp thành nghị viện vẫn giữ được cá tính trong phần lớn trường hợp; và chính vì vậy một nghị viện có thể xây dựng những đạo luật tuyệt hảo về kĩ thuật. Thật vậy, tác giả của những đạo luật này là một con người đặc biệt, đã chuẩn bị chúng trong sự im lặng của phòng làm việc; và đạo luật được bỏ phiếu thông qua thực ra là tác phẩm của một cá nhân, chứ không phải tác phẩm của một nghị viện. Dĩ nhiên, đó là những đạo luật tốt nhất. Chúng chỉ trở nên tai hại khi một loạt những điều khoản bổ sung khốn khổ làm cho chúng mang tính tập thể. Tác phẩm của một đám đông ở khắp nơi và bao giờ cũng non kém so với tác phẩm của một cá nhân riêng lẻ. Chính các chuyên gia đã cứu nguy cho những nghị viện thoát khỏi các giới hạn quá hỗn loạn và thiếu kinh nghiệm. Lúc đó, người chuyên gia là một lãnh tụ nhất thời. Nghị viện không tác động lên ông ta còn ông ta tác động lên nghị viện.

Mặc cho tất cả những khó khăn trong vận hành, những nghị viện vẫn biểu thị cái mà các dân tộc vẫn còn thấy là tốt nhất để tự trị và nhất là để thoát khỏi cái ách của những chế độ bạo tàn cá nhân một cách khả dĩ nhất. Chắc chắn nghị viện là lí tưởng về một chính quyền, ít nhất đối với các triết gia, nhà tư tưởng, nhà văn, nghệ sĩ và nhà bác học, tóm lại đối với tất cả những người cấu thành cái chóp đỉnh của một nền văn minh.

Vả lại, thực ra, nghị viện chỉ có hai mối hiểm nguy nghiêm trọng; một là sự lãng phí bắt buộc về tài chính; hai là hạn chế dần dần tự do cá nhân.

Nguyên nhân đầu tiên của những hiểm nguy này là hậu quả bắt buộc của những yêu cầu và sự thiếu nhìn xa trông rộng của đám đông bầu cử. Khi một thành viên của nghị viện đề nghị một biện pháp mang lại sự thoả mãn bề ngoài cho những tư tưởng dân chủ, ví dụ như đảm bảo hưu trí cho tất cả công nhân, tăng lương cho thợ làm đường, giáo viên v.v..., thì những nghị sĩ khác, bị nỗi sợ hãi của các cử tri gợi ý, sẽ không dám tỏ vẻ coi thường quyền lợi của cử tri bằng cách gạt bỏ biện pháp được đề nghị, dù biết rằng biện pháp ấy buộc ngân quỹ phải đài thọ nặng nề và cần thiết phải tạo ra những thứ thuế mới. Do dự trong bỏ phiếu là không thể với họ. Những hậu

quả của việc tăng chi tiêu thì còn xa vời và không có hậu quả tai hại đối với họ, trong khi ấy hậu quả của việc bỏ phiếu phủ quyết sẽ hiển hiện rõ ràng vào ngày sắp tới khi họ phải ứng cử lại trước cử tri.

Bên cạnh nguyên nhân đầu tiên của sự tăng chi tiêu này, còn có một nguyên nhân khác không kém bắt buộc, đó là phải chấp thuận mọi chi tiêu cho lợi ích thuần tuý địa phương. Một nghị sĩ sẽ không thể phản đối chuyện này, bởi vì chi tiêu ấy còn biểu thị những yêu cầu của cử tri, và mỗi một nghị sĩ chỉ có thể nhận được cái ông ta cần cho khu vực của mình, với điều kiện phải nhượng bộ những yêu cầu tương tự của các đồng sự*[1].

---

*[1] Trong số báo ngày 6 tháng Tư năm 1895, tờ *l'Économist* đã làm việc kiểm lại lạ kì về chuyện chi tiêu cho những lợi ích thuần tuý bầu cử trong một năm có thể tốn kém thế nào, nhất là chi tiêu về đường sắt. Để nối liền Lagayes (thị trấn 3.000 dân), toạ lạc trên một ngọn núi với Puy, phải bỏ phiếu thông qua cho một tuyến đường sắt tốn tới 15 triệu. Để nối Beumount (3.500 dân) với Castel Sarrazin, tốn tới 7 triệu. Nối làng Oust (523 dân) với làng Seix (1.200 dân), 7 triệu. Nối Prades với thị tứ Olette (717 dân), 6 triệu v.v... Chỉ riêng năm 1895, 90 triệu chi cho đường sắt mà không có lợi ích chung đã được bỏ phiếu thông qua. Nhiều chi tiêu khác cần thiết cho bầu cử cũng không kém phần quan trọng. Theo bộ tài chính, luật về hưu trí công nhân sẽ chi hàng năm tối thiểu 165 triệu, và theo viện sĩ Leroy-Beaulieu là 800 triệu. Rõ ràng những chi tiêu

Nguyên nhân thứ hai của những hiểm nguy nói ở trên, đó là nghị viện hạn chế các quyền tự do một cách cưỡng bức, điều này bề ngoài không thấy rõ, tuy rất thực. Nó là hậu quả của những đạo luật nhiều không đếm xuể, luôn hạn chế tự do mà những nghị viện với suy nghĩ đơn giản quá mức của họ thường không thấy rõ hậu quả, và họ tưởng mình có bổn phận phải bỏ phiếu tán thành chúng.

Mối hiểm nguy ấy quả là không thể tránh khỏi, bởi vì bản thân nước Anh, - chắc chắn đó là điển hình hoàn hảo nhất về chế độ nghị viện, nơi người đại biểu được độc lập nhiều nhất với cử tri của mình - cũng không thoát khỏi nó. Herbert Spencer, trong một công trình đã cũ, đã chỉ ra rằng sự tăng thêm cái tự do mẽ ngoài hẳn được

---

như thế tăng nhanh liên tục tất nhiên sẽ có kết cục phá sản. Nhiều nước ở châu Âu: Bồ Đào Nha, Hy Lạp, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ cũng có kết cục như thế; những nước khác cũng sẽ bị dồn vào chỗ đó. Nhưng cũng không nên quá lo lắng về chuyện ấy, bởi vì công chúng đã lần lượt chấp nhận mà không mấy phản đối về việc mỗi nước cắt giảm bốn phần năm trong chi trả những trái phiếu. Những phá sản khéo léo ấy lập tức cho phép phục hồi sự cân bằng ngân quỹ bị tổn thất. Vả lại, chiến tranh, chủ nghĩa xã hội, những đấu tranh kinh tế, đã chuẩn bị cho ta nhiều tai hoạ khác lắm rồi và ở thời đại tan rã toàn cầu mà ta đang bước vào, ta cũng cần phải cam lòng sống lần hồi qua ngày, mà không quá âu lo ngày mai đang tuột khỏi tay ta.

theo sau là sự giảm sút cái tự do có thực. Ông đã quay trở lại cũng chủ đề ấy, trong cuốn sách gần đây, *Cá nhân chống lại Nhà nước* (L'Individu contre l'État), ông đã phát biểu về vấn đề nghị viện Anh như sau:

"Kể từ thời kì này, việc lập pháp đã theo tiến trình mà tôi chỉ ra, những biện pháp có tính độc tài nhân lên nhanh chóng, liên tục làm hạn chế tự do cá nhân, và theo hai cách: những quy định đã được thiết lập, mỗi năm một nhiều, áp đặt cho công dân một sự cưỡng bức tại nơi mà xưa kia hành vi của anh ta được hoàn toàn tự do, và buộc anh ta thực hiện những hành vi mà trước kia anh ta có thể làm hay không làm, tuỳ thích. Đồng thời những đóng góp công cộng càng ngày càng nặng nề, nhất là đóng góp cho địa phương, đã hạn chế hơn nữa tự do của anh ta, bằng cách làm giảm phần lợi nhuận riêng mà anh ta có thể chi tiêu theo ý mình, và tăng phần đã tước đoạt của anh ta để chi tiêu tuỳ theo ý thích của những nhân viên nhà nước".

Việc hạn chế dần quyền tự do này được biểu hiện ở mọi đất nước dưới một hình thức đặc biệt mà Herbert Spencer đã không chỉ ra, và đó là: tạo ra một loạt vô số những biện pháp lập pháp, tất cả nói chung thuộc trật tự hạn chế, tất yếu dẫn tới sự tăng số lượng, quyền lực và ảnh hưởng của

những công chức có nhiệm vụ áp dụng các biện pháp ấy. Như vậy những công chức có khuynh hướng dần dần trở thành ông chủ đích thực của các nước văn minh. Sức mạnh của họ càng lớn hơn khi mà trong những thay đổi quyền lực liên tục, đẳng cấp hành chính là đẳng cấp duy nhất thoát khỏi những thay đổi này, là đẳng cấp duy nhất vô trách nhiệm, vô nhân xưng và vĩnh tồn. Thế mà, trong mọi nền chuyên chế, chẳng có gì nặng nề hơn những kẻ được trình diện dưới hình thức tay ba này.

Việc tạo ra liên tục những đạo luật và hạn định vây quanh mọi hành vi nhỏ nhặt nhất của đời sống bằng các thể thức tranh cãi viển vông nhất, có kết quả tai hại là càng ngày càng thu hẹp phạm vi tự do vận động của các công dân. Là nạn nhân của ảo tưởng cho rằng bằng cách nhân lên những đạo luật, sự bình đẳng và tự do sẽ được đảm bảo tốt nhất, các dân tộc, mỗi ngày, lại chấp nhận nhiều cản trở nặng nề hơn.

Không phải là không phương hại khi họ chấp nhận chúng. Đã quen chịu đựng mọi cái ách, họ nhanh chóng kết thúc bằng việc tìm kiếm chúng, và dẫn tới mất tất cả tính tự chủ và nghị lực. Lúc đó, họ chỉ còn là những cái bóng hư ảo, những người máy thụ động, không ý chí, không chống cự, không sức mạnh.

Nhưng lúc đó con người không thấy những động lực trong bản thân mình nữa, họ buộc phải tìm kiếm chúng ở bên ngoài mình. Sự thờ ơ và bất lực của công dân càng tăng lên thì vai trò của chính phủ buộc phải lớn hơn nữa. Bản thân các chính phủ tất nhiên phải có tinh thần dám nghĩ dám làm và tinh thần chỉ đạo mà những người thường không có nữa. Nhà nước phải dám làm tất cả, chỉ đạo tất cả, che chở tất cả. Nhà nước trở thành một Thượng đế toàn năng. Nhưng kinh nghiệm dạy rằng quyền lực của những thứ Thượng đế ấy không bao giờ quá bền lâu, cũng không quá mạnh mẽ.

Sự hạn chế dần mọi quyền tự do ở một số dân tộc, mặc dầu sự phóng túng bề ngoài cho họ ảo tưởng là vẫn có quyền tự do, hình như là hậu quả của sự già cỗi của các dân tộc ấy, cũng giống như sự già cỗi của một chế độ nào đó. Đó là triệu chứng báo trước thời kì suy tàn mà không một nền văn minh nào cho tới nay thoát khỏi.

Nếu ta xét đoán điều này qua những bài học của quá khứ và qua những triệu chứng đang bùng lên rộng khắp, thì nhiều nền văn minh hiện đại của chúng ta đã đi tới giai đoạn cực kì già cỗi, báo trước thời kì suy thoái. Hình như những thời kì tương tự như thế là định mệnh với mọi dân tộc, bởi vì người ta thường thấy lịch sử vẫn lặp lại dòng chảy của nó.

Về những thời kì phát triển chung của các nền văn minh này, thật dễ dàng để chỉ ra chúng một cách sơ lược, và cuốn sách của chúng ta kết thúc với việc tóm tắt chúng.

Nếu chúng ta xem xét, ở những nét chủ yếu, sự tạo sinh ra cái vĩ đại và cái suy tàn của những nền văn minh đi trước nền văn minh của chúng ta, thì ta thấy gì?

Ở buổi bình minh của những nền văn minh này, một đám bụi người, nguồn gốc khác nhau, họp lại do những ngẫu nhiên của các cuộc di cư, xâm lược và chinh phục. Dòng máu khác nhau, ngôn ngữ và niềm tin cũng khác nhau, những con người này chỉ có mối ràng buộc chung là luật lệ được công nhận một nửa của một thủ lĩnh. Trong các quần tụ lộn xộn ấy, những tính cách tâm lí của đám đông gặp nhau ở mức độ cao nhất. Chúng có sự gắn bó nhất thời, lòng dũng cảm, sự yếu đuối, những xung động và bạo lực. Chẳng có gì ổn định trong đó. Đó là những người dã man.

Rồi thời gian hoàn tất công trình của nó. Sự hợp nhất những môi trường, sự lặp đi lặp lại trong việc lai giống, những cần thiết của một đời sống chung từ từ tác động. Sự quần tụ các đơn vị khác nhau bắt đầu hợp nhất và hình thành một chủng tộc, nghĩa là một kết tụ có những tính cách

và tình cảm chung, mà sự di truyền sẽ càng ngày càng cố định lại. Đám đông đã trở thành một dân tộc, và dân tộc này sẽ có thể thoát ra khỏi tình trạng dã man.

Tuy nhiên, nó chỉ hoàn toàn thoát khỏi tình trạng đó sau những cố gắng lâu dài, khi những tranh đấu không ngừng lặp lại và vô vàn sự bắt đầu lại, dân tộc sẽ có được một lí tưởng. Chẳng hệ trọng gì cái bản tính của lí tưởng này, dù là sự sùng bái thành Rome, là sức mạnh của Athènes[1] hay sự thắng lợi của Allah, cũng đủ để đem cho mọi cá nhân của chủng tộc một sự thống nhất hoàn hảo về tình cảm và tư tưởng trên con đường hình thành.

Chính lúc đó một nền văn minh mới có thể sinh ra với những thể chế, niềm tin và nghệ thuật của nó. Được giấc mơ lôi kéo, chủng tộc sẽ lần lượt có được tất cả những gì đem lại sự rạng rỡ, sức mạnh và sự vĩ đại. Chắc chắn chủng tộc vẫn còn là đám đông ở một số thời điểm, nhưng khi đó, đằng sau những tính cách lưu động và thay đổi của đám đông là cái nền tảng vững chắc này - tâm hồn chủng tộc, nó hạn chế một cách sít sao độ lan rộng các dao động của một dân tộc và điều chỉnh cái ngẫu nhiên.

---

[1] Athènes: thủ đô của Hy Lạp.

Nhưng sau khi đã thực hiện hành động sáng tạo của mình, thời gian lại bắt đầu công việc phá huỷ mà cả thần thánh lẫn con người cũng không thoát khỏi. Khi đạt tới một trình độ về sức mạnh và tính phức tạp nào đó, thì nền văn minh ngừng phát triển và khi nó không lớn lên nữa, nó sẽ buộc phải nhanh chóng suy thoái. Đối với nó, thời khắc của tuổi già đã điểm.

Cái thời điểm không thể tránh khỏi này bao giờ cũng được đánh dấu bởi sự suy yếu của lí tưởng từng nâng đỡ tâm hồn chủng tộc. Chừng nào lí tưởng ấy lu mờ, thì mọi toà lâu đài tôn giáo, chính trị và xã hội mà nó từng là nguồn cảm hứng đều bắt đầu lung lay.

Với sự biến mất dần lí tưởng, chủng tộc cũng ngày càng mất đi cái đã làm nên sự gắn kết, sự thống nhất và sức mạnh của nó. Cá nhân có thể phát triển về nhân cách và trí tuệ, nhưng đồng thời chủ nghĩa vị kỉ tập thể của chủng tộc cũng bị thay thế bằng sự phát triển quá mức chủ nghĩa vị kỉ cá nhân kèm theo sự suy thoái tính cách và giảm thiểu khả năng hành động. Cái đã làm nên một dân tộc, một sự thống nhất, một khối, sẽ kết thúc khi trở thành một quần tụ những cá nhân không cố kết, và những truyền thống, những thể chế còn được giữ lại một cách giả tạo trong một thời gian nào đó mà thôi.

Lúc đó, bị chia rẽ bởi quyền lợi và tham vọng, không còn biết tự cai quản nữa, con người yêu cầu được chỉ đạo trong từng hành vi nhỏ nhặt nhất, và Nhà nước sử dụng ảnh hưởng thu hút của nó.

Đánh mất hẳn lí tưởng cổ xưa, cuối cùng chủng tộc đánh mất hoàn toàn tâm hồn của mình; nó chỉ còn là một đám bụi những cá nhân riêng lẻ và lại trở về điểm xuất phát của mình: một đám đông. Nó có mọi tính cách tạm thời, không vững chắc và không có ngày mai. Nền văn minh chẳng có sự cố định nào, bị phó mặc cho mọi ngẫu nhiên. Bọn tiện nhân thành bà hoàng và những kẻ dã man tiến lên. Nền văn minh có thể hình như còn sáng chói bởi vì nó vẫn có cái bộ mặt bên ngoài mà một quá khứ dài đã tạo nên, nhưng thực tế, đó là một toà lâu đài mọt ruỗng chẳng gì chống đỡ nổi nữa và sẽ sụp đổ khi gặp cơn bão đầu tiên.

Chuyển từ một đời sống dã man đến văn minh bằng cách theo đuổi một giấc mơ, rồi đi xuống và tiêu vong ngay khi giấc mơ ấy đã mất sức mạnh, đó là vòng đời của một dân tộc.

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC
53 Nguyễn Du, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 9454 661 Fax:(84-4) 9454 660
E-mail: lienhe@nxbtrithuc.com.vn

GUSTAVE LE BON
TÂM LÍ HỌC ĐÁM ĐÔNG

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
CHU HẢO

BIÊN TẬP
HOÀNG THANH THUỶ

THIẾT KẾ BÌA VÀ TRÌNH BÀY
TRẦN VĂN PHƯỢNG

In 1.000 cuốn, khổ 12x20 cm tại Công ty In Công đoàn. Số đăng kí kế hoạch xuất bản 481-2006/CXB/16-05/TrT do NXB Tri Thức cấp ngày 30/06/2006. In xong và nộp lưu chiểu tháng 07/2006.

Sự kiện nổi bật nhất của đám đông tâm lí là điều sau đây: dù những cá nhân họp thành nó như thế nào, dù đời sống, nghề nghiệp, tính cách hay trí tuệ của những cá nhân ấy giống nhau hay khác nhau ra sao, thì chỉ riêng việc họ chuyển biến thành đám đông, họ đã có một thứ tâm hồn tập thể làm cho họ cảm nhận, suy nghĩ, và hành động theo một cách hoàn toàn khác với cách mà một cá nhân riêng lẻ vẫn cảm nhận, suy nghĩ và hành động. Có những tư tưởng, tình cảm chỉ nảy sinh hay chỉ biến thành hành động ở những cá nhân khi cá nhân ấy nằm trong đám đông. Đám đông tâm lí là một tồn tại tạm thời, họp thành bởi những yếu tố dị loại chỉ gắn kết với nhau trong một thời đoạn, chúng giống hệt những tế bào cấu thành một cơ thể sống nhờ nối kết với nhau thành một sinh vật mới, biểu lộ những tính chất rất khác biệt với tính chất mà riêng từng tế bào đã có.

– Chương 1, Quyển 1

Chính thời gian chuẩn bị cho ý kiến và niềm tin của đám đông, nghĩa là chuẩn bị mảnh đất cho những thứ đó nảy mầm. Và chính vì vậy một số tư tưởng có thể được thực thi ở một thời đại này lại không thể thực thi trong một thời đại khác. Chính thời gian đã tích tụ vô vàn mảnh vụn của niềm tin, ý tưởng, trên đó nảy sinh tư tưởng của một thời đại...

– Chương 1, Quyển 2

Giá: 39.000đ